PHƯƠNG TRỜI KHÁC

BÙI BÍCH HÀ

PHƯƠNG TRỜI KHÁC

BÙI BÍCH HÀ

PHƯƠNG TRỜI KHÁC

Vũ ơi,
để kỷ niệm chút tình
tri ngộ.
1/19/2020
Habui

CẢO THƠM

PHƯƠNG TRỜI KHÁC

Bùi Bích Hà

California, USA

2002

Copyright © 2002 by Bùi Bích Hà

MỤC LỤC

Thư Gửi Bạn Trẻ	9
Ngay Trên Quê Hương Mình	15
Chống Cộng Bằng Xây Dựng	23
Cái Microwave Ở Sở Tôi	33
Trường Đồng Khánh: Giấc Mơ Một Đời	41
Tây Tạng Và Góc Phố Đỏ	49
Chủ Nhân Trong Cuộc Đời	57
Phật Tại Tâm	63
Thiền	71
Buồn Vui Của Người Assembler...	79
Nghĩa Trang Của Người Mỹ	95
Đôi Cánh Ước Mơ Của Con	103
Quê Hương Như Một Ám Ảnh	113
Du Lịch	125
Tiếng Sông Hương	147
Huế Trong Trí Nhớ Tôi	153
Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế	161
Lên Đồng	167

Những Người Đàn Bà Ở Tây Bắc 177
Về Issaquah Lần Nữa 187
Về Lại Issaquah 199
Buồn Vui Quê Người 207
Đón Xuân Quê Người 215
Đi Nhà Thờ Ở Las Vegas 223
Đà Lạt Trong Kỷ Niệm 229
Bến Bờ An Lạc 235
Viếng Chùa Việt Nam Ở Sugarland, Texas 243
Hawaii Và Quê Hương 251
Chống Sự Ác 261
Nhìn Lại Quê Hương 265
Cỏ Dại Và Thú Dữ 289

Thư Gửi Bạn Trẻ

Bạn trẻ thân mến,

Sống ở đây, lớn lên ở đây, các bạn thường được nghe hay bị nghe báo chí, truyền thông, dư luận, người lớn của cộng đồng chúng ta hô hào chuyện bảo vệ văn hóa dân tộc.

Các bạn mơ hồ, không hiểu, không hình dung được thế nào, cái gì là nét đặc trưng cụ thể của cái nền văn hóa dân tộc luôn được mọi người nhắc nhở ấy...

Có phải nó là các thức ăn Việt Nam đầy dẫy ở khu Tiểu Sài Gòn như phở, bún bò, mì quảng, bánh bèo, bánh khoái v.v... mà các đồng hương của chúng ta định cư ở các tiểu bang xa thế nào cũng phải tìm cơ hội về đây mỗi năm hay mỗi vài năm một lần, để thưởng thức cho thỏa lòng khao khát chút hương vị quê hương mà nỗi thiếu vắng cứ mãi là một niềm nhớ không nguôi? Có phải nó là tấm áo dài thướt tha mà thỉnh thoảng các bạn còn nhìn thấy mẹ, chị em gái hoặc người yêu mặc trong những dịp lễ hội đặc biệt, là lễ phục với áo the, áo gấm, khăn xếp, quần ống sớ mà các cụ ông vẫn đóng bộ để xuất hiện

trước bàn thờ Tổ hàng năm, là cô dâu xinh tươi dưới vành khăn mệnh phụ, cổ đeo kiềng, vẫn còn ngại ngùng không dám hôn chú rể trước chiêng trống dục dã của bạn bè tham dự hôn lễ. Có phải nó là những màn trình diễn dân ca ngọt ngào, tình tứ, lãng mạn một cách hiền hậu của Ái Vân trên sân khấu, là tiếng hát trống cơm của Bích Liên có tác dụng mạnh mẽ ngàn lần hơn những cuộc biểu dương nữ quyền của đàn bà Âu Mỹ. Có phải nó là việc chào hỏi, thưa gởi, mời mọc đối với người lớn, đôi khi làm các bạn bối rối, cho là nó rườm rà, khác với tập quán nhanh gọn của người bản xứ. Có phải nó là việc khi cha mẹ nói chuyện với các bạn, ông bà muốn các bạn im nghe và làm theo, không được nhìn thẳng vào mặt cha mẹ mà biện bác hay tranh cãi. Có phải nó là những bài báo trường kỳ của người viết này đem một ai đó ra bêu xấu và sỉ nhục chẳng nhằm một mục đích xây dựng hay hoàn thiện nào cả. Có phải nó là việc người lớn dùng một thứ ngôn từ tệ hại để cãi cọ, để phỉ báng nhau trên các làn sóng điện, nhân danh một lý tưởng cao quí, thật ra, không liên hệ xa gần gì với phong thái hành xử của những người nhân danh lý tưởng ấy... Có phải nó là lễ nghi kỵ giỗ trong gia đình, là điệp khúc bất tận nhắc nhở sự nghiệp, thân thế người quá cố, là những tấm phong bao đỏ lì xì ngày Tết, những đêm giao thừa theo cha mẹ đi lễ chùa, hái lộc đầu năm. Có phải nó là những cú điện thoại bị nghe lén, những lá thư khi bạn nhận được thì cha hoặc mẹ bạn đã mở ra và đọc trước v.v...

Các bạn trẻ thân mến,

Văn hóa dân tộc là mạch sống trải bao đời của cả dân tộc chúng ta, thấm đượm, biểu hiện nơi mọi dáng vẻ đời

thường. Các bạn vừa cùng chúng tôi điểm qua một số đơn cử giản dị, dễ cảm, dễ thấy, có những điều các bạn vẫn còn yêu mến, gắn bó, có những điều các bạn muốn chối bỏ, có một điều khác, trừu tượng hơn, mà những biến cố ghê rợn và bi thảm vừa xảy ra trong giới trẻ Mỹ ít lâu nay và trong vài tuần lễ vừa qua đã khiến những người phụ trách chương trình "Nói với bạn trẻ" của đài Little Saigon muốn chia sẻ cùng các bạn hôm nay.

Các bạn hẳn đều biết qua tin tức báo chí, truyền thanh, truyền hình, chuyện anh em nhà Menendez giết cha mẹ họ để được xài tiền của cha mẹ sớm hơn, chuyện hai cô cậu sinh viên năm thứ nhất một trường đại học, lỡ có con với nhau rồi cùng nhau hợp lực trấn nước đứa bé trong bồn cầu nhà vệ sinh, chuyện hai đứa bé từ 11 đến 13 tuổi lập kế giật chuông báo động cứu hỏa tại một trường học, chờ cho thầy cô giáo và bạn bè chạy túa ra sân thì nổ súng như hai chàng cao bồi Viễn Tây, chuyện mới đây nhất, cậu bé 15 tuổi ở Oregon chỉ vì nhà trường và cha mẹ phạt, không cho chơi súng nên đã giết cả bố lẫn mẹ, ôm súng vào khu rừng sau nhà ngủ một đêm rồi sáng hôm sau, chạy thẳng đến phòng ăn nhà trường, bắn bừa vào bạn bè vô tội.

Những cậu bé ấy, những người trẻ ấy được đất trời và cha mẹ sinh ra nếu không để trở thành những nhân vật có một tương lai lỗi lạc thì ít nhất chúng cũng cần được sống bình thường như nhân gian đông đầy quanh chúng, chúng cũng cần có một tuổi thơ bình yên, một tuổi trẻ với bao ước mơ hồn nhiên và tươi đẹp. Thế nhưng cái gì đã sớm chiều biến chúng thành một bầy dã thú, thành

những tay sát thủ man rợ, phạm một thứ tội ác tệ hại và kinh khủng, vượt hết mọi tội ác khả thử của loài người?

Đành là trẻ Việt Nam cũng có em phạm pháp, chọn lầm con đường hư hoại và vướng vào tù ngục nhưng không có em nào bắn người khơi khơi để mua vui. Đành là trẻ Việt Nam cũng có em ngỗ nghịch, cãi cha mắng mẹ, bỏ nhà đi hoang nhưng không có em nào nỡ làm tổn thương các bậc sinh thành ra các em. Hư hỏng cách mấy, oán hận cách mấy, khủng hoảng cách mấy, các em như những cỗ xe trên đường lao xuống vực, vẫn còn một cái thắng an toàn, cầm được chân các em ở bên này cái ranh giới phân biệt giữa người và ác quỷ.

Cái thắng vô hình nhưng rất hữu hiệu ấy chính là cái văn hóa nhân nghĩa lễ trí tín, cái văn hóa hiếu thảo và hy sinh như một khế ước lâu đời giữa hằng hà sa số thế hệ người Việt Nam trải suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Nói đến nhân nghĩa lễ trí tín, nhiều người trẻ Việt Nam chắc cười trừ vì không hiểu hết nghĩa của văn tự, nói đến hiếu thảo và hy sinh, chắc nhiều người trẻ Việt Nam sinh trưởng ở Hoa Kỳ nghe như chuyện đời xưa, thế nhưng quả thật tất cả tinh hoa của những thứ ấy đã truyền tử lưu tôn, từ đời ông cha đến đời con cháu, ăn sâu vào máu huyết của người Việt Nam, là một thứ nhiễm thể làm thành bản năng, bản sắc, căn cơ, gốc gác của dân tộc. Ngay cả khi không còn ý thức nữa, ngay cả khi đã bị điều kiện môi sinh ít nhiều xoi mòn hay tác động, nó vẫn tiềm tàng và thể hiện như một đặc tính di truyền riêng biệt.

Các bạn trẻ thân mến,

Các bạn hãy nên hãnh diện với bản sắc văn hóa tốt lành ấy của dân tộc, hãy nên biết ơn ông cha chúng ta đã

tạo nên, đã sống lương hảo để truyền lại di sản tinh thần đẹp đẽ ấy cho chúng ta, để chúng ta không phải trải qua nỗi thống khổ kinh hoàng của toàn thể nước Mỹ trước biến cố ở Jonashboro, Arkansas, ở Springfield, Oregon, ở rải rác nhiều nơi khác nữa trên đất Hoa Kỳ. Chắc chắn rằng các cư dân đau khổ ở những nơi thảm kịch xảy ra, nói riêng, cả nước Mỹ nói chung, đang phải hổ thẹn và bối rối đặt lại vấn đề các giá trị nhân bản, các tín lý trong đời sống tâm linh nhằm nuôi dưỡng và giáo dục con em họ trở thành những con người có nhân tính, biết làm chủ bản thân, biết trân trọng cuộc sống, biết chống đỡ và khắc phục nghịch cảnh. Những giá trị và tín lý ấy có rất nhiều trong nhân cách Đông Phương mà dân tộc chúng ta là một tiêu biểu. Chẳng thế mà ở nhiều nơi trên diễn đàn ngôn luận, những người Mỹ quan tâm đến các vấn đề nhân sinh và xã hội, đã nhiều lần công khai bày tỏ lòng ngưỡng mộ của họ đối với ảnh hưởng tích cực của truyền thống văn hóa Á Châu qua các đóng góp của những sắc dân này nhìn thấy nơi phong cách sống hài hòa và trầm lặng của họ bên trong và bên ngoài ngưỡng cửa gia đình.

Các bạn trẻ thân mến,

Để kết luận, văn hóa là cảm nhận, cưu mang, sống và biểu lộ, không nằm trong các bài diễn văn hoa mỹ. Bao lâu các bạn tồn tại, cái nhiễm thể văn hóa dân tộc bất biến ấy vẫn luân lưu trong dòng máu của bạn. Về nguồn là bắt đầu bằng ý thức gạn lọc những tạp âm xung quanh để lắng nghe tiếng réo gọi âm thầm từ giòng sông nhiệm mầu bên trong nội tâm các bạn, không ở đâu và không từ ai khác.

Thân ái cầu chúc các bạn những ngày vui.

Ngay Trên Quê Hương Mình

Ngày còn ở bên nhà, thỉnh thoảng tôi vẫn được đọc trên báo nhà nước những lá thư tả oán của người Việt di tản gởi về cho thân nhân. Chả hiểu ban biên tập những tờ báo công cụ ấy vớ đâu được các tài liệu béo bở này, thường thì bọn họ giới thiệu trong những cái khung vuông rất trịnh trọng, bằng lời lẽ nghe ra hí hửng, đầy vẻ thù vặt, để đe nẹt dân tấp tểnh muốn bỏ nước ra đi, kiểu "chúng mày rỏng tai, mở mắt trông vào đây, đừng tưởng đời sống bên tây, bên mẽo là ngon lành đâu, khối đứa chết dở đấy".

Tôi tuy không "tưởng" gì cả và cũng đang tấp tểnh bỏ xứ mà đi, cảm thấy giận lắm, bụng bảo dạ "mình sẽ không bao giờ cung cấp cho tụi này những chứng cớ dại dột như vậy để chúng tuyên truyền – người dân vẫn biết là chúng tuyên truyền".

Rồi tôi đến lập nghiệp ở xứ này được ba năm, chỉ gởi tiền và quà về giúp thân nhân và bạn bè, không viết thư. Người bên nhà ban đầu trách móc, sau đoán là tôi có những điều không muốn nói. Thật ra, không phải chỉ là

những điều không muốn nói. Cũng không phải là những điều không nên nói – như tôi vẫn quan niệm lúc chưa ra đi – Trên hết, còn là những điều không đủ sức nói.

Trong chủ đề mười lăm năm lưu vong của tạp chí Thế Kỷ 21, số ra mắt, các nhà khoa bảng trí thức đưa ra những bảng tổng kết hay tổng luận về mọi khía cạnh văn hóa, lịch sử, chánh trị, xã hội, thời đại, v.v... liên quan đến cộng đồng Việt Nam tỵ nạn hải ngoại và liên quan đến tương lai đất nước. Tôi chỉ là một phụ nữ tầm thường, từ cái vị thế rất giới hạn của mình, lần đầu trong đời thấy run sợ vì những vấn đề trước mắt to lớn quá, nỗi ưu tư cũng như niềm hy vọng đè nặng tâm hồn, tưởng chừng không gánh vác nổi...

So với những lá thư đăng tải trên báo chí của nhà nước xã hội chủ nghĩa mà tôi được đọc lúc còn sống ở bên nhà, thực tế tôi đang chứng nghiệm ở đây thập phần ghê gớm hơn. Tôi không quên lời tự hứa ngày xưa, dù thế nào, nhất định không giao cho nhà nước xã hội chủ nghĩa cái lợi khí để họ khích bác, chê bai, dèm xiểm những người không đứng về phía họ. Tôi cũng không quên câu tục ngữ của ông bà chúng ta để lại, đừng "vạch áo cho người xem lưng". Nhưng tôi lại không thể không nghĩ rằng nếu tất cả chúng ta ở đây đều không có sự thẳng thắn để cùng nhau nhìn vào sự thực, nói cho đối phương của chúng ta biết những điều chúng ta nghĩ, chúng ta thấy, chúng ta muốn làm và cần làm, tôi e rằng đối phương của chúng ta sẽ chỉ nhìn chúng ta như những con thú nhồi bông...

Trước hết, đa số người Việt Nam di tản hiện đang lập nghiệp trên nước Mỹ đều ít nhiều thành công về phương

diện kinh tế. Người Việt làm chủ nhiều cơ sở thương mại và dịch vụ có thương số hàng năm lên đến bạc triệu. Họ làm chủ những ngôi nhà khang trang, những chiếc xe hơi kiểu mới nhất và lộng lẫy. Thực phẩm, quần áo, các tiện nghi đời sống thừa mứa. So sánh với sự khao khát, thèm muốn của nhiều người Việt Nam đang sống khốn khó trong cảnh bần cùng hiện nay ở quê nhà, đời sống ở đây quả thật là thiên đường. Vì vậy, khi quốc tế mỏi mệt với cái họ vẫn gọi là lòng nhân đạo, họ chỉ việc trương lá cờ vật chất này ra là đánh gục ngay chính nghĩa của lớp sóng người bỏ nước lưu vong.

Nhìn lại gần mười lăm năm luân lạc xứ người, quả thật những thành quả nhìn thấy của cộng đồng chỉ là một nền kinh tế phồn thịnh ở bề nổi và tản mạn. Trong một bài nhận định, ông Đỗ Thái Nhiên có viết "Đối với sự hạn hẹp của một đời người, một hoặc hai thập niên tưởng là quá nhiều. So với chiều dài của lịch sử, ngần ấy thời gian không là bao nhiêu". Ý nghĩ này, trong khoảng khắc, đã là một niềm an ủi dịu dàng và bất ngờ đối với tâm hồn khắc khoải của tôi luôn luôn cháy đỏ nỗi ước ao làm được một chút gì cho quê hương. Tối hôm đọc bài báo này, tôi đi ngủ với một cảm giác yên tâm và bằng lòng. Tuy vậy chẳng hiểu vì sao, nửa đêm tôi chợt giật mình thức giấc, bàng hoàng nhớ lại rằng kẻ thù của chúng ta chỉ mất một cái chớp mắt chín năm để đạt đến chiến thắng Điện Biên Phủ. Nói như thế không phải để khâm phục hay ca tung, nhưng nói như thế để thấy rằng ý niệm về thời gian nơi mỗi người thường có tính cách vỗ về, phỉnh mị, trừ phi ta tận dụng được nó trong từng giây phút. Mười lăm năm trôi qua trong vô vị, chẳng để lại gì.

Mười lăm năm để thực hiện một kế hoạch hay một sách lược, có lẽ thời gian ấy cũng không phải là ít.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa để cho người Việt Nam ra đi tìm tự do, một cách công khai, bán công khai hay thầm vụng, họ đã bắn một viên đạn giết mấy con chim. Họ vừa được tiếng nhân đạo trước thế giới, vừa trừ khử hậu họa bên nách, vừa vô hiệu hóa mọi tiềm năng có thể xoay chuyển thời cơ bất lợi cho họ. Là ông tổ của chiến thuật bám trụ, họ biết rõ hơn ai hết bứng một người ra khỏi cội nguồn, gốc rễ của người ấy cũng như ta chặt hết chân tay, vây cánh, làm cho người đó trở thành tàn phế, cũng như ta ngả một cái cây thả bè trôi sông... Cái chiến thuật bám trụ, dựa thế nhân dân ấy đã giúp họ ngụy trang chủ thuyết tà đạo của họ trong gần bốn mươi năm chiến tranh, đã đưa họ đến những thành quả chiến thắng gần như hoang đường, đã làm cho thế giới tự do tuy biết chính nghĩa ở phía mình mà không há họng cãi được. Cũng cái chiến thuật bám trụ, dựa thế nhân dân ấy bây giờ lại có cơ giúp họ ve vãn quốc tế xòe ra những ngón tay nhân đạo, dưới chiêu bài vờ vĩnh "đuổi chuột sợ vỡ lọ cổ".

Bất cứ một sự nghiệp kháng chiến nào cũng phải bắt đầu ngay trên lãnh thổ mà cuộc kháng chiến ấy nhằm giải phóng. Nhà nước Việt Cộng chỉ sợ người đi vô bưng lập chiến khu, không sợ người di tản, vượt biên hay xuất cảnh. Càng đi nhiều, nhà nước càng rảnh nợ. Người ra đi nếu có nhiệt tình và hy vọng thì những thứ này rồi cũng tàn lụi, có tài năng thì tài năng ấy rồi cũng mai một, chưa kể rằng người bỏ đi ít nhiều cũng là muốn được yên thân. Cuộc sống hàng ngày trên đất Mỹ như một cái máy

xay đá làm bê tông khổng lồ. Nó cuốn hút rất mãnh liệt sức lực và trí tuệ con người, nghiền nát thành vôi vữa để kiến thiết sự phồn thịnh của xã hội. Nó là cái lò lửa đã thiêu đốt biết bao Kinh Kha Việt Nam, lúc ra đi, mang theo trong lòng biết bao mộng ước lấp biển vá trời mong giải cứu quê hương.

Nhà văn, nhà thơ, thầy giáo, quân đội, ai xin đi mà có nơi nhận cho đến là nhà nước xã hội chủ nghĩa cho đi tuốt luốt. Tới vùng tự do rồi, mọi người chua chát nhận thức rằng cái tự do mà ta trân quý, mà ta kêu gào đến vỡ lồng ngực ấy rồi cũng chỉ được dùng vào chuyện mưu cầu cơm áo hàng ngày. Thật là mỉa mai khi tôi nhớ lại câu mở đầu trong bản quy định của chính quyền Việt Cộng về việc cho người đi ra khỏi nước "Chính phủ chỉ cứu xét giải quyết các thành phần bất-khả-dụng". Nguồn gốc sự bất-khả-dụng này phải chăng chỉ vì người ta đã bị cắt lìa khỏi mạch sống của đất nước và dân tộc mình?

Khi mà thời cơ và tình hình chính trị quốc tế đã làm cho cuộc di tản của người Việt năm 75 và cuộc vượt thoát đẫm máu trên biển Đông dài dài trong hơn mười năm qua của thuyền nhân tỵ nạn trở thành những cuộc đầu hàng, trốn chạy, có lẽ con đường quang phục đất nước phải bắt đầu lại từ một nơi khác và bằng những cung cách khác.

Chúng ta đã bỏ ra gần mười năm để vết thương dịu đau, để phân bua, giãi bày, giải thích biến cố 75, vậy là đủ rồi. Trừ phi nỗi đau biến thành một quyết tâm mới, trừ phi có một cách nhìn khác đi về quá khứ, còn thì những chuyện đó cũ mòn quá rồi, không có sức thuyết phục nữa, như một câu tục ngữ bình dân của ta đã nói "để

lâu cứt trâu hóa mùn", như một người bạn của tôi tuần lễ trước đã buồn rầu riễu cợt chính mình "người quân tử không trả được thù trong mười năm, chắc rồi cũng sẽ phải quên đi".

Tất cả chữ nghĩa, danh từ, tĩnh từ tồi tệ nhất, ta đã dùng để chửi bới, để mô tả kẻ thù của chúng ta. Chúng không lay chuyển, chúng không xúc động – chỉ vì thực chất chúng còn tệ hơn những điều chúng ta nói. Và chúng ta lại cũng mắc cả bệnh nói về chúng ta hơi nhiều nữa. Chẳng hạn tôi thấy một số nhân vật tên tuổi khi qua được xứ tự do này, nói trên báo chí rằng họ đã hành động và phát biểu rất anh hùng trước công an Việt Cộng, đối đáp tay đôi, đòi hỏi điều này điều kia phải được tôn trọng, v.v... Tôi chưa thấy ai nhũn nhặn nói rằng "nhìn mặt thằng công an khiếp lắm. Cái cảm giác rùng rợn ấy không cách gì mô tả ra được, chỉ những ai đã chứng nghiệm rồi thì hiểu". Như thế chỉ vì không còn là sự đối diện giữa con người và con người. Nó là sự điên cuồng, man rợ, là hiện thân của sức mạnh giết người nơi loài thú hoang, phi lý, vô nghĩa, chẳng vì cái gì ngoài cái lý do tiêu diệt ta vì ta không giống chúng. Đứng trước một họng súng, một quả lựu đạn rút chốt, ta biết điều gì sẽ xảy ra, ta chuẩn bị đối phó được, ta dùng nghị lực, trí thông minh để tự vệ được, nhưng đứng trước một tên công an V.C. chỉ được huấn luyện phải có lòng căm thù giai cấp cao độ, ta không bao giờ tiên liệu được những điều nó làm.

Người tỵ nạn Việt Nam bỏ đi vì như thế. Nếu còn có thể đối đáp được, nếu còn hy vọng nói cách nào cho chúng

nghe được, có lẽ nhiều người còn ở lại trên quê hương mình, để đóng góp, xây dựng và cải thiện.

Tôi nói ra điều vừa nói mà không hề mảy may hổ thẹn. Đứng trước mặt tên công an V.C, trong phòng làm việc của nó, tôi vẫn nghĩ là nếu cần phải chết, sau đó tôi sẽ lựa chọn một cái chết xứng đáng với mình hơn, ở một chỗ khác, bằng cách khác, vì những mục đích khác chứ nhất định không chết dưới bàn tay ngu muội của nó. Giá trị lớn của cái chết nằm trong thái độ người ta chọn lựa để chết chứ cái chết tự nó là tiêu cực, huống chi lại chỉ là một cái chết trong lỗ phân trâu?

Chúng ta ở đây, yên thân đã yên thân rồi. An cư lạc nghiệp cũng an cư lạc nghiệp rồi. Nhưng nếu bàn đến việc cứu nước thì không phải bằng những phương cách chúng ta đang làm, bằng những mộng lớn, mộng nhỏ, bằng "chờ mong phương nọ, ngóng phương này". Gần mười lăm năm tang thương ngẫu lục, bôn tẩu đó đây, chuyện thấy và nghe đã nhiều, lòng người cũng đã tỏ, thế cờ lịch sử cũng đã phơi bày, có lẽ đã đến lúc chúng ta phải nhận chân rằng cái "thế nhân dân" mà từ trước đến nay Cộng Sản Việt Nam vận dụng vào mọi mưu đồ tà đạo khát máu của họ, quả thật là con đường duy nhất để xây dựng và bảo vệ nền hòa bình tự chủ, tự do, độc lập của Tổ Quốc, như lịch sử của dân tộc ta đã chứng minh qua bao nhiêu thành quả chống ngoại xâm oai hùng.

Chống Cộng bằng chữ nghĩa suông không hay nữa, vì dễ trở thành lộng ngôn. Chống Cộng bằng những nắm tay dơ cao đả đảo ở một nơi cách xa chúng cả nửa quả địa cầu cũng không ép-phê nữa vì chúng chả hề hấn gì cả. Có

lẽ bây giờ người chống Cộng nên nhằm vào yếu điểm của chúng mà phạng.

Cộng Sản Việt Nam sợ gì nhất? Sợ phản động. Thực tế, phản động là tập họp được một lực lượng nhân dân nhiều hoặc ít để chống lại chúng.

Hiện nay, nhân dân cả nước đứng về phía chúng ta, liệu rằng có ai trong chúng ta tập họp được họ vào một lực lượng đối kháng có tổ chức, có lãnh đạo, để xoay chuyển thời cơ không? Thành trì của cách mạng vô sản có những chỗ lung lay, rạn nứt, có ai trong chúng ta nắm được thời thế để nương cơn nước lũ mà chọc thủng phòng tuyến của bọn chúng không?

Cho nên, bây giờ tôi nghĩ khác. Những lá thư kể khổ từ bên này địa cầu bay về không làm cho số người bỏ nước mà đi phải hổ thẹn đâu, những lá thư ấy chính là bản cáo trạng hùng hồn nhất kết tội bọn quỷ đỏ đã làm cho đất nước thân yêu của một dân tộc không còn là nơi dung thân của họ nữa. Những lá thư ấy cũng nói với những người còn ở lại rằng ngoài quê hương ra, không một miền đất nào trên thế giới có thể đem lại cho họ một cuộc sống hạnh phúc như ý họ mong đợi, rằng nếu ai muốn làm được một điều gì cụ thể và hữu ích cho dân tộc, họ nên tìm cách bắt đầu ngay trên quê hương họ. Nếu họ không bắt đầu được từ nơi đó thì cũng chẳng còn bắt đầu được ở bất cứ đâu.

1990

Chống Cộng Bằng Xây Dựng

Thưa Quí Báo,

Tôi là bà ngoại của ba đứa cháu tuổi từ 17 đến 24. Tôi qua Mỹ trong chương trình đoàn tụ gia đình, do con trai tôi bảo trợ định cư cách đây gần bốn năm. Chim có tổ, nước có nguồn, những như thân tôi ở tuổi bảy mươi thì thực lòng không còn muốn lìa bỏ quê hương ra đi lưu lạc xứ người nữa. Từ lúc còn trẻ, tôi quen ăn uống quê mùa, đạm bạc, rau quả là chính, chỉ uống nước lạnh đun sôi, không cà phê, thuốc lá. Thuở bé tắm sông, lớn lên tắm bằng gáo dừa bên cạnh chum nước trong khi khói thổi cơm chiều tỏa trên nóc bếp, sau này tuổi già vẫn chỉ tắm nước lạnh không cần xà bông thơm. Tôi thích gội đầu bằng bồ kếp với lá chanh và lá xả. Như vậy, tôi không có lý do gì để đi Mỹ cả. Con trai tôi ngoài năm mươi tuổi, có gia đình riêng đã lâu, từ khi miền Nam Việt Nam chưa mất, cũng đã sống đời quân ngũ biền biệt, ít khi mẹ con gần nhau. Vả chăng, bản tính tự lo thân, quả thật tôi lúc nào liệu sẵn cho mình chút ít phương tiện cần thiết và

khiêm nhượng, đủ dùng cho một người già. Ngày nay, nếu có vì hoàn cảnh đất nước, mẹ con đành không nhìn thấy nhau nữa thì tôi cũng không có điều gì ân hận.

Thưa Quí Báo,

Vậy mà có một lý do mạnh mẽ đã thúc đẩy, đã bứng tôi ra khỏi đất nước tôi, bỏ lại mồ mả cha mẹ, chồng con và cả ngôi nhà, khu vườn mà tôi đã gìn giữ, chăm bón, gần hết một đời người: Đó là sự học của các cháu ngoại (Tôi phải đi để các cháu được cùng theo trong danh sách bảo lãnh).

Qua đến đây, tôi vui mừng thấy trong cộng đồng, tinh thần chống Cộng của mọi người rất cao, rất kiên quyết. Tôi thấy trong các tài liệu tố Cộng, chúng ta đề cập nhiều nhất đến vấn đề tự do và những hậu quả nguy hại trầm trọng trong các lãnh vực chính trị và kinh tế do chính sách tàn bạo, độc đoán, sai lầm của chính quyền Cộng Sản. Một cách tổng quát và về căn bản, sự qui kết trách nhiệm hay tội ác đối với chính quyền Cộng Sản ở Việt Nam hoàn toàn đúng, chính xác, cả thế giới nhìn thấy, cả nhân loại đồng tình.

Tuy nhiên, có lẽ vì tôi là một người đàn bà, quen với những giới hạn cụ thể trong đời sống, suy nghĩ thường đi kèm với giải pháp, cho nên, sau một thời gian đầu hứng khởi với tinh thần chống Cộng lên cao ở cái nơi bản thân mình có tự do này, tôi dần dần cảm thấy lúng túng, ngột ngạt, bế tắc trong cái vũng lầy tư tưởng hàng ngày vẫn sục sôi trên sách vở, báo chí, tài liệu truyền thông và ngay nơi chính tôi!

Một cách thô thiển, tôi nghĩ nếu mọi người nhân danh tự do để ra đi thì cách tố Cộng và chống Cộng hay

nhất là mọi người cần sử dụng cái tự do mình đang có sao cho thật ý nghĩa. Vậy mà hình như trong hoàn cảnh chung hiện nay ở đây, tuyệt đại đa số chỉ dùng được tự do họ có vào vấn đề cơm áo hàng ngày, vào việc chống Cộng một cách lý thuyết, chưa kể một số nhỏ dùng tự do để thỏa mãn những nhu cầu thấp hèn riêng.

Cũng một cách rất thô thiển, tôi nghĩ rằng ở nửa kia bán cầu, kẻ thù Cộng Sản của chúng ta vẫn đang quan tâm theo dõi, nghe ngóng, quan sát, xem những người đã nhân danh tự do để đả kích họ, chống đối họ, từ chối họ, để ra đi, nay sẽ làm hiển lộng nền tự do quí báu ấy như thế nào nơi xứ người, sẽ đem lại cho họ bài học đáng giá nào để cảnh tỉnh họ? Ví dụ, những bài học ở Đông Âu...

Hỏi tức là trả lời.

Thô thiển hơn nữa, tôi cũng nghĩ rằng, trong suốt mười chín năm qua, cộng đồng tỵ nạn Việt Nam chúng ta kẻ trước người sau tới đây, chúng ta vẫn còn mông lung niềm đau, nỗi hận, chuyện nước, chuyện nhà, chúng ta vẫn còn vội vã, mê tơi vì nhiều vấn đề mà chút Tự Do vừa bắt được khiến chúng ta có ảo tưởng chúng ta sẽ giải quyết được hết trong cùng một lúc. Ôm đồm thì sẽ hời hợt, không chi tiết hóa thì không thực hiện và hoàn tất được gì, không nhận diện rõ thì không đánh trúng, không bắt đầu thì không có kết thúc, không tự lượng sức thì phí sức vô ích, không lấy mình làm khởi điểm thì chỉ là a dua vọng ngoại, và có phen hụt cẳng.

Cho nên, tôi nhiều lúc tĩnh tâm, tự vấn lòng mình, tìm lấy cho mình một vị thế mà từ đấy tôi có thể dùng chút khả năng nhỏ nhoi của tôi đóng góp vào việc chống đỡ căn nhà Việt Nam đang hồi gió bão. Tuổi già sức yếu,

không làm được việc lớn, tôi làm việc nhỏ. Tôi đi sinh hoạt ở hội người già, chuyện trò, làm bạn, đọc sách báo, an ủi, giới thiệu và mượn dùm phim hay nấu nướng thức ăn cho các cụ bạn già cao tuổi hơn tôi hoặc có gia cảnh không được vui, có cụ nào đau ốm xoàng thì tôi tới thăm chơi, săn sóc, trò chuyện với cả người nhà các cụ để tán thưởng và khuyến khích lòng hiếu thảo của họ. Tôi muốn xây dựng hình ảnh một cộng đồng tỵ nạn người già Việt Nam trật tự, đoàn kết, thân ái, có văn hóa, có tinh thần quốc gia dân tộc nơi xứ người. Đó là những việc tầm thường nhưng cụ thể trong khả năng tôi làm được, nó cất cho tôi cái mặc cảm hổ thẹn của một người dư thừa bên lề cuộc sống, với bảy mươi năm nợ đời, nợ người trên hai vai.

Trở lại vấn đề chung, ai cũng biết hiện nay, dưới sự lãnh đạo và cai quản của Đảng, của Nhà Nước Việt Cộng, xã hội Việt Nam đang trượt trên con dốc suy thoái về mọi phương diện, nổi cộm sau Tự Do - Dân Chủ là Kinh Tế và Giáo Dục – thật ra, Dân Chủ chính là kết quả của Giáo Dục.

Không đề cập đến chính trị là địa hạt tôi không có kiến thức và kinh nghiệm (nếu chỉ căn cứ vào sự kiện và nói theo cảm tính thì ta thất bại quá nhiều), về phương diện kinh tế, thành phần bỏ nước ra đi, chỉ trong một thời gian tương đối không dài, đã chứng tỏ họ có khả năng phong phú trong mọi lãnh vực, gây dựng được những cơ sở làm ăn đủ mọi tầm cỡ, thành công vượt trội các sắc dân thiểu số khác sinh sống trên đất Mỹ, khiến người bản xứ phải kính nể. Hiện nay, các thành quả kinh tế tốt đẹp vừa nói còn giới hạn ở sự thụ hưởng cá nhân.

Đối với kẻ thù đang nơm nớp rình rập chúng ta ở phương trời xa, sự thành công ấy mới có một nửa và là một nửa ít quan trọng (chưa hề hấn gì đến chúng nếu không nói một nửa này đang là cái mồi ngon để chúng nhắm vào và moi móc bằng mọi thủ đoạn). Bao giờ sinh hoạt chính trị của cộng đồng có những thành tựu đáng kể, thúc đẩy được sự tham gia của thế lực kinh tế này vào các kế hoạch hỗ trợ qui mô việc gìn giữ, xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc, sự nghiệp hưng quốc, lúc bấy giờ sự thành công kinh tế của lực lượng người Việt hải ngoại mới thực sư là một đòn sinh tử đối với chính quyền Cộng Sản hiện nay ở quê nhà, mới thực sự là câu trả lời thích đáng, minh bạch và đầy tự hào trước sự vu khống, mạ lỵ của kẻ thù và của thế giới, cho rằng làn sóng người Việt Nam bỏ nước ra đi chỉ là vì mưu cầu ấm no cho bản thân, như một thứ giá áo túi cơm.

Về phương diện giáo dục, trở lại sự kiện tôi nói ở đầu thư, nguyên nhân hàng đầu khiến người Việt Nam phải bỏ quê hương xứ sở ra đi chính là sự băng hoại kinh tởm của một nền giáo dục được sử dụng trong non nửa thế kỷ như một công cụ hữu hiệu phục vụ chiến tranh và đảng tính. Khi khói súng đã tan vào hư không trên các chiến trường vắng lặng, lớp người trẻ bị cơn lốc chính trị xô đẩy vào "ba dòng thác cách mạng" vuốt mặt nhìn nhau và nhìn ra xung quanh, thấy trước mắt họ những hậu quả hoang tàn, đổ nát quây lấy thực tế một quê hương nghèo nàn, lạc hậu, do cuộc chiến mà họ đã từng tham gia mang lại. Họ biết họ bị lừa. Tất cả những giá trị đạo đức và tinh thần trước đây, trong thời gian "chống Mỹ cứu nước", họ được cổ súy tin theo, nay trơ ra chỉ là những chiêu bài,

những nhãn hiệu láo khoét của một loại hàng mạo hóa. Sự khủng hoảng niềm tin đưa đến tâm lý phẫn uất, nổi loạn, cộng với khoảng trống từ một nền giáo dục phục vụ chiến tranh và thù hận nay chuyển qua xây dựng và nhận thức (mà đảng và nhà nước không có khả năng chuẩn bị cũng như hoàn bị) đã đưa đến tình trạng suy sụp toàn diện trong các nhà trường xã hội chủ nghĩa: nội dung bài bản không có, nhân sự thiếu, thầy giáo và học trò cùng không tin vào những điều họ nói và nghe, xã hội sa sút, bần cùng, bôi bẩn lên chân dung nhà trường.

Vì vậy, cũng giống như bất cứ một gia đình Việt Nam nào có cơ hội, tôi quyết định phải đem lũ cháu đi đến một nơi nào mà ở đó chúng nó có thể được hưởng một nền giáo dục thích ứng với thời đại chúng nó sống. Công trình đầu tư này có thể thất bại: trẻ không thích nghi được với môi trường giáo dục mới, chúng không học được hay không chịu học. Công trình đầu tư này có thể thành tựu: trẻ học tốt. Tuy nhiên, thành tựu nào cũng có cái giá phải trả. Thành tựu càng cao, cái giá phải trả càng lớn, lớn nhất trong trường hợp này, có khi là chúng ta mất luôn cả con em trong tiến trình hội nhập thành công của chúng vào xã hội nước Mỹ.

Thưa Quí Báo,

Tôi mãnh liệt tin tưởng rằng trong bất kỳ trái tim một người Việt Nam tha hương nào cũng ẩn dấu lòng yêu quê hương, nòi giống, rất thiết tha, cũng âm thầm cháy mãi ngọn lửa thiêng của lòng tự hào về nguồn gốc lịch sử dân tộc mình, cũng muốn kiên quyết gìn giữ bản thân và cả thế hệ sau như vốn quí của tổ tiên để mong ngày phục quốc, tuy nhiên, theo sự hiểu biết thô thiển của tôi, cộng

đồng chúng ta quá tản mạn, thiếu sức mạnh tổ chức, chúng ta mạnh ai nấy sống, trong cảnh phân hóa cùng cực ấy, đôi khi chúng ta nhìn nhau lạnh nhạt, xa lạ, ty hiềm và ngay cả đố ky.

Tôi thấy thời gian này, nhiều hội đoàn hay phong trào rục rịch hoạt động, họp hành, ra đề cương hay tuyên cáo, tự chuẩn bị cho những trách nhiệm lịch sử mới. Tôi rất phấn khởi, vui sướng theo dõi việc làm của quí vị ấy, nhưng tôi có một ao ước nhỏ, muốn nhờ quí báo chuyển đến các hội đoàn hay tổ chức đang lo lắng việc nước, xin cho phép tôi được đóng góp một ý thô lậu như sau: song song với các kế hoạch to tát của quí vị về việc cứu nước thoát khỏi ách Cộng Sản đỏ, có một việc quí vị có thể bắt tay làm ngay (và làm mạnh) là tổ chức đẩy mạnh sự hỗ trợ đến các trung tâm Việt Ngữ đang hoạt động gần như âm thầm và riêng lẻ tại nhiều nơi trên nước Mỹ, yểm trợ một cách tích cực các phương tiện giáo dục đến từng gia đình ty nạn Việt Nam có trẻ đang theo học các cấp lớp của trường sở Mỹ: băng vidéo, băng ghi âm, sách vở tiếng Việt, tranh ảnh hí họa, truyện bằng tranh có tầm mức kỹ thuật ngang ngửa sách Mỹ v.v... yểm trợ sinh hoạt tại các hội đoàn Sinh Viên Việt Nam nhằm khêu gợi và bồi dưỡng tinh thần quốc gia nơi lớp người quá trẻ để biết đủ về giống nòi mình nhưng lại rất vừa cho nhiều trọng trách lịch sử mới này...

Những việc tôi vừa mạo muội nói ở trên nằm trong tầm tay chúng ta, có thể tiến hành ngay, là căn bản để hình thành đạo quân tài đức đầu tiên về nhận lại đất nước một ngày không xa. Quí vị có kế hoạch tranh thủ thế giới đồng tình ủng hộ chúng ta đòi lại lãnh thổ bị

cưỡng chiếm và dày đạp, chắc kế hoạch tranh thủ sự đoàn kết trong cộng đồng Việt Nam để mọi người cùng chung lo tương lai đất nước và dân tộc, từ những điều cơ bản nhất, không phải là việc không thực hiện được? Vả chăng, đó còn là cái vốn đầu tiên chúng ta cần có trong tay để mở đầu mọi cuộc thương lượng...

Trong những ngày tháng chập chờn còn lại của tôi ở cái tuổi già gần đất xa trời này, có hai hình ảnh ám ảnh tôi không rời. Hình ảnh thứ nhất là một bé gái Việt Nam mặc áo gấm, hai mắt sáng, đôi má hồng, được mẹ âu yếm bảo "con vòng tay chào bà đi", cháu vòng hai tay, đôi mắt ngây thơ mở to nhìn bà lão đối diện và cháu làm theo lời mẹ. Vẻ đẹp hồn nhiên chan chứa trong ánh mắt trẻ thơ ấy, tiếng nói dân tộc thốt ra từ đôi môi bập bẹ, run rẩy ấy khiến bà lão rung động toàn thân, cảm xúc đến tê điếng. Sau này, mỗi khi hình dung lại cảnh tượng vừa kể, tôi đều cảm thấy rất hạnh phúc, lòng tôi ấm áp đức tin và sự biết ơn đối với bà mẹ trẻ Việt Nam, trong một hoàn cảnh tự do và trong dòng cuồng lưu nước Mỹ, đã luôn luôn vững vàng, kiên quyết, dạy con bài học đầu tiên về nguồn cội dân tộc mình. Phải chăng tương lai Việt Nam ở trong tay những bà mẹ thủy chung ấy?

Hình ảnh thứ hai cũng ám ảnh tôi không rời là một cô gái Việt Nam vóc vạc nhỏ nhắn, tóc cắt cao để lộ chiếc gáy thon có những sợi lông tơ xanh mướt, mềm mại. Tôi đứng phía sau cô, trước quầy trả tiền của một cửa hàng bách hóa, cô nói tiếng Anh lưu loát với người thâu ngân. Trong một giây bất chợt, mắt chúng tôi chạm nhau, tôi mỉm cười với tất cả lòng yêu mến nhưng ánh mắt cô gái lạnh giá. Ánh mắt xa cách, lạnh nhạt ấy làm tôi run sợ,

nghĩ đến một ngày nào đó, người Việt Nam chúng ta ở bên này và bên kia đại dương không còn nhận ra nhau, không dung nạp được nhau, tệ hơn nữa, còn rẻ rúng nhau chỉ vì chúng ta đã không làm gì để kéo gần lại khoảng cách thời gian và những dị biệt văn hóa giữa đôi bên.

Tôi ước mong từ nay đến khi tôi nhắm mắt lìa đời, sẽ có một ngày cái ám ảnh của đôi mắt giá lạnh ấy rời khỏi tôi, như bóng đêm trôi tuột đi nhường chỗ cho một bình minh tỏ rạng muôn vàn hy vọng mới...

Trân trọng kính chào.

Cụ Ngô Thị Sương

Cái Microwave Ở Sở Tôi

Ở chỗ tôi làm có rất đông người Việt Nam. Nói chung, rất đông người Á Châu: Đại Hàn, Nhật Bản, Trung Hoa. Cũng khá đông người Mễ. Chúng tôi làm việc ở nhiều department khác nhau, có giờ giải lao và giờ ăn trưa khác nhau, trước sau khoảng từ mười lăm đến hai mươi phút. Phòng ăn – còn gọi là cafeteria – liền với canteen phía sau, rất rộng, đủ sức chứa cùng một lúc trên hai trăm người. Tuy vậy, mỗi đợt nghỉ chỉ có khoảng đôi ba chục người. Công ty trang bị cho công nhân hai cái microwave xinh xắn, để ở trên mặt một cái tủ sát tường phía đầu phòng ăn.

Đa số người Á Châu mang cơm theo để ăn trưa. Họ cần hâm nóng thức ăn bất luận mùa mưa hay mùa nắng vì thức ăn và cơm của họ được "đóng hộp" từ tối hôm trước, cất vào tủ lạnh để không bị thiu. Có bà giản dị, cho thức ăn vào cùng với cơm, cái hộp của bà ấy khá to. Có bà cầu kỳ, ăn uống lích kích như ở nhà, đã xào nấu lại còn thêm tí canh, thế là ba cái hộp. Tuy nhiên, trung bình cứ một bà là hai cái hộp.

Cứ gần đến giờ giải lao đầu tiên, bà nào cũng đảo mắt lia lịa về phía cái đồng hồ, rình cho tới khi cây kim dài chỉ đúng con số của toán mình là phóng ngay khỏi ghế, vừa đi vừa bóc cái nón che tóc ra khỏi đầu và dằng bung hàng nút bấm trên cái gown vệ sinh mặc ra ngoài quần áo của họ. Thường thường, tôi không đi mà tôi chạy, nhiều người cũng chạy như tôi vì ai nấy đều ngầm hiểu rằng, hằng ngày, có một cuộc chạy đua âm thầm trong đám đông công nhân đàn bà để dành lấy một chỗ tốt trước hai cái microwave. Các bà có trái thận không được bền bỉ lấy làm bực bội lắm vì họ không thể không ghé qua restroom, họ mất toi năm phút nên luôn luôn cầm chắc cái đuôi thậm thượt ở chỗ sắp hàng để hâm cơm. Có hôm chị Nh. khều nhẹ tôi:

– Khiếp nhỉ, mải ăn đến nỗi nhịn cả tè.

Lời nói gió bay. Tôi mặc kệ, mải miết chạy một hơi ra phòng ăn. Thấy cái bàn để lò vắng vẻ và đèn bên trong hai cái lò còn tắt tối om là mừng lắm, vội vàng bấm nút mở cửa và xếp ngay hai cái hộp nhựa vào. Tuy vậy, ít khi tôi là người thứ nhất ra đến chỗ đặt lò vì có một bà Mễ còn có ý thức cạnh tranh sinh tồn mãnh liệt hơn tôi nhiều. Bà ấy làm lâu năm hơn tôi nên "dạn" xếp hơn tôi. Bao giờ bà ta cũng rời chỗ làm việc một phút trước giờ qui định. Ôi! một phút phù du bây giờ giá đáng nghìn vàng, vì bà ấy sẽ một mình tả xung hữu đột hai cái lò, cái nướng bờ-ri-tô điểm tâm, cái hâm sữa cà phê. Bà ta cười rất tươi, luôn miệng nói "xin lỗi" rất lịch sự nhưng bạn đừng hòng đi chung lò với bà mặc dầu lò còn rộng chỗ. Chờ xong lượt của bà Mễ là đi đoong năm phút. Đẩy hai cái hộp vào lò xong, tôi biến ra quầy thức ăn mua tí xúp

lót dạ. Lúc quay trở lại, nhìn vào hai cái lò, thấy chồng chất, ngổn ngang những hộp là hộp, có khi không thấy hộp của mình đâu nữa! Có bà mang hâm cả một cái nồi riêu cua, có bà bê vào lò nguyên cả vại cháo huyết. Tôi thò tay vào sờ, thấy mọi thứ "ấm lạnh" như cuộc đời! Ngồi một mình bèn nghĩ lẩn thẩn, thấy thương thân tủi phận, sao cứ phải bon chen vì miếng ăn? Bụng bảo dạ "từ mai là thôi, ăn gì thì ăn chứ nhất định không hâm hít gì nữa". Thảo nào có hôm nhìn cô H. ăn một món gì đó trong cái hộp nhựa mỡ đọng vàng, hỏi cô:

– Sao không hâm nóng cho dễ ăn?

Cô buồn rầu trả lời (đôi mắt vô tình liếc nhìn hai cái lò rộn rịp người và hộp).

– Hâm không nổi! Ráng ăn đỡ.

Có hôm thấy chị Nh. tần ngần trước cái ngăn rau muống xào lạnh ngắt. Chị nhấp nhổm trên ghế, nửa muốn chạy ra chỗ cái lò, ghé emergency một chỗ, nửa lại ngán ngẩm phải đợi chờ, có khi phải cãi vã "tức đến chết được". Nên chị khoắng khoắng đôi đũa vào chỗ rau, nhấc lên một cọng, cho vào mồm nhai. Chị lắc đầu quầy quậy, rồi chị hăm hở đứng dậy một cách hùng dũng (như để lấy đà, nếu không chắc chị không đi nổi). Chị cầm cái hộp đi đến chỗ đặt lò, nhưng thoáng cái chị đã quay về bàn. Chị đậy nắp hộp lại và nói "chịu chịu! Không hâm được, đến mang về đổ". Tuần lễ sau đó, ngày nào chị Nh. cũng đem cháo đậu xanh đi ăn với đường hoặc ăn chè đậu xanh. Ai hỏi chị chỉ cười nhũn nhặn "ăn cho mát ruột".

Tôi cũng noi gương chị Nh., hôm thì mang cái bánh chưng, hôm thì tí xôi, cái bánh khúc, ổ bánh mì, chút bánh cuốn. Đến giờ ăn trưa, tôi không phải chạy tất bật

nữa, tôi đình huỳnh thong thả đi ra phòng ăn, trên đường đi, tôi ung dung ghé đủ mọi chỗ, chào hỏi cà kê khắp mọi người, coi cái đồng hồ như không có. Đi qua chỗ để lò, tôi mỉm cười miếng chi, ra cái điều mình đã thoát vòng tục lụy. Được tuần lễ hay mười bữa, soi vào gương thấy hình như cái bản mặt mình nó mỏng đi, buổi trưa vào giờ ăn nghe bụng xót xa như thiếu vắng một ai. Té ra cái bao tử của người Việt Nam nó ăn cơm đã quen, không đủ ngày hai bữa nó buồn thiu, nó rấm rứt, nó rã rời, nó ăn vạ.

Cô Ng. bảo tôi:

– Chị mua hai cái bình thủy. Sáng sớm chịu khó đun tí nước sôi luộc qua đi rồi cho cơm và thức ăn hâm sẵn ở nhà vào. Trưa còn nóng lắm.

Cô chìa cái bình thủy của cô cho tôi xem. Kể ra cơm canh còn bốc khói thật, song ăn bằng cái bình thủy sâu hoắm như thế sợ quá, cứ y như là ăn cơm ở nhà thương, chưa kể nông nỗi sáng ra phải lách cách sửa soạn.

Tôi còn đang phân vân chưa biết sẽ giải quyết vấn đề cái dạ dầy của tôi thế nào thì một buổi trưa, lúc tôi vừa tà tà thả bộ từ restroom ra phòng ăn, đến chỗ cái cửa có lò xo đóng tự động (mà mỗi lần muốn mở, tôi phải xuống tấn như một võ sĩ hiệp khí đạo, dồn hết nội lực vào bả vai rồi mới ủn cái cửa ra được) tôi bỗng nghe lanh lảnh tiếng một vị nữ lưu chắc là đang nổi cơn tam bành:

– Đồ khốn nạn! Đồ đui! Làm đổ hết canh của người ta mà câm cái họng chó của nó lại. Đồ đồ...

Tôi vào đến hiện trường, thấy một bà bé bé xinh xinh, mặt tái xanh như dưa cải muối mới hườm hườm, đang đứng chống nạnh mà la ó, đôi lông mày lá liễu của

bà dựng lên thẳng tắp, cặp mắt hồ thu nổi sóng đảo lia lịa ra bốn chung quanh để tìm dấu vết "đứa chết dẫm" đã làm mất bữa ăn trưa của bà. Thấy bà ấy hổn hển như sắp hết hơi vì cơn giận, cô Ng. vốn tánh nhanh nhẩu, bèn trót dại hé môi:

– Thôi, đừng la nữa, chị nghiến răng nghe ê quá! Hồi nãy có một người nào nói đã lỡ tay làm đổ canh của chị đó, họ không biết ai để xin lỗi.

Bà bé bé xinh xinh liền trút cơn thịnh nộ lên đầu đứa có tóc:

– Dữ hôn! Giờ này mới khai khẩu hả? Bộ tính binh nhau hay sao dzậy? Đứa nào?

Khi không bị vạ lây, cô Ng. mặt xám như chàm đổ, bèn đáp lễ:

– Nè, đừng có nói bậy! Ai biết ai, thấy om xòm quá, đây làm phước nói cho biết đặng tốp đi kẻo ngoại quốc nó cười thối đầu.

Tôi vội kéo cô Ng. lảng đi vì đôi lông mày "chết cá ao anh" của bà xinh xinh, nhỏ nhỏ bây giờ chĩa vào chỗ tôi đang đứng nghe lỏm bên cạnh cô Ng.

Vì lý do sống còn đặng có cơ may kiếm ít đô la nuôi mẹ già, con dại và nuôi thân (biết đâu có cả cơ may của một ngày về), cuối cùng, tôi đành tái diễn những buổi trưa vất vả gieo neo cũ, cứ đến giờ lunch là chạy như ma đuổi từ chỗ thay áo ra chỗ để lò, thường thì tôi luồn dưới cánh tay của các bà ngoại quốc to con đang đứng ngổn ngang, thung dung, yểu điệu gỡ nón, để đi cho nhanh.

Tất nhiên cũng có lúc họ hạ nguyên một cái cùi chỏ trên đầu tôi hoặc thúc nó vào ngực, vào be sườn tôi nhưng tôi đã mở miệng nhanh như máy "I'm sorry!" "Excuse

me!" "It's OK!" rồi lủi thật lẹ ra ngoài. Có lúc nghĩ lẩn thẩn một mình về chuyện đời ở đây, tôi khám phá ra rằng trong lãnh vực nói tiếng ăng lê của tôi, mấy chữ kể ở trên tôi nói xuất sắc nhất.

Ngoài nỗi đau khổ về mấy cái ngao cơm canh của chính mình, đôi khi, kẻ có giờ lunch trước còn phải đóng vai yêng hùng lãnh đạn dùm kẻ ra sau. Nghĩa là bạn bè "nhờ tí, để không phải chờ". Trong trường hợp như thế, tôi chỉ được ăn cơm bằng miệng mà không được nhìn những thứ tôi đang ăn, vì lẽ mắt còn phải để ở chỗ cái lò, rình hễ lúc nào mọi kho tàng đã được dời đi, mọi bóng hồng đã an tọa xung quanh những cái bàn tròn là a-lê-hấp xông tới làm nghĩa vụ. Tục ngữ ta có câu "ở hiền gặp lành", vì thế, thường thường công việc làm dùm bạn bè này êm xuôi lắm. Ấy vậy mà có một hôm, lúc tôi vừa đẩy hai cái hộp của cô T. vào lò, vừa quay lưng lại ăn một thìa cơm thì con mắt Caen đằng sau gáy đã chớp đèn báo động. Nhìn vội ra chỗ đặt lò, bắt quả tang một bàn tay xinh đẹp đang tóm hết những cái hộp của cô T. vứt ra ngoài, mặc dầu những cái hộp chưa ấm chỗ được một phút, vẫn còn lạnh giá hơi đồng!

Tôi kêu lên thống thiết:

– Ối ối! Xin đừng...

Rồi tôi lao ra, tả oán:

– Chị ơi, tôi sắp hàng mười lăm phút mới có chỗ cho chúng sưởi đấy. Chị đừng bỏ chúng ra, tội nghiệp cô bạn tôi.

Nhác thấy bộ mặt xinh đẹp của người đẹp lạnh lẽo như cả một mùa đông Bắc cực, tôi hãi quá bèn bỏ nhỏ:

– Lò còn rộng chỗ lắm, chị có thể đi chung.

Nhưng người đẹp đã nghiến răng, quắc mắt:

– Chị không thấy tôi có từng này cái hộp à?

Giọng người đẹp xuống một octave, nặng chịch:

– Mà chị có biết đọc tiếng Mỹ không? Có biết hãng cáo thị cấm không được hâm dùm thức ăn không? May phước là chị gặp tôi, nếu gặp người khác, những cái hộp kia và cả chị đã bay ra đường rồi! (Lạy Trời làm chứng, con không hề thấy cái cáo thị ấy dán ở đâu?)

Trước mặt giai nhân, một chồng hộp nhựa cao ngất nghểu! Vì hãng cấm không ai được hâm cơm dùm người khác, vậy người đẹp một mình ngốn hết ngần ấy hộp thì tôi đành chào thua! Tối hôm ấy về nhà, tôi đọc mười kinh tạ ơn vì sự may mắn được gặp một bạn đồng nghiệp có từ tâm vô lượng.

Có người than thở:

– Hãng gì kẹo quá, sao không bầy thêm dăm bẩy cái lò nữa?

Thật ra, đây là nước Mỹ, người ta tổ chức đời sống theo tiêu chuẩn mẫu mực của xã hội Mỹ. Hai cái lò là quá đủ cho mỗi mười lăm phút với chừng non hai chục người đa số xếp hàng mua thức ăn ở quầy canteen, kỳ dư, nếu cần, họ chỉ có những thứ hâm rất nhanh. Vấn đề là chúng ta vẫn sống kiểu Việt Nam bằng phương tiện sắp đặt cho lối sống nhanh, gọn của người Mỹ nên mới ra cớ sự.

Vài hôm sau, tình cờ tôi gặp lại người đẹp có từ tâm trên lối đi, tôi thấy cô ta có một khuôn mặt thật khả ái, dáng dấp rất dịu dàng, yểu điệu. Cô ta cười với mọi người, một cách đầy thiện cảm. Tôi thầm nghĩ "Thật ra nàng là như thế, chỉ tại cái microwave"!

Trường Đồng Khánh:
Giấc Mơ Một Đời

Với vô cùng thương nhớ

Lý do tôi thi vào đệ thất trường Đồng Khánh Huế sau khi học hết bậc tiểu học ở Jeanne d'Arc là vì lúc bấy giờ bố tôi đã già, gia cảnh bắt đầu sa sút, tôi lại có một ông anh đang học nội trú tại Thiên Hựu Học Đường, phí tổn hàng tháng phải trả cho anh bằng với năm lần sự sống của một gia đình nghèo. Tôi là con gái, không được bố kỳ vọng mấy, vì vậy, tháng tháng phải lên xin ông tiền học, đối với tôi là cả một cực hình. Thường thường, tôi đứng lấp ló đến mỏi rục cả hai chân ở chỗ quanh cầu thang mà vẫn chưa tập trung đủ can đảm để dàn mặt bố. Ở lớp học, tôi luôn luôn bị gọi tên vì trả học phí chậm. Cũng may là tôi học giỏi nên ma soeur thương tình.

Thi đậu xong bằng tiểu học, muốn nộp đơn thi tuyển vào đệ thất Đồng Khánh, tôi cần cái chứng chỉ tạm do Hội Đồng Giám Khảo kỳ thi tiểu học gởi về trường gốc. Các ma soeur hẳn trông vào thanh thế trước đây của bố

tôi, lại tiếc đứa học trò có đôi chút triển vọng nên giữ rịt cái chứng chỉ tạm, chỉ vuông vức bằng lòng bàn tay một người lớn, không chịu trao. Các soeurs không biết nội tình gia đình đứa học trò khốn khổ là tôi, những buổi chiều sân trường ươm nắng, tôi đứng vẩn vơ ở một nơi nào đó, nhìn các bạn nội trú ăn gouter với chuối và phó mát, bánh mì nướng và mứt dâu mà thèm, mà ao ước. Cũng những bạn ấy, khi tan trường, tôi nhìn thấy họ đi những bước chân sáo dọc theo cái hành lang rộng với quần áo giặt ủi thơm tho xếp gọn gàng trên tay, để đến phòng tắm nội trú. Các ma soeur đâu biết rằng từ lúc đó cho đến chạng vạng hoàng hôn, tôi vẫn còn phải đi những bước cuối để về nhà trên chặng đường dài hơn bảy cây số, qua hai con sông, chỉ có một trò chơi giải khuây là đếm cột điện hoặc vừa đi vừa tung ném hai chiếc guốc gỗ. Các ma soeur cũng đâu có biết là suốt mùa đông ẩm ướt và giá lạnh ở Huế, trong lúc các bạn tôi ấm áp đến trường trên những chiếc xe kéo che diềm kín mít (những tấm diềm vải nâu mới cong, có những cái khoen bằng thiếc sáng lấp lánh) hoặc trong những chiếc áo tơi nhựa xinh xắn thì tôi đã phải thức dậy từ nửa đêm để cố đến trường lúc chưa có ai, dấu cái tơi lá của tôi vào cuối bờ dậu rồi đội cặp sách lên đầu mà ù té chạy qua sân để vô lớp, không cho ai thấy cái thiếu, cái nghèo vẫn làm tôi khổ sở vì xấu hổ.

Vì vậy, tôi nhất quyết phải ra khỏi cái thế giới trưởng giả mà bố tôi, chắc là vì tương lai học hành của con, đã có lúc vô tâm bỏ tôi vào bằng thông hành của ông rồi quên đi. Tôi nghĩ ngợi lao lung mất mấy ngày mới tìm được kế đánh lừa soeur C. để lấy tờ chứng chỉ. Tôi nói với soeur là

"nếu bố con không thấy bằng chứng con thi đậu, ông không cho con tiếp tục học nữa". Sự toan tính dối trá này là bài học đầu đời buồn bã cho một đứa trẻ vừa mơ hồ nhận biết rằng cuộc sống không hồn nhiên như buổi bình minh tươi đẹp trong khu vườn đầy hoa và rộn rã tiếng chim ở nhà nó. Cũng vì sự dối trá ấy, sau này, tôi không còn dịp nào gặp lại soeur C. nữa. Tôi chắc bà đã tha tội cho tôi ngay từ ngày đó. Dẫu sao, trong ký ức tôi, hình ảnh bà đứng dưới tàn cây bàng rậm lá trong sân trường Jeanne d'Arc, đôi má hồng, đôi môi cắn chỉ, đôi mắt tươi tắn, hiền hậu sau tròng kính cận thị, cứ mãi là hình tượng của một thiên đàng bình yên, xa vời cùng với tuổi thơ của loài người.

Buổi sáng hôm tôi đi thi, lúc đến gần chân cầu Đông Ba, nghe tiếng guốc khua rộn phía sau, trên con đường đá răm còn thưa vắng người qua lại, tôi quay lui, thấy chị em V. đang xông xả bước. Tôi đứng lại chờ. Ba đứa cùng đi, chuyện trò râm ran cầm chừng (chắc vì lo âu). Đến trước tiệm sách Tinh Hoa trên đường Trần Hưng Đạo, tôi tạt vào mua thêm lọ mực. Ngoảnh ra, chị em V. đã bỏ tôi, đi mất hút về phía cầu Tràng Tiền. Buổi trưa làm bài thi xong, tôi tìm V. để trách móc thì bạn cười khì, phô hàm răng trắng nõn, đều tắp và nói "Me mình dặn đi thi đừng chờ nhau, xui xẻo". Mẹ tôi chả biết gì về thi cử, sáng hôm ấy chỉ dậy sớm để dúi cho tôi nửa cái bánh mì nóng dòn, dặn tôi vừa đi vừa ăn cho khỏi đói.

Hôm đi nghe kết quả cuộc thi tuyển, tôi như con chuột con lủi giữa đám đông trùng điệp các phụ huynh đưa con em họ đến trường. Len lách vào đến nơi thì danh sách thi đậu đã đọc quá nửa. Con bé không nghe tên mình

được xướng, lòng mông lung buồn. Hỏi bạn, chẳng đứa nào biết. Sực nhớ chuyện bà mẹ V. dặn đi thi đừng chờ nhau, tôi chắc mình lọt sổ rồi.

Lủi thủi về nhà, bố hỏi "sao con?" Tôi run bắn người, bật ra nói như có cái lò xo bên trong bung ra "con đậu rồi".

Đến ngày tựu trường, tôi làm như mình trúng tuyển thật, vai đeo túi vải đựng tập vở, đi ngẩn ngơ dọc theo dãy hành lang quét vôi màu hồng của trường Đồng Khánh, dò tìm cầu may tên mình trong các bảng danh sách học sinh lớp niêm yết ngay trên cánh cửa phòng học có một cô giáo đứng đợi sẵn. Phật ơi, Chúa ơi, ngay trong danh sách đầu tiên suốt dọc dãy hành lang dài dưới đất, lớp đệ thất B1, tên tôi đứng hàng thứ sáu! Đây là kinh nghiệm hạnh phúc thứ nhất trong suốt cuộc đời của tôi, càng về sau càng nghiệm ra là dường như Chúa, Phật luôn luôn dang tay ban cho tôi sự ổn thỏa vào những lúc cực kỳ nguy khốn, không còn ai để cầu cứu.

Tôi đường hoàng bước vào lớp học, chọn đại một chỗ ngồi lưng lửng ở lưng chừng gian phòng vuông vức có hai cửa sổ lớn đối diện hai cửa ra vào phía hành lang trông xuống sân, e dè làm quen với mấy chục nhóc con bề ngoài nhìn qua giống tôi nhưng chắc chắn bề trong không đứa nào có cái tâm trạng phất phơ cầu âu giống tôi hôm đó.

Dài theo học trình bốn năm trung học, lớp đệ thất B1 của năm 50 mấy lần di chuyển ngược xuôi trên dãy hành lang mầu hồng nhưng hơn bốn mươi cô bé ngồi trong lớp ấy theo nhau cho đến mùa học cuối cùng đầu hè năm 54. Chúng tôi học hành, vui chơi hồn nhiên, ăn quà vặt, trêu ghẹo ngầm thầy cô giáo, dấm dúi thư tình cho nhau đọc

và đi "nghễ" các chị lớn ngồi tắm nắng buổi sớm mai trên sân cỏ, chẳng đứa nào mảy may ngờ rằng rồi đây cất bước xa trường, mỗi đứa sẽ như một cánh chim nhỏ bay dưới trời giông bão, mỗi đứa sẽ trôi theo số phận và sự may rủi của riêng mình.

Giờ đây ngồi lan man kiểm điểm lại tình hình, trong số hơn bốn chục cô thiếu nữ xuân thì của lớp đệ tứ B1 những năm đầu thập niên 50, chỉ có chừng năm bảy cô gia cảnh đề huề, yên ấm, chồng con đàng hoàng, chức phận, cháu nội cháu ngoại đầy nhà, kỳ dư số còn lại đứa còn đứa mất, khóc chồng, khóc con, khóc thân phận, mệt nghỉ. Nổi tiếng toàn quốc có nhà văn nữ Túy Hồng, từng đoạt giải văn chương thời Việt Nam Cộng Hòa. Thuở đi học, chị hiền khô, má hồng, môi đỏ, mắt tròn xoe, chỉ có một thú giải trí duy nhất là đứng trên hàng hiên, xòe mấy ngón tay ra hứng mưa. D.M. mới mất năm ngoái ở Alabama, vì bệnh ung thư. Ng. cùng tình trạng, đang nằm bệnh ở Phan Thiết, B.Ng. mất trí nhớ, ăn uống phải có người giúp, Ch. sống lang thang ở Sài Gòn, Th. thoát chết ở Huế dịp Tết Mậu Thân nhưng trái tim chị đã vùi chôn theo với người tình, hiện nay một mình lẻ loi phiêu dạt bên trời Tây, hàng ngày đi làm nuôi thân, cuối tuần tìm lên chùa công quả, H.T. mới đây về qua Cali để thông tim...

Cho dẫu giàu nghèo, khổ đau hay hạnh phúc, trong sâu thẳm đáy lòng mỗi đứa, khung trời Đồng Khánh những năm tuổi hoa niên cứ mãi là niềm thương nhớ không nguôi, cứ mãi là tiếng gọi khắc khoải của một Soriento không có đường về...

Có một điều, đám nữ sinh Đồng Khánh chúng tôi không đứa nào ngờ rằng bước chân qua cái cổng trường vôi hồng, đi giữa hai hàng phượng vĩ xanh mướt lá, mùa hè nở hoa đỏ ối, để tà áo luống cuống bay dưới mắt nhìn bâng quơ mà tha thiết của sĩ tử Khải Định, lại là một ân sủng quí giá, là giấc mơ không toại nên trở thành niềm ân hận thống thiết trong lòng nhiều cô gái Huế khác theo học bên Bồ Đề hay Nguyễn Du. Cách đây vài năm, tác giả "Tình Không Biên Giới" có dịp ghé qua Quận Cam và đến thăm tôi. Ở tuổi năm mươi, tóc buông chấm vai, phục sức giản dị, nụ cười rộng, mắt và giọng nói thấp thoáng vui, T.S. trông còn nguyên dáng dấp cô học trò Huế những năm 60, 70. Qua ít mẩu chuyện trao đổi, T.S. bỗng khóc ròng, lệ tuôn ràn rụa, ướt đẫm chiếc khăn tay. Chị nói suốt đời, chị mang theo nỗi buồn không được làm nữ sinh trường Đồng Khánh. Nhìn bán thân người bạn gái mới gặp mà tưởng chừng quen đã lâu, run rẩy trong cơn xúc động cuồng nhiệt, tôi vừa bất ngờ sửng sốt, vừa xót xa nhớ lại những mùa đông cũ ở Huế, trời mưa tầm tã, gió giật từng hồi trên những tàn cây quằn quại dọc hai bên con đường tới trường, là không gian và thời gian của những nỗi niềm tâm sự lẻ loi và của sầu đau không nguôi...

"Gió bao lần từng trận nhớ thương đi
Mà kỷ niệm ơi, còn gọi ta chi?"

(Khuyết danh)

Phải chờ đến lúc nói chuyện với T.S. tôi mới chợt biết rằng hình tượng vẹn toàn của mỗi cô thiếu nữ Huế phải được gắn liền với trường Đồng Khánh, với con đường Lê Lợi long lanh nắng nay đã trở thành con đường dẫn đưa

tới một miền kỷ niệm thiêng liêng của biết bao thế hệ thanh niên thiếu nữ Huế những năm giữa thập kỷ 20.

Cám ơn trường đã cho tôi trí tuệ và sự lớn khôn. Cám ơn trường đã cất giữ dùm tôi một khoảng đời tươi đẹp nhất, đã khắc sâu trong lòng tôi những tình thân đến nay vẫn còn nâng niu chia sớt cùng nhau.

Mai mốt đây nếu còn có dịp trở lại sân trường cũ, đi giữa màu xanh của cỏ cây đã già, đi dưới những bông phượng thắm đỏ như máu từ những mảnh vỡ của trái tim còn tiếc mãi thanh xuân, thì bao cảnh tượng, thanh âm, hình bóng cũ cũng đã bôi xóa, đã chẳng còn gì trong cái tịch mịch của buổi chiều đời người, trong mỗi bước chân gõ xuống mộ phần quá khứ chỉ còn nghe dội lại tiếng thời gian lặng thầm trong những vạt nắng phai.

Dường như tất cả mộng ước thời tuổi trẻ của học trò Đồng Khánh chúng tôi, nồng nàn, tinh túy, càng đãi lọc hơn cùng năm tháng qua trong cuộc đời mỗi đứa, đã chẳng hề phôi pha, đã chẳng hề tan biến, đã tụ vào những tầng mây rực rỡ mặt trời, êm ái trăng sao, ngàn năm còn bay mãi trên mái trường cổ tích. Giữa cõi trần gian mênh mông sinh diệt, biết đâu từng viên gạch cũ vẫn thở bằng sức sống của biết bao thế hệ thanh xuân đã đến đây một thời, đã bỏ đi nhưng còn gởi lại một phần linh hồn của họ?

Cali 9-97

Tây Tạng Và Góc Phố Đỏ

Quận Cam ngày 26 tháng 11 năm 97

Anh thân yêu,

Tuần lễ trước, em lựa chọn đi xem phim Seven Year in Tibet vì tò mò muốn biết tại sao thế giới tự do dành nhiều thiện cảm cho cái đất nước nhỏ bé, cùng là nạn nhân của Cộng Sản, như đất nước chúng ta này? Em cũng tò mò muốn biết vì sao vị lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng, trong công cuộc đấu tranh giải phóng xứ sở ông, lại được cả thế giới ngưỡng mộ như thế?

Xem xong phim, sự hiểu biết của em có lẽ không tăng tiến bao nhiêu nhưng tâm linh và thần thức em như có cơn gió mát thổi qua. Vượt lên trên kỹ thuật dàn dựng của điện ảnh để mô tả một Tây Tạng huyền bí với mọi cung cách hành trì tôn giáo lạ mắt và vĩ đại, người xem đã cảm ứng trực tiếp được cái gì vốn chứa bên trong ngôn ngữ hoa mỹ của nhân loại mà cùng lắm, con người chỉ mường tượng ra chứ không thật sự hòa nhập vào được qua lớp vỏ bọc ngoài. Cái gì ấy là sự trong sáng và hồn

nhiên đến kỳ diệu của tình thương trao truyền thẳng cho nhau, là sự thể nhập mình vào người khác, như dòng sông cuộn theo nó hằng hà sa số nước để làm nên sức mạnh lạ thường. Bạo lực và vũ khí của Trung Quốc có thể cày xới lãnh thổ Tây Tạng, bách hại người dân Tây Tạng, phá sập chùa chiền Tây Tạng nhưng chúng không có cách gì biến trái tim của người lãnh đạo tinh thần Tây Tạng thành một bãi chiến trường. Ở nhiều nơi, người ta nhân danh tình thương để tiến hành chiến tranh. Giải Nobel Hòa Bình 89 được trao tặng cho một người tin chắc rằng tình thương không bao giờ là động cơ của chiến tranh, Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Thế giới muốn bảo vệ Tây Tạng là muốn bảo vệ cái triết lý sống nhân bản của Tây Tạng. Thế giới ngưỡng mộ Tây Tạng vì Tây Tạng tin vào các giá trị tâm linh sâu sắc của con người, là nơi vượt thoát cuối cùng của con người trong một xã hội bị máy móc và tham vọng vùi dập.

Anh thân yêu,

Một tuần lễ qua thật mau, lại chiều thứ bảy rồi. Em đã không định đi xem phim Red Corner vì em ghét mọi hình thái tuyên truyền chính trị tả hữu với dụng ý thêm bớt làm sai sự thật (trong khi chỉ sự thật mới có sức thuyết phục). Thế nhưng bạn bè bảo em Red Corner đáng xem hơn Seven Years in Tibet vì nội dung sự việc giống Việt Nam sau 75 lắm. Vậy thì em đi xem.

Sự tàn bạo, thiếu nhân tính của cọng sản đối với những người không theo họ, ở đâu cũng giống nhau như đúc khuôn. Công an, cảnh sát Trung Cộng có quần áo đẹp mắt hơn công an cảnh sát Việt Cộng. Nhà tù Trung Cộng

có phương tiện hiện đại hơn nhà tù Việt Cộng nhưng những con người ở cả hai nơi ấy là phó bản của nhau. Tuy nhiên, Red Corner không phải là một phim tuyên truyền như em nghĩ lúc đầu, theo một ám ảnh đã hình thành trong em từ những ngày sau 75 phải sống bên cạnh những người cọng sản ở Việt Nam. Red Corner không khích động ai chống lại ai cả, càng không bêu xấu hay đổ vạ. Nó chỉ tường thuật, không thêm thắt hay bày vẽ. Những bộ mặt sát khí đằng đằng hoặc lạnh lẽo đến vô cảm, những đôi mắt lợn luộc, cảnh công an đánh người khi chấp cung, âm mưu hãm hại và thủ tiêu, chuyện kéo cửa rình mò, kể cả cái cảnh lấy nước trong bồn cầu để rửa cái bát cho tù ăn, việc quan tòa lơ láo xử theo lệnh kẻ có quyền, một nơi chốn không ai thắc mắc về công lý và nhân phẩm, dẫn đưa tới những tình huống khiến người bị mắc kẹt trong đó chỉ có thể tức uất lên mà chết v.v... Các chi tiết mô tả đều có thật. Thế nhưng chủ đích của cuốn phim (người Mỹ làm gì mà không bắt đầu bằng một dấu hỏi lớn đặt sau chữ purpose, như anh thường cười và nói với em) không dừng ở chỗ cảnh cáo người ta đừng lai vãng đến cái địa ngục đỏ ấy mà nó đi xa hơn, cao hơn. Nó thể hiện chủ nghĩa anh hùng, giấc mơ khai phóng và chuyển đổi, khả năng gieo rắc những ý niệm tốt đẹp, như sự công bằng, nhân phẩm hay lòng nhân ái, là những mỹ từ người ta thường bắt gặp trong thế giới văn chương chữ nghĩa của người Mỹ. Richard Gere ở cuộc đời thường là môn đệ của đức Đạt Lai Lạt Ma. Vai Moore do anh thủ diễn trong Red Corner tin vào bản chất lương hảo của con người và sự phát triển tích cực của bản chất ấy trong những điều kiện môi sinh lành mạnh. Lòng tin của anh

làm biến đổi cô luật sư ngoan cố, hẹp hòi, mà có lúc anh nổi điên, đòi giải nhiệm để đổi lấy một luật sư khác bênh vực cho anh, có đầu óc bình thường và làm đúng chức năng của một luật sư bào chữa. Vào cái lúc cô luật sư muốn thử thách lần cuối cùng những tín hiệu "con người" mà cô cảm nhận được ở Moore, vào cái lúc cô cần có câu trả lời rõ ràng về niềm tin vào khả năng có thể làm tốt hơn nơi cô của Moore, cô đặt câu hỏi trên những bước chân đã quay đi "ông có muốn tôi thôi không biện hộ cho ông nữa không?" Sự vĩ đại của nước Mỹ đã đặt sẵn câu trả lời trên môi Moore nhưng ánh mắt đằm thắm, khuyến khích và nụ cười bao dung khởi đi từ chính trái tim con người trong anh: "Không, tôi không muốn". Anh nói chậm, thêm sức nặng vào những chữ anh thốt ra. Trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du viết

"Một lời đã biết đến ta
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau"

Bốn chữ ngắn, khẳng định, giao sinh mệnh mình cho cô luật sư của Moore đã làm thay đổi cuộc đời cô này. Cô nhớ lại bi kịch của gia đình trong thời Cách Mạng Văn Hóa, nỗi oan khuất đau thương và bất xứng của những tiếng nói không được cất lên, không được nghe. Cô nhất định không im lặng nữa. Cô phải nói cho bằng được tiếng nói của lẽ phải vì cô đang trách nhiệm về sự sống chết của một con người tin cậy vào lương tri của cô. Công việc biện hộ cho Moore chuyển hướng. Cô luật sư chấp nhận hiểm nguy, sục sạo đi tìm chân lý đằng sau các mưu mô áp đặt của những nhân vật có thế lực. Mọi diễn tiến không dễ dàng cho cô. Trong tình thế rối ren ấy, Moore có cơ hội vượt thoát đến được tòa đại sứ Hoa Kỳ tượng

trưng bằng một lá cờ nhỏ, chìm khuất giữa trùng điệp những nóc nhà của cư dân Bắc Kinh. Từ đây, Moore có thể yên thân. Thế nhưng, một lần nữa, sự vĩ đại cao cả của nước Mỹ anh hùng không cho phép chàng đứng lại sau tấm rèm cửa sổ tòa đại sứ, nhìn cô luật sư bé nhỏ đang bị công an đỏ xâu xé bên ngoài. Đến đây, vấn đề không còn đặt ra trên bình diện quốc gia nữa, không còn đặt ra giữa một bên là tòa đại sứ Mỹ (tượng trưng bằng một lá cờ nhỏ xíu phất phơ trên thành phố Bắc Kinh dân đông như kiến cỏ, bằng vài ông nhân viên thư lại, ươn hèn, bị trói tay trói chân với trăm ngàn qui ước ngoại giao chỉ nhằm bảo vệ tương quan hữu nghị cùng quyền lợi kinh tế Hoa Mỹ) và bên kia là công an đỏ của Trung Quốc. Vấn đề nay được đặt ra giữa con người và con người, giữa Moore và cô luật sư. Việc bảo vệ các giá trị nhân bản, nếu thành tựu, là công sức và quyết tâm nơi tự thân mỗi con người, ở bên ngoài mọi định chế phô trương lòe loẹt của xã hội.

Cuối cùng, anh thân yêu ạ, như một phép lạ chỉ xảy ra trên màn ảnh, Moore được trắng án. Trước khi đáp máy bay về Mỹ, Moore và cô luật sư đi chơi ở cái bờ hồ tuổi thơ của cô, chẳng để làm gì, chỉ là cùng nghe tiếng gió lùa qua những khóm tre xào xạc. Họ chia tay nhau ở phi trường. Moore muốn cô rời bỏ Bắc Kinh, theo chàng đến Hoa Kỳ nhưng cô luật sư từ chối. Cô nói đất nước cần cô để làm cho mọi việc khá hơn. Cô nói "Anh là một phần đời của em. Không biết em có là một phần đời của anh không nhưng dù ở nơi nào thì sự việc vẫn là thế". Họ không hôn từ giã, chỉ có sự bịn rịn buồn bã trên hai khuôn mặt khẽ nghiêng vào nhau trên lối đi lập tức trải

về hai hướng. Bắc Kinh dân đông như kiến nhưng phi trường hoàn toàn vắng vẻ. Sân bay loáng nước, quạnh hiu trong ánh đèn đêm tù mù. Có tiếng chân lao tới, cô luật sư đã đuổi kịp người Mỹ làm đời cô thay đổi. Họ ôm chầm lấy nhau, cùng biết rằng sau giây phút còn nhau trong đôi tay ôm siết này là thiên thu cách biệt, làm sao mà "dù ở nơi nào thì sự việc vẫn là thế" được?

Anh thân yêu,

Em cho là cô luật sư đã làm một chọn lựa đúng. Ít nhất là đúng trong phần kết của phim Red Corner. Hình như những chọn lựa gọi là đúng thường đi kèm với hy sinh. Em đoán là đọc đến đây, anh nghĩ em ám chỉ chuyện của mình. Cũng có đấy tuy em đang nghĩ đến bác sĩ Nguyễn Đan Quế và giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Báo chí đưa tin là hai ông từ chối xuất cảnh đi Mỹ. Nếu họ có tự do để giải thích, em chắc hai ông cũng nói cùng cái lý do của cô luật sư trong Red Corner thôi. Chính quyền ở Việt Nam cởi mở kinh tế để làm cho đất nước phú cường nhưng trước hết, họ sử dụng sự cởi mở ấy như một thứ ma túy làm tê liệt khả năng tư duy của quần chúng. Họ cần những công dân không có nhu cầu suy nghĩ. Vì vậy, họ sợ những cái đầu muốn gieo rắc hạt mầm tư tưởng của các ông Quế và Hoạt. Họ bỏ tù những cái đầu như thế để tạo ra một xã hội những người robot cử động bằng sức ép của vàng và đô la.

Em tự hỏi trong số các doanh gia Hoa Kỳ đến Việt Nam tìm cơ hội làm giàu, có bao nhiêu nhân vật Moore chấp nhận bị thiêu bằng lửa luyện ngục để thắp sáng ý niệm về một đời sống có phẩm giá làm người? Giấc mơ làm thay đổi của Moore và giấc mơ làm khá hơn của cô

luật sư liệu có lúc nào trở thành hiện thực trên quê hương em không hay cũng chỉ là những điều hoang tưởng của chữ nghĩa phù phiếm? Khi em nói với anh là em bắt đầu thất vọng, không tin vào ngôn ngữ văn chương của loài người nữa thì anh cười bảo em rằng "thế giới của mơ ước có vẻ đẹp riêng của nó, em hãy biết yêu những hy vọng của nhân loại và của riêng em. Cái gì em yêu và nghĩ đến là có thật". Anh quên không nói cho em biết người ta phải sống thế nào giữa ước mơ và những điều không thực hiện được?

Cụ Nguyễn Du viết Đoạn Trường Tân Thanh bằng tâm huyết của cả một đời nhưng khi gác bút, cụ nhắn nhủ người đọc

"Lời quê góp nhặt dông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh"

Đến một tuổi nào, thế sự xem như một trò đùa mà thôi. Em mường tượng anh sẽ cười cợt chế diễu những điều em nói "đi xem xi nê cho vui chốc lát rồi bỏ qua, nghĩ ngợi làm chi" nhưng có một lúc khác anh cũng lại nói "em biết không, Mỹ nó bảo mình làm những việc nhỏ để việc lớn nó chạy. Nay một tí, mai một tí, chỗ này một tí, chỗ kia một tí là nên chuyện đấy". Trước sau, anh vẫn bảo em cứ tin vào những giấc mơ của loài người, cứ tin vào vẻ đẹp của văn chương vì nó sáng tạo, sao lại đem cái cùn mòn hạn hẹp của thực tế mà đổ tội cho văn chương?

Anh thân yêu,

Anh biết đâu rằng sau thảm nạn 30-4-75, mất nước, mất nhà, mất cơ nghiệp, là cái mất cực kỳ to lớn, cùng kiệt, để lại sau nó sự trống trơn, bóng tối của hận thù và ngờ vực, cả một thế hệ trái tim vỡ nát, đôi mắt ráo

hoảnh, gập mình trên lỗi lầm của người khác mà nguyền rủa. Cái góc phố đỏ trên quê hương chúng ta cần có nhiều cô luật sư như cô luật sư trong phim Red Corner, cần có cái cơ hội hãn hữu với những người không có ám ảnh quá khứ, sẵn lòng đem thân mình làm bó đuốc soi vào chỗ tối tăm, như Moore.

Giấc mơ tình yêu, anh ơi, là giấc mơ tuyệt vọng của nhân loại.

Vài trống canh mua vui với cuốn phim qua đã lâu mà em vẫn còn nghe tiếng reo lao xao êm ái của những vòm tre xanh soi bóng xuống một mặt hồ thanh lặng. Em tin rằng dưới bầu trời mênh mông trong trẻo, chính những thanh âm hòa ái, bát ngát sức sống này sẽ tồn tại mãi mãi chứ không phải tiếng gào thét trên những bãi chiến trường của loài người.

Em thăm anh khỏe mạnh.

Chữ Nhân Trong Cuộc Đời

Khi cuộc chính biến mùa thu năm 1945 Việt Minh cướp chính quyền kết thúc, gia đình tôi từ một vùng quê ngoại thành phố Huế, làng Phù Lương, hồi cư về thị xã. Trong tình hình chính trị chưa ổn định lúc bấy giờ, vì lý do an ninh, cha tôi gửi anh em tôi theo học ở một trường tiểu học của người Hoa. Ngoài sáng chiều hai buổi đến trường học chung với các trẻ Hoa kiều, cha tôi còn rước thầy đồ về dạy chữ nho cho chúng tôi tại nhà.

Tôi còn nhớ hai bộ sách vỡ lòng tôi học ngày đó là bộ Tam Tự Kinh và bộ Minh Tâm Bửu Giám. Tôi suốt ngày ê a những câu như thiên trời địa đất vân mây, điện chớp lôi sấm trú ngày dạ đêm, là một loạt từ vựng mà thầy tôi hẳn đã sắp thành vần cho chúng tôi dễ nhớ. Sau này lớn lên, tôi quên hết các điều Tử viết, chỉ nhớ mãi cái câu "nhân chi sơ, tánh bản thiện" mà thầy tôi diễn nôm là "con người sinh ra, lòng vốn lành". Cho đến tận bây giờ, sống gần hết đời mình, tôi vẫn cứ còn nghi ngại cái chân lý thánh hiền để lại này, chỉ vì...

Ngày ấy anh tôi lên bẩy, tôi lên năm. Mùa nắng, anh bắt chuồn chuồn đem về, ngắt ngang cái đuôi nó rồi anh lấy một sợi nan ở cái tăm tre, cắm vào chỗ nửa đuôi còn lại để xem con chuồn chuồn khập khiễng bay. Anh bắt tôi cùng ngồi xem với anh, vừa thưởng thức cái què quặt của con vật, vừa khoái trá vì con em đang xanh xám mặt mày vì sợ. Hễ tôi dợm bỏ chạy thì anh ấn đầu tôi ngồi lại và quát "mày phải ngồi đây với tao".

Mùa mưa, anh bắt người làm đi bắt đỉa mang về. Anh lấy những miếng ván nhỏ, dùng nĩa căng con đỉa ra như người căng một sợi dây thun, anh đóng đinh hai đầu con đỉa xuống miếng ván, chờ nắng đem phơi. Tôi rất sợ anh bắt tôi tham dự những trò chơi man rợ ấy nên suốt ngày tôi trốn anh. Tuy vậy, mỗi lúc anh nghĩ ra và muốn bắt đầu một trò ghê gớm nào, bao giờ anh cũng gầm thét, lùng sục tôi cho bằng được trước đã.

Có những hôm nhà đặt bẫy trừ chuột, anh bắt chú người làm để cái bẫy giữa sân gạch, anh lấy dầu hỏa tưới xung quanh cái bẫy và đốt lửa để xem con chuột chạy lồng lộn trong cái nóng cứ thiêu nó từ từ. Ngày thường, tôi rất sợ chuột và ghét chuột vì chúng bẩn và gieo mầm bệnh. Tuy nhiên, những con chuột bị anh tôi nướng vào lửa ấy, trước khi chết queo, đôi mắt chúng long lanh tuyệt đẹp. Sau này lớn lên, nhớ lại chuyện cũ, tôi hiểu rằng những đôi mắt nhỏ xíu khốn khổ ấy sở dĩ có một vẻ đẹp làm tôi rung động và cảm xúc chính vì chúng là hiện thân của nỗi thiết tha, khao khát sống, là tiếng kêu thống thiết giữa hy vọng và tuyệt vọng của hết thảy những thân phận nhược tiểu đòi quyền sinh tồn...

Trẻ con hàng xóm không đứa nào dám lảng vảng đến gần anh, đứa nào nhẹ nhất cũng bị anh xách tai, đá đít hay lột quần áo. Cha mẹ chúng nó nể sợ cha tôi là người có vai vế nên chỉ dặn dò con cái chơi tránh xa chỗ anh tôi chứ không ai thưa gởi, kiện cáo gì cả.

Thầy đồ của chúng tôi là người bị anh hành hạ cực lòng nhất. Anh tìm đủ mọi cách để trêu chọc thầy. Bất cứ vật gì của thầy mà thầy thích, anh đều tìm cách lấy đem vứt hay đem dấu đi. Anh vẽ hí họa thầy rồi dán những tranh ấy trước bàn học, không cho thầy gỡ xuống.

Tóm lại, ngay từ thời thơ ấu, hình như anh tôi không hề biết lòng nhân ái là gì. Không những thế, hạnh phúc của anh là nhìn thấy kẻ khác đau khổ dưới mắt mình. Cho nên, câu thầy đồ dạy tôi "con người sinh ra, lòng vốn lành", đối với tôi sẽ mãi mãi vẫn còn nguyên là một nghi vấn.

Hình như cái bản ngã sâu thẳm nhất trong mỗi con người mang nhiều thú tính hơn là thiện tính. Tôi cứ phải luôn luôn tự phấn đấu với bản thân để cố khắc phục những cái xấu mà sự hòa nhập với chúng bao giờ cũng dễ dàng và đem lại cho tôi cảm giác dễ chịu. Người Công giáo gọi cái bản ngã xấu này trong chúng ta là sự cám dỗ của quỷ Satan. Người Công giáo phải tách bạch như thế để giúp mỗi người định danh và phân chia giới tuyến thù địch rõ rệt, nhiên hậu cuộc chiến đấu nơi chính mỗi người, giữa cái thiện và cái ác, mới có cơ quyết liệt được, nhiên hậu, con người mới có cớ để bảo vệ thanh danh mình được. Thật ra, người với Satan có khi nhập nhằng chỉ là một. Đánh nó, đau mình. Nó như rượu độc, biết là hại nhưng say nó cũng hào hứng, khoái tỉ lắm.

Nghe tin bạn bắt được job tốt, tuy miệng cười nhưng là cười gượng, bên trong, con quỉ Satan rù rì "Đã chắc đâu là ngon ăn, làm hộc máu, mai mốt chết sớm". Nghe tin vợ chồng bạn bỏ nhau, miệng nói lời ngọt ngào an ủi nhưng bên trong con quỉ Satan rù rì "Thế là hết nhà trên đồi, hết hột xoàn tám ly nhé". Thấy bạn có cơ ngơi làm ăn khấm khá, miệng tỏ lời khen ngợi nhưng bên trong con quỉ Satan rù rì "Vốn liếng bao nhiêu mà to gan bạo phổi, điệu này là trốn xâu lậu thuế hoặc buôn bán với Việt Cộng".

Ô! Ai cũng biết những lời đay nghiến chua cay, những lời dèm pha ác ý không làm thay đổi được bộ mặt của cuộc đời, trái lại càng làm cho bộ mặt ấy đen ngòm, làm cho chính mình soi vào đấy cũng chỉ thấy đen ngòm. Giá mọi người có thể đối xử với nhau với một chút lòng nhân ái, để cái ác biến thành cái thiện, để điều dữ trở nên điều lành...

"Bà cụ già lẩm cẩm quá, ăn uống tùm lum, nay đau mai ốm, đi tiểu rớt ra ngoài bồn cầu, thiệt là bực", người con rể đá cái bàn, đá cái ghế, đổ ly nước bà cụ đang uống. Thật ra, anh chỉ cần có một chút lòng nhân nó khiến cơn giận của anh dịu xuống, nó làm cho anh nhớ ra người đàn bà khốn khổ trước mắt anh đã có lần banh da xẻ thịt sinh ra vợ anh, nuôi nấng vợ anh nên người, nay người đàn bà ấy đang đau khổ vì tuổi già, nếu anh không thể giúp làm giảm nỗi khổ ấy thì cũng không nên làm cho nó trở thành không thể chịu đựng được. Mai mốt đây rồi anh cũng sẽ già, sẽ lẩm cẩm, anh muốn con cái anh đối xử cách nào với anh?

"Người đàn bà đó không đàng hoàng, mỗi đứa con một đời chồng", với một chút lòng nhân trong ý nghĩ, câu nói không phải như thế mà là "Tội cho bà ta, số kiếp lận đận, nào ai muốn thế đâu". Nếu cho rằng mọi hậu quả xấu do tự bà ấy gây ra, có ai gánh dùm bà ta chút gì không?

"Thằng chồng khốn nạn, mày phụ tao, tao cho mày biết tay", với một chút lòng nhân, câu nói sẽ là "Con người đầy nhược điểm, tôi đã ơ hờ cách nào để chồng tôi sa sẩy đến như vậy?"

"Con đĩ ngựa, mày cướp chồng tao, tao sẽ bôi tro trát trấu vào mặt mày, cho mày không còn nhìn thấy ai nữa", với một chút lòng nhân, câu nói sẽ đổi thành "Cô có chắc cô yêu chồng tôi là không nhầm lẫn không? Cô còn trẻ, cô còn tương lai, sao lại yêu một người có vợ để chẳng được gì? Thật ra, vấn đề của cô là thế nào?"

Nhìn một người đang phùng mang trợn mắt rủa sả mình vì một nguyên nhân gì đấy, đáng lẽ mình cũng làm như người ấy, để "mắt trả mắt, răng trả răng", nhưng với một chút lòng nhân, mình chợt nhận ra con người đối diện mình đang là nạn nhân của chính cơn cuồng nộ đang dày vò, xâu xé họ, mình sẽ thấu hiểu, sẽ tha người để tự cứu mình.

Lòng nhân không quá khó như lòng hy sinh, cũng không làm hao hụt như quà đem cho người khác. Nó chỉ là cách thế thiết lập những tương quan xã hội, giữa con người với con người, một cách dễ chịu cho bản thân người có lòng nhân trước tiên.

Chắc ai cũng nhớ một câu ngạn ngữ Pháp có nói "Con người không phải là thiên thần, cũng không phải là súc

vật", vậy thì nôm na, con người là cả hai cực đối lập trong câu ngạn ngữ ấy. Ở một số người cực này thắng thế, ở một số khác, cực kia thắng thế. Luật pháp, nhà tù, tôn giáo, đạo đức chỉ là những viên giám thị có một vị trí nhất định và giới hạn, không bao quát hết mọi tình huống đời sống. Bông hoa của lòng nhân, thường là do giáo dục và tri thức làm nẩy nở, vun xới, một khi đã thấm đượm lòng người thì lúc nào và ở đâu cũng tỏa hương. Bởi vậy, tương truyền các bà mẹ thuở xưa lúc biết mình cấn thai, việc hung dữ không nhìn, lời hung dữ không nói, tâm trí chỉ nghĩ điều lành để uốn nắn con từ lúc trứng nước, gọi là thai giáo.

Xem như vậy, lòng nhân ái không phải là tặng phẩm cho không của Thượng Đế, kiểu "nhân chi sơ, tánh bản thiện". Trái lại, nó là kết quả của cả một quá trình tu tập tinh tấn thông qua những kinh nghiệm khổ đau, trắc trở nơi từng người để trở thành bản ngã của người ấy.

Phật Tại Tâm

Thời gian tôi chờ đợi hoàn tất thủ tục xuất cảnh tại thành phố Hồ Chí Minh, cô em họ tôi nói với tôi:

– Chị năng đi lễ bái để cầu phước. Đầu năm mới, các chùa lớn đều có tổ chức hành hương thập tự, chị đi với em nhé?

Mỗi lần nghe cô em khuyến dụ như vậy, tôi đều mỉm cười không nói gì rồi tìm cách đánh trống lảng. Tuy sinh trưởng trong một gia đình sùng mộ Phật giáo, cả một thời thơ ấu và niên thiếu tắm đẫm trong không khí thiền tịnh, u mặc của một thành phố mà lịch sử của nó là lịch sử của nhiều ngôi chùa thời danh, bản thân tôi thường chống đối việc đi lễ để cầu phước. Điều này thật ra có một nguyên nhân sâu xa.

Trong gia đình tôi, bố tôi không bao giờ đi lễ chùa. Tuy vậy, những ngày vía lớn hằng năm, những nơi và những khi nhà chùa tân tạo hoặc trùng tu, bố tôi thường đóng góp hậu hĩ cả công lẫn của, trong sự khiêm nhượng giản dị. Mãi cho đến tận bây giờ, hơn hai mươi năm kể từ ngày bố tôi qua đời, có một kỷ niệm với ông mà tôi

không bao giờ quên, một kỷ niệm đã để lại trong tâm trí tôi một ấn tượng sâu sắc, đã hình thành hầu như tất cả quan điểm của tôi về đạo giáo và con người.

Năm đó gần đến lễ Vu Lan, bố tôi bảo tôi đưa lên ngôi chùa gần nhà hai mươi đồng bạc gọi là cúng dường Tam Bảo và chư vong. Khi tôi theo lời dặn của bố tôi, đặt tờ giấy bạc lên cái đĩa trà để dâng cúng, thầy trụ trì một tay vén ống tay áo tràng bên kia có đeo lủng lẳng chỗ cánh khuỷu xâu chuỗi hạt bồ đề bóng loáng, hai ngón tay bên này nhón lấy tờ giấy bạc đưa lên cao rồi cười nói với các thiện nam, tín nữ đang ngồi quanh cái bàn nước ở trai phòng:

– Ri ba vừa hai tô bún bò!

Tâm hồn non nớt của tôi lúc bấy giờ như chạm phải hòn than cháy, vừa kinh ngạc, vừa thất vọng. Về tới nhà, tôi kể lại câu chuyện ấy cho bố tôi nghe, tôi thấy bố tôi quay nhìn đi chỗ khác và cười yên lặng. Sau này lớn lên, tôi mới hiểu ý nghĩa của nụ cười dung dị ấy. Chắc bố tôi đã biết rằng đạo pháp và con người tuy mục đích cuối cùng là muốn đồng hóa vào nhau song thực tế sự đồng hóa ấy có giới hạn và không hoàn hảo. Người ở chùa hay người đến chùa có nỗ lực đáng quí mặc dầu sự viên mãn còn tùy thuộc nhiều yếu tố hiếm hoi khác trong đó có vấn đề nghiệp duyên khai mở sự giác ngộ trong lòng họ.

Ở nhà, bố tôi có một bàn thờ Phật. Tôi thường thấy bố tôi cắt hoa tươi ngoài vườn cắm vào lọ trên bàn thờ nhưng tôi không bao giờ thấy bố tôi xì xụp khấn lễ như mẹ già tôi vẫn làm. Trong đời sống, bố tôi thường giúp đỡ người nghèo, bảo bọc người bơ vơ, cô quả, đối xử tốt và công bằng với kẻ khác. Mẹ già tôi thì không được thế. Bà

vừa niệm Phật vừa mắng mỏ người làm. Bà ăn chay, sám hối trước Tam Bảo để ngay một lúc sau đó lại lập lại y nguyên những việc bà vừa ăn năn.

Trở lại câu chuyện cô em họ tôi ở thành phố Hồ Chí Minh và những cuộc hành hương thập tự đầu năm của cô.

Có một lần, vì sự chờ đợi đã quá lâu và vì biết rằng sẽ còn phải chờ đợi thêm nữa, nếu không nỗ lực giữ cho bằng được thân tâm an tịnh thì con đường gian nan sẽ không đi trọn, tôi thanh thản nhận lời ghi tên đi hành hương cùng với cô em.

Chúng tôi đi trên nhiều xe buýt do nhà Chùa thuê bao. Mỗi chuyến xe có 70 chỗ ngồi, chưa kể những ghế phụ đặt thêm trên những chỗ trống ở sàn xe. Đến bất kỳ địa điểm nào, đoàn người sau khi đã tranh giành nhau chỗ ngồi tốt xấu trên xe, bây giờ lại tranh giành nhau chỗ tốt xấu để đặt gối trước Tam Bảo. Mọi người nỗ lực ra sức như trong một cuộc chạy đua mà ai đến gần được đích bao nhiêu thì càng có nhiều phần thưởng lớn bấy nhiêu. Quan niệm cuộc hành trình trên con đường đạo hạnh là một cuộc chạy đua thì không sai, chỉ sai ở chỗ người ta đặt cổng tam quan làm cái mốc cuối cùng và người ta tranh đua bằng cách loại bỏ nhau, như trong bất cứ một cuộc đua nào khác của trần gian. Đạt đến một cái đích nhìn thấy được, cụ thể, thật không khó. Lãnh được một cái cúp vàng hay bạc, cũng không nhiều. Trên con đường hành đạo, cái đích của cuộc đua mênh mông hơn, xa thẳm hơn, gian nan hơn, là đạt đến sự hòa nhập của cái ngã trong vô ngã, là quên những giới hạn tầm thường, nhỏ nhen, chật chội có thể sờ mó được, là biến cái hữu hoại thành sự trường cửu, là đạt đến cái vô cùng trong

trời đất và lòng người. Cái tâm thâm nhập được vào Đạo, Đạo thâm nhập được vào tâm, mỗi người sẽ tự trở nên một cây đuốc soi sáng lấy mình, cảm hóa muôn người, muôn vật, đốt cháy mọi biên giới đố kỵ và làm thăng hoa cuộc đời cát bụi phù du.

Trong chuyến đi hành hương năm ấy, có một cậu bé chừng năm tuổi đi theo người lớn. Đứng trước tam bảo, cậu bé được mẹ cho một nén nhang để tập khấn lễ như mọi người. Cậu thấp nhỏ, lũn cũn, đứng đằng sau một bà to mập, lúc cậu cầm nén nhang vái, đầu nén nhang đang cháy chạm vào lưng tấm áo xoa của bà to mập. Lập tức, bà ấy quay lại, quơ tay tóm lấy cậu bé xô ra ngoài và la lối om xòm "đồ mắc dịch, làm cháy cái áo xoa của người ta, con cái ai dzậy?" Trong phút giây, bà tín nữ xao lãng mục tiêu, tự đứng chững lại và bỏ cuộc đua.

Trên đường về, xe buýt ghé qua chợ Gò Dầu, nổi tiếng thịt bò ngon và rẻ. Xe vừa đậu lại, các cụ, các bà, các cô, các ông túa xuống đường. Một loáng, quí vị tay xách nách mang trở lại xe, nào gà, nào vịt, nào thịt, nào đường... Gà vịt kêu quang quác, người cũng kêu quang quác vì đồ của người này để chật chỗ của người kia, dzui quá là dzui! Chuyến xe đi hành hương trở thành cái lò tiền sát sinh, mọi người áng chừng đã bỏ lại đằng sau, trong bụi đất Tây Ninh, những cổng Tam Quan một giờ đồng hồ trước còn là lời mời gọi của cõi trời hạnh phước.

Cụ N. là bạn thân của mẹ già tôi. Cụ rất mộ đạo. Cụ ăn chay mỗi tháng 10 ngày, sáng chiều công phu hai khóa lễ, kinh kệ thuộc lầu lầu. Khi cụ đánh bài một hội không ù hay chỉ ù ván suông, cụ ném bài tung tóe lên chiếu, cụ vặc nhà trên, cà khịa nhà dưới, mỉa mai người ù

nhiều, mắt cụ sắc như dao, hai má cụ chảy xệ. Chắc lúc bấy giờ cụ bỗng quên hết cái sắc không của nhà Phật mà cụ tưởng đã thuộc nằm lòng. Tôi nghĩ giá cụ có thể mặc áo tràng mà đánh bài, chắc cụ sẽ chơi với một phong thái tiên phong đạo cốt hơn. Đạo chưa nhập tâm, như một người học trò không thuộc bài, mọi kiến thức trôi tuột qua họ như nước chảy lá khoai.

Đa số người ta đi lễ chùa là để cầu phúc, cầu lộc, cầu thọ, cầu an, ít ai nghĩ rằng đi lễ chùa là để nhìn thấy Phật, để tự nhắc nhở mình công phu tu dưỡng của đấng Chí Tôn, sự nghiệp hoằng dương Phật pháp của Ngài nhằm giác ngộ chúng sinh mà cứu rỗi họ. Tam bảo ở nơi những tấm lòng từ bi hỷ xả, chắc cũng ít ai ngờ...

Dịp tết Nguyên Đán vừa qua, tôi có dịp đến dự lễ phát tang ông chú tôi ở một ngôi chùa vùng Quận Cam. Tôi thấy xe hơi tới tấp chạy vào sân chùa để bỏ xuống nào gạo, nào tương, nào nấm, nào măng, đồ hộp v.v... Ai cũng vội vàng, tất bật, chỉ nhắn với bà Từ một cái tên hay một danh hiệu rồi chạy đi. Tôi nghĩ thầm "là một hình thức hối lộ cửa thiền để mua lấy sự yên tâm, là một cách trả công nhà chùa làm chứng cho những nỗ lực bon chen mưu cầu danh lợi".

Trái lại, tôi có một chị bạn hiện làm thợ cùng với tôi. Chị không giàu, lương hai vợ chồng không cao, còn phải nuôi con ăn học. Chị đi xe cũ, quần áo xuềnh xoàng, tiết kiệm từng bữa ăn trưa, nhưng chị chia sẻ niềm vui cho mọi người, bán hộ chị này giỏ nem, năn nỉ cho chị kia một công việc, chị nhìn ai cũng thấy tốt, ở đâu cũng sẵn sàng tương trợ, khi chùa kiến thiết, kêu gọi phát tâm bồ đề, chị cúng một số tiền bằng với nửa tháng lương của

chị. Hỏi chị "cúng chùa, cầu gì?" Chị trả lời "không cầu gì cả, muốn chùa ngày càng đẹp để càng đông người đi lễ". Hỏi tiếp "người ta đi lễ, chị được gì?" Chị lại trả lời "không được gì nhưng đời càng có đông người tâm bồ tát thì đời càng đáng sống, thế gian bớt tội, niết bàn cũng gần". Trong cuộc chạy đua, bạn tôi xem ra không muốn chạy một mình và xem ra chị không còn xa đích lắm.

Một người bạn khác của tôi, lúc còn ở bên nhà, buôn bán chợ trời. Sáng hôm đó, chị đang líu tíu dọn hàng thì có hai cha con một người đàn ông cứ lẩn quẩn đòi chị cho xem hết món hàng này đến món hàng khác. Một chập sau họ bỏ đi, chị phát giác cái ví nhỏ chị dúi trong đống đồ đã mất biến. Người bên cạnh nói thấy đứa bé con người đàn ông ấy cầm cái ví chạy lon ton đi từ nãy. Mặt bạn tôi tái xanh, hai bàn tay chị run rẩy, chị ngồi khuỵu xuống lề đường vì cả gia tài của chị sáng nay nằm trong cái ví ấy, tương đương với hai chỉ vàng y. Một lúc, tôi thấy chị đứng dậy, bình tĩnh làm tiếp công việc. Hỏi thăm chị, chị nói "Phải cho cả đứa con còn bé thế đi ăn cắp, hẳn anh ta cũng ở trong một cảnh ngộ bi đát lắm, biết đâu chẳng vợ ốm nặng cần tiền thuốc thang? Giá có xin tôi, chắc gì tôi cho được mười đồng? Vả lại, hay tôi nợ anh ta kiếp trước?"

Tôi không rõ chị có ăn chay niệm Phật không nhưng lòng chị quả thật từ bi độ lượng. Những ý nghĩ lành và công bằng về con người và cuộc đời, trước khi ảnh hưởng đến kẻ khác, đã là liều thuốc tiên cho chính bản thân mình.

Chị M. mới ngoài 30 tuổi, đảm đang phụ giúp chồng ăn học thành tài. Có công danh, địa vị, chồng chị san sẻ

tình riêng với một người đàn bà khác. Thay vì nguyền rủa, oán hận, trách móc, hành hung, như thường tình nhi nữ, chị an nhiên, tự tại, sống êm đềm bên các con, không xao lãng bổn phận hằng ngày, không tả tơi sầu úa. Hỏi chị, chị nhẹ nhàng đáp "Có cái gì bền vững trên cõi đời tạm bợ này? Trời cho đến đâu, hưởng đến đấy, thuận nghiệp là sống. Xưa nay phúc lộc thường đi đôi, biết đâu lỗi tại mình vụng tu kiếp trước? Đến như con cái là xương thịt mình tạo ra, một ngày chúng cũng phải xa mình như con chim rời tổ, một ngày mình cũng phải xa chúng nó như nước về nguồn, bi lụy là con đường tự diệt, ích lợi gì đâu? Cuộc đời cứ hết ngày lại đến đêm, hết tối lại đến sáng, làm sao khác được?"

Trên cõi thế gian này, người người như kẻ qua sông đắm đò. Càng tháo gỡ mình ra khỏi sân si, càng trút bỏ được hành lý cồng kềnh, nặng nề, càng có hy vọng vào bờ an toàn. Nghĩ được như thế, làm được như thế là phát hiện chân lý ngời ngời ánh đạo ở ngay trong lòng mỗi chúng ta!

Thiền

Thời gian gần đây, một số đông bạn bè tôi thường rủ nhau đi học thiền. Có người tuần lễ đi làm năm ngày, dành nguyên ngày thứ bảy lái xe hàng năm sáu chục dặm đường để đi tới một nơi gọi là thiền quán, tôn vinh một sư phụ và thành khẩn tu tập theo sự hướng dẫn của vị này. Như anh V., chồng một chị bạn của tôi. Công việc nhà, chị muốn nhờ anh giúp thì phải đợi đến chủ nhật. Có hôm bà con hoặc bạn bè mời đám cưới chiều thứ bảy, chị mặc quần áo đẹp, trang điểm xong, chờ mãi không thấy anh về, hoặc là họ đến chỗ tiệc rất trễ khiến chị bực dọc, hoặc là vì quá trễ, họ phải hủy bỏ luôn chương trình. Chị nói "Anh có về sớm một tiếng hay hai tiếng đồng hồ cũng đâu có làm anh mất niết bàn, sao phải để bà con bạn bè trách móc?" Anh trả lời "Sao em không đi một mình đi? Anh không thích nghi lễ xã hội trói buộc. Anh muốn sống cuộc đời anh cách nào hữu ích cho anh nhất, mặc kệ anh". Tôi không được dịp nói chuyện nhiều với anh V. nên không biết kết quả công trình tu tập của anh tới đâu, chỉ biết anh ngày càng tách khỏi những người

xung quanh. Trong gia đình, để duy trì hòa khí, bà xã anh kính nhi viễn tri đối với việc anh làm, đồng thời, để anh ra ngoài thời khóa biểu một số sinh hoạt chung. Như chị P.L., một bạn gái ít tuổi của tôi vừa mới ly dị chồng. Chị đi tới thiền viện mỗi tối thứ sáu. Chị học kinh, đọc kinh, ứng dụng tập trung tư tưởng để thư giãn như bước khởi đầu thô sơ nhất của quá trình thiền tập. Nói chuyện với bạn hữu, chị nói con đường tu đạo chị mới chọn là con đường duy nhất giúp chị giải nghiệp để sống quãng đời còn lại một cách an lạc. Bạn bè nghe chị nói vậy, mừng cho chị nhưng sao vẫn còn nhìn thấy trong mắt chị bồn chồn ngọn lửa nóng của một thiêu đốt chưa nguôi, vẫn còn nghe trong giọng nói chị cái phẫn uất sôi nổi của một hối tiếc khôn cùng? Chắc có lẽ cũng còn phải cần đến thời gian nữa chứ không thể đầu hôm sớm mai được, tôi tự nhủ thầm. Bẵng đi chừng hai tháng, tôi bỗng nhận được điện thoại chị báo tin vừa có bạn mới "chàng rất lịch thiệp, yêu em, làm thơ và... lái xe Corvette".

Ngày còn bé, tôi rất ngạc nhiên thấy mẹ già tôi vừa lần chuỗi tràng niệm Phật vừa quát mắng người làm và hỏi chị tôi đã thâu được tiền hụi của những ai? Tuần lễ trước, một chị bạn rất đạo hạnh, thường nói chuyện với tôi về tính vô thường của cuộc đời, sáng sớm năm giờ dẫn con gái đến đánh ghen một cô gái, gọi cô này là "con đĩ chó cướp chồng tao" tại một chung cư đông người. Qua rất nhiều những hiện tượng mâu thuẫn và có vẻ nghịch lý ấy, tôi suy ra một điều: hành đạo và tâm đạo là hai phạm trù khác nhau. Tựa như ai cũng biết thịt có thể gây ra đóng mỡ trong mạch máu nhưng lại không thể không thưởng thức món ăn ngon; giải phẫu đặt silicone trong ngực có

thể làm ung thư nhưng lại không cưỡng được lòng ham muốn đẹp v.v... Tựa như một phụ nữ không có sức khỏe tốt, không có nhiều thiện tâm, dùng son phấn có thể che đậy được các khuyết điểm này trong giây lát nhưng không tạo nên sức sống thật của cô. Tựa như một ông không bao giờ tập dượt, săn sóc thể lực, có thể dùng phụ tùng y phục che đậy bớt cái bụng bự nhưng không làm nên sức mạnh hay tuổi thọ của ông. Đối với nhiều người, thiện chí hành đạo như son phấn, quần áo, làm đẹp bề ngoài khi cần soi vào gương. Son phấn, quần áo không thẩm thấu vào cái tâm của một người, gặp mưa gió là trôi tuột, mục rã.

Tôi tin rằng trời sinh ra con người cùng một lúc cho nó có đủ khả năng để thích nghi, tự vệ và chuẩn bị bản thân đạt đến hạnh phúc, con người không đạt đến hạnh phúc chỉ vì đã tiêu hao năng lực trời cho vào những mục đích sai lầm. Cơ thể chúng ta cần nước để vận hành các hiện tượng sinh hóa bên trong nó nhưng nước ấy đâu cần phải có nồng độ và hương vị của rượu? Anh thích cái thú vui giải trí đem đến cho anh cảm giác mạnh hoặc sự đo lường khả năng đối phó hay bản lãnh trong một canh bạc, cũng không nhất thiết anh phải đem xe cộ, nhà cửa ra đặt vào sòng bài. Chị muốn phô bày sự duyên dáng, hấp dẫn cử tọa bằng câu chuyện chị kể cũng đâu nhất thiết chị phải kể xấu hoặc nói hành nói tỏi người vắng mặt? Bị kẻ gian giật bóp hay móc túi bạc ngàn thì không phải là điều vui nhưng nếu phải trả thêm vào số tiền đã mất những đêm không ngủ, những bữa ăn mất ngon, những bực dọc trút vào người xung quanh vô tội thì cái

giá ấy thật phi lý, là chấp nhận tổn thất đến hai lần vì cùng một nguyên nhân.

Bố tôi có ông bạn Tàu già, làm nghề thầy thuốc. Ở tuổi 70, hàm răng ông chắc và trắng bóng như ngà, giọng nói ông sang sảng, lưng thẳng như thân cây thông. Giữa trưa trời nắng, ông đi bộ vài ba cây số đường đến thăm bố tôi mà thần thái vẫn ung dung. Tôi nghe một câu ông nói, nhớ mãi đến bây giờ và lấy nó làm kim chỉ nam trong đời sống riêng. Ông nói "thông bất thống, thống bất thông", cứ thông suốt là không đau, cứ đau là có một nơi nào đó tắc tị. Sự tắc tị tinh thần đưa đến tắc tị thể chất: buồn giận, lo âu, thù hận, ganh ghét làm rối loạn tiêu hóa, tuần hoàn và hô hấp, bắp thịt chứa nhiều độc tố khiến sinh ra mệt mỏi, trì trệ, bi quan, cáu kỉnh, ung nhọt... Tục ngữ Tây phương có câu "một tâm hồn lành mạnh trong một cơ thể lành mạnh" (hay ngược lại). Người Phật tử Đông phương thì chúc nhau "thân tâm thường an lạc", rõ ràng tâm linh và thể xác một con người ảnh hưởng hỗ tương lên nhau. Nếu một người tập trung ý chí đủ mạnh, có cơ thể trong trẻo để tiếp nhận thần thức, người ấy có thể điều khiển một số cơ năng và tập thành thói quen, ví dụ, thức dậy không cần đồng hồ reo, đi cầu vào một giờ nhất định, không ăn một ngày hay nhiều ngày mà không đói, thậm chí làm giảm cường độ cơn đau nơi người sản phụ đang chuyển bụng.

Ông Đ., bạn đồng nghiệp làm cùng sở với tôi, nói rằng mỗi khi ông cảm cúm, ông không dùng thuốc men gì cả, chỉ lấy phép hai ngày nằm nhà, uống sáng chiều hai ly sữa nóng và ngủ. Qua ngày thứ ba, ông trở dậy đi làm, khỏe mạnh như cũ. Ông suy nghiệm như sau "nếu cơ thể

không phải tiêu phí năng lực vào vấn đề tiêu hóa thức ăn bề bộn hoặc lao động quá mức, nó đủ sức tự phục hồi". Quả thật vậy, y khoa tiến bộ ngày nay cũng chứng minh rằng cơ thể con người có hệ thống báo động các nguy cơ sinh lý nó phải đương đầu, chỉ vì thiếu mẫn cảm, nhiều trường hợp người ta không nhận ra tín hiệu, bỏ qua và để quá trễ (thèm ăn hay sợ ăn một món nào, mặc hay không mặc áo lạnh, tắm hay không tắm, đi nằm hay đi ra đường, nhức đầu, chóng mặt v.v...)

Ngoại trừ trẻ bẩm sinh khiếm tật do những nguyên nhân xa hơn, con người chỉ cần sự luyện tập để làm phát triển thể lực sẵn có theo nhu cầu của nó. Tục ngữ nước ta nói "con trâu có vực mới kéo được cày", thiếu rèn luyện, thể lực cũng mai một như bất kỳ một khả năng nào khác của con người.

Sự luyện tập thể lực tương đối dễ thực hiện. Chỉ cần một chút thiện chí và thói quen. Chúng ta thường bắt gặp người Mỹ chạy trên các hè phố hay công viên lúc sáng sớm hay buổi chiều gần tối. Có người dắt theo con chó làm bạn, có người để máy nghe nhạc trong lỗ tai. Trường hợp sau, theo tôi, chỉ tốt một nửa vì tuy thân xác họ đang được trau dồi nhưng tâm hồn họ lại vẫn bị đóng trong những tạp âm của đời sống thay vì thong dong mở ra, hòa nhập vào cái uyên nguyên cực kỳ diễm lệ của trời đất, của thiên nhiên bao la hằng cửu, nó khiến cho con người chợt ý thức rằng nguồn gốc sự sống là đem cho thay vì đòi lại, là cái mới tái tạo trên cái đã mất, là sự tiếp nối bất tận trong chuỗi sinh diệt làm nên kiếp nhân sinh.

Cho nên, rèn luyện thể lực cần đi song song với rèn luyện tâm linh.

Ngày bé, bị bạn tranh mất đồ chơi, đứa trẻ la khóc, đập chân tay, vã mồ hôi, khan cả giọng để đòi lại. Lớn lên, trưởng thành, nhiều người vẫn chơi trò trẻ con ngày cũ, vẫn phản ứng kiểu trẻ con ngày cũ, không những thế, còn cọng thêm sự phẫn nộ và lòng thù hận ở cường độ sâu sắc hơn, thể hiện bằng những phương tiện trẻ con không có. Lăn lộn giữa cái phiền trược của đời sống, nghĩ là sẽ chế ngự nó hay thắng nó cách này hay cách khác chỉ là ảo tưởng. Phương cách duy nhất để thắng nó là vươn cao khỏi nó, là có nội lực thâm hậu để rũ bỏ nó khi cần, như bông hoa sen bắt rễ trong bùn nhưng không thở mùi bùn.

Tất nhiên quá trình luyện tập nội lực này không đơn giản nhưng cũng không phải là không thể thực hiện được, chỉ cần một chút lòng nhân hậu, bài học tích cực rút ra từ những kinh nghiệm khổ đau, ý niệm về sự vô thường hay sự bất trắc vốn là yếu tính của đời sống.

Bản thân tôi chưa từng có cơ duyên thụ pháp đạo giới với một vị ân sư nào, chưa từng biết qua lý thuyết hay thực hành thiền tập ra sao nhưng nếu bỏ ra ngoài các thành tựu lớn của khoa thiền học (đọc được tiền kiếp hay kiếp tới, nhìn thấy vũ trụ dịch lý v.v...) chỉ nói tới mục đích đơn giản nhất là giữ cho tâm hồn thanh thản thì tôi cảm thấy người ta có thể "thiền" bất cứ ở đâu, trong bất kỳ tư thế nào (không nhất thiết phải ngồi kiết già hay bán già). Ở giữa đám đông, nhìn thấy điều nghịch mắt, nghe thấy điều nghịch lý, xác tôi ở đấy cùng với mọi người (để không làm tổn thương ai) nhưng thần trí tôi

ngao du ở một cảnh trí khác, theo sự thoải mái của riêng mình. Làm việc nhiều, căng thẳng hay mỏi mệt (đừng bao giờ để quá mệt), tôi ngừng tay, hoặc mở cửa ra chỗ thoáng khí để cơ thể được hít thở hoặc ngả mình lên ghế, mắt nhắm nhẹ nhàng để không gian xung quanh trở thành khoảng trống, mỉm cười lấy một mình để nghe các bắp thịt trên mặt thư giãn, để cảm thấy mỗi hơi thở hít vào mang theo nó đến khắp tế bào châu thân luồng sinh khí bồi dưỡng mới. Cũng có khi sau buổi ban ngày buồn vui xúc động, để lấy lại sự thanh thản trong tâm hồn, khi đi ngủ, tôi thường nhắm mắt hình dung ra những miền hoa cỏ đẹp, màu sắc tươi mát, gió nhẹ phớt qua cánh lá lay động rì rào êm đềm và cảm giác yên bình này theo tôi vào giấc ngủ.

Ai cũng muốn có sức khỏe và hạnh phúc nhưng lại quên rằng xác thân mình chính là kho tàng quí giá nhất để tiếp nhận và bảo tồn những báu vật ấy. Người ta vô tình hủy hoại nó, đem báu vật đổ ra đường rồi lại hốt hoảng săn tìm.

Cho nên, để sống vui, sống khỏe, nguyên tắc đơn giản nhất là ăn uống lành, suy nghĩ lành, làm việc lành, lựa lấy những mặt tích cực của đời sống làm động cơ thúc đẩy mình hoàn thiện. Nếu thiền được coi là một cách thế để bảo vệ sức khỏe tâm linh và thể chất con người, tôi ước ao nó trở thành một thái độ sống trong từng phút giây của cuộc đời mỗi người thay vì chỉ giới hạn ở một ngành tu học.

Buồn Vui Của Người Assembler...

Hồi tôi mới đến Mỹ, những cơ hội gặp lại một số bạn bè quen biết cũ, tôi thường hăm hở và thành khẩn hỏi xem họ hiện làm việc trong ngành chuyên môn nào? Hỏi như vậy để có thể có một khái niệm sơ sài về chính chỗ đứng của bản thân trong cái xã hội mới gia nhập một cách miễn cưỡng này. Hầu hết quí vị nữ lưu được tôi hỏi (nếu họ đang làm cái công việc của những người assemblers) đều có cái vẻ buồn rầu bất đắc dĩ phải trả lời, thường thì họ trả lời một cách mập mờ, úp mở, mắt nhìn xuống đất:

– Buồn lắm chị ạ, tôi làm lao động ấy mà!

Một cô cháu họ của tôi, lúc ở Việt Nam làm nghề gõ đầu trẻ, còn đi xa hơn bằng cách ném một cái nhìn bực bõ về phía ông chồng rồi nói dấm dẳn:

– Cô ạ, giá cháu có một ông chồng kiếm tiền giỏi, cháu được đi học như người ta thì nay đi làm cũng đỡ hơn, đằng này cháu làm việc chân tay, chán lắm cô ạ!

nặng, xủng xoảng trên ngực, trên bụng, trên tay và một bên tai.

Chỗ tôi ngồi đủ xa để không nghe rõ nội dung câu chuyện giữa họ nhưng tôi chắc họ phải nói chuyện gì vui thú lắm vì tôi thấy các bà, các cô cười tít cả mắt, làm toát ra chung quanh họ cái cảm giác thống khoái của một người, giữa mùa đông giá buốt, được nằm trong chăn ấm và co rút chân tay lại để tận hưởng hạnh phúc. Chốc chốc, một cô đẩy cửa đi vào, tay xách một cái túi giấy chắc là đựng thức ăn cho bữa trưa. Các cô sà ngay vào bàn quí vị đồng hương và lập tức mở máy nói, có cô thỉnh thoảng ngáp, cái ngáp khề khà kèm theo một hơi thở hắt ra làm nhấp nhô bộ ngực bên dưới lớp lụa áo. Cô đưa tay lên che miệng theo phép lịch sự nhưng bàn tay cử động chậm hơn cái mệnh lệnh truyền đi từ bộ óc còn sáng suốt của cô nên cái miệng cô há hốc một lúc trước khi đóng lại cùng với cái nắm tay khum khum úp lên đầu cánh mũi.

Kim đồng hồ nhích đến một con số kỷ luật. Các bà, các cô lần lượt rời chỗ ngồi, có người còn nấn ná như tiếc rẻ cái cảm giác nhàn hạ buổi sáng vừa qua.

Túi thức ăn để lại trên mặt tủ, giờ đây các bà, các cô đi vào phòng làm việc với một cái ví con kẹp dưới nách hay một cái bao nylon đựng đồ lỉnh kỉnh cầm lủng lẳng nơi tay. Trên đường đi dọc cái hành lang dài, thỉnh thoảng có cô chào một ông xếp hay một bà bạn người ngoại quốc, giọng nói tiếng Anh của họ đặc sệt thổ âm của người Á châu: Hi, how are you? Có khi họ trả lời: Just fine, thank you. Không khí xung quanh họ đặc quánh một vẻ thân thiện và thoải mái khiến tôi chợt nhìn lại

mình và có cảm giác buồn rầu biết rằng tôi còn chưa đủ keo để dán mình vào bức tranh sinh động trước mắt.

Một cô gầy gò, cao lỏng khỏng, mặc một bộ suit bằng lụa hoa sặc sỡ, váy rộng và dài khỏi hai phần ba cẳng dưới, áo jacket lùng bùng thắt lưng quanh eo, đi lệt sệt phía trước tôi như một con đúm bằng vải. Tôi không khỏi mỉm cười nghĩ thầm "chắc chắn là nàng đã tự nhìn ngắm mình nhiều lần trước gương và hẳn là nàng phải thấy mình khả ái trong bộ quần áo thời trang này", như thế, nếu tôi không thưởng thức được thì có lẽ có một điều gì trục trặc trong đầu óc tôi mất thôi!

Công việc ngày đầu tiên của tôi là bóc những cái túi giấy đựng ống tiêm bằng nhựa, bỏ những cái ống tiêm này vào trong một cái bao nylon to gắn ở rìa bàn. Khi nào bao đầy thì vác để lên một cái kệ sắt ở cuối phòng và thay bao mới. Tôi làm cái cử động đều đặn này suốt tám tiếng đồng hồ, hai đầu ngón tay xé những cái bao giấy đỏ lên, sần sượng, hai vai đau dừ. Tất nhiên có một lúc tôi quăng ống tiêm vào thùng rác và bỏ cái túi giấy vào bọc nylon. Rất may là bao giờ tôi cũng phát hiện kịp thời sự đãng trí của mình và bà xếp không hề trông thấy tôi nhặt những cái ống tiêm từ thùng rác ra.

Xung quanh tôi, các bà các cô ngoại quốc ơi ới gọi nhau trò chuyện. Một cô khoe: "hôm qua tao mua sale được một lô underwears đẹp lắm"! Cô đưa hai tay phác họa hình thù những cái quần áo lót hấp dẫn đã làm cô rất hạnh phúc. Cô mô tả chúng có những đường đăng ten tuyệt cú mèo rồi cô búng đánh tách hai đầu ngón tay để diễn tả sự thú vị của cô.

Một cô khác: "Mày có xem ti vi tối hôm qua, chanel 4, không? Bà Marcos có tới 2.100 đôi giày, Chúa ôi!" Một cô khác nữa: "Ê Maria, mẹ chồng tao sắp đến ở với chúng tao mấy ngày. Tao đã cảnh cáo thằng chồng tao là những ngày có mẹ nó tới là tao chuồn, tao không ưa bả"! Tiếng nói chuyện rổn rảng từ đầu đến cuối căn phòng nhỏ.

Tôi ngồi im lặng làm việc. Một phần vì tôi mới đến còn lạ lẫm, một phần vì tôi không quen lối nói chuyện ồn ào với những người ngồi cách tôi từ ba đến năm thước, nhất là nói bằng tiếng Anh và với phong cách của ngôn ngữ này. Có lẽ sự im lặng của tôi trở nên kỳ cục trong bối cảnh của nơi tôi làm việc nên đến trưa thì bà xếp Mỹ hỏi tôi:

– Mày có thích nơi này và công việc mày đang làm không? Tao thấy mày có vẻ unhappy?

Tôi rất bất ngờ vì sự quan tâm của bà xếp và vì tôi không muốn nói dối nên tôi trả lời bà:

– Đã lâu, tôi tập yêu thích những công việc tôi phải làm và những nơi chốn tôi phải có mặt.

Nói xong, nhìn đôi mắt ái ngại của bà xếp, tôi biết mình đã trả lời một câu lố bịch trong cái hoàn cảnh hiện nay của tôi. Có lẽ bà ấy thấy tôi không được bình thường nhưng chắc bà ấy cũng chẳng có thì giờ để bận tâm tìm hiểu thêm về tôi vì một cô assembler người Mễ ở cuối phòng đã gọi giật giọng bà để hỏi một việc gì.

Công việc ngày hôm sau của tôi là xé những cái bao bằng plastic để lấy từ đấy ra hai cái khăn vệ sinh mầu xanh mà sau đó tôi cũng sẽ phải bỏ vào một cái túi nylon bự khác dán ở mép bàn. Những cái khăn vệ sinh này có cái mùi hóa chất chua khăn khẳn, chỉ ngửi thôi cũng có

cảm tưởng nó dính dớp dáp vào mũi. Ban đầu, tôi nín thở khi bóc những cái khăn đầu tiên, sau dần dần quen, tôi hít thở nhè nhẹ rồi đến một lúc tôi và cái mùi chua khăn khẳn ấy lẫn vào nhau, không còn phân biệt nữa. Tôi ung dung làm việc, tự nhủ đừng ném những cái khăn vào thùng rác như hôm qua đã ném những cái ống tiêm. Đầu óc tôi thảnh thơi nghĩ về những kỷ niệm Sài Gòn thân yêu mà tôi vừa bỏ lại, tưởng chừng đang đến thăm người bạn này, thả rông hè phố với người bạn kia, ăn một bát cháo huyết thật cay dưới gốc mận đầu hè, nằm ngủ còng queo trên cái phản gỗ kê trong một góc tối trong căn nhà nhỏ ở Phú Nhuận v.v... Tuy nhiên, bà xếp Mỹ không thể thấy được cái thế giới sinh động đang rộn ràng thở trong đầu óc tôi, bà ấy chỉ thấy tôi ngồi thành một đống im lặng thật khó chịu. Biết vậy, thỉnh thoảng tôi ngước nhìn bà và mỉm cười, như để bày tỏ một dấu hiệu thân thiện. Bà xếp cũng mỉm cười đáp lại, đôi khi kèm theo cả một cái nháy mắt. Sự việc này chỉ ổn thỏa được một lúc, về sau nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nó đâm ra có một vẻ máy móc vô duyên khiến tôi và có lẽ cả bà xếp chợt cảm thấy cáu kỉnh. Từ lúc đó, chúng tôi có vẻ cố tránh những cơ hội phải nhìn nhau và tôi lại ung dung trở về với công việc trong sự im lặng, tâm hồn tự do rong ruổi với những ý nghĩ của mình. Có một lúc, tôi thấy tôi và hai bàn tay tôi đang làm việc thoăn thoắt như là hai thực thể riêng biệt, không dính dấp gì với nhau. Tôi nhìn ngắm hai bàn tay ấy như một người khách lạ tình cờ đứng nhìn.

Công việc trong ngày thứ ba của tôi là dán những cái nhãn hiệu của hãng vào một chỗ nhất định trên một cái khay nhựa màu xanh. Tay phải tôi bóc những cái nhãn có

sẵn keo từ một trục giấy dài quấn quanh một cái cọc inox, tay trái bốc một cái khay để trước mặt. Hai động tác này phải nhịp nhàng ăn khớp với nhau để tiết kiệm thì giờ, hoàn tất được nhiều sản phẩm. Có một lúc sự múa may quay quắt này làm tôi vừa tức cười, vừa nghe rưng rức trong lòng nỗi ngậm ngùi chua chát của một người luống tuổi phải tham dự một cuộc chạy đua quá sức mình. Tôi làm cái công việc này liền trong tám tiếng đồng hồ, trừ nửa giờ cơm trưa và nửa giờ cho hai breaks giữa buổi. Tôi làm thục mạng, làm cắm đầu cắm cổ, làm như bị đẩy đi trong một cơn tức giận ghê gớm không thể kìm hãm.

Thái độ làm việc của tôi chắc là làm cho bà xếp Mỹ "nơ vớt" không chịu được nên sáng ngày thứ tư bà bảo tôi:

– Tao đã kiếm cho mày một người Việt Nam để mày nói chuyện.

Tôi cám ơn bà và đi về chỗ làm việc của mình. Kể từ nay, tôi có một người bạn có lẽ kém tôi vài tuổi, chuyển từ phòng bên cạnh qua. Suốt ngày hôm đó, tôi được biết bạn tôi thường được gọi ở đây bằng cái tên Kim – chắc hẳn cái tên này dễ phát âm đối với người Mỹ – Chị có chồng làm technician ở một hãng điện tử, lương 14 đồng một giờ, anh rất tốt và ngoan, không biết hút thuốc lá, không biết uống cà phê và rượu bia, chị có ba người con khôi ngô, đĩnh ngộ, cháu đầu lòng học trường College, hai cháu sau đang học High School và Junior High, chị có một bà mẹ chồng ngày xưa hành hạ chị ghê lắm, nay cụ đang ở báo đời anh chị vì cụ bị tê liệt đã hơn một năm nay vì đứt gân máu, sáng nào trước khi đi làm và chiều nào lúc đi làm về chị cũng phải thay tã cho cụ, tắm rửa

cho cụ và bón cho cụ ăn, chị làm thế để nêu gương cho các con về lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, may ra các cháu sẽ vì đấy mà giữ được truyền thống dân tộc, không mời anh chị vào chơi viện dưỡng lão, anh chị mua một cái nhà với lãi suất cố định nên nay không thể làm thủ tục xin tái tài trợ, đỡ tốn mấy ngàn song lại thiệt mười mấy ngàn, lúc mới vào hãng này chị không phải làm tay chân, chị ở bên bộ phận kiểm hàng, bên ấy việc lúc có lúc không, lắm khi chị tất bật chạy xe đến sở, làm một tiếng hết việc họ bảo chị đi về vì vậy chị xin chuyển sang đây, chị còn bà mẹ và mấy người em ở Việt Nam, vẫn phải gởi quà và tiền về giúp đỡ, hiện nay cái gì ở Việt Nam bán có giá? Khi chị ngừng câu chuyện thì kim đồng hồ đã chỉ giờ tan sở và chị chỉ còn kịp hỏi với tôi:

– Chị làm việc ở đây có thấy vui không?

Đúng là hạnh phúc thường có nhiều bộ mặt khác nhau. Đối với người này, hạnh phúc là được có một ai bên cạnh để chuyện trò, đối với người kia, hạnh phúc lại là được cô đơn một mình.

Hết một tuần lễ, chắc là bà xếp Mỹ rất khổ tâm thấy tôi dường như không hòa đồng được, không có cái "social life" theo kiểu người Mỹ nên cuối cùng bà bảo tôi:

– Mày làm tốt mọi việc tao bảo mày làm song tao thấy hình như mày không được thoải mái ở đây. Vậy tao gởi mày xuống dưới nhà, ở đấy mày có nhiều bạn Việt Nam lắm.

Phòng làm việc dưới nhà mà bà xếp Mỹ có nhã ý đưa tôi xuống gồm hơn một trăm công nhân, đa số là phụ nữ thuộc các quốc tịch Nhật Bản, Đại Hàn, Mễ, Trung Hoa và Việt Nam.

Cống việc đầu tiên tôi phải làm là sử dụng một cái máy chạy bằng hơi để cắt ống nylon. Tôi cắt những cuộn dây nhựa màu đỏ, theo một ni tấc đã điều chỉnh vào máy, lúc cắt, chân tôi phải đạp vào cái moteur để điều khiển lưỡi dao. Tôi làm việc có vẻ trơn tru trừ một đôi lúc, theo cái kiểu để thần trí đi ngao du đó đây, chân tôi để sẵn trên cái moteur bỗng tự động đạp xuống mặc dầu chưa có dây trên máy, máy bèn thở phì phì, hắt ra tiếng hơi bị xì vào khoảng không. Lập tức, tôi thấy hai bà Nhật ngồi gần chỗ tôi quắc mắt, hất hàm về phía tôi với một vẻ giận dữ dễ sợ, tay họ chỉ chỏ vào cái máy. Mất một giây đồng hồ tôi mới biết tội cái chân lơ đễnh của tôi và tôi vội vàng gật đầu ra vẻ "sorry" để xoa dịu cơn thịnh nộ của họ.

Các bà Nhật thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Nhật, nghe ríu rít như chim, có bà làm nhớ điệu bộ những nàng Geisha trong những phim chiếu ở Việt Nam trước đây, lúc cười nghiêng nghiêng cái đầu, dấu nụ cười sau tay áo. Một bà người còm cõi, mắt lá răm, suốt ngày ngồi trước kính hiển vi, tay cầm cái ống sấy thổi vào đầu một sợi dây để làm dính một cái lò xo li ti trong một khúc nhựa dẻo. Tôi nghĩ chắc phải đến một lúc bà ấy đi về nhà với cánh tay huơ huơ như lúc cầm cái ống sấy thổi vào đầu sợi dây vậy. Một bữa, sau buổi ăn trưa trở về phòng, bà ấy gọi cô bạn nhỏ bên cạnh tôi:

– An tà, an tà (có nghĩa là bạn ơi!)

Bạn tôi chỉ tay vào ngực cô ấy, nhướng lông mày lên hỏi:

– Me?

Bà ấy gật đầu rồi nhoẻn miệng cười, nói tiếp:

– Come here, I show you something.

Bạn tôi long tong lả tả rời ghế chạy đến chỗ bà Nhật. Tôi thấy bà ấy đưa cho bạn tôi một cái hộp nho nhỏ và làm dấu kêu bạn tôi mở ra. Bạn tôi có vẻ dùng dằng, toan đưa trả lại nhưng bà ấy cứ ấn cái hộp vào tay bạn tôi, dục mở. Tôi thấy bạn tôi mở ra, rồi mặt bạn tôi đỏ lên, cô ấy quăng cái hộp lên mặt bàn và chạy về chỗ ngồi, vừa chạy vừa rủa:

– Đồ quỉ!

Đáp lại cái nhìn dò hỏi của tôi, cô bạn cắt nghĩa rõ:

– Mở hộp ra, "cái đó" nó nhảy lên, thiệt từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ tui mới thấy cái đồ kỳ cục như dzậy!

Trong khi đó ở bàn bên kia, bà Nhật dơ cao cái hộp cho mọi người thấy rồi nói tỉnh bơ:

– It's only a box of matches!

Trong cái thế giới các bà các cô assemblers phức tạp này, phải nói là quí vị phụ nữ dòng giống Âu Cơ ăn mặc thời thượng hơn hẳn các sắc dân khác. Thôi thì đủ mốt, đủ kiểu. Trông các bà các cô đứng ngồi trong cafeteria, tôi thường có cảm tưởng ở giữa một buổi tiếp tân sang trọng và xa lạ. Có bà mặc quần ống bó ngắn ngang nửa bụng chân, bên trên là một cái áo quá khổ tay cánh bướm, có một chùm hoa to tướng in lệch ở một bên vai, thân áo buộc thắt ngang bụng thành một cái nơ, để hở toàn bộ nửa người phía trên được che đậy hờ hững bằng một áo lót mình bằng lụa. Có cô chân đi boot đen cao một tấc, váy đen ngắn trên đầu gối, bí tất đen lốm đốm hoa, bên trên mặc áo T shirt đỏ khoét nách sâu vào đến hai xương cánh lưng. Có vị mặc suit may bằng hàng đắt tiền, cổ áo sơ-mi dầy đặc đăng ten được tăng cường bằng một giải nơ

to bằng hai bàn tay xòe ra, lúc vị ấy đi, bộ mông uyển chuyển đong đưa làm nổi bật sự khít khao gợi cảm của bộ áo may cắt công phu.

Không kể giờ phụ trội, chúng tôi có mặt ở hãng đúng tám tiếng rưỡi đồng hồ mỗi ngày, trừ nửa tiếng ăn trưa tính về phần chủ hãng, nửa tiếng gồm hai lần giải lao tính về phía công nhân. Khi đến giờ, một người nào đó thường hô to "break time" hoặc "lunch time"! để mọi người cùng nghe. Lập tức, mọi người rời bỏ công việc đang làm và ùa ra cửa, thay vội áo làm việc nhét vào hộc tủ rồi chạy vội ra xếp hàng ở dãy phòng vệ sinh. Xong khâu vệ sinh là đến khâu xếp hàng chờ hâm thức ăn ở trước cái bàn đặt microwave.

Việc ăn trưa cũng chia làm hai môn phái: môn phái bảo thủ thì đem theo những thức ăn Việt Nam, gồm thập cẩm bát âm từ chả giò, nem nướng, bún mọc, bún bì, nem chua, chả lụa, mắm kho, tôm rang, cá rán, rau sống, nước tương, xôi chè, khoai môn, bánh đa... Môn phái này mất rất nhiều thì giờ để sửa soạn món ăn và mời mọc nhau. Thường thì quí vị chỉ còn mươi lăm phút để ngốn tất cả những thứ ấy vào bao tử. Do đó, quí vị ăn ngồm ngoàm, ăn nghiến ngấu, ăn như bị ma đuổi, vừa ăn vừa nói rất chi là hào hứng, thỉnh thoảng còn nghe cả tiếng xuýt xoa vì một quả ớt quá cay. Sau bữa ăn, môn phái này thường có màn chia nhau vỏ cam hay kẹo chewing-gum để nhai cho thơm miệng!

Môn phái tân thời ít đảng viên hơn. Họ thường ngồi rải rác mỗi người một nơi, vẻ mặt trịnh trọng, cái khay thức ăn to tướng để trước mặt, trong khay thường là một đĩa bí tết khoai rán, một cái hamburger, một chén xúp,

đôi khi là một cái bánh ngọt ràn rụa cream và mật, chỉ nhìn thôi đã thấy khô cả cổ! Họ sử dụng dao nĩa, ăn uống chậm rãi, miệng ngậm kín trong khi nhai theo kiểu người ngoại quốc, vừa ăn vừa khoan thai xé những cái túi giấy nhỏ đựng đường cho vào tách trà hay cà phê.

Nhưng cho dù ăn theo kiểu gì, mọi người cũng chỉ có nửa giờ gồm cả giờ đi rửa tay, đổ rác, bỏ áo mũ ra và mặc trở lại. Vì vậy, assemblers chúng tôi đi thành đàn như đàn vịt trong những giờ nghỉ qui định. Chạy dọc theo cái hành lang dài, chúng tôi tất tả tản vào các cửa restroom, cửa phòng lockers, cửa phòng làm việc, đôi khi đụng đầu nhau nói một câu ngắn rồi vội chạy đi, y như lũ kiến lam lũ mà thuở còn thơ ấu, những ngày Huế sắp bão lụt, tôi thường có dịp ngồi nhìn chúng hằng giờ trên các bờ tường.

Đôi khi chợt ngẩng trông quang cảnh nhộn nhịp của hơn một trăm công nhân đang tất bật lao động trong gian phòng rộng sáng choang ánh đèn, tôi bất giác cảm thấy xót xa, ngậm ngùi, sao quang cảnh này không phải là quang cảnh đất nước Việt Nam thân yêu của chúng tôi! Chúng tôi đã phải đem trí tuệ, tài năng và sức lực của chúng tôi đóng góp vào sự phồn vinh của một xã hội xa lạ và tất nhiên qua đó, cũng để đổi lấy sự sống lênh đênh, tạm bợ của chúng tôi ở đây. Càng nghĩ càng oán hận Cọng Sản!

Một bà mẹ của bốn đứa con nhỏ mới từ một miền quê hẻo lánh của Việt Nam vượt biển qua đây tìm chồng. Chị tới Mỹ chưa được nửa năm thì chồng mất việc, nay chị được hãng mướn để làm một công việc phải dùng đến kính hiển vi. Chị không quen nhìn kính hiển vi, trông

vào hai ống kính chỉ thấy tối đen nhưng chị cứ phải tiếp tục nhìn. Mặt chị đỏ bừng, trán chị rịn mồ hôi, mắt chị thất thần, người chị cứng đờ nhưng chị nhất định ôm ghì cái kính hiển vi vì chị biết nếu chị buông nó ra thì chị sẽ bị nghỉ việc, chị sẽ không có tiền trả tiền nhà, mua thức ăn cho trẻ con và cho mình... Chồng chị nói rằng về đến nhà chị nôn thốc tháo và chị khóc suốt đêm. Thế nhưng sáng ngày hôm sau đúng giờ vào ca, mọi người đã thấy chị ngồi ngay ngắn trước ống kính hiển vi như một người chuyên nghiệp, ai đến gần chị cũng cười rất tươi và xếp hỏi thì chị chỉ có gật đầu, nói độc một chữ "yes".

Từ lúc tôi về phòng này, công việc của tôi có gì làm nấy, lúc thì trộn keo để gắn mấy cái hub vào ống nhựa – thứ keo này cứ hai mươi phút phải đổi một lần. Chỗ tôi ngồi làm việc ở đầu phòng, chỗ để cái máy trộn keo ở cuối phòng. Cứ mỗi hai mươi phút tôi lại tất tả di chuyển trên lộ trình ấy như một quân cờ đòn gánh. Bạn tôi thấy tôi đi ngang về dọc xem chừng thoải mái lắm bèn cau có hỏi "Đi đâu mà đi luôn thế?" Tôi dơ cao cái dĩa nhôm đựng keo rồi trả lời: "À, tử vi của tôi năm nay đi vào cung thiên di mà"! Lúc thì đẩy những cái joints cao-su li ti vào một bộ phận gì đấy bằng nhựa sơn xanh đỏ, lúc thì lồng một sợi dây bé bằng sợi tóc sâu, trong suốt như thạch, vào một cái ống lò xo mảnh hơn sợi tơ, nhìn vào đấy một lúc tưởng chừng như mắt kéo màng! Cũng có lúc bưng vài cái rổ đựng đầy bao nylon đi hàn, hễ cứ làm gần xong một việc là phải mắt trước, mắt sau tìm lead để báo cáo và xin việc mới:

– I almost finish job, do you have another one for me?

Tuy vậy, thỉnh thoảng chúng tôi cũng có những cái vui để đời. Một hôm, lúc tôi làm xong một công việc cần đến thước đo, tôi mang cây thước trả cho một đồng nghiệp với một câu nói buột miệng:

– Trả cho César cái gì thuộc về César!

Chị bạn tôi phá lên cười thích thú, tiếng cười của chị nở nang, tròn trịa, bừng bừng chở theo với nó cái hạnh phúc chứa chan của chúng tôi lúc còn là những sinh viên thảnh thơi trong các giảng đường đại học ở quê nhà, mộng ước lấp biển vá trời đặt vào tương lai của giòng giống Việt Nam. Một chị bạn khác ngồi gần tôi mở to đôi mắt nai tơ, vừa tò mò vừa muốn ké một chút vui giữa công việc buồn nản:

– Cái gì mà chị S. cười vui thế?

Tôi đáp:

– À, tại mình bảo chị ấy "trả cho César cái gì của César".

Bạn tôi càng mở to mắt hơn:

– Xê da là ai vậy?

Tôi lặng yên, vờ như không nghe câu hỏi.

Một bữa khác, khi cả phòng làm việc đang im ắng, cái im ắng ngầy ngật, chìm đắm của những bộ mặt mỏi mệt sau bữa ăn trưa với những đôi mí mắt chỉ chực sụp xuống, bỗng một tiếng thét xé vào không gian như của một người bị thương tích trầm trọng, tất cả mọi người bàng hoàng, thảng thốt nhìn ra xung quanh nhưng mọi sự xem ra vẫn bình thường, trật tự, té ra một bà Nhật cáu kỉnh hét lên để bớt bực dọc. Hét xong bà ngồi im, hai tay khoanh để lên bàn như một người học trò rất kỷ luật.

Chỉ có mỗi một điều: tôi không bao giờ được nghe các bà các cô nói đến Việt Nam. Có lẽ đối với họ, một cánh cửa đã đóng lại vĩnh viễn, một khoảng đời tốt hơn không nên nhắc nhở, như một vết thương cần phải lành để cho người mang vết thương có thể tiếp tục sống dù chỉ là sự sống đang tàn tạ. Thế nhưng trái tim đa cảm của các bà các cô không thể không đập vì một nỗi đam mê nào nên đề tài sôi động nhất những khi quí vị ngồi với nhau vẫn là tình yêu đôi lứa, với chồng, với người tình hay với cả hai cùng một lúc. Họ như những bông hoa phiền muộn, héo hon vì một đời sống máy móc, khắc nghiệt, nên lúc nào cũng khát khao, mong đợi một chút sương đêm và một chút mặt trời phù du!

Ngày tháng trôi qua vùn vụt trong guồng máy vô tình của một xí nghiệp Huê Kỳ, chẳng mấy chốc mà tất cả chúng tôi da mồi, tóc bạc, "nhìn lại mình đời đã xanh rêu"!

Tôi muốn được như những cái nút bằng nhựa mầu tươi thắm đang lăn lóc, nhởn nhơ trên mặt bàn chỗ tôi làm việc, tôi muốn được như cành lá đang thở no không khí và gió mát một ngày trời đẹp mà tôi đang thấy bên ngoài ô cửa kính, tôi muốn được làm mây bay trong cõi mông mênh về đến quê hương, tôi muốn... tôi muốn... miễn đừng là một người assembler tập sự mà đồng lương mỗi tháng đem về chỉ đủ trang trải tiền nhà và điện nước.

Nghĩa Trang Của Người Mỹ

Mỗi dân tộc có một tập quán sống riêng biệt, đặc thù cho chính họ. Một trong những tập quán rất dễ thương của người Mỹ được biểu lộ qua cách xây dựng các nhà quàn và nghĩa trang dành cho người quá cố.

Tôi chưa từng có cơ hội du lịch qua các nước Âu châu, cụ thể nhất là nước Pháp. Tôi không biết giữa thành phố Ba Lê ngày nay, người qua đường có còn thỉnh thoảng được chứng kiến cảnh một đoàn xe tang chầm chậm lăn bánh giữa những người đi tiễn mặc quần áo màu đen, nét mặt nghiêm nghị, hay không? Trong trí nhớ ngô nghê của tôi, chẳng biết vì sao, tôi vẫn cứ hình dung một cảnh tượng như thế, làm như tôi đã nhìn thấy một lần đâu đó. Có lẽ vì lúc tôi mới lớn, học ở trường bà Xơ, các bà dạy chúng tôi khi đi đường, nếu gặp đám ma, phải dừng bước và ngả nón hay mũ để chào vĩnh biệt người qua đời nằm trong áo quan. Từ đấy về sau, cứ mỗi lần đi qua một đám tang đang di chuyển ngoài đường, tôi đều làm ra vẻ tự nhiên và kính cẩn bỏ nón chào linh cữu người quá cố,

thật ra, lòng tôi thì khẽ lâng lâng cái cảm giác tự hào vì phong cách xem ra chiều văn minh và lịch sự của mình.

Sau này lớn lên, tôi không còn nỗi sung sướng thơ ngây ấy nữa. Mỗi lần đi qua một đám tang cờ phướn rợp trời, kèn tây inh ỏi, tôi chỉ cắm cúi bước rảo, nghe thấp thoáng trong lòng mình chút buồn bã bâng quơ, biết rằng xung quanh tôi, người chết hàng ngày...

Số phận đưa đẩy, tôi đến Mỹ hơn ba năm. Sống ở đây được ít lâu, tôi thắc mắc tự hỏi "sao không thấy đám ma trên đường phố?" Câu hỏi nhà quê này, tôi không tiện hỏi bất cứ ai, chỉ để tâm tìm hiểu một mình. Dần dần tôi biết rằng khi một người qua đời, thi hài được kín đáo chuyển đến nhà quàn bằng xe hơi đen (như xe limousine), không trang hoàng bên ngoài bằng bất kỳ dấu hiệu tang tóc nào khiến người qua đường có thể nhận biết được. Từ nhà quàn, linh cữu được chuyển đến nghĩa trang thường kế cận ngay gần đấy, cách biệt với cõi nhân gian bên ngoài.

Không giống với nghĩa trang của người Pháp lộng lẫy các nhà mồ bằng đá cẩm thạch hay đá hoa cương (như ở Mạc Đĩnh Chi trước 75), với hàng loạt thập tự giá xi măng (như ở khu vực Lăng Cha Cả trước 75), ngày nay người Mỹ có khuynh hướng dấu nhẹm cái chết bên dưới màu xanh của những thảm cỏ mượt như nhung.

Người qua đường nếu chợt thấy đâu đó những sườn đồi thoải nối nhau chập chùng, cỏ xanh ngăn ngắt và đều tắp lác đác, những cụm hoa ngũ sắc, bóng một vài cây tùng phơ phất trong khoảng không thanh vắng, rộng rãi, có lẽ nhìn kỹ, sẽ thấy ở một phía nào đó có cổng và lối vào giống như một công viên, thì đấy là một khu nghĩa trang. Phải đi đến tận nơi mới nhìn thấy những tấm mộ

chí bằng đồng đặt nằm sát mặt đất, lẫn vào cỏ, ghi các chi tiết của người quá cố. Chính ở đây, người Mỹ thể hiện biên giới tuyệt đối của sự bình đẳng.

Dân tộc Mỹ trẻ trung, vui tươi, lạc quan, yêu đời nhưng họ cũng chịu nhiều áp lực do cuộc đấu tranh sinh tồn hối hả, khốc liệt mà họ phải đương đầu hàng ngày. Vì vậy, họ có khuynh hướng loại bỏ những âm điệu buồn bã, những màu sắc u ám, những cảnh tượng ảm đạm khiến lòng họ sầu khổ. Họ muốn nhìn thấy chuyện vui ở mọi nơi, "having fun", khiến mục đích của đời sống lúc nào cũng như một điệu nhạc rộn rã cuốn họ vào những lên đường mới dễ chịu.

Tôi định cư ở Mỹ gần bốn năm, được chung hưởng cảnh trí thanh bình, an lạc, xinh tươi của người Mỹ. Tôi không hiểu vì sao đầu óc tôi cứ lẩn quẩn hình ảnh những khu nghĩa trang mà tôi đã đi qua trong đời. Có lẽ vì tôi mang theo với mình ký ức ngôi mộ thân phụ tôi bỏ lại trên một sườn núi chênh vênh ở miền Trung Việt Nam, ngôi mộ của con gái tôi bỏ lại bên con đường mòn đi vào một thôn xóm Hậu Giang tiêu điều, vì tôi cứ nhớ mãi bức tượng tiếc thương ở nghĩa trang quân đội bên lề xa lộ Biên Hòa, trong vài buổi chiều tím xẫm khi tôi còn có dịp đi qua đó trước ngày mất nước, đôi mắt người chiến binh (còn nguyên hành trang chiến trận trên mình) nhìn xa xăm vào khoảng không, hằn lên đá nỗi tiếc thương không phải chỉ là đời sống đã trôi khỏi tầm tay mà chính là dòng sinh mệnh chung của đồng loại, từ nay, anh đã không còn cách gì hòa nhập với.

Có lẽ từ những ký ức buồn rầu vừa kể, tôi ý thức đời sống là sống cùng với những người xung quanh tôi. Tôi

không thể yêu cuộc sống, thưởng thức nó mà thiếu những người xung quanh mình. Tôi còn nhớ Jean Paul Sartre, một triết gia lừng lẫy của châu Âu cận đại, đã viết "Địa ngục chính là tha nhân". Sartre không viết sai, không nghĩ sai. Nhưng đó chỉ là sự chọn lựa một cách nhìn, một cách thiết lập và đón nhận quan hệ xã hội giữa mình và người, của riêng ông. Tôi thường nghĩ lẩn thẩn, nếu quả thật mỗi chúng ta ai cũng có khả năng và sức mạnh làm chủ đời mình, sao ta không chọn lựa một mô hình thật đẹp mà xây dựng nó? Đẹp như thế nào, vấn đề thật bao la. Cái đẹp dễ hình dung nhất nhìn thấy trên những nụ cười trong sáng, biểu lộ hòa bình, sự giác ngộ cái vô thường là yếu tính căn bản của đời sống. Có người nói sự giác ngộ ấy do căn duyên mà có. Thật ra, căn duyên không tự thinh không mà nảy sinh, như một ân huệ riêng. Nó tiềm ẩn bên trong mỗi người chúng ta, như ngọc quí tiềm ẩn trong đá. Cũng cần có ý thức tự giác nơi mỗi cá nhân là sức mạnh làm vỡ đá để hứng lấy ngọc. Đá vỡ, những giới hạn bủa vây nặng nề của nghiệp chướng cũng vỡ theo, ánh sáng của ngọc hay sự giác ngộ soi rọi mọi bí ẩn của đời sống bao gồm sinh, lão, bệnh, tử, tình yêu hay thù hận, hạnh phúc hay đau khổ, giàu có hay nghèo hèn.

Mặc khải của người Công giáo dừng lại ở Đức tin (Phúc thay những kẻ không thấy mà tin). Sự giác ngộ nơi người Phật tử lý giải cả những định luật chi phối toàn thể vũ trụ, thiên nhiên, con người và hết thảy mọi hiện tượng xảy ra quanh nó. Lý giải được sẽ đưa đến những phản ứng thích nghi, đưa đến chế ngự, tháo gỡ. Do đó,

con người không còn bị dày vò luẩn quẩn trong u mê nghiệp chướng của chính mình.

Còn nhớ thuở học trò, một hôm thầy giáo cho đề bài luận văn bình giảng câu phương ngôn (không còn nhớ của ai) "Anh hay chị hãy sống như không bao giờ phải chết". Trong bài luận văn năm xưa ấy, tôi đã nại ra không biết bao nhiêu là vĩ nhân với công trình khoa học và nghệ thuật to lớn, trác tuyệt mà họ đã dùng cả đời để cống hiến cho sự tiến bộ của nhân loại. Quả thật các bậc vĩ nhân đều có đời sống dài hơn tuổi thọ của họ trên cõi thế gian, tuy nhiên, đến bây giờ thì tôi đã đủ khôn lớn để hiểu được những thanh âm lắng chìm trong một bản nhạc, những khoảng khắc vui buồn, niềm hy vọng, nỗi lo sợ trong tiếng đập của trái tim mà nếu không có chúng thì lấy gì phân biệt một con người với một cỗ máy?

Tôi chỉ là một sinh vật tầm thường. Tôi sống và biết rằng cuộc sống ấy có giới hạn. Đến một tuổi đời nào, có lúc người ta sẽ chợt cảm thấy từng phân vuông cơ thể mình, chứa trong nó nguồn sinh diệt âm thầm và bí ẩn, cũng trở nên nghi hoặc với chính mình.

Tôi sống như một người có thể giã từ bất cứ lúc nào. Nén cơn giận, cố mà hiểu, nói những lời tử tế, ôm hôn các con, kiên nhẫn với mẹ, gởi một chút tiền về Việt Nam, đến thăm một người bạn đau ốm, mỉm cười chân thật với mọi người, hãy làm tất cả những cử chỉ thân thương ưu ái ấy khi chúng ta còn cơ hội.

Tôi không biết Thiên Đường hay Niết Bàn có hay không? Nhiều người không bận tâm về câu hỏi này. Nhiều người săn đuổi nó trong trí tưởng như một ảo ảnh. Thật ra, thiên đường hay niết bàn ở nơi nào có tiếng

cười, tình thương và niềm vui. Vì vậy, tôi ít làm cho tôi buồn, tôi ít làm người khác buồn, biết rằng tất cả đều có chung một thân phận mong manh, biết rằng thảm kịch lớn nhất, đáng tiếc nhất sẽ đợi tất cả chúng ta ở cuối đường, cớ sao còn mải mê hành hạ nhau thêm?

Trăm năm còn có gì đâu?
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì...

Chúng ta chỉ ngồi với nhau một buổi, đi chung với nhau một đoạn đường, sao không lấy lễ mà đãi nhau như bạn quí? Khách đến nhà, có cái gì hay đem phô, có miếng nào ngon đem mời, nói lời phong nhã để làm đẹp lòng nhau, chẳng phải ư? Người ta bon chen, hờn giận, thù ghét, làm hại nhau chẳng phải vì cứ nghĩ cuộc đời dài vô tận ư?

Lòng đố kỵ, sự hà khắc và bạc đãi nhau trong cuộc sống thường nhật với những giọt nước mắt kín đáo rơi bên lề cuộc tiễn đưa một người về cõi ngàn thu, điều nào thật, điều nào giả? Riêng tôi, tôi mãnh liệt tin rằng bao lâu đời sống như một vở kịch chưa buông màn thì các diễn viên vẫn còn phải diễn xuất theo nghiệp dĩ, vẫn còn bị lôi cuốn trong dòng cảm xúc mê cuồng của vai trò, thế nhưng khi tấm màn nhung đã hạ xuống để kết thúc vở kịch, những gì còn lại phía sau sân khấu là thật, chỉ tiếc rằng lúc bấy giờ sự thật không còn ích gì cho cả người ra đi lẫn người ở lại.

Người Mỹ có luân lý sống của riêng họ. Tôi cám ơn người Mỹ đã luôn luôn nỗ lực làm cho cuộc đời có bộ mặt xinh tươi, đẹp đẽ, nhẹ nhõm, dễ thương, song quả thật lòng tôi cứ muốn thỉnh thoảng được nhìn thấy ở đâu đó quang cảnh một nghĩa trang theo lối cổ điển, với thánh

giá và mộ chí, để tôi tự nhắc nhở mình duỗi bớt hai tay, sống đơn sơ và giản dị, yêu người qua thân phận mình.

Đôi Cánh Ước Mơ Của Con

Cô con gái út của tôi gần như không bao giờ minh thị ngỏ lời yêu cầu mẹ làm thêm một việc gì ngoài những công việc thuộc trách nhiệm tối thiểu mà tôi thường phải chu toàn đối với cô: tiền nhà, tiền mua sách, tiền ghi danh một lớp học phụ trội v.v... Ngày cô tốt nghiệp cử nhân dự bị luật khoa tại UCLA, cô không mời mẹ dự lễ ra trường với lý do cô không thấy chuyện tốn tiền thuê lễ phục là cần thiết nên làm. Ngày cô tốt nghiệp bác sĩ luật khoa đại học North Eastern tiểu bang Massachusetts cô cũng không muốn mẹ nhọc lòng đi một hành trình xa chỉ để dự lễ cô ra trường. Cô gọi điện thoại về nói "đàng nào thì con cũng học xong rồi. Nếu mẹ muốn thưởng, mẹ con mình nên gặp nhau đâu đó để cùng đi chơi thì hữu lý hơn". Một chỗ đâu đó và chuyến du lịch giải trí sau mùa thi này đã do cô con gái thứ hai của tôi lo dùm vì tôi mới nhận một công việc mới nên chưa có ngày nghỉ phép.

Thế mà đến lúc cô qua được kỳ thi lấy bằng hành nghề luật sư thực thụ của tiểu bang Massachusetts, cô lại ngỏ ý "mẹ qua dự lễ tuyên thệ của con nhé". Tôi là một

người già, vốn cả tin vào mọi quyết định của người trẻ nên chỉ chờ cô nói có thế là vội vã đặt mua vé máy bay. Cuối cùng thì tôi cũng đến được phi trường Logan, thành phố Boston, vào một buổi tối giữa tháng 6-99, sau chín tiếng rưỡi đồng hồ hoặc ngồi trên phi cơ, hoặc chạy như ma đuổi trên các hành lang sân bay đông đầy người, hoặc chờ đợi cho cơn mưa giông có sấm sét ở Detroit tan hẳn để phi cơ có thể cất cánh an toàn ở chặng bay cuối.

Các phi đạo của sân bay Logan chạy dọc theo những vũng biển nhỏ, ban đêm lấp loáng ánh đèn. Cô bé ra đón mẹ bằng chiếc hơi cũ, mượn của bạn. Căn chung cư cô ở thuê nằm ở vùng ven thành phố Boston, trong khu vực dành cho giới có lợi tức thấp. Nhà cửa quanh đây không có đất làm gara, không có sân chơi cho trẻ con, xe đậu bên lề đường sát nhau, chiếc nọ cách chiếc kia chừng vài gang tay, khiến tôi có ý nghĩ ngộ nghĩnh là nếu chiếc đầu tiên không chạy, như mối chỉ bung ra, thì cả đoàn xe sẽ không nhúc nhích được.

Vì buổi lễ tuyên thệ được tổ chức vào lúc một giờ chiều thứ hai nên mẹ con tôi có nguyên một ngày chủ nhật tự do rong chơi. Sáng sớm, cô bé dậy làm điểm tâm cho mẹ gồm một ly trà chanh pha mật ong, mấy cái bánh bột nướng rắc đường mịn. Ăn uống xong, cô chở tôi xuống phố. Boston có nhiều cầu băng qua những khúc sông. Bên kia sông là thành phố Cambridge, mây xuống lưng chừng các tòa cao ốc, tưởng như một người nào mở một cánh cửa sổ ra là có thể với tay vốc được một nắm mây.

Đường sá ở cái thành phố những người di dân đầu tiên đến khai sinh Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ, chật hẹp và cũ kỹ. Lề đường mấp mô gạch đỏ, đông đầy bộ hành.

Người ta băng qua đường bất cứ nơi nào họ cần, ngay trước mũi những tài xế xe hơi chắc là đã quen nhường người đi bộ. Phụ nữ ăn mặc đẹp nhưng đi giày tiện dụng, đa số mang sneakers. Một đặc điểm nữa của Boston mùa hè là du khách và gió. Gió lộng khắp mọi nơi, thổi tung mái tóc người qua đường. Gió như đàn ngựa hoang, lồng qua những con phố hẹp, gọi dậy trong ký ức mơ hồ nỗi nhớ nhung một thời của những giấc mơ viển vông. Có một đoạn đường, vào mùa gió chướng, những người đàn bà muốn băng từ bờ lề này qua bờ lề bên kia phải được nhân viên an ninh hộ tống để khỏi bị gió cuốn đi như cọng lá khô. Boston có nhiều trường đại học danh tiếng. Sinh viên khắp nơi trên nước Mỹ lựa chọn theo học ở cái thành phố có truyền thống văn hóa này, lôi cuốn thân nhân, bạn bè đến cùng trong mùa hè. Chịu ảnh hưởng giao lưu mạnh mẽ của nhiều lượt người đến và đi từ nhiều vùng khác nhau, người dân Boston phóng khoáng và cởi mở so với bề ngoài địa dư cổ xưa.

Ở khu trung tâm thành phố, thư viện cộng đồng được dân chúng góp công góp của xây cất từ thế kỷ 19 để phục vụ cho "nền học vấn tiến bộ". Làm thành một góc vuông ở hai mặt thư viện là hai ngôi nhà thờ kiến trúc mỹ lệ, ngôi ở chính diện thư viện soi bóng lồng lộng trên toàn bộ mặt tiền lộng kiếng của tòa cao ốc John Hancocks. Chuyện kể rằng có một lần, khi mới xây cất xong, những tấm kiếng lớn của tòa cao ốc này rơi xuống đường phố nhưng không làm một ai bị thương. Người dân Boston tin rằng Chúa và Đức Mẹ đã làm phép lành để tránh được một tai nạn lớn cho họ. Rõ ràng kiến thức và đức tin là

hai yếu tố tinh thần đậm nét của khu vực này trên bản đồ của nước Mỹ.

Chúng tôi cũng đi qua công viên rộng lớn của thành phố, với hồ nước và cây cỏ xanh tươi trong mùa hè. Sát công viên vẫn còn một khu nghĩa trang cổ mà có lẽ người dân muốn giữ lại như một vết tích của tiền nhân. Khu phố Tàu cách nơi này một quãng đường không xa lắm. Con gái tôi kể lại có những buổi trưa nắng đẹp trong mùa thi, cô lội bộ ra phố Tàu mua thức ăn rồi vào công viên học, mệt hay buồn ngủ thì ngủ thoải mái trên cỏ. Nghe con hồn nhiên nói, lòng tôi bỗng đau thắt. Những chặng đường cô đi, những kinh nghiệm sống cô trải qua, một mình, thật đã vô cùng xa lạ đối với sự hiểu biết và khả năng bảo bọc của một bà mẹ như tôi, được nuôi dưỡng lớn khôn, được học hành, được ngủ trưa trong bóng mát khu vườn nhỏ bé của cha mẹ. Thế giới của cô không có chút gì giống với cái thế giới tôi từng quen thuộc. Những khám phá của cô có biên giới ngoài tầm với của tôi ngàn lần hơn. Những đương cự của cô gay gắt, khó khăn gấp bội so với hoàn cảnh tôi phải trải qua. Cho nên, cô không bao giờ là âm bản của mẹ cô được. Cô lớn lên từ thịt da của mẹ nhưng sự lớn mạnh ấy phải xé rách thịt da kia để sống phần đời phát triển của riêng cô. Tôi vừa kinh ngạc, vừa hạnh phúc nhìn ngắm cái phần hóa thân tuyệt đẹp trên sự khô héo và tàn rữa của chính mình, bỗng dưng muốn ngợi ca Thượng Đế và hiểu ra ý nghĩa màu nhiệm của mọi chu kỳ sinh diệt trong tạo vật.

Chúng tôi đi qua trường đại học Harvard, nhìn vào những lối đi cây lá xanh bên sau mặt tiền cổng kiến trúc vững chãi và cổ kính, đọc thấy trên đó hàng chữ “Enter

to grow in wisdom". Ngoài bằng cấp, phải chăng giấc mơ lớn nhất của nhiều thế hệ sinh viên theo học ở đây, của những người đã đặt viên đá đầu tiên để xây dựng ngôi trường danh tiếng này từ năm 1873, chính là ước mong được nhìn thấy con người ngày một biết sống khôn ngoan hơn trên địa cầu nầy? Có bao nhiêu sinh viên hàng ngày vào ra qua cổng trường hay đã tốt nghiệp và bay đi những phương trời khác, còn mang theo trong trí nhớ dòng chữ khắc trên đá ấy? Hay nó như chiếc chìa khóa mở cửa vào cõi chân như hạnh phúc bị vùi lấp mất tăm giữa bề bộn lo toan của đời người?

Buổi lễ tuyên thệ vào nghề của khoảng 180 tân luật sư thuộc tiểu bang Massachusetts được tổ chức vào lúc một giờ trưa ngày 14-9 tại tòa nhà Faneuil Hall, trước kia là tòa thị chính của thành phố Boston và nay được dùng cho các sinh hoạt đặc biệt của thị xã. Cô con gái út của tôi là người phụ nữ Việt Nam duy nhất, tầm vóc nhỏ bé, lọt thỏm giữa các đồng nghiệp "râu hùm hàm én mày ngài, vai năm tấc rộng lưng mười thước cao" và các nữ đồng nghiệp oai phong, bệ vệ hơn hẳn cô. Buổi lễ được điều động bởi bà Maura S. Doyle, chánh thư ký tòa án tỉnh hạt Boston, vốn cũng là sinh viên xuất thân từ trường luật North Eastern, đẹp sắc sảo ở tuổi trung niên, thông minh, lưu loát, tóc cắt ngắn, mặc lễ phục áo đuôi tôm khiến bà trông ngộ nghĩnh và duyên dáng thêm. Buổi lễ tất nhiên còn có sự hiện diện của hai vị Chủ tịch luật sư đoàn, một nam, một nữ, thuộc luật sư đoàn Boston và Massachusetts. Họ ứng khẩu những bài diễn văn ngắn gọn, kêu gọi các tân luật sư luôn trau dồi nghề nghiệp, bảo vệ thanh danh, là những người kiến tạo hòa bình hữu

hiệu trong các cuộc tranh chấp. Giữa chừng buổi lễ, vị Chánh án Tối cao Pháp viện của tiểu bang Massachusetts đến ban huấn từ. Ông là người da màu, phong thái vui tươi, giản dị so với nghi thức long trọng chào đón ông lúc tới và rời đi. Với một nụ cười rộng, ông kể lại kinh nghiệm ngày đầu tiên bước chân vào tòa trong vai trò một luật sư trẻ tuổi mới ra lò, lòng háo hức với rất nhiều kiến thức sách vở. Ông nhắc nhở đám người quần áo tề chỉnh, ngồi chờ nhận chứng chỉ hành nghề trên mấy hàng ghế trước mặt ông, là họ nên luôn luôn nhìn lại đằng sau và nhìn xuống dưới, để thấu hiểu những kẻ chậm chân hơn họ và thấp hơn họ. Tiếp theo chương trình là phần tuyên thệ, trước bạ chữ ký, nhận bằng và chụp hình của các tân luật sư cùng với thân nhân và bè bạn.

Buổi lễ kết thúc trong ánh nắng nửa ngày bắt đầu oi bức của mùa hè ở Boston. Sát cạnh tòa nhà Faneuil Hall là khu chợ cổ Quincy Market nay cải biến thành khu chợ trời bán đủ loại thức ăn, hoa tươi, thời trang và kỷ vật cho du khách. Chúng tôi đi phất phơ, nhìn ngắm dọc hai bên hàng phố có những bờ lề lót gạch đỏ mà thời gian lâu năm đã làm cho sồi sụt, mấp mô. Tôi nói với con gái "nếu mẹ vấp ngã thì con có thêm một thân chủ". Cô bé cười, lương thiện trả lời "nhưng mẹ phải gãy xương mới được" (Thôi, vậy thì tôi cố đi những bước thận trọng là hơn). Buổi tối, chúng tôi đi ăn khao ở một nhà hàng Pháp lai Cam Bốt. Họ có món cháo gà, nấu giống hệt người Việt Nam mà khi dọn ra rồi mới biết thế. Thức ăn ở Boston rất đắt so với Quận Cam. Thực đơn bình thường cho bốn người không uống rượu, phải trả trên một trăm đô la.

Món clam chowder nấu kiểu Anh là đặc sản của Boston, ăn ở đâu cũng ngon. Thấy tôi đòi Tabasco sauce để nêm vị cay vào xúp, con gái tôi kêu ầm lên "thế thì còn đâu là mùi thơm của nghêu nữa hả mẹ?" Bàn tay tôi đang cầm chai tương ớt bỗng tê dại, con bé vô tình vừa gọi dậy trong trí nhớ cùn mòn của mẹ cô cả cái Cồn Hến xanh tươi tắm mình giữa dòng sông Hương nên thơ và êm đềm của quê hương ngày nào. Những con hến ở đấy chỉ bé bằng những đầu đũa, mình chúng dòn tan, chứa trong chúng cả cái ngọt ngào và thơm mát của sông nước Hương Giang hiền hậu, ngày đêm trôi chảy êm đềm dưới ánh mặt trời và trăng sao, giữ trong chúng cả cái non tơ đậm đà của thổ ngơi nuôi xanh những luống bắp trên cồn. Đối với tôi, cái hương vị biển cả trong tô xúp nghêu nấu bằng sữa tươi và khoai tây ở đây không có gì riêng biệt đến nỗi phải tránh gia vị nó với Tabasco sauce.

Nói đến chuyện ăn, tôi nhớ có một lần đi dạo loanh quanh với con trên đường phố Boston, tôi và cô bé gặp một cô bạn người Hoa, vừa tuyên thệ trước cô bé vài tháng. Cô bạn đi chợ ở phố Tàu. Trong giỏ xách của cô chỉ có mấy hộp sữa đậu nành bột, mấy cây cải Đài Loan. Tôi hỏi "cô chỉ cần có thể là đủ cho cả tuần lễ ư?" Cô mỉm cười trả lời "Tôi không cần gì khác nữa". Câu hỏi của tôi có vẻ thiếu tế nhị nhưng tôi gởi vào đó cả tấm lòng ngưỡng phục, biết rằng nhiều người xung quanh tôi có cuộc sống phong phú riêng của họ mà nếu tôi có cơ may biết tới, gặp gỡ, nguồn sinh thú của tôi hẳn sẽ có thêm nhiều sắc thái mới lạ lắm.

Qua ngày hôm sau, chúng tôi đi thăm tiểu bang Maine, chỉ cách Massachusetts khoảng hai tiếng đồng hồ

lái xe về hướng bắc, băng ngang New Hampshire. Khác với Boston nặng về học thuật và hành chánh, nhịp sống không vội vã nhưng có cái xô bồ, náo nhiệt vì lưu lượng du khách tập trung vào thành phố, Maine hiền hòa, sâu lắng, nhiều thiên nhiên bên cạnh các công trình nhân tạo trau chuốt. Chúng tôi đến bãi biển Ogunquit, theo thổ ngữ da đỏ có nghĩa là "nơi đẹp nhất ven biển". Bãi ở đây ngắn, ít cát, nhiều đá, nước xanh màu ngọc thạch. Hôm đó sóng hơi lớn. Người ta thả mấy giây phao để làm dấu vùng nguy hiểm cho người tắm. Ngồi nghe sóng vỗ một lúc, ăn cà rem xong, chúng tôi nhổ neo vào thành phố. Ra đến bãi đậu xe, đã thấy nhân viên an ninh đang lui cui kiểm soát các xe đậu lố giờ để biên giấy phạt.

Maine nổi tiếng về kỹ nghệ nuôi tôm hùm. Bảng số xe ở Maine có con tôm hùm màu đỏ nằm vắt ngang. Chúng tôi đi ăn ở cái nhà hàng mặt trước ngó chơ vơ ra con lộ vắng đầy nắng, mặt sau nhìn xuống những vũng đầm cạn bờ bụi hoang vu. Gió lộng mát lạnh qua những khung cửa sổ mở. Nghêu hấp, tôm hùm hấp hoặc nhồi gia vị bỏ lò, dọn cho khách kèm với khoai tây chiên hay nướng, xà lách, bắp luộc và cơm pilaf nấu bằng hương liệu trộn ngò tây. Bữa ăn rất ngon, tiền bạc đã có công ty cấp tín dụng thanh thỏa, chúng tôi ra về, nghe mùi tôm hùm tỏa ra từ các lỗ chân lông trên mình.

Maine cũng có những khu mua sắm với các bảng hiệu danh tiếng và quen thuộc như ở Cali, chỉ khác là mỗi cửa tiệm có một tòa nhà riêng nằm dài theo phố chứ không tập trung thành Mall lớn. Loanh quanh một lúc rồi chúng tôi lên xe trở lại Boston. Đậu xe ở Maine không phải trả tiền, chả bù với người dân ở Boston đa số xử dụng xe buýt

và xe lửa vì không chịu nổi lệ phí đậu xe gần hai mươi đô la cho một ngày.

Buổi tối sau cùng của hai mẹ con, chúng tôi đi dạo trên mấy con đường quanh khu chung cư cô bé ở thuê. Cửa sổ phòng cô trông ra mấy cây phong mùa này lá đang xanh. Tiếng trẻ con khóc, tiếng chân di chuyển ở tầng trên, dãy hành lang có cửa sắt và đèn mở suốt ngày (mà cô chị đi thăm em một lần về mô tả cho mẹ nghe là "giống như một nhà tù"), lũ trẻ da màu giành nhau khiêng mấy bình nước uống sau lưng một người đàn bà có đôi mắt bối rối khi nhìn thấy khách lạ, ngần ấy thứ dường như đã rất quen thuộc cùng cô bé, không làm cô bận tâm chút nào như đối với mẹ cô. Trong lúc mẹ con râm ran chuyện trò, có khi cũng va chạm và mâu thuẫn trong các quan điểm trao đổi về một số vấn đề. Tôi có cái nhạy bén của một người viết lách ưa quan sát tỉ mỉ. Cô con gái tôi chấp nhận người và việc xung quanh cô trong cái tổng thể khách quan mà cô tôn trọng, không thắc mắc, không phê phán. Cô khó chịu vì cách nhìn chi li của mẹ mà không biết rằng từ trong bản chất, tôi không khác gì cô cả. Tôi chỉ ham hố hơn cô, muốn cảm nhận và thẩm thấu nhiều thêm nữa những mảng đời lung linh màu sắc quanh tôi. Khi tôi trỏ những ngôi nhà hai bên con đường cô qua lại hàng ngày và nói "nhà ở đây không có sân chơi cho trẻ con", tôi không ngụ ý chê bai gì cả, tôi chỉ bâng khuâng tự hỏi những lứa trẻ lớn lên ở những ngôi nhà này sẽ có những kỷ niệm vui đùa thời thơ ấu như thế nào? Thật ra, những ngôi nhà ấy tồn tại nhiều chục năm qua, có đời sống riêng của chúng với biết bao nhịp thở sinh động, chẳng liên quan hề hấn gì với bất cứ ý kiến

nào của những người qua đường như tôi. Không những thế, tôi yêu mến, quyến luyến tất cả cảnh trí ở cái khu phố nghèo này, chúng giữ của con gái tôi những ánh mắt buồn vui, những bước chân ròn rã hay mỏi mệt, những sáng đi, những chiều về khăng khít một thời.

Trong căn phòng ngủ nhỏ của cô bé, ban đêm khi đèn đóm đã tắt hết, khung tường đầu giường cô sáng trưng những vì sao, mặt trăng, mặt trời, thái dương hệ, cả cái không gian bát ngát cô dựng lên cho cõi mộng mơ của cô. Đối với những người trẻ tuổi, giấc mơ là một lên đường không bao giờ chấm dứt, một hành trình đi không bao giờ tới, là những chân trời cứ dàn trải đến chỗ vô cùng. Tôi có nỗi xót xa của bà mẹ đứng bên lề những giấc mơ của con. Tôi cũng có niềm hạnh phúc hình dung ra vẻ đẹp của cái thế giới đầy hứa hẹn tuyệt diệu ấy.

Trở về lại Cali, bước chân vào sở, làm lại các công việc thường nhật, tôi hiểu rằng từ nay, đồng tiền đổi được từ những công việc này sẽ không còn để chắt chiu gửi cho con gái tôi trang trải nhà cửa, thức ăn, quần áo v.v... nữa nhưng tôi vẫn cần phải tiếp tục để đôi cánh ước mơ của cô được thêm dài rộng.

Cali 6-99

Quê Hương Như Một Ám Ảnh

Viết thay cho con gái LN Hà

Chuyến đi đã được trù liệu từ hồi đầu năm nhưng vào giờ chót, có sự trục trặc về phần mẹ tôi nên bà phải hủy bỏ dự tính. Còn lại một mình, tôi đâm ngại ngùng vì nhiều nỗi lo sợ không rõ rệt khiến tôi không biết nên quyết định tiếp tục thực hiện chuyến đi hay thôi? Thật ra, các lý do thúc đẩy tôi trở về thăm Việt Nam sau mười ba năm xa cách cũng rất mơ hồ. Về phương diện thân nhân, tôi chỉ còn một ông bác năm nay tám mươi tư tuổi, là anh họ của mẹ tôi, và những người con của ông vốn không thân cận lắm với tôi trước đây. Tôi cũng còn vài bác nữa về phía bố tôi cùng các con của họ hiện sinh sống ở Hà Nội. Tôi còn ký ức về ngôi nhà cũ ở Phú Nhuận, cái ngõ xóm yên ả mà tôi đã bâng khuâng chào từ giã một sáng sớm sương mù năm tôi mười ba tuổi, hình ảnh hai người bạn nhỏ đứng loay hoay ở bậc thềm nhà chúng, tiễn chân tôi với tất cả sự ngỡ ngàng không biết vì sao mà chúng tôi phải chia tay? Tôi cũng còn xương cốt của

người chị gái đã chết trong một chuyến vượt biên, mà mẹ tôi vẫn còn gửi gấm ở một ngôi chùa nào đó quanh vùng Sài Gòn. Tôi cũng còn cả cái thành phố Huế thơ mộng, nơi mẹ tôi sinh ra và lớn lên, nơi mẹ tôi không ngừng nhắc đến với tất cả cảm tình chan chứa, nơi ở đó còn ngôi mộ ông ngoại tôi trải bao nắng mưa trên đỉnh một ngọn đồi trơ trọi, nơi ở đó còn khu vườn tuổi thơ của mẹ tôi thường được bà mô tả như một địa đàng thần tiên. Trong cái kho tàng chứa những điều "còn có" lộn xộn đó của tôi, có thêm chùa Hương của thơ Nguyễn Nhược Pháp, vịnh Hạ Long nhìn thấy trên T.V, chuyến xe lửa tốc hành chạy ven đèo Hải Vân với trời nước bao la một màu xanh trùng điệp...

Mặc dầu vậy, nếu phải trở về những nơi chốn đó một mình, tôi cảm thấy thực sự sợ hãi. Hình như giữa mẹ tôi và phần địa cầu nhỏ bé tôi gọi là quê hương, những ràng buộc có nhiều và vững chãi hơn. Bởi thế, nếu được dựa vào mẹ tôi trong chuyến đi, tôi sẽ rất yên tâm. Cảm giác này có lúc cũng làm tôi khó chịu vì tôi đã trưởng thành, đã một mình đi đến nhiều địa danh xa lạ mà không hề lo lắng gì. Vậy mà nay trở về cái nơi thật ra tôi đã có một thời thân quen, sao tôi lại ngại ngùng đến thế? Tôi đã đổi khác, trở thành kẻ lạ hay nơi đó đã đổi khác, trở thành nỗi đe dọa bất an?

Từ giữa một chuyến đi khác khiến tôi đang có mặt ở miền đông bắc Hoa Kỳ, tôi đặt dự tính thăm Việt Nam trong bàn tay sắp đặt của số phận. Tôi gọi điện thoại về Cali cho mẹ, "nhờ mẹ hỏi cô Hằng dùm con coi cô đã in vé cho con chưa? Nếu chưa, mẹ cancel dùm cho con, con cảm thấy mệt, không muốn đi nữa". Đêm hôm sau, tôi

điện thoại cho mẹ lần nữa, nghe bà trả lời "vé đã in rồi nhưng con vẫn có thể hủy bỏ bất cứ lúc nào, chỉ mất 50 đô la làm chiếu khán nhập cảnh và đợi khoảng ba, bốn tuần để được hoàn trả tiền qua thẻ tín dụng". Trong một tích tắc đồng hồ tiếp theo, tôi quyết định nhờ mẹ đến trung tâm dịch vụ nhận vé dùm. Sau này nghĩ lại, tôi nhận ra mình bị thôi thúc vì những lời hứa hẹn về thăm hai người bạn nhỏ ở cái ngõ xóm cũ. Nếu thất hứa với chúng, tôi cảm thấy xấu hổ vì những điều vẽ vời khiến chúng đợi chờ và thất vọng.

Về tới Cali hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước kỳ hạn phải đáp chuyến bay của hãng Eva khởi hành đi Đài Loan lúc 1 giờ 30 đêm từ sân bay LAX, tôi chỉ còn đủ thời giờ chạy đi mua quà cáp, xin mẹ các địa chỉ những nơi cần ghé ở Việt Nam, liên lạc bằng điện thư với Sài Gòn về việc đưa đón, thay đổi quần áo trong cái vali của lần đi vừa qua bằng những quần áo sơ sài nhất, dành thật nhiều chỗ cho quà cáp. Tôi tháo bỏ và để lại nhà mọi đồ trang sức quí, kể cả cái đồng hồ loại tốt cần cho công việc làm của tôi ở Mỹ. Trên cổ tôi chỉ còn một cái thánh giá nhỏ tôi mới mua vội ở cửa tiệm bán nữ trang ngoài chợ. Tôi chuẩn bị mọi thứ cho chuyến đi như một người trong cơn mộng du, đầu óc trống trải, một người bị đẩy chạy qua chạy lại vì một lực kéo kỳ dị, không giải thích được, không cưỡng lại được, bị xô lấn tới bằng móng vuốt của một nỗi đau dịu dàng. Cuối cùng thì tôi cũng ngồi yên ổn trong lòng chiếc máy bay to bự của hãng hàng không EVA, bắt đầu cuộc hành trình bằng mấy viên thuốc ngủ để sẵn trong túi áo. Sau bữa ăn tối có cá và rau cải dọn cho khách lúc ba giờ sáng, tôi thiếp vào giấc ngủ giữa

tiếng người nói cười lao xao mà cao độ của con tàu làm cho nhẹ hẵng như vọng lại từ một nơi nào xa lắm. Tôi còn ngủ chập chờn vài ba lần nữa trước khi máy bay đáp xuống trạm nghỉ ở Đài Loan. Chờ ở đây chừng hơn hai giờ đồng hồ, tôi và các hành khách đi cùng (phần đông là người già đồng hương) lên một máy bay nhỏ hơn để trực chỉ Việt Nam. Từ lúc này trở đi, tôi không tài nào chợp mắt được nữa. Con đường mỗi phút một thu ngắn dần cùng với nỗi nôn nao cồn lên trong lòng tôi. Tôi không mường tượng một điều gì rõ rệt, chỉ cảm nhận mơ hồ những biến cố kỳ lạ có thể xảy ra trong cuộc đời một người một cách bất ngờ, như chuyến trở về thăm Việt Nam của tôi không có mẹ bên cạnh.

Máy bay hạ cánh xuống phi đạo Tân Sơn Nhất không gợi nhắc trong tôi một chút gì quang cảnh nơi này ngày tôi theo mẹ tới đây nhận lãnh những thùng quà từ Mỹ gởi về hay ngày tôi cùng gia đình xuất cảnh do bác tôi bảo trợ. Hành khách đáp chuyến bay với vé hạng nhất được xe hơi của phi trường đón từ cầu thang máy bay đưa vào khu vực kiểm soát hải quan. Vừa bước ra khỏi cửa xe, tôi đã nhìn thấy người bạn thời tuổi nhỏ đưa cao hai tay vẫy chào. Phải nói là Nguyễn thay đổi rất nhiều (chắc là anh ta cũng nghĩ về tôi như thế). Từ cái cậu bé hơn mười tuổi, da mặt trắng hồng, nụ cười rụt rè, hơn mười năm trước hay hỏi mẹ tôi những câu hỏi rắc rối, hay cãi nhau mày tao với tôi, nay đứng trước mặt tôi là một thanh niên trưởng thành, chững chạc, đang làm việc cho hãng hàng không Air France, chuyện trò với tôi bằng tiếng Anh lưu loát và đúng giọng.

Mặc dầu đã nghe nói nhiều về tệ nạn moi tiền du khách ở các trạm hải quan Tân Sơn Nhất, mặc dầu mẹ tôi đã dặn tôi đổi tiền mười đô la mang theo, thế nhưng khi tận tai nghe tiếng thúc dục "để bên dưới, để nhanh lên" tôi mới cảm nhận được hết cuộc sống nhem nhuốc, thương tâm, đang diễn ra hàng ngày ở cái đầu cầu tiếp cận với văn minh thế giới này. Tôi không có nhiều hành lý, lại cọng thêm sự có mặt của bạn tôi thường xuyên ra vào đây, chúng tôi nhanh chóng ra khỏi khu vực hải quan. Con đường đưa tôi về căn nhà cũ đổi thay rất nhiều. Có những hàng quán nay không còn nữa. Tất cả láng giềng của gia đình tôi đã ra đi. Nhà cửa nay cất cao lên hoặc xây mới. Bạn gái tôi đã lấy chồng, đã có con, đã tan vỡ, nay đang một mình quán xuyến một cơ sở làm ăn có thương vụ hàng năm lên đến hàng triệu mỹ kim. Nó chạy xe Honda loại tốt nhất, trị giá khoảng sáu ngàn đô la, cứ vài ba tháng lại mất một chiếc mà không có bảo hiểm đền như ở Hoa Kỳ.

Thăm ông bác của tôi xong, thăm nơi ký cốt của chị tôi xong, không còn gì cầm chân tôi ở Sài Gòn nữa, tôi sửa soạn đi Huế và Hà Nội. Giá vé tàu xe bán cho khách nội địa và người nước ngoài về khác nhau. Việt kiều phải trả gấp đôi. Bạn tôi mua vé máy bay cho tôi đi Hà Nội bằng chứng minh nhân dân của chị nó.

Các bác bên bố tôi sống trong một gian phòng ở lầu ba căn nhà do ông bà nội tôi để lại. Năm 1954, khi nhà nước cọng sản tiếp quản Hà Nội theo hiệp định Genève, họ chia căn nhà này cho nhiều người đến ở với lý do những người anh em trai của các bác tôi đều di cư vào Nam. Ngôi nhà lớn nhất nhì Hà Nội ấy trở thành hộ tập

thể. Những chiếc cầu thang bằng gạch nay vỡ nát, đen đủi. Mấy cái phòng vệ sinh chịu sự quá tải lâu năm nay bốc mùi quanh những vì tường ẩm ướt. Bên trong căn phòng, các bác tôi cố thu vén tươm tất nhưng khi cả nhà ăn cơm, chúng tôi chỉ còn cách trải miếng ni lông trên sàn gỗ để ngồi. Các bác tôi đều đã già, kể cả các bác rể xưa là bộ đội, nay người thì điếc, người thì lú lẫn, người có triệu chứng tâm thần. Bữa ăn ảm đạm may có một chút sáng sủa nhờ cái nồi cơm điện, là vật dụng hiện đại hiếm hoi mà các bác tôi còn kịp hưởng chút tiện nghi do nó đem lại. Người chị dâu họ xinh đẹp và đức hạnh của tôi luộc ốc cho tôi ăn. Chị chăm chút bố mẹ chồng, rót rượu cho anh họ tôi uống và nuôi dạy con tử tế. Chị như một bức tranh cổ quí giá bị bỏ quên trong một xó xỉnh thời gian. Những con đường Hà Nội ban đêm tối đen nhưng hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn và cầu Thê Húc rất đẹp. Kỷ niệm sẽ nhớ rất lâu của tôi ở Hà Nội là một hôm đi ăn tối về, chiếc xích lô chở tôi vừa quẹo vào đầu một con phố thì tôi nghe tiếng còi cảnh sát ré lên lanh lảnh, sắc buốt sau lưng. Cái cảm giác sợ hãi sự bất trắc ban đầu của tôi trở thành nỗi đau xuyên suốt ruột gan lúc tôi biết ra người phu xe khốn khổ bị làm khó dễ vì ông ta trót chạy vào con đường cấm xích lô lưu thông. Ông ta van nài người cảnh sát cho ông ta đưa tôi về đến khách sạn cách đó một đoạn đường, để ông ta có tiền quay lại nộp phạt nhưng viên cảnh sát nhất định đuổi tôi xuống và đòi giam xe nếu ông ta không đủ tiền nộp phạt ngay. Vừa bất nhẫn, vừa không muốn dính dấp lôi thôi, tôi bước xuống xe, kéo người đàn ông khốn khổ xa ra một quãng, trả ông ta tám ngàn là giá cuốc xe đã thỏa thuận

và tặng thêm ông hai chục ngàn để ông thu xếp cái tai nạn mà tôi tin chắc là nó xảy ra hàng ngày, ở nhiều nơi, cho những người dân bạc phận kiếm sống bằng mồ hôi nước mắt lương thiện của mình.

Chủ nghĩa Cọng Sản đòi triệt tiêu sự bóc lột thặng dư lao động được coi là yếu tính của thế giới tư bản nhưng nay người Cọng Sản tạo ra sự bóc lột sức lao động không kiếm đủ ăn của dân nghèo. Ở Sài Gòn cũng không khác gì. Bạn tôi để quên giấy tùy thân ở nhà, người cảnh sát công lộ đòi bạn tôi phải dấm dúi cho anh ta một số tiền mới được đi. Trong mười ngày ngắn ngủi ở quê hương, tôi có cảm tưởng rõ rệt là tương quan xã hội giữa mọi người nay chỉ còn tính bằng chỉ số tiền tệ.

Trên đường trở lại miền Nam, tôi ghé qua Huế. Theo địa chỉ mẹ đưa, tôi tìm đến Trúc Hoa Viên của ông ngoại. Khu vườn mẹ tôi thường nhắc tới với biết bao xót xa rung động, nay chỉ còn là một xóm nhà ngổn ngang do nhiều người lạ chiếm dụng bừa bãi và hỗn độn. Người tớ gái cũ của ông bà ngoại tôi ốm liệt cả hai chân, nói rằng bà không nhớ đường lên mộ ông. Tôi đứng bơ vơ ở cái nơi chỉ có mẹ tôi biết nó biến đổi dường nào so với những ngày thanh xuân của mẹ thuở xưa. Ngỡ ngàng, hổ thẹn, vì cảnh tượng thê lương trước mắt, tôi quyết định để yên cái máy ảnh trong túi, để yên những hình ảnh thần tiên trong ký ức dường như không bao giờ mòn mỏi của mẹ.

Một ngày ở Huế với chuyến xe thuê bao giá ba trăm ngàn đồng cọng thêm ăn uống cho tài xế, tôi được đưa đi thăm lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn trên vùng đồi núi u tịch ở ngoại vi thành phố Huế. Bởi vẫn thường nghe mẹ kể về những buổi cắm trại của bà tại Khiêm

Lăng mùa hè những năm bà còn ít tuổi hơn tôi bây giờ, tôi bâng khuâng mường tượng như chính mình đang bước trên mờ phai những dấu chân xưa của mẹ, nơi cái sàn gỗ ọp ẹp của nhà thủy tạ nhìn xuống một mặt hồ không còn một búp sen nào. Nếu không có liên tưởng ấy, tôi chỉ là một du khách lạ mặt ở chốn này. Tôi đặc biệt thích mặt tiền lăng Khải Định, trông sáng sủa và đẹp mắt. Về lại Cali mới biết rằng chính ông ngoại tôi là người thực hiện công trình xây cất nghiêng về khuynh hướng kiến trúc tân thời này.

Tôi đi qua hai trường Đồng Khánh và Quốc Học, nhìn thấy nhiều học sinh nhỏ tuổi hơn là những cô cậu "e ấp sân trường trao thơ" như vào thời của mẹ hay thời của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên. Cầu Tràng Tiền chật như một cái hộp, xe cộ và người di chuyển ngổn ngang. Chợ Đông Ba lúc tôi đi qua đang bị cúp điện tối om nhưng quán bún bò Huế trên lề đường trước chợ ngon tuyệt. Ông tài xế đưa tôi đến tiệm kẹo mè xửng Nam Thuận dưới chân cầu Đông Ba. Đối với tôi, mè xửng hiệu Nam Thuận mua ở Huế hay mè xửng hiệu Sông Hương mua ở Cali cũng giống nhau nhưng mẹ tôi và các bạn của bà cho rằng mè xửng Nam Thuận ngon hơn hẳn. Tôi đoán là mẹ, các bác, các dì, vừa ăn kẹo vừa thấy lại tuổi thơ của họ ở cái thành phố nghìn trùng xa cách ấy, khi họ còn là những đứa trẻ theo mẹ đến hàng kẹo Nam Thuận, ngồi nhìn bà chủ tiệm xóc mè vào những phiến kẹo đỏ ong mới cắt ra. Khi kẹo đã gói xong cho người lớn, bà chủ tiệm lúc nào cũng dúi vào tay các cô cậu một gói nhỏ những miếng kẹo rẻo đầu thừa đuôi thẹo, để làm bạn với các cô cậu trên đường về, thường là phải cuốc bộ rất xa.

Đêm cuối cùng ở Huế, khách sạn tôi ở đề nghị du khách mua vé đi nghe hát bằng thuyền rồng trên sông Hương. Đến giờ hẹn, chúng tôi được đón bằng xe Honda ôm đến địa điểm lên thuyền. Con thuyền sơn phết sặc sỡ, như nhiều thứ đồ cổ mạo hóa khác. Trong khoang thuyền đã ngồi sẵn vài cô ca sĩ cổ nhạc với nhạc cụ dùng cho buổi trình diễn. Khán giả khoảng hơn mười người, gồm bốn du khách ngoại quốc, còn lại là Việt kiều về thăm Huế. Chúng tôi được chào đón bằng một màn cãi vã tưng bừng giữa ông bầu và ban nhạc. Quí vị ca nhạc sĩ công khai cho biết họ không muốn trình diễn cho du khách người Việt vì họ cho rằng những người này không hiểu, không biết thưởng thức cổ nhạc Huế. Họ trách móc ông bầu show đã vi phạm hợp đồng làm ăn đã giao ước trước. "Sự cố" sỗ sàng và thô bạo này khiến một vài thính giả Việt kiều bất bình, bỏ ra ngoài mũi thuyền, ngồi nhìn dòng sông trôi đen lánh dưới trời đêm và... đập muỗi mỏi cả hai tay. Cuộc vui, do đó, bị rút ngắn từ một tiếng rưỡi đồng hồ xuống còn nửa tiếng. Trở lại bờ, chờ mãi không thấy có xe đưa về khách sạn, gọi điện thoại hỏi tổng đài tiếp tân, nhân viên ở đó trả lời "chương trình chỉ có đưa, không có đón về". Show cổ nhạc đêm hôm ấy bèn được đặt tên là "đem con bỏ chợ". Tôi kể chuyện này cho mẹ tôi nghe, bà nheo mắt như cố nhìn vào ký ức để nhớ xem bà có từng biết những con người ít hiếu khách như thế ở Huế chăng nhưng bà lắc đầu và nói "Thế thì lạ quá, không phải là Huế mà mẹ vẫn biết".

Dẫu sao, thiên nhiên ở Huế thật đẹp, thật nên thơ, kể cả cơn mưa bất ngờ dội xuống hoàng thành trong buổi chiều hiu quạnh, làm nghe mùi thở hăng nồng từ những

bờ tường rêu mốc, những lối đi lát đá vắng lặng vừa thức dậy dưới cơn mưa.

*

Tôi không biết những người khác thế nào, riêng tôi, xúc cảm từ chuyến đi Việt Nam không ở cái lúc tôi vừa đặt chân trở lại trên quê hương, gặp gỡ người thân và bè bạn cũ, mà ở cái lúc tôi quay về Cali, nơi sinh sống hiện nay của gia đình tôi. Đã hơn một tháng trôi qua, mỗi khi rảnh rỗi hay nằm chờ giấc ngủ, tôi đều thấy lại, nghĩ về cái nơi chốn như một vết thương vừa khơi động trở lại, là nỗi ray rứt kỳ lạ trong lòng tôi.

Dân tộc tôi chịu nhiều sự đày ải, bất công và oan khuất, điển hình như các bác tôi. Họ không có một đền bù nào cho những đóng góp máu lệ của họ thời thanh xuân (họ chỉ có một cái nồi cơm điện) dù rằng đất nước đã hòa bình hơn hai mươi năm, dù rằng họ đang đi những bước cuối cùng bên bờ vực sinh tử. Như người anh họ trẻ tuổi của tôi, không biết đã dấu nỗi buồn nào trong tâm khảm khiến anh uống rượu ngày đêm, gây tai nạn lái xe trong giờ làm việc đến nỗi bị sa thải? Như người chị họ mới có một con của tôi, nhìn cuộc đời và từ khước tôi với niềm phẫn hận chua chát chỉ vì cho rằng tôi may mắn hơn chị. Như đứa cháu lên mười của tôi tuổi thơ chẳng có gì vui ngoài nỗi sợ hãi triền miên những cơn thịnh nộ của bố "bà ơi, bà đừng đi đâu buổi chiều lúc cháu đi học về, cháu sợ bị đòn". Như người bạn cũ của tôi tuy hiện có công ăn việc làm tử tế nhưng hiếm khi có ai thấy anh cười. Anh sống cần cù và buồn bã, như một con kiến bò quanh cái miệng chén. Như người bạn gái xinh đẹp của tôi nay đang lao vào việc kiếm tiền như một con

thiêu thân say ánh đèn đêm “Tao với chồng tao chẳng còn gì. Cái thằng mày thấy là tao đang cần dựa vào nó để điều hành cơ sở làm ăn của tao”. Một lúc khác, nó thủ thỉ “Tao nhớ nhiều kỷ niệm cũ với mày lắm, khỉ ạ. Cái lỗ tai đeo hoa tao xâu cho mày ngày đó trệch sang một bên mà mày vẫn để thế à?” Người đàn bà nào trong nó là thật nó? Như người bạn gái thân nhất của chị tôi ngày xưa, nay đang là chủ nhân của một tiệm cắt uốn tóc loại sang, thu nhập hàng ngày cả trăm đô la, thế nhưng chị vẫn không có vẻ vui. Gặng hỏi, chị nói “Ba chị mới mất” nhưng tôi biết chị mất nhiều thứ không bao giờ còn tìm thấy lại: ước mơ tốt nghiệp từ một đại học chuyên nghiệp, ước mơ hạnh phúc lứa đôi với mối tình đầu lênh đênh theo sóng ra khơi và đi biệt, ước mơ của một thời tràn đầy hy vọng bỗng dưng đứt đoạn nửa chừng... Như người họa sĩ cụt cả hai tay, kẹp cái cọ giữa những ngón chân để vẽ những bức tranh quê hương rất đẹp, rất tài hoa, bán cho người qua lại trên vỉa hè với giá một hoặc hai đô la rẻ mạt. Tài năng ấy, ở một nơi nào khác, ở một thời nào khác, thì sao nhỉ?

Lòng tôi hiu hắt buồn. Những người bên ấy cũng hiu hắt buồn. Chúng tôi chia sẻ cùng nhau nỗi thất vọng của những ao ước không thành tựu, của con đường đi không nhằm hướng mình muốn tới, của tâm thức bất lực đè nặng lên lương tri những con người vẫn còn muốn suy nghĩ, của cách trở, chia xa bao nhiêu tình thân cật ruột, của chối bỏ và vờ vịt chấp nhận bao nhiêu điều tệ hại.

Ôi Việt Nam, phần đời căn cốt nhất của tôi gửi lại ở nơi này, cái nơi lẽ ra tôi phải sống, phải phụng sự, phải yêu thương, khổ đau hay hạnh phúc, phải chết lúc cuối

đời theo sự chọn lựa của riêng tôi. Tôi còn quá trẻ nhưng cũng không muốn vay mượn suy nghĩ của người khác để hiểu biết hay để lý giải trong sâu xa ngọn nguồn chuyện gì đã xảy ra trên quê hương tôi, vì sao, dù xem chừng như tôi hiện có tự do nhưng tôi không lựa chọn ở lại cái nơi chốn mà nếu phải lìa xa, quả thật tôi ý thức mình mất mát quá nhiều? Phần đời cứ mãi là một ám ảnh bên nửa kia bán cầu, một quê hương nhìn tôi như khách lạ, một trời đất nước người dung thân tạm bợ, ngần ấy thứ làm nên thân thế lênh đênh của cả một thế hệ những người như tôi, lỡ sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử âm u và rách nát của Việt Nam, ở hậu bán thế kỷ hai mươi.

Dầu thế nào, chuyến trở lại Việt Nam ngắn ngủi vừa qua đã cho tôi câu trả lời đích xác về hiện tượng những giấc mơ thường đánh thức tôi giữa đêm khuya, gợi nhắc trong tôi bao kỷ niệm thời thơ ấu trên quê hương. Như lời người ta vẫn bảo nhau, cách tốt nhất để quên một điều gì là hãy trực diện với nó. Có lẽ từ trong sâu thẳm tiềm thức tôi bị thôi thúc vì những cơn mộng mị khua tôi dậy lúc nửa đêm, tôi muốn tự mình trắc nghiệm điều này. Tiếc là sau chuyến đi, tôi càng xác quyết rằng những ràng buộc của tôi với cái phần đất nước khốn khó ấy không thể nào chối bỏ, càng không bao giờ nhạt nhòa, gốc gác của tôi là ở đấy, nguồn cội của tôi là ở đấy cho dù gốc nguồn ấy có đang thối rữa, hư hao, cho dù tôi đang sống trôi dạt ở chân trời góc bể nào thì Việt Nam cứ mãi là một ám ảnh nhức nhối không nguôi.

12-1998

Du Lịch

Buổi sáng hôm chúng tôi khởi hành chuyến đi, bà chị chúa hay trễ giờ của tôi đến đúng hẹn không sai một phút để làm nhiệm vụ chở mẹ con tôi ra phi trường. Lúc tôi ôm chị từ giã ngay chỗ bờ lề bỏ hành lý, tôi cảm thấy người chị doãi ra, có vẻ thoái thác. Tôi chợt nhớ ngay đến tục lệ dị đoan của người Việt Nam, không muốn một cử chỉ ân cần đặc biệt nào vào những dịp như thế này vì nó có thể là điềm gở, báo trước sự rủi ro bất ngờ sẽ biến cuộc chia tay tạm ít ngày thành ra lần cuối cùng hội ngộ. Có lẽ vì lý do sợ hãi mông lung ấy, người Việt Nam ít đi du lịch.

Tôi không biết chương trình Du lịch mùa Thu của chị Nga trên đài phát thành VNCR ở quận Cam, đã thuyết phục được bao nhiêu đồng hương của tôi mua vé máy bay đi chơi? Có lẽ chị thuyết phục mọi người đi thăm bạn bè, bà con ở xa thì dễ tăng số vé bán hơn.

Người Việt Nam quen với đời sống ngăn nắp và sự ổn định nên thường ngại những yếu tố bất ngờ. Vậy mà đi

du lịch ở những nơi mình chưa từng biết lại là sự bất ngờ lớn nhất và khó lường nhất.

Chuyến bay của tôi từ O.C đi Orlando thuộc tiểu bang Florida phải đổi máy bay ở Arizona. Lúc giữ vé, cô tiếp viên cho biết chúng tôi sẽ phải đợi ở phi trường Arizona một tiếng đồng hồ trước khi có chuyến bay đi tiếp Orlando. Chúng tôi đến Arizona đúng boong giờ dự liệu. Trước khi tìm chỗ ăn trưa, chúng tôi đảo qua chỗ để bảng cáo thị giờ giấc các chuyến bay cho chắc ăn. Trên màn ảnh computer, giờ khởi hành đi Orlando đúng 1 giờ trưa và đồng hồ trên tay tôi chỉ đúng 11:45, nghĩa là còn những 1 giờ 15 phút nữa mới phải lên tàu. Mẹ con tôi ung dung đi ăn, ung dung trở lại cổng chờ 20 phút trước 1 giờ. Tôi bảo con gái "chả bù chuyến mẹ đi Michigan thăm dì Cỏ May, phải chạy hộc tốc xốc gan mới kịp chuyến bay nối ở Houston". Chúng tôi ngồi nhàn nhã ngắm người qua lại, mẹ con đố nhau xem cái ông bụng bự cầm cái bó hoa heo héo kia đang đợi đón ai, vợ, hôn thê, bồ hay bà thân mẫu? Kim đồng hồ im lặng di chuyển. Gần đến giờ bay mà chẳng thấy ai động tĩnh gì cả. Sinh nghi, chúng tôi đi xem lại lịch trình chuyến bay, phát hoảng thấy từ bây giờ đến 7:15PM, không còn chuyến nào đi Orlando nữa. Chạy tới quầy khách hàng khiếu nại hỏi, nhân viên hãng máy bay thở dài đánh sượt rồi trả lời "chuyến bay này đã rời cách đây một giờ đồng hồ". Tôi trỏ vào đồng hồ trên tay tôi, người tiếp viên cũng trỏ vào đồng hồ của anh ta: hai cái đồng hồ sai biệt nhau một tiếng. Hóa ra Arizona chạy trước Cali một giờ. Vậy, kinh nghiệm rất nhà quê của tôi là: trước khi lên đường du lịch, nhớ so múi giờ nơi

mình sẽ tới và nhớ vặn đồng hồ trước khi máy bay hạ cánh.

Một câu hỏi lẩn thẩn khác: sao khắp cả phi trường, không có nơi nào treo đồng hồ cả?

Sau một lô thủ tục dằng dai giữa computer và điện thoại, cuối cùng chúng tôi phải chạy trối chết để bắt kịp một chuyến bay của hãng khác sẽ khởi hành trong vòng 5 phút nữa đi Houston, ở cái cổng bên đông so với cái cổng bên tây chúng tôi đang đứng. Từ Houston, chúng tôi sẽ đi tiếp một tàu khác đến Orlando vào nửa đêm. Giữa những câu trả lời và gợi chuyện duyên dáng nhằm làm cho không khí lo sợ bớt áp lực lúc chờ đợi, anh tiếp viên da màu đã bỡn cợt rằng "may ra thì hành lý của quí vị trên chuyến bay hụt kia không phiêu du đến tận Nữu Ước". Qua câu chuyện, chúng tôi cũng biết ngoài cái job anh đang làm trước mắt chúng tôi, anh còn một job phụ cuối tuần ở một nhà thương tận Palm Spring ở Cali.

Tôi thực sự không hiểu có bao giờ người Việt mình làm quen được với cái quan điểm tìm việc làm quan san cách trở như thế không?

Tới phi trường Orlando ít phút trước nửa đêm, thấy hành lý của hai mẹ con nằm chỏng chơ bên cạnh cầu tự động đã ngừng quay, mừng như bắt được của. Vì không có ai đón, phải đi tìm chỗ bán vé shuttle để về khách sạn. Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đi ngủ được vào lúc quá nửa đêm ở Orlando sau một ngày... tong tả chạy.

*

Cái khách sạn trông bề ngoài tươm tất, có hồ nước phun, cây cỏ cắt xén phong nhã như tên gọi của nó Fountain Park, có cả nhà hàng ăn nấu được món soupe

gratinée của Pháp, có tiệm tạp hóa và cho mướn vidéo bên trong, thế nhưng căn phòng chúng tôi ở thì van bồn tắm không thông, nước ứ đến nửa đầu gối, không có shampoo và các mắc áo gỗ nặng như cùm bị khóa vào xà ngang trong closet. Cô con gái khó tính của tôi càu nhàu cầm phôn đổi khách sạn. Vì di chuyển thình lình, ngoài giờ và lộ trình qui định, chúng tôi không có phương tiện nào khác ngoài taxi. Khách sạn và công ty taxi là bạn làm ăn với nhau trong ngành khai thác du khách nên cái taxi họ kêu tới không phải là cái yellow cab như chúng ta thường thấy ở quận Cam mà là một xe du lịch mầu trắng sang trọng (tôi quên không nhìn kỹ nhãn hiệu) tài xế mặc suit đen, đeo cà vạt, chặt bạn theo cuốc, nghĩa là một cách vô tội vạ. Chung chung, bạn phải trả 30 đô la cộng với 15% tip cho một quãng đường từ năm đến bảy dặm.

Buổi tối đứng ở tầng thứ 15 khách sạn Omni ngay trung tâm Orlando, bạn sẽ thấy các thành phố lân cận sáng lóng lánh như kim cương theo đường chân trời trước mặt. Thấp phía dưới mặt đường chỗ bạn, xe cộ lưu thông chậm rãi trên con phố hai lanes, hiền hòa và sạch sẽ như mới rửa. Có cả những du khách nghiện thể thao chạy bộ trên vỉa hè. Thành phố rất nhiều cây palm, phần nhiều mới trồng, cao thấp đủ cỡ, có nơi gom lại xúm xít như một ốc đảo nhỏ. Dọc theo đại lộ International, có một vùng cây ngả rạp về một phía, gợi nhắc những trận cuồng phong thường xảy ra ở đây, có cả một tòa nhà với kiến trúc nghiêng như sắp đổ.

Cũng giống như ở Cali, Orlando rất nhiều hoa và cây xanh. Hoa chen chúc nở thành những tấm thảm nhiều

màu trong các bồn đất lớn, trang trí dọc theo đường phố hoặc cổng vào các cơ sở thương mại. Một thứ khác cũng nhiều không kém là suối nước nhân tạo. Đứng đâu bạn cũng nghe tiếng nước rì rào, róc rách. Có lẽ người Mỹ tin rằng tiếng nước phun hoặc chảy qua các thềm đá có tác dụng gội rửa những nỗi lo âu nóng bỏng trong cái thân thể lúc nào cũng căng thẳng vì công việc của mọi người.

Orlando có nhiều hồ nhưng không giống hồ ở Việt Nam hay ở Cali. Hồ ở đây hoang vu, không có dấu chân tình nhân, không có hoa súng, không có hương sen, không có cả... vịt. Chỉ có bụi gai vây quanh một mặt hồ buồn bã và quạnh hiu.

Buổi sáng cũng đứng ở tầng thứ 15 khách sạn Omni, nhìn thấy sương trắng mắc giữa những đỉnh cây, như trong tranh thủy mặc. Thay quần áo xuống phòng ăn, quang cảnh in hệt đã thấy đâu đó trong các phim xi-nê Mỹ: đàn ông, đàn bà, ăn mặc thời thượng, đứng nói chuyện với nhau rải rác trong đại sảnh lót đá cẩm thạch, mỗi miếng to bằng cái mặt bàn. Trên một khung tường dọc theo hành lang, người ta treo một bức vẽ hoa phong lan trên lụa, kiểu áo dài Art on silk của Trần Thị Lai Hồng (đến gần, nhìn chữ ký tác giả với lòng hồi hộp thì nhận ra là của một nghệ nhân người ngoại quốc). Bức tranh cao khoảng hai thước, rộng hơn một thước, lồng khung plastic, đẹp rực rỡ và mềm mại trên nền cái kiến trúc mạch lạc, khô cứng của văn minh Hoa Kỳ. Nhân viên phục vụ phần đông là da mầu, chạy đi chạy lại chấp chới, đẩy những cái xe hành lý bằng nhôm cao lênh khênh, sáng choang. Họ mặc đồng phục trắng viền nâu đỏ, hồ cứng.

Bên cạnh bộ mặt "làm ăn" ở tầm vóc đại công ty, nhìn thấy nơi những phòng nghị hội lớn trong khách sạn và ở tòa nhà Convention Center vĩ đại, thành phố Orlando (Florida) còn hấp dẫn người đến nhờ các khu giải trí nổi tiếng của công ty Disney như Epcot, MGM, Universal Studio, Disney World hoặc Sea World.

Du khách nhiều quốc tịch, đủ mọi lứa tuổi, áo thun quần short hoặc jeans, giầy tennis nhãn hiệu Nike, Reeboh mới toanh, bồng bế con nít, đẩy xe lăn, dắt díu nhau lu bù ở những nơi này. Đây là bộ mặt hạnh phúc, thoải mái của Orlando.

Các tiết mục giải trí ở Epcot phản ảnh những tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới nhất của nước Mỹ. Những phòng chiếu phim hình tròn với màn ảnh chạy hết chu vi phòng, cho du khách cảm giác ngồi trong buồng lái máy bay hoặc các tàu điện treo, nhìn thấy di chuyển với tốc độ mau những quang cảnh sống động và vĩ mô của Na Uy, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản v.v... Du khách được nhìn thấy cuộc chiến đấu trường kỳ, cam go và đầy cảm xúc của người dân Na Uy nhằm khắc phục biển cả hung hãn, cảnh những thảo nguyên bát ngát ở Trung Quốc với hồn thơ Đông phương trong vạt áo dài Lý Bạch, khói trên những tách trà đưa mời khách bằng hai tay và hòa bình trong đôi mắt trẻ thơ, trên dấu chân đàn súc vật về chuồng buổi chiều. Du khách còn nhìn thấy Paris cổ điển, lãng mạn với những quán cà phê vỉa hè... Ở đây, địa cầu gồm thiên nhiên, loài người và loài vật, thật đáng yêu biết bao.

Epcot còn trình bày diễn tiến sự phát triển giao tiếp và ngôn ngữ của nhân loại, từ lúc sơ khai, con người tìm

cách diễn đạt ý nghĩ bằng cử động cho đến thành quả cuối cùng là cuộc cách mạng tin học ở ngưỡng cửa thế kỷ 21. Du khách còn được xem sự tiến bộ của loài người, từ lúc chỉ biết di chuyển bằng chân cho đến những phương tiện giao thông tối tân hiện nay và cả... dĩa bay trong một tương lai không xa. Bên cạnh sự choáng ngợp trước những thể hiện kỳ diệu của khối óc con người chỉ bé bằng nắm tay, tôi chợt có nỗi lo sợ làm lạnh toát châu thân khi nhận ra rằng trong cái thế giới văn minh kỹ thuật cực điểm của nhân loại ngày mai (mà nước Mỹ đi tiền phong), con người sẽ chỉ còn sống bằng tốc độ, sự hợp lý, không có chỗ nào cho tình cảm và con tim mơ mộng nữa.

Như một đứa trẻ lớn quá mau nên có lúc tiếc nhớ tuổi thơ hồn nhiên, người Mỹ vẫn thích tái tạo những hình tượng cũ: cái chổi lau nhà ngâm trong xô nước rỉ sét, bếp lửa củi cháy trên mảnh đất hoang, ngôi nhà gỗ với cửa sổ bé tí tẹo, cuộn thừng chão buộc neo một con tàu đã bỏ đi và những tòa lâu đài như trong chuyện cổ tích. Cảm giác được sống một lúc trong cõi sống êm đềm, hiền hậu cũ có tác dụng làm chậm lại cơn lốc đang đẩy nhân loại vào một thế giới kỹ xảo với nhiều thúc bách nghiệt ngã.

Ở MGM, để giới thiệu cách dàn dựng phim Indiana Jones, du khách phải đi qua con đường ngoằn ngoèo giữa cánh rừng già Á châu trước khi bước vào khán đài có sức chứa hàng ngàn khán giả cho mỗi xuất, sân khấu ba lớp chiều sâu và hàng trăm trước bề ngang, đủ cho cả một chiếc máy bay bị tấn công và nhiều xe hơi quân đội nổ máy chạy. MGM còn có cả một khu đất trồng cây thực vật theo kỹ thuật canh tác mới, dưa leo dài khoảng bốn tấc, ớt to bằng trái bắp, cà chua bằng cái tô, sức lớn vạm

vỡ, màu sắc tươi mát, mặt đất sạch như một địa đàng trong trí tưởng. Người hướng dẫn du khách tham quan nói rằng khu vườn này cung cấp thực phẩm hàng ngày cho các quán ăn bên trong khuôn viên MGM.

Từ 6 giờ chiều cho đến 9 giờ tối, khán giả được xem đốt pháo bông xen lẫn những màn trình diễn chuyện cổ tích (Bạch Tuyết bảy chú lùn, Mermaid...) bằng tia laser trên thinh không. Hàng triệu bóng đèn thắp sáng cây Noel cao ngất trời và toàn bộ nhà cửa, lâu đài của tất cả những khu giải trí mênh mông này.

So với Sea World ở San Diego, Sea World ở Orlando mới hơn tuy kiến trúc tương tự như nhau. Những con shamu trình diễn không tài hoa bằng bạn chúng ở San Diego nhưng ở đây có thêm màn cứu người lâm nạn trên biển rất ngoạn mục, màn trượt nước rất táo bạo.

Một nhận xét chung là trong tất cả các tiết mục trình diễn ở khắp mọi nơi, phụ nữ đảm đương những vai trò nguy hiểm ngang ngửa với nam giới, chưa kể họ làm host nhiều chương trình hơn nhờ ở vẻ duyên dáng. Tôi tự hỏi công việc mưu sinh nhọc nhằn ấy có ảnh hưởng gì đến vai trò làm vợ, làm mẹ, thường đòi hỏi nhiều nữ tính nơi người phụ nữ, hay không?

Một nhận xét khác nữa là trong bốn ngày la cà ở những trung tâm giải trí này, tôi không hề gặp một người Việt Nam nào. Có vài lúc nhìn từ xa, tưởng chừng là đồng hương, lòng đã vui. Đến gần, nghe tiếng nói, mới biết họ là người Nhật, người Hoa... Không thấy cả người Việt trên đường phố, trong mấy tiệm ăn dọc theo International Drive mặc dầu đêm hôm mới tới, tôi đã lẩn thẩn mở niên giám điện thoại để tìm xem có những cái

họ Ngô, Lê, Trần, Nguyễn hay không (và thấy có rất nhiều). Không biết đồng hương của tôi ở những đâu và họ sinh sống như thế nào ở cái nơi rất xa Tiểu Sài Gòn này?

*

Sáng ngày thứ năm của chuyến đi, mẹ con tôi rời Orlando, theo xa lộ 4 hướng đông để đi về thị trấn Daytona Beach, cách Orlando chừng 60 dặm. Xa lộ nhỏ, chỉ có hai lanes, chạy giữa những rừng cây màu nâu vàng và ở một vài đoạn, ven theo hồ nước phía bên phải.

Khách sạn chúng tôi ở nằm sát bãi biển. Ngồi trên bao lơn, chợt mường tượng đến đoạn Cụ Nguyễn Du tả lầu Ngưng Bích trong truyện Kiều

...Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia
...Chân trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?

Nước biển ở đây ấm hơn ở Cali. Bãi biển ngắn, ít cát, sóng êm. Cát nén chặt cứng ven thềm sóng. Sâu vào bãi, cát mịn như bột năng, có chỗ màu hồng, như thơ Cụ Nguyễn Du tả. Không có tàu bè qua lại, không có dàn khoan dầu, biển sạch sẽ trải mình thoáng đãng đến tận chân trời.

Mặc dầu sắp đến mùa lễ Giáng Sinh, thành phố không có đèn màu và dây kim nhũ. Đại lộ Atlantic một bên sát biển là hotel và motel, phía đối diện là gift shops và tiệm ăn. Những ngôi nhà nghỉ hè mùa này vắng chủ, lùi vào phía trong, tối đến chỉ có một ngọn đèn tự động thắp sáng ngoài hàng hiên.

Đang không, cơn mưa từ biển thổi rạt vào thành phố. Dưới ánh đèn đường, những hạt mưa phơi phới, bay

nghiêng, bỗng nhiên cứa vào lòng tôi những vết đứt lặng lẽ. Ở cái thành phố nhỏ tận miền Trung Việt Nam bây giờ đã thật xa xôi, là nơi tôi khôn lớn, có những ngày tôi đã lủi thủi đến trường dưới những cơn mưa giống hệt như thế: một tay ôm chặt cặp sách vào ngực, một tay gò chặt cái quai nón để né tránh những ngọn roi mưa.

Trong phòng khách sạn, con gái tôi mở máy sưởi và cắm cúi đọc bản đồ. Giữa hai mẹ con, ngoài xương thịt ra, quả thật có một nhịp cầu đã đứt đoạn, có những điều không còn có thể chia sẻ.

Tuy vậy, lúc tắt đèn đầu giường đi ngủ, tôi nghe tiếng cháu dặn:

"Mẹ đừng đóng cửa, con muốn nghe tiếng sóng vỗ."

Ôi, hóa ra vẫn còn cái chân cầu, để có ngày xây dựng lại...

*

Ba giờ sáng ngày hôm sau, mẹ con tôi rời Daytona Beach để đi hơn hai trăm dặm đường ngược về West Palm Beach là nơi chúng tôi sẽ đáp chiếc du thuyền Viking Princess, xuống đến quần đảo Bahamas.

Lúc khuân hành lý xuống check out, không như tôi nghĩ là đêm sẽ không có ai, trái lại, tiền sảnh đông đầy những người trẻ, dường như mới từ những quán rượu khuya trở về. Họ nói cười ồn ào. Bên cạnh đấy, tôi vẫn thấy ông Mỹ già một tay cầm cái khăn lau, một tay cầm chai Windex, chậm rãi lau mãi ô cửa sổ có những khung kiếng vuông. Tôi thấy ông ấy cứ làm như thế lúc tôi mới đến, lúc tôi đi ăn, xuống biển và bây giờ... ra về, suốt hai ngày trời. Tôi không biết ông ấy ăn hay ngủ vào lúc nào, có bao giờ bỏ cái khăn lau và chai windex ra mà vẫn biết

là mình, hay không? Có ai khác trong khách sạn lưu ý đến ông ta, lẩm cẩm như tôi, hay không? Ông làm tôi liên tưởng đến những con người máy tinh vi trong các shows giải trí ở Disney World. Họ giống in người thật, nói, cười, chớp mắt, cử động. Thân thế, sự nghiệp là do Computer ban cho. Chả lẽ cuộc sống máy móc của nước Mỹ mà ông lão trải qua suốt thời tuổi trẻ, trung niên và cả một phần lão niên, đã biến bộ óc ông thành cái bộ nhớ computer cùn mòn, chỉ biết làm mỗi một việc lau cửa sổ thôi?

Người thì còn thức đông nhưng bãi đậu xe hoàn toàn ngủ yên, chỉ có một xe của mẹ con tôi nổ máy lên đường.

Xa lộ 95 hướng Bắc mù mịt sương. Hai lanes đường trải mình trong cái tối đen tỏa ra từ bờ bụi và cây cối rậm rạp hai bên bờ. Chúng tôi cố gắng nói chuyện rì rầm cho đỡ sợ. Có một lúc, tôi lẩm nhẩm đọc kinh. Mảnh trăng hạ tuần khuyết một miếng, trắng bạc trong bầu trời ẩm sương, chạy xa xa theo xe chúng tôi, bên mé phải. Suốt dọc xa lộ, không có một xe thứ hai, không có cả cột điện thoại khẩn cấp. Khoảng 30 dặm từ Daytona Beach mới thấy trạm nghỉ chân của xe truck. Họ đậu xúm xít ở một nơi ven xa lộ, đèn hiệu màu đỏ làm thành một quang cảnh đông vui. Chắc hẳn các tài xế luân phiên canh cho nhau ngủ để đề phòng bất trắc. Qua khỏi đoạn đường có hơi người ấy, chúng tôi lại tiếp tục rong ruổi trên xa lộ tối đen, với nỗi khiếp sợ mơ hồ không dám chia sẻ cùng nhau. Thỉnh thoảng lắm, tất cả chừng hai lần, có một xe vào xa lộ nhưng chúng tôi chỉ đồng hành một quãng ngắn vì người lái lại exit sau đó vài dặm để đi về một nơi nào khác.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng an toàn đậu xe ở cảng West Palm Beach để sẵn sàng lên tàu, túi đồ ăn gồm bánh và trái cây chuẩn bị đi ăn dọc đường còn nguyên vẹn (lúc đó mới biết là cả hai mẹ con sợ quá, quên cả ăn).

*

Bahamas ở ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ nên hành khách đáp du thuyền phải làm thủ tục với nhân viên sở di trú trước giờ khởi hành, đơn giản là xuất trình thông hành để được đóng dấu chiếu khán xuất cảnh.

Viking Princess cao năm tầng, có đủ các tiện nghi giải trí như mọi du thuyền khác: phòng ăn, quầy rượu, sàn nhảy, sân khấu trình diễn ca nhạc, hồ bơi, bệnh xá, cửa hàng bán quà lưu niệm và sòng bạc. Ngoại trừ thuyền trưởng, thuyền phó, sĩ quan vô tuyến điện và viên bác sĩ, toàn bộ thủy thủ đoàn và nhân viên phục vụ là người Phi Luật Tân. Vì vậy, vừa bỏ chân lên tàu, chúng tôi được chào đón niềm nở bởi những người Phi lưu lạc, tưởng lầm mẹ con tôi là đồng hương. Sau này, có dịp nói chuyện vãn với anh chàng nhạc sĩ chơi guitar, kiêm ca sĩ, kiêm bồi rượu trên tàu, tên là Alfredo, tôi mới biết anh ta và tất cả bạn bè của anh ta, được chủ tàu thuê mướn qua các trung tâm kiếm việc làm ở Phi. Họ lãnh lương thấp so với người Mỹ (trắng hay đen), lao động không quản ngại (theo kiểu không bồng em thì xay lúa), làm việc theo hợp đồng tái ký mỗi năm. Đáp câu hỏi "tại sao anh chịu lặn lội đi xa như vậy và anh có hài lòng với cuộc sống hiện nay không", Alfredo tâm sự "Tôi có một vợ và một con trai 16 tuổi. Hàng năm, theo luật di trú, tôi bắt buộc phải về nước vài ba tháng để có thể tái tục hợp đồng làm việc ở đây. Đó là dịp thăm nom gia đình. Tôi đi vì kiếm tiền ở

đây dễ hơn, nhiều hơn. Tôi muốn con trai tôi được học hành đàng hoàng. Bây giờ, cháu đã cao lớn hơn tôi, bắt đầu để ý đến con gái. Tôi biết cháu cần có quần áo đẹp nên tôi gửi cho cháu những áo sơ mi đắt tiền với điều kiện cháu luôn luôn phải học giỏi".

Tôi hỏi tiếp "Ngoài thời gian về thăm, anh giữ liên lạc với vợ con cách nào?"

Alfredo cười: "Tôi gọi điện thoại tùy theo số tiền bổng tôi có trong tuần, tuy nhiên cũng chỉ đủ để hỏi thăm vợ một câu và nhắc thằng nhỏ học. Vợ tôi rất thực tế. Cô ấy biết tôi có thể có bồ hoặc vợ khác ở đây, chỉ muốn tôi phải chăm lo cho con và gửi cho cô chút tiền".

Một nỗi ngậm ngùi chợt dấy lên trong cõi lòng lạnh lẽo của tôi. Hình như tôi và những người như Alfredo có một cái chung. Chúng tôi cùng đến đất nước thần tiên này bằng tờ thông hành đóng nhãn hiệu con cái, như kẻ quá giang chuyến xe người khác với một chút ước mơ riêng không muốn (hay không thể) thú nhận và, tiếc thay, nó như hòn than cứ vạc dần trong bếp lửa tàn.

Cũng giống như ở Daytona Beach, khách sạn Lucaya Beach là nơi hai mẹ con tạm ngụ mấy hôm, nằm sát biển. Cửa lùa mở ra bao lơn phòng tôi nhìn xuống con kênh dẫn tàu bè ra biển. Sáng sớm còn nằm trong chăn ấm đã nghe tiếng còi hụ báo hiệu những con tàu ra khơi. Tiếng còi dội vào vách đá, nén theo chiều dài con kênh, nghe rền rĩ như một thúc dục buồn bã. Trời trong, mặt trời hồng hào ở chân mây nhưng gió đập vào cây lá rì rào không ngớt.

Biển ở Bahamas rất đẹp, nước hai mầu xanh ngọc và tím xen kẽ nhau, như miếng bánh da lợn. Chúng tôi đáp

một chuyến tàu khác để đi lặn và tắm biển. Tàu neo ở một nơi nước sâu từ tám đến 12 feet, nhìn suốt tới đáy. Du khách được cấp mặt nạ và chân vịt bằng cao su để lặn, với sự tiếp ứng thiện nghệ của hai nhân viên theo tàu, bơi lẹ như rái cá. Mọi người đều xuống nước, người trẻ vùng vẫy thỏa thích, người già ôm theo phao, trừ một mình tôi ngồi yên lặng ngắm... con và thiên hạ. Lặn và bơi chán, mọi người lục tục kéo nhau trở về tàu, uống punch thả dàn trong khi cả tàu di chuyển đến một cái đảo khác để ăn trưa.

Thức ăn gồm sườn nướng, gà tẩm bột chiên, khoai tán, bắp luộc và légumes, được dọn trong căn lều dài, trống hoác, ngay trên bãi biển. Bàn ghế đóng bằng gỗ rất thô sơ, đen đủi, làm nhớ bãi biển Vũng Tàu. Người dân địa phương ở đây không bán hột vịt lộn, dừa tươi, tàu hũ hay trái cây, như ở Việt Nam. Họ bán áo thun, khăn tắm, treo móc tùm lum, ngay bên cạnh những chiếc xe hơi của họ và những bụi dứa dại. Bữa ăn chưa xong thì trời bỗng xám xịt rồi cơn mưa ập tới. Cơn mưa lạnh, dai dẳng, rét mướt, như mưa ở Việt Nam. Nhiều người chạy vô lều tránh mưa nhưng nhiều người khác ngồi lại trên bãi hoặc xuống tắm. Một bà nói tiếng Anh với thổ âm Nam Mỹ, cẩn thận dăng tấm khăn lông lớn trên cái xà ngang nối hai cây cột gỗ để chắn bớt gió sau lưng ông chồng, in hệt cái lo toan của các bà vợ Việt Nam. Những người trẻ chia thành nhóm chơi bóng chuyền dưới mưa hoặc chơi trò ném trứng. Quả trứng sống được giao từ tay người này qua tay người khác. Khi tiếng hô của người điều khiển trò chơi thình lình cất lên, quả trứng đang ở tay ai mà không kịp chuyền đi thì người đó phải đập vỡ quả trứng

lên đầu, và bôi tay bẩn vào áo mình. Người ta hò hét như điên dại. Nước punch của Bahamas có pha rhum nên rất thơm và dễ say. Trên đường về, người ta kéo nhau ra sàn gỗ phía mũi tàu để khiêu vũ. Nhạc Jamaica giật đùng đùng. Ông già bà cả, thanh niên nam nữ, vẻ điềm đạm ban sáng lúc lên tàu không còn nữa, ai cũng vui chơi hả hê. Mỗi dân tộc có một cách thưởng thức đời sống riêng. Tuổi già của mẹ tôi không giống các bà mà tôi đang nhìn thấy trước mắt. Ở tuổi 65, mẹ tôi vẫn còn còng lưng trên những luống đất chờ gieo hạt. Ở tuổi 70, mẹ tôi quanh quẩn bên mấy đứa cháu ngoại cả ngày đòi bế bồng, chiều xẩm tối mới ra đến thềm nhà, cầm cái quạt nan phủi cát trên cái bậc xi măng để ngồi nghỉ chân, tay lần chuỗi tràng. Nhiều bà mẹ khác vẫn còn quang gánh trên vai ngược xuôi ở tuổi xế chiều để lo cho con cháu, cuộc đời liệu có bao nhiêu niềm vui ngoài bổn phận?

Tối thứ bảy, chúng tôi ăn tối ở một tiệm ăn có phụ diễn văn nghệ và ảo thuật. Đường tới nhà hàng chạy khuất khúc giữa những giậu cây rậm rạp, như ở thôn quê, nhưng vào đến nơi, mặt tiền nhà hàng đầy xe taxi, bên hông nhà hàng là một khách sạn nhiều tầng, đèn thắp sáng các khung cửa sổ mở. Tài xế taxi ở Bahamas không mặc suit, đeo cà vạt nhưng tất cả taxi là xe limousine hoặc cadillac. Họ chạy xe phía lề trái (dấu vết thời Anh quốc đô hộ còn sót lại) bằng xe hơi do Mỹ sản xuất với tay lái ở bên trái. Mỗi khi cần qua mặt, họ lấn sang phải, nghĩa là có thể đụng cái rầm nếu có một xe đang chạy tới trên lane ngược chiều này. Mặc cho du khách run rẩy đọc kinh, tài xế tỉnh bơ chạy và đưa khách tới nơi an toàn. Giá vé ăn tối có lobster và ca nhạc là 37 đô la. Chỉ xem

mà không ăn thì 17 đô la, gồm cả hai ly uống do khách chọn lựa.

Nữ vũ công Bahamas trang phục diêm dúa, màu sắc vui mắt. Họ múa lửa, múa bụng, múa ngực, múa hông, đẹp hồn nhiên và trong sáng. Có một màn solo trống mà người nghệ sĩ trình diễn mặc chiếc áo vải thô, nét mặt khép kín, hiền hậu như một... thiền sư. Bộ trống gồm hai chiếc, mắc chéo nhau trên cái giá sắt, như cuốn sách đang mở. Trống bằng thiếc trắng, trông xa như những cái xững hấp bánh của người Việt Nam. Mặt trống lõm, có những chỗ trũng bằng cái chén đổ bánh bèo. Tiếng trống trong trẻo, thanh và ngọt, ngân như tiếng đàn đá của ta.

Cuối chương trình, ông trưởng ban ăn mặc như tù trưởng, cung kính ra chào khán giả, xin họ sang năm nhớ trở lại Bahamas vì "chúng tôi sống được là nhờ quí vị".

Về tới khách sạn, nằm đối diện với shopping Mall lớn nhất của Bahamas là khu Port of Lucaya, chúng tôi còn kịp nhìn thấy những ngọn pháo bông cuối cùng của đêm Christmas Lights mỗi năm chỉ tổ chức một lần cho tất cả trẻ con ở Bahamas. Người đi như nước trên các lề đường. Cảnh sát không có vũ khí, tập trung trước cơ quan của họ là một căn nhà gỗ nhỏ, nằm ngay cạnh phòng hướng dẫn du khách cũng chỉ lớn bằng cái ki-ốt bán hoa trên đường Nguyễn Huệ Sài Gòn. Họ đội nón có lưỡi trai kiểu thống chế Pétain, cổ và tay áo viền xanh đậm hoặc đỏ (tôi không nhận rõ dưới ánh đèn đêm), cả đàn ông lẫn đàn bà trông giống như một đội lính kèn.

Khu mua sắm Port of Lucaya diện tích ước khoảng nửa cây số vuông. Bên ngoài, ngay trên bờ lề cỏ sát lòng đường, là những sạp bán áo thun, sweatshirt và quần

short, những sạp bán đồ chơi kỷ vật làm bằng bao đệm, cói, nylon, vỏ sò, vỏ dừa hoặc gỗ, tựa như Chợ Trời ở Cali. Sâu vào trong, du khách tha hồ ngắm nghía và tiêu tiền... miễn thuế tại các cửa tiệm sang trọng bán những mặt hàng xa xỉ thượng hạng như nước hoa, mỹ phẩm, thủy tinh, đồ thêu của Trung Quốc, đồ bằng da, nữ trang bằng vàng, kim cương, đặc biệt là bích ngọc, hồng ngọc, topaz, đồng hồ loại đắt tiền. Du khách đến Bahamas được quan thuế hỏi một câu duy nhất lúc đặt chân lên bờ "Có thuốc lá trong hành lý không?" nhưng họ có đủ loại rượu ngon, quí để bán cho du khách, miễn thuế, nghe nói trung bình mỗi chai, chưa nói đến thuế, giá rẻ hơn bên Mỹ ít nhất là 10 đô la. Vì vậy, trên đường về, nhiều du khách xách theo cả vali rượu để chuẩn bị đón mừng năm mới.

Điểm đặc biệt nữa ở khu mua sắm này là các phụ nữ Bahamas làm nghề thắt bím tóc (theo kiểu đàn bà, con gái và trẻ con da đen thường thấy ở quận Cam). Con bím đầu tiên miễn phí, từ con thứ hai phải trả 2 đô la, cứ thế mà nhân lên. Có người tết vài ba con bên thái dương làm kỷ niệm chuyến đi Bahamas, người tết hàng chục con, người tết cả đầu. Cả bà già, con gái và con trai đều nồng nhiệt tiêu tiền cho mục này. Người ta kể truyền miệng nhau, có một nữ du khách Mỹ ngủ quên trong khi tết tóc. Lúc thức dậy, cô làm tóc tính bà hai ngàn đô la cho một ngàn con bím lăn tăn trên đầu bà. Tất nhiên bà không chịu trả, cô làm tóc gỡ hết những con bím đã tết và... tặng bà cái đầu xù lên như tóc nhạc sĩ Đức Huy khi nghe Linda Trang Đài hát The groove is in the heart (video L.A Night của Khánh Hà productions, quảng cáo dùm!).

Các cô Bahamas này ngồi rải rác trong Mall, dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời vùng biển. Trông họ giống như bà bóng. Họ chào mời khách ngay trên lối đi ngang qua chỗ họ hành nghề. Đồ nghề của họ chỉ có một chai nhựa xịt một thứ nước gì đó hay nước lạnh, một cái hộp đựng những cái nút nhiều màu để gắn lên đuôi mỗi con bím, một cây lược thưa. Họ tết tóc nhanh như máy, không cần nhìn (vì mắt còn mải bắt thêm khách trong số du khách tấp nập qua lại) trung bình cỡ 30 giây cho một con bím dài quá vai. Họ kiếm tiền nhẹ nhàng và rất vui.

Các tiệm ăn trong Mall bán đồ ăn thật ngon vì họ gia vị đậm đà gần như thức ăn của chúng ta. Một phần ăn tối, nguyên cả con cá Red Snapper deep fried dọn với loại sauce đặc biệt của họ, cơm xào và xà lách mà chỉ hơn 6 đô la. Nước punch đóng hộp của họ, không có rượu, cũng rất ngon. Ở một tiệm nấu món ăn Hy Lạp, món Gyro thịt bò hay Souvlaki thịt heo gói trong một thứ bánh tương tự như Tortillas của người Mễ nhưng dòn, xốp và thơm gấp bội Tortillas, rất ngon miệng.

Ở giữa Mall còn có một quầy bán dừa tươi nhưng vì không thấy ai uống nên mẹ con tôi cũng chỉ ngắm mấy tàu lá dừa xanh trang hoàng xung quanh rồi đi qua luôn, một phần cũng vì giá quá đắt so với các thứ nước uống khác.

Buổi tối về lại khách sạn, đi ngủ trong tiếng gió lùa rào rạt qua những tàu lá cọ dưới sân, con gái tôi chợt nói "Mình chỉ thấy bề ngoài của Bahamas, không biết dân của họ thực sự sống như thế nào, ở những đâu?"

Tôi lặng thinh không góp chuyện nhưng nghĩ thầm "Sống như thế nào, ở những đâu trên đảo Bahamas thì

cũng hơn mẹ con mình vì họ có tổ quốc và quê hương". Nghĩ xong, tôi xót xa nhớ lại khuôn mặt trắng trẻo, nhỏ nhắn, xinh đẹp của hai cô thiếu nữ Việt Nam nhìn thấy lúc chập tối ở Daytona Beach, trong tiệm Nails, ở một cái Mall vắng vẻ. Họ đang làm việc để sinh sống. Sự tương phản đầy thương cảm giữa nét trẻ trung thanh tao của hai cô và những bàn chân, bộ đùi to bự của các bà khách da đen, ở một nơi cách xa đất nước hai cô hàng chục ngàn dặm đường, là một sắp đặt kỳ lạ của số phận, có lẽ cảm giác cũng như khi một ai đó bất ngờ nhìn thấy một bông hoa nhỏ vươn lên lẻ loi từ một hốc đá hoang vu. Cái hạt mầm sống thất lạc, bị bỏ quên, bị vùi dập ấy, để tồn tại được, phải chứa trong nó một sức mạnh phi thường.

Đêm thứ hai 11-12, trở về lại West Palm Beach trên chiếc Viking Princess, biển động. Đại dương tối đen, sóng đánh điên cuồng bên hông con tàu to như cả một tòa nhà cao năm tầng vững chãi. Vậy mà rất đông đồng bào của tôi, ròng rã gần 20 năm, đã liên tục vượt những mặt biển hung hãn như thế trên những con thuyền gỗ mỏng manh, máy móc thô sơ, để đi tìm Tự Do. Thế kỷ 20 của nhân loại sẽ bất tử vì nó chứng kiến những cuộc di cư vĩ đại và bi thảm của những dân tộc bị chiến tranh và chủ nghĩa cọng sản xâu xé, trong đó, có dân tộc tôi.

Trong phần văn nghệ từ giã, người ta hát nhạc Giáng Sinh. Có cả một nữ ca sĩ vóc dáng và nhan sắc gợi nhắc Ava Gardner trong La Maja nue, hát opéra rất say đắm và nghệ thuật. Trước khi rời bục sân khấu, cô muốn hát tặng hạnh phúc những đôi lứa nào có mặt đêm nay trên tàu, đã sống bên nhau dài lâu nhất. Tiếng trả lời vọng lên đó đây trong thính phòng đang lắc lư vì sóng: 25

năm, 37 năm, 40 năm, 52 năm! Cử tọa vỗ tay rền rĩ. Cô ca sĩ thân hành đón cụ ông 52 năm hạnh phúc, đưa cụ ngồi vào ghế bành đặt giữa sân khấu, duyên dáng cảm ơn cụ bà đã vui lòng cho cô mượn cụ ông trong ít phút, tình tứ hỏi cụ ông có vấn đề gì trục trặc về tim không để cô trình diễn một bản tình ca đặc biệt tặng riêng cụ. Cụ ông cười tủm tỉm trả lời “Cô đừng lo. Trái tim của tôi chứa đầy tình yêu nên nó sống lâu lắm”.

Trong xã hội Mỹ, khi con cái đã lớn khôn, như đàn chim đủ lông cánh rời khỏi tổ ấm đại gia đình, hình ảnh một đôi vợ chồng già sống gắn bó, nâng dắt nhau đi qua chặng đường khấp khểnh cuối đời, có một vẻ đẹp thấm đượm đến mủi lòng.

Một lần đã lâu, tình cờ nghe cuộn băng cassette bài giảng của thiền sư Nhất Hạnh, tôi cứ lấn cấn mãi về hai chữ “thiền ôm” trong bài giảng ấy. Bỏ ra ngoài tính luận lý thường đưa đến mâu thuẫn và ngờ vực thì “Ôm” chính là sự thể hiện toàn vẹn nhất của hành động cho và nhận, là nhịp cầu hòa bình phóng ra nhanh và chắc nhất của loài người. Bỏ ra ngoài tập quán hoặc sự tù hãm của thói quen, cơ thể có lẽ cũng cần được tiếp cận với đồng loại để ý thức sự sống còn của chính nó.

Đi đâu thì rồi cũng có lúc phải trở về chốn cũ. Tuy nhiên, sáng nay thức dậy trên chiếu giường quen thuộc, trong căn nhà của mình, người vẫn còn lao đao tiếng sóng biển vỗ dưới bệ cửa sổ ở Daytona Beach, trí óc còn in những con đường loang nắng trong khu mua sắm ở Bahamas, tai còn văng vẳng tiếng lũ hải âu quang quác giành ăn trên cái bờ tường soi bóng nước ở cái tiệm ăn trong khu Disney World, tôi cảm ơn chuyến đi đã cho tôi

sống thực sự một giấc mơ đẹp hơn mọi giấc mơ có thể đến trong giấc ngủ của một người. Sự khác biệt quyến rũ nhất là quả thật, tôi đã để lại dấu chân mình ở những nơi mà tôi không tài nào đến được ngay cả trong giấc mơ kỳ diệu nhất.

Cali 12-95

Tiếng Sông Hương

Vẫn biết là ai thì cũng có một quê hương để yêu dấu, để gắn bó, để tưởng nhớ khi chia xa. Tuy nhiên, tôi luôn luôn có cảm nghĩ là người Huế sống và bộc lộ tình quê hương một cách mãnh liệt hơn bất cứ người dân vùng nào khác.

Hãy cứ nhìn cái tiệm bán đồ ăn Huế nhỏ xíu ở một góc phố hướng về đường Bolsa. Tiệm chỉ có sáu cái bàn đặt chen chúc nhau, sức chứa tối đa khoảng hơn hai chục thực khách, vậy mà dòng người đứng xếp hàng chờ cứ dài ngòng ngoèo trên cái hành lang mùa hè thì bức sốt, mùa đông thì gió hun hút lạnh. Hỏi ra, cô chủ quán là dân Huế rặt nên người Huế đổ xô đến ủng hộ.

Ăn thử thức ăn của nhà hàng, không thấy ngon cho lắm. Chỗ ngồi vừa chật vừa bị đôi mắt người chờ ngoài cửa van nài, năn nỉ, đốt nóng phồng da. Tôi hỏi chị bạn đi cùng:

"Sao thích ăn ở đây?"

Bạn cười hồn nhiên

"Ăn tạm, đâu ngon bằng ở quê, nhưng ăn để cái cửa tiệm này nó sống chớ? Tới đây, nghe tiếng Huế ba bề bốn bên, ngó mấy khuôn mặt quen, mấy bức tranh phong cảnh núi Ngự, sông Hương, cũng tựa như mình về giữa quê hương miền Trung vậy, lòng êm đềm biết bao!"

Tôi có cô bạn gái người bắc, yêu một anh người Huế trong bốn năm. Hai người tâm đầu, ý hợp, tình rất mặn nồng. Thế nhưng khi phải lấy vợ, anh hỏi cưới một cô của Huế mộng và thơ. Hỏi anh "sao vậy?", anh trả lời "biết sao, rứa đó thôi". Anh nói thế nhưng tôi biết khi yêu bạn tôi, anh như người đi chơi lạc đường.

Tôi cũng có một bạn gái Huế chay, lấy chồng nam kỳ. Ăn ở êm ấm bên nhau gần hai chục năm, khi chồng chị qua đời, chị tâm sự "lấy chồng xa xứ là niềm ân hận thiên thu. Lúc mô cũng cảm thấy mình lêu bêu, trôi dạt. Như chim xa tổ, cá xa nguồn". Sau cùng, bạn tôi lao đầu vào yêu một anh so với chị chả có gì hấp dẫn ngoài cái giấy khai sanh chứng nhận anh ra đời tại làng Truồi, tỉnh Thừa Thiên.

Sự gắn bó giữa người Huế với nhau càng bộc lộ rõ ở những cuộc hội họp đồng hương hàng năm.

Thiệp mời nói chương trình khai mạc lúc mười hai giờ trưa (nếu đám cưới thì có nghĩa là ba giờ chiều). Tôi nhủ lòng đến vào lúc một giờ còn sớm chán, vậy mà khi tôi tới nơi lúc một giờ kém mười lăm, bãi đậu xe và cả những lề đường lân cận trong phạm vi năm trăm thước không còn một chỗ trống.

Bước vào trong, khuôn mặt ai cũng nở nang, tươi tắn, hớn hở như bông hướng dương buổi mai, mắt ai cũng sáng quắc như đèn hai trăm oắt. Tiếng cười, tiếng nói,

tiếng gọi, âm ba sải đi như trùng trùng nước cuốn, từng ngọn tóc, từng cái lỗ chân lông cũng nghe được niềm sảng khoái của quê hương tìm thấy lại qua hơi hướm nhau. Cái không khí rất riêng biệt, đặc quánh như một thứ keo chỉ dính những ai cùng huyết thống đất thần kinh. Người ngoài, dù có họ hàng dây mơ rễ má, như con dâu, con rể, con nuôi, không cách gì thực sự hòa nhập trọn vẹn vào đấy được.

Người Huế, trong số phận riêng của mỗi vị, có thể có những điều dị biệt nhưng người Huế gắn liền với cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp, với sông An Cựu nắng đục mưa trong, với Ngự Bình trước tròn sau méo, với đồi Thọ Xương, chùa Linh Mụ, với cau Nam Phổ, mía Mỹ Lợi, quít Hương Cần v.v... thì họ là một khối lưu ly bất khả phân. Từ đấy, tôi hiểu ra rằng Huế mang trong nó sức mạnh của một tình yêu thần bí, huyền diệu.

Tôi chưa từng được nhìn ngắm sông Hồng hùng vĩ của đất Bắc ngàn năm văn vật nhưng tôi đã đi qua trên dòng Cửu Long vạm vỡ sức sống của đồng bằng Hậu Giang. Sông nước miền Nam đục lờ phù sa, náo nhiệt tiếng những con đò máy xuôi ngược, hun hút những bè lục bình sum suê vàng úa. Chiều ra bờ sông không để ngậm ngùi hỏi núi

Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!

mà để xách theo cái xô, chiếc cần câu làm bằng một thân trúc cụt ngủn, sợi dây cước ni lông gắn cái lưỡi câu trơ trọi. Buông câu chạm mặt nước là cành trúc đã cong vút. Chừng mươi lăm phút thì cái xô đã đầy cá lòng tong và cá rô cơm. Trước khi mặt trời xuống, trước khi xách cá về

nhà và nhóm lửa trên cái cà ràng, người ra bờ sông còn ơi ới gọi ghe máy để mua ôm mía, quầy dừa xiêm hay buồng chuối tráng miệng.

Những bờ sông Cửu Long hồn nhiên, dung dị, khác biết bao với bờ sông Hương chan chứa ước mơ, thăm thẳm những khát khao thầm lặng. Con gái Huế qua đò bóng nghiêng xuống dòng bích ngọc, dáng thanh tân mơ hồ in trên đầu những gợn sóng nôn nao làm ửng màu xuân thì lên hai má.

Sông Hương êm đềm chảy giữa lòng thành phố Huế, như dòng máu luân lưu qua trái tim. Những người sinh trưởng ở Huế uống nước sông Hương mà lớn khôn nên người Huế ràng buộc vào nhau như tình cốt nhục.

Nhìn từ trên xuống, nước sông Hương xanh như ngọc. Thế nhưng cô gái đi quẩy nước, xắn cao đôi ống quần, lội xuống ven dòng thì nước ở chỗ cô đứng vỡ ra, trắng ngần như bạc vụn. Buổi sớm mai, đi trên cầu Trường Tiền nhìn ngược lên phía cầu Bạch Hổ, nước chảy qua Thương Bạc xanh lam màu khói mỏng. Một chút mặt trời lên, gió lao xao, nước đùa vui khẽ xô vào nhau, óng ánh như cả một vạt sao rơi.

Người Huế qua cầu soi bóng mình trên dòng sông Hương nên ai cũng có một chút thanh xuân gởi lại. Cho dù mai sau trôi dạt phương nào, người Huế ly hương cứ còn mãi nghe tiếng gọi từ cái phần đời quá khứ lặng chìm tha thiết ấy, cứ còn mãi thấp thoáng cái hình ảnh đầu đời long lanh ước mơ để lại những bến sông đã đi qua.

Người Huế ở Huế có khi không dung nhau (có lẽ vì những con đường ở Huế gập ghềnh, nhỏ xíu) nhưng người Huế đi xa mà gặp nhau mừng như bắt được vàng (chắc tại

vì cái hình bóng nhìn thấy trong mắt nhau gợi nhắc dòng sông cũ vẫn trôi lấp lánh trong đáy hồn mình).

Từ nơi xa xôi nhớ về Huế không chỉ nhớ hình tượng dòng Hương Giang bát ngát thảnh thơi dưới bầu trời mùa hè trong xanh, không chỉ nhớ dòng Hương Giang quằn quại dập vùi dưới cơn mưa rát mặt mùa đông. Người Huế đi xa còn nhớ tiếng sông Hương bằn bặt, réo rắt, vẳng lên trong lồng lộng những tầng ký ức ướp hương thời gian, mát lạnh, trong veo.

Tiếng sông Hương eo xèo, lam lũ chảy qua cửa chợ Đông Ba trông vời Đập Đá. Tiếng sông Hương ngọt ngào, ròn rã lượn quanh Cồn Hến xinh tươi. Tiếng sông Hương hào hùng, khí phách phơi phới cờ bay trên kỳ đài lẫm liệt. Tiếng sông Hương hiền hậu, từ bi trong êm đềm hồi chuông Thiên Mụ. Tiếng sông Hương nghẹn ngào, rạn vỡ của những cuộc tình phôi pha...

Dù không gian biền biệt, dù thời gian đã rêu xanh, sóng sông Hương vẫn cứ vỗ những tiếng thầm trong trái tim thổn thức của người Huế lưu đày không bao giờ ngưng ước ao một ngày trở lại.

Người sinh ra, lớn lên ở Huế, đi xa, thương nhớ Huế đã đành. Người đi qua Huế một lần, một ngày, rời Huế rồi vẫn còn nghe bàng hoàng, thảng thốt tiếng dòng sông thì thào, dìu dặt, vẫn còn bâng khuâng hình bóng mình in giữa vời con nước lưu ly. Tình yêu với Huế là gắn bó trắc trở, là thiên thu chia xa, là bước đi ngoảnh lại, là gần trong gang tấc cách ngoài quan san. Người đi xa nhớ về sông Hương một dòng chảy dịu dàng chứa trong nó sự bình yên bão tố, vẻ đẹp cực kỳ quyến rũ của một nhan sắc lãnh đạm lạ thường.

Vừa qua, một người bạn về thăm quê hương, khi trở lại đây đã đem theo nhiều ảnh chụp thắng cảnh ở Huế. Có tấm chụp đôi vợ chồng già trên chiếc xuồng nan nhỏ, đang tung lưới giữa dòng sông Hương. Tấm lưới mỏng, trong suốt, như giải sương mềm lượn óng ả trên mặt sông tím thẫm mầu chiều. Hình tượng ấy là tất cả niềm bí ẩn trong tình yêu với Huế, là sự gắn bó bền vững thách đố với thời gian, là cái mong manh đớn đau của rất nhiều đợi chờ, hy vọng và rất ít thành tựu.

Cali 6-93

Huế Trong Trí Nhớ Tôi

Điện thoại anh B.Châu từ Houston gọi qua "Chúng tôi đang sưu tập bài để ra thêm một Đặc San nhớ Huế nữa, mong chị đóng góp bài cho".

Sau số Đặc San về Huế cách đây ba năm, tôi nghe tin anh Châu đau nặng, phải giải phẫu mấy lần, lòng tôi vẫn băn khoăn không thăm viếng được người bạn văn kỳ thanh bất biến kỳ hình này. Ít lâu, biết anh may mắn bình phục, tôi rất vui mừng, cho đến buổi tối thứ năm tuần lễ trước lại được nghe tiếng anh trên điện thoại.

Trả lời câu chuyện với anh Châu xong, tôi cười một mình "Thế đấy, trừ phi người Huế chúng tôi nhắm mắt lìa đời, còn nếu sống một ngày là một ngày chẳng nguôi..."

Tâm tình với Huế, về Huế thì nhiều, tràn đầy. Nói về Huế, viết về Huế cũng đã nhiều, tràn đầy. Không chỉ người Huế nhớ thương, ngợi ca Huế. Người đi qua Huế một lần cũng để lại nơi đó một phần trái tim và mang theo với họ muôn vàn kỷ niệm (viết thành văn, thành thơ, thành nhạc, vẽ thành tranh). Bởi vậy, nói thêm về

Huế, dù bất cứ dưới bộ mặt hoặc cảnh trí nào, chắc cũng sẽ trùng lắp với những điều một ai đó đã nói trước rồi.

"Rứa thì chừ bắt đầu cách răng và nơi chỗ mô?"

Trong một thư riêng vừa đây, anh Hồ Trường An (sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam) có viết "tiếng Huế đẹp, gợi cảm và quí phái, ngọt như mía Mỹ Lợi, như trái thanh trà. Nhãn Huế hột nhỏ, cơm dày, thơm điếc mũi, kẹo cau xứ Huế trắng như giồi phấn, mè xửng ở ngoải ngon nhức nhối (chắc anh ăn nhiều quá nên đau răng), phấn nụ ở Huế không hạp da khô, con gái Huế ăn nói nhu mì nhưng có chồng con rồi thì nói như sanh như sứa..."

Phải công nhận con mắt anh Hồ Trường An nhanh như điện, sắc như dao. Chỉ vài giòng chữ, anh nói gần hết về Huế dễ thương, dễ ghét, về Huế thần tiên và trần tục của riêng tôi.

Quả thật Hồ Trường An đã làm tôi nhớ lại những ngày tuổi nhỏ, mỗi sáng lúc mặt trời gần đứng bóng, tôi ra bờ rào mong mẹ về chợ. Mẹ tôi hay mặc áo dài bằng hàng vân nội hóa, mầu xanh da chai xậm. Trong cái nắng mênh mông của một quãng đường làng chạy bên rìa khu đất trống vẫn dùng làm chỗ thả bò của một nhà giàu có, tôi thích nhất khi nhìn thấy bóng mẹ vào đúng tầm bóng mát của cây nhãn duy nhất, lùn xủn, mọc ngay đầu bãi đất ấy, cách chỗ tôi đứng chừng dăm phút chân đi. Mẹ tôi đội nón, tay xách cái bị cói nặng, hai vai bà xuôi xị, mặt cúi nhìn đất. Nón bài thơ ở Huế rất đẹp nhưng suốt cả thời thơ ấu cho đến khi lớn khôn, tôi không bao giờ thấy mẹ có một cái nón bài thơ.

Nón bài thơ ở Huế chằm bằng lá kè hạng nhất, thân lá trắng nõn, gân lá màu hoa lý. Người thợ chằm vót nan nón bằng cật tre cho thật thanh mảnh và thật láng, mũi chằm phải đều tắp và nhỏ rí, chỗ bên trong chóp nón lót một vòng đồi mồi giữa hai đường chỉ thêu những cái hình thoi ngũ sắc. Nón úp thành từng chồng cao trên sạp chợ, xếp riêng theo loại từ xấu đến tốt, từ rẻ đến mắc, từ thô cứng đến thanh tao. Quai nón làm bằng nhung the, màu đen mun, mầu tím than, màu xanh nước biển, màu vàng tươi, mầu hổ hoàng... Con gái Huế đội nón bài thơ mặt sáng như gương vì nắng dọi qua nền lá mỏng buông xuống hai vai, khi cô giận ai hoặc thẹn vì ai, cô cứ quai nón mà xoắn.

Có lẽ lúc tôi vừa khôn lớn thì tuổi xuân của mẹ đã qua nên tôi không hề thấy mẹ đội nón bài thơ. Bà đội nón loại thô cứng, dù mới mua, màu lá đã vàng ửng, được ít lâu nó mốc rêu. Tôi thường có ý nghĩ chiếc nón úp lên đầu mẹ nặng quá, làm đôi vai bà càng bé lại, xuôi xuống, làm khuôn mặt bà buồn rầu, tối xẫm.

Cùng với hình ảnh mẹ vừa vào tầm bóng mát của cây nhãn lùn xủn cách bờ rào phía sau nhà một quãng, tôi đã tưởng chừng ngửi thấy hương vị vài chiếc kẹo cau gói trong mảnh lá chuối khô mà mẹ thường dúi cho tôi mỗi lần về chợ. Có lẽ đối với hầu hết trẻ trạc tuổi tôi ở Huế ngày ấy, ý vị đời sống và hạnh phúc nằm trong những chiếc kẹo cau nhỉnh bằng một lóng tay cái, trông giống quả cau bổ làm bốn, hạt cau là cái lõm bằng đường cô đặc cứng, trong veo màu mật ong, vỏ cau bằng bột mà nhà văn Hồ Trường An mô tả "trắng như phấn giồi". Bây giờ nghĩ lại, thấy kẹo cau năm xu một cái đâu có ngon lành

gì, thế nhưng ngày đó và bây giờ, nó chính là cái ngọt ngào của tấm lòng bà mẹ quê nghèo chắt chiu thương con qua những ngả đường nắng mưa xuôi ngược. Càng gần với xế chiều một đời người, càng tang thương bầm dập, cái ngọt ngào ấy càng thấm đượm trong hồn, trong đáy lòng.

Kẹo cau ở Huế thường được bày bán chung với kẹo gừng, trên một cái mẹt nhỏ. Những hôm được theo mẹ đi chợ, tôi thấy bà hàng kẹo ngồi ở cái tam cấp bằng gạch vỡ lỗ chỗ cửa chợ Đông Ba, với cả sự nghiệp buôn bán của bà nơi cái mẹt kẹo. Trong đôi mắt thơ ngây của một đứa bé, mẹt kẹo ấy là tất cả sự thèm muốn và nỗi ham thích tuyệt vời. Trong trí nhớ của một người luống tuổi đang sinh sống giữa xã hội nước Mỹ giàu có, mẹt kẹo là hình ảnh cuộc đời cơ cực lạ lùng, bí ẩn của quê hương. Quả thật đến bây giờ, tôi không tài nào hiểu nổi vì sao những bà vợ, bà mẹ Việt Nam lam lũ có thể trải qua hết buồn vui và hy vọng đời mình chỉ bằng cái mẹt kẹo nhỏ ấy, cưu mang được sự sống cho cả gia đình họ? Phải chăng những cái tầm thường, nhiều khi lại chính là cái to lớn?

Ngoài kẹo cau, nhà văn Hồ Trường An còn nhắc đến mía Mỹ Lợi. Những ai còn nhớ con đường về Hậu Giang, qua tỉnh lỵ Sa Đéc và bến phà Mỹ Thuận, chắc chưa quên những cô hàng mía ghim. Mía Sa Đéc màu đỏ loang, các cô gái bán rao chào mời khách là mía thơm rượu. Mía Mỹ Thuận trắng trong, thường là bõng nước vì người bán ngâm mía đã tiện khoanh, mỏng cỡ lóng tay, trong thau nước, cho mía tươi trước khi ghim thành chùm như một bông hoa. Có lẽ vì vậy, ăn mía Mỹ Thuận tuy có ngọt song là vị ngọt lạt, đôi khi thoảng mùi nước ủng. Bên cạnh hai loại mía được trau tria, tô điểm thanh nhã, mỹ

miều này, mía Mỹ Lợi ở Huế ví như cô gái đồng quê khỏe mạnh xăn hai ống quần để lộ bắp chân da màu nâu trơn láng và căng phồng sức sống. Nhà thơ kiêm phê bình gia Nguyễn Mạnh Trinh cho là tôi nặng đầu óc địa phương trong ngòi bút. Tôi ước ao một ngày quê hương thanh bình, ông có dịp về chơi miền Trung, ghé qua Huế để được nhìn thấy cô gái Mỹ Lợi mặc áo nối thân, chân đất, gánh mía ra chợ. Mía Mỹ Lợi da nâu xậm, có khi tím như da bồ quân, lóng mía no tròn, thắt quãng từng đốt như một cô gái thắt đáy lưng ong. Mía được cắt thành đẫn ngắn, khoảng từ ba đến năm tấc, xếp quây tròn trên cái rổ cạn. Mẹ tôi thường mua mía mỗi lần chừng mươi tấm, bó lại như bó củi rồi thòng dây ngâm mía dưới giếng. Vài ba ngày vớt lên, róc vỏ, mía trổ những cái gân rượu đỏ như hổ phách, thơm nồng nàn, say đắm. Đã vậy, gặp khi cây bưởi trong vườn đang ra hoa, mẹ tôi tiện mía ủ với hoa bưởi. Tôi chắc cùng với tôi, có rất nhiều người đã từng ở Huế, còn nhớ cái hương vị thần tiên này.

Thanh trà Huế chỉ bé bằng quả bưởi ổi Biên Hòa nhưng da thẳng, xanh màu cốm. Khác với bưởi ổi ngọt ngay, bưởi đường ngọt lạt, bưởi thanh lõng bõng nước, thanh trà ngọt dai, vị thơm ngát, những tép thanh trà ráo mặt, dòn tan, đem trộn với mực khô Thuận An nướng bằng rượu xé nhỏ là có một món nhậu tuyệt cú mèo, đậm đà mà không thô. Hột thanh trà trắng nõn như mỡ đọng, đem xâu vào cây tăm dài bằng chiếc đũa rồi đốt lên thay đèn. Nhiều buổi tối mùa hè, tôi chơi đùa rất hạnh phúc với những cây tăm lửa này bên cạnh mẹ ngồi băm rau nấu cám heo trên cái hè xi măng chỗ bếp trông ra. Năm mười bẩy tuổi đi Sài Gòn trọ học, có người quen vào Nam,

mẹ gởi quà cho tôi mấy trái thanh trà, gởi cả với chúng những đêm mùa hạ cũ của hai mẹ con ở một góc sân nhà.

Hồ Trường An khen "nhãn ở Huế hột nhỏ cơm dày, thơm điếc mũi", thật ra Huế có hai loại nhãn khác nhau, một loại cơm dày và ráo, vị ngọt ít, thường được dùng để nấu chè hạt sen. Mỗi trái nhãn làm áo, bọc bên trong nó một hạt sen hông vừa chín tới, nguyên vẹn, không vỡ, không nát, nằm thanh bai trong chén nước đường trong veo như nước mưa. Hạt sen Huế là sen tươi, mỗi sáng sớm mùa hè, cô gái Huế chèo chiếc xuồng con thoăn thoắt bẻ sen trong hồ Tịnh Tâm hoặc các hồ ven chân thành nội. Sen Huế thơm mát, mềm, bở, bùi, tan trong miệng không cần nhai, hương sen đượm vào hơi thở, thấm tận kẽ răng. Người Huế mua sen lựa từng hạt rồi đếm trăm. Người bán gói hạt sen bằng lá sen phấn lên vì móc sương, túm như cái bồ đài rồi buộc với một dây lạt tước từ bẹ chuối phơi khô. Gói hạt sen để đâu thơm đó, khiến như cảm được cả cơn gió mát thoảng nhẹ trên mặt hồ, lùa vào đám lá sen những hạt nước long lanh nhuốm bạc.

Ngoài loại nhãn ráo nói trên, Huế còn một giống nhãn cơm trong như miếng thạch, nhiều nước. Tôi không biết bồ-đào-tửu ngày xưa làm mê đắm nhân gian thế nào, chỉ biết nhãn ướt ở Huế càng ăn càng mềm môi, trái nhãn bé xíu ngậm trên đầu lưỡi khiến vị giác tê lặng một giây để rồi sau đó, khắp châu thân rung động cái khoái cảm rào rạt do mật nhãn, hương nhãn trôi qua cuống họng, xông lên mũi, thấm vào từng tế bào. Hai hàm răng cuống quít cạp sạch cơm nhãn, lè cái hột vô lòng bàn tay, những cái hột nhãn tròn xoe, nâu bóng và nhẹ như những hạt của một xâu chuỗi bồ đề. Đối với tôi, không

gian mùa hè ở Huế vẫn có nét gợi cảm ở một cái gì đang chín tới, tràn đầy sinh lực, như sự sống nơi thân thể một cô gái xuân thì...

Sau hết, Hồ Trường An viết "Phụ nữ Huế thời con gái thì ăn nói nhu mì, tới chừng có chồng có con rồi thí nói như sanh như sứa". Nhận xét này làm tôi vui, tức cười, như khi nghe một người biết tẩy của mình và lật cái tẩy ấy ra, một cách thân mật và thiện cảm. Thật ra, Hồ Trường An chỉ làm công việc của người chụp ảnh và ghi âm, anh mới chỉ mô tả hiện tượng mà quên không nói đến cái thầm kín bên sau nó.

Con gái Huế ăn nói nhu mì phần nhỏ do điệu, phần lớn do giáo dục, tập quán gia đình và xã hội, phần lớn nữa vì cô vẫn cẩn trọng cất dấu riêng mình những suy nghĩ hay xúc cảm ý nhị của riêng cô. Cô êm đềm, bình yên, như mặt hồ khẽ gợn sóng. Thật ra, sâu dưới mặt hồ vẫn nguyên cái nung nấu của mặt trời ban ngày, vẫn nguyên cái rạo rực của một đời sống chìm khuất... Lấy chồng rồi, sinh con đẻ cái rồi, cô như một cái bánh bột lọc đã lột lá, như một cái bánh phồng tôm thả vô chảo dầu sôi, như một con cá tươi bị đánh vảy, như một bông thược dược nở hết cỡ, cho nên cô nói như sanh như sứa, như cái lò xo bung ra khỏi cái hộp kềm giữ nó. Tiếng nói của phụ nữ Huế làm nhớ tiếng đàn của Nguyễn Du

"Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa..."

"Như sanh như sứa", hẳn là Hồ Trường An đã muốn mô tả cái hồn nhiên, sinh động của phụ nữ Huế mà không một phụ nữ miền nào sánh bằng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kỷ niệm khó quên về thành phố Huế hiền hòa, nhỏ bé – nơi tôi ra đời và lớn lên – tôi cũng giữ mãi của Sài Gòn âm điệu một tiếng nói ngọt ngào, thiết tha, gợi cảm khác, đó là tiếng rao hàng của những bà chè thưng.

Người Bắc rao chè giọng chua như dấm tây. Người Huế rao chè yểu điệu, hơi ngắn, hẫng ở phía đuôi. Bà hàng chè thưng của Sài Gòn giọng rao trong veo, lanh lảnh, mời mọc. Đêm Sài Gòn sâu thẳm dài theo những hè phố thưa người hay đêm Sài Gòn rả rích cơn mưa đầu mùa, tiếng rao chè thưng cất cao, lảnh lót, quấn quít, lồng lộng, gọi mở những cánh cửa đã đóng, làm thơm tho, ấm áp những con ngõ tối tăm, lầy lội, là sự sống dễ dàng của một Sài Gòn thảnh thơi, nhàn hạ.

Giữa những tạp âm ầm ì, xô động đến từ đời sống nước Mỹ, quả thật tôi vẫn hằng đêm, hằng ngày nghe thầm thì, réo rắt, trong tận đáy lòng mình, những giai điệu quê hương như một bản đàn thần tiên không bao giờ dứt tiếng...

Xin cảm ơn lá thư Hồ Trường An.

Cali 1989

Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế

Bây giờ ngồi nghĩ lại, tôi chợt thấy không ở đâu mà đời sống có những nét cực kỳ tương phản như ở Huế. Bình thường, những nét tương phản ấy êm ả song hành bên nhau, như hai thanh sắt trên thiết lộ. Thế nhưng khi có đấu tranh hay kháng chiến, biến cố luôn luôn nổ ra cuồng nhiệt với sức ép từ những nỗi niềm ẩn dấu trong đáy lòng. Bản chất cực đoan nhưng người dân Huế chấp nhận thỏa hiệp trong những điều kiện tương đối bình thường. Chỉ khi nào sự xô lấn đẩy đến mức tận cùng, hai cực đoan sẽ như dòng điện cùng chiều phát ra tiếng nổ.

Bên cạnh cái hình ảnh anh bếp nhà quan tây mặc quần áo trắng hồ cứng đi chợ bằng công xa có tài xế lái, bên cạnh cảnh nhà giàu mua gạo củi hằng tạ, hằng thước khối, cá thịt chào mời tận cổng, tôi không bao giờ quên những cái rổ chợ nhỏ xíu, nông toèn toẹt, cắp bên nách các bà mẹ nghèo trong xóm, trên đường chiều, khi khói thổi cơm nhà tôi đã tan loãng vào hoàng hôn.

Trong bóng tối mờ mờ của một ngày đang hết, bà mẹ nghèo có khi tuổi chưa quá 30, ngồi chò hỏ trước cái bếp

lộ thiên bắc bằng ba viên gạch châu đầu vào nhau, vạt áo dài không kịp cởi, vo tròn nhét ra trước bụng, tay cời mấy thanh củi mỏng như lưỡi dao để khơi cho lửa hừng lên. Bên cạnh bà, cái rổ chợ nằm phơi những cái túm nhỏ xíu bằng lá chuối khô hoặc tươi, gói chìa ba góc như đám củ ấu. Vài đứa trẻ chỉ mặc áo, không mặc quần, lết trên cái vạt đất cứng quanh bếp lửa, tay cầm khư khư cái chén đất mẻ như cóc gặm. Lửa bùng lên, những cái lưỡi lửa đỏ liếm phần phật quanh chiếc nồi đầy nhọ than trong có dúm gạo đang sôi. So với nhân số trong nhà, tôi đoán là ông bố hay bà mẹ luôn luôn phải ăn đói để nhường cơm cho những chiếc mỏ chim toang hoác chờ mồi của lũ con.

Trong cái rổ chợ, họa hoằn lắm mới có một miếng thịt heo mỏng tang, dài bằng nửa bàn tay, chỗ nạc tươi ửng màu hồng đào trên nền miếng bì trắng nhễ nhại ôm khít vào miếng mỡ trong veo, kỳ dư thường chỉ có một dúm cá cấn bé lăn tăn, màu óng ánh ngũ sắc, mấy con hến còn ngậm miệng thoang thoảng mùi rong tanh, mớ khuyết tươi lốm đốm những cái chấm mắt đen bao giờ cũng khiến tôi lặng nhìn và nghĩ ngợi vẩn vơ về những vùng biển xa. Đôi khi rổ chợ cũng có mớ rau muống, nắm đọt khoai, bẹ dưa nưa, miếng thơm chưa vạt vỏ... Thực phẩm cho ba bữa cơm chỉ quanh đi quẩn lại ngần ấy thứ. Mọi đồ gia vị đều gói trong những cái bồ đài lá chuối: tí mỡ, tí hạt tiêu, tí ớt bột, tí mắm ruốc, miếng đường đen, tép tỏi, cả nước mắm. Không còn cái gì để qua ngày mai hay bữa chợ sau.

Nhiều thế hệ trẻ con đã khôn lớn rạng rỡ, nhiều công trình kiến trúc qui mô đã thành tựu từ những cái rổ chợ chứa đựng trong chúng cả một triết thuyết hồn nhiên và

huyền ảo về lòng nhẫn nại của các bà mẹ Huế. Thành phố chật nhưng chợ thì xa so với bước chân người. Mặc dầu vậy, những cái rổ chợ nhỏ đan bằng cật tre, ngày ngày cứ xuôi ngược trên những con lộ chỉ có hai mùa nắng mưa rát mặt.

Ngày bố tôi đứng ra xây cất căn nhà nghỉ hưu của ông ở Ao Hồ, gần Bãi Dâu, có những toán thợ hồ từ các vùng xa tới mỗi sáng sớm, mang theo sương mù trên chiếc khăn lông choàng cổ hoặc mưa trên cái áo tơi lá che phía lưng họ như cánh một con ve sầu. Trong hành lý của họ, có một mo cau đựng cơm và một miếng lá chuối gói mấy con cá nhỏ kho khô. Những buổi trưa về học, tôi thường la cà ở chỗ họ nghỉ tay để ăn. Bây giờ đã sống ở Mỹ chín năm, đã đi làm cho người Mỹ, tôi mới hình dung ra nét sảng khoái trên khuôn mặt những người thợ thân quen với tôi một thời ở cái thành phố xa xôi kia, khi họ rửa tay từ giếng nước vào và bắt đầu mở cái mo cơm ra. Cho đến tận lúc này, mùi cơm gói trong chiếc mo cau ẩm vẫn còn làm tôi váng vất thèm. Họ xắn những miếng cơm thật to nhưng tôi có cảm tưởng đầu đũa họ chỉ nhúng vào chỗ cá kho vừa đủ mặn để miếng cơm trôi qua cổ họng. Ngày ấy, tôi theo van nài mẹ làm cho tôi một mo cơm và một gói lá chuối cá kho y như họ để mỗi buổi trưa tôi mang ra ăn cùng. Mẹ tôi bận bịu nên lằn nhằn mắng mỏ tôi một lúc rồi cũng chiều. Mẹ nhờ ai khoèo dùm cái bẹ cau đằng sau vườn, đem ngâm nước mấy ngày cho các thớ sợi mềm ra thì mới vò được cơm thành nắm. Mẹ cũng gói cá bằng miếng lá chuối hơ qua bếp lửa để không bị rách. Nhìn bên ngoài, tôi có một mo cơm in hệt mo cơm của anh Tèo hay chị Xê. Tuy vậy khi ăn, không biết vì sao,

tôi không có cảm giác ăn cùng một thứ với họ. Có lẽ gạo của mẹ tôi trắng quá, con cá mẹ tôi kho bằng nước mắm ngon và đường cát chứ không phải bằng muối và đường cục. Hơn hết, có lẽ nồi cơm và trách cá mẹ kho thiếu cả cái không gian mông mênh buổi chiều trên những cái bếp lộ thiên bắc bằng ba viên gạch xếp châu đầu vào nhau, thiếu cả cái hương vị hoang dại của mắm muối gói trong những cái bồ đài lá chuối nằm lăn lóc trong chiếc rổ cạn đặt trên nền đất ẩm. Bây giờ nhớ lại, có lẽ cũng vì mo cơm của tôi thiếu chút nồng ấm trong đôi mắt chị Xê nhìn anh Tèo, trong nụ cười có một chiếc răng khểnh của anh Tèo khi trò chuyện với chị Xê. Sau khi căn nhà của bố tôi hoàn tất, hai anh chị trở thành vợ chồng và sinh một cháu trai thật bụ bẫm.

Nhiều tháng năm đã trôi qua, không biết Huế của tôi ngày nay ra sao?

"Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?"

Tôi nhớ bà bán bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, bánh ướt tôm chấy, mái tóc xám, đôi mắt khói sương, suốt đời chỉ có một cái mủng bên bẹ sườn, đôi chân trần mỗi chiều băng qua những khu vườn rộng êm ả để chào mời. Tôi nhớ chị hàng chè, hai tay hai quang gióng nhỏ, khi vầng trăng non mùa hè soi mờ ảo phố phường và cảnh vật, chị kĩu kịt bước, cất cái giọng cố ghìm hơi trong cổ họng để nó rớt như một giọt nước thánh thót trong vùng không gian im vắng, tôi nhớ chị bán đậu phọng rang và bánh mì nóng, chạy hối hả như bị ma đuổi, để tiếng rao hàng hốt hoảng rơi lại phía sau khiến họ luôn luôn phải đi lui lại một quãng đường để bán cho khách

mua. Tôi nhớ chị bán đậu hũ chỉ có ở đầu này một cái ống đất nung như cái độc bình cắm hoa, dấu trong cái lồng ấp chèn giẻ xung quanh để giữ nóng, đầu kia một cái tủ gỗ nhỏ xếp mấy cái chén, mấy cái muỗng, tượng đường cát, mấy múi chanh và một ô nước rửa trong có thả miếng lá chuối mầu xanh lục. Tôi nhớ chị bán bánh đúc mật không biết từ đâu tới, chị đi qua nhà tôi vào buổi trưa, đặt quang gánh dưới gốc cây saké có những tàn lá rộng rồi bỏ nón xuống, quạt phe phẩy khuôn mặt đẫm mồ hôi. Sân nhà tôi giống như một cái chợ hàng quà vì thợ thuyền làm việc đông, vì mẹ già tôi thích ăn quà vặt và vì mẹ ruột tôi hay chiều con.

Sau này, đi qua nhiều miền quê nghèo khác của đất nước, tôi không thấy ở đâu có cái nghèo ít oi, lạ lùng, hiền hậu và thanh sạch như cái nghèo ở những vùng ngoại thành Huế.

Nồi bánh canh ở bên Mỹ nấu với cả kí lô tôm cũng không sao sánh được với nồi bánh canh Nam Phổ chỉ có chút màu gạch tôm tao với hành lá bày lên mặt. Cô bán quà múc xong tô bánh canh, dùng vá vớt chút màu tôm để lên giữa. Khách ăn cầm muỗng khuấy, tí nhụy tôm lập tức nhuộm hồng những sợi bột la khê dẻo và nuột nà, thổi vào khứu giác hương vị của cả một giòng sông trôi bát ngát dưới trăng sao. Người bán tôm ở chợ có những cái tràng nhỏ đan bằng tre thưa mắt. Trên mỗi tràng chỉ có chừng năm con tôm còn nguyên đầu và còn nhảy tưng tưng. Người đi chợ mặc cả bằng mắt chứ không có bàn cân như ở chợ Sài Gòn. Mua xong một tràng lại mặc cả thêm tràng khác.

Ký ức của tôi về Huế tràn ngập hương thơm những loài hoa: hoa bưởi, hoa cau, hoa thiên lý, hoa móng rồng, ngọc lan, bả lả, hoa dạ hương, hoa sầu đông, hoa lài, hoa sứ, hoa sen, hoa tỷ muội. Nắng ở Huế cũng thơm, mùi nhãn, mùi mít, mùi vỏ thanh trà, mùi lá sả và lá hương nhu trên mái tóc con gái. Mưa ở Huế cũng thơm, trái khế xâm dầm trong vại nước mưa, đem nấu canh, còn chứa trong nó cả mùa hè rực rỡ nung nấu từng viên ngói lợp mái nhà, chờ để phả vào cơn mưa đầu mùa.

Càng sống lâu trên đất nước văn minh xứ người, tôi càng thấm ngấm cái triết lý sống lần từng bước nơi cái rổ chợ hàng ngày của những bà mẹ nghèo ở quê nhà. Khi không có xe để chạy, ngựa để phi, sự khôn ngoan phải lẽ nhất là đi trên hai chân mình, mắt hướng về tương lai, lòng tin vào những công trình mình xây dựng.

Xin cám ơn những cái rổ chợ nhỏ chỉ có mấy đùm lá chuối lăn lóc, đã đóng góp vào kho tàng văn hóa dân tộc phần tiết hạnh khả kính của cả một thế hệ các bà mẹ Huế vô danh.

Cali 95

Lên Đồng

Những ngày thơ ấu của tôi trong ngôi nhà rộng bên tả ngạn sông Hương, mẹ già tôi có hai chị người làm thường xách vali theo hầu bà lên ngồi đồng ở điện Hòn Chén. Tôi biết thế là nhờ nghe lỏm chuyện người lớn nói với nhau chứ tôi không thực sự biết ngồi đồng là gì và điện Hòn Chén ở đâu? Một năm vài lần, tôi thấy mẹ già tôi mặc quần lĩnh đen cạp điều hay cạp hoa lý, áo the hoa hoặc áo lụa bombay, tóc quấn khăn nhung bỏ đuôi gà, đi hài cườm, đeo hoa tai và chuỗi vàng, theo sau là hai chị người làm xinh đẹp xách hai cái vali, một cái lớn đựng y trang sặc sỡ, cái nhỏ đựng phấn sáp, nước hoa, lược gương, quạt đồi mồi và nữ trang bằng vàng bạc thật cẩn đá quí. Mẹ già tôi xuống chiếc đò có trải chiếu hoa và gối nhiễu, thuê của chú Tùng, để lên điện Hòn Chén. Thường thường, mẹ già tôi và đoàn tùy tùng đi hai ngày, hôm trước hôm sau mới về. Bố tôi tuy xem ra không thích những chuyện mẹ già tôi làm như lên đồng hay đánh bài trong nhà, nhưng ông cũng không ra mặt cấm đoán. Bố tôi chỉ căn dặn to tiếng là mẹ già tôi không được để anh

em tôi đến gần, nhất là tôi vì tôi là con gái. Vì thế, thỉnh thoảng lắm tôi mới ngấp nghé nhìn thấy ở chỗ nhà ngang một bà hàng xén quẩy cái tay nải thật to đến mời mẹ già tôi mua những cái khăn gấm có tua xanh đỏ, những cái mạng đeo cổ dát kim tuyến óng ánh hay những cái thắt lưng to bản nạm vàng.

Mãi đến năm tôi lên bẩy, gia đình tôi dọn về căn nhà nghỉ hưu mà bố tôi mới xây ở gần Bãi Dâu. Mặt tiền căn nhà trông ra đường Võ Tánh. Bên hông trái tòa nhà là hồ sen phủ Ông Hoàng Mười. Cạnh hồ sen có con ngõ nhỏ chạy ngoằn ngoèo giữa hai bờ tre, xuyên qua xóm Trường Trạch, thông ra đường Gia Hội. Ở lưng chừng con ngõ này, có một chỗ đất phình ra, đủ để người ta xây một cái am và mấy cái bàn thờ lộ thiên. Một cây đa thật to, không biết mọc ở đấy trước hay đồng thời với cái am, gốc hai người ôm không xuể, quanh năm phủ bóng mát xuống quãng đường này. Phía bên kia, đối diện cái am, có mấy cây bàng mùa mưa rụng những quả chín vàng hươm. Những trái bàng khêu gợi, nằm phơi mình dưới các kẽ nước trong veo chảy rào rạt men theo những viên cuội xanh, nhẵn bóng như hòn bi. Tôi hay lẻn ra đây lội mưa, nhặt bàng ăn và ngắm hai bàn chân mình nước mưa đã rửa thật sạch, trông như hai người bạn nhỏ thân thiết cùng vui đùa.

Ngày thường am đóng cửa. Có hôm tôi tò mò, cố kiễng chân bám vào mấy cái chấn song gỗ để nhìn vào trong nhưng chẳng thấy gì. Một hôm đi học về ngang qua, tôi thấy am mở cửa, người đông, có tiếng hát xàng xê, tiếng nhị kéo í a. Đến gần, các cô, các bà mặc quần áo theo lối người thượng du, hai má đánh phấn đỏ au, hai mắt long

lanh sắc như dao bổ cau, hai tay cầm bó nhang hoặc đèn cầy cháy cả hai đầu, đang nhảy tưng tưng theo tiếng trống, tiếng hát và tiếng nhị càng lúc càng xoáy chặt. Tôi nghe các cô phát âm giọng lơ lớ, có cô cười sằng sặc, ném tiền cho những người đứng xem, một lúc thì cô hực lên rồi ngã vật vào tay người đỡ. Tôi cũng đứng chen vào để xem nhưng các cô không cho tôi tiền mà chỉ cho một quả ớt đỏ. Vài khán giả bỏ đi, giọng đùa bỡn "Cô khôn quá, chỉ cho tiền cung văn và người quen thôi".

Tôi chạy thẳng một mạch về nhà, tìm mẹ. Thấy bà, tôi đưa quả ớt cho mẹ rồi kể lại chuyện lạ lùng tôi vừa chứng kiến. Mặt mẹ tôi tái nhợt đi, bà nắm chặt hai tay tôi căn dặn, giọng đã có nước mắt:

"Con ơi, con dại quá. Phải nhớ cho kỹ là từ lần sau con không được lai vãng đến chỗ am miễu người ta lên đồng đấy nhé".

Hai chữ lên đồng đánh động trí nhớ tôi, làm tôi liên tưởng đến mẹ già và điện Hòn Chén nên tôi hỏi lại mẹ:

"Sao mẹ già lên đồng được? Sao mẹ già không ra chỗ cái am ấy cho gần mà phải đi mãi đâu những hai ngày?"

Mẹ ôm tôi vào lòng, nói thầm:

"Con không ví với bà lớn được. Cái am nhỏ ấy cũng không ví với điện Hòn Chén được. Mẹ chỉ muốn con không bị bắt đồng".

"Thế nào là bắt đồng hả mẹ?"

"Con đứng xem, nếu con hợp vía, cô đồng thăng là bắt vía con. Bị bắt vía, con phải hầu, không hầu thì ốm đau, có khi chết".

Lời mẹ nói làm tôi sợ, không bao giờ còn dám bén mảng đi xem lên đồng ngoài am nữa mặc dầu những hôm

am mở cửa, nghe tiếng chiêng trống thúc dục và lũ trẻ trong xóm rủ ra coi, tôi cũng thấy nô nức muốn theo chúng để xin quà.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, năm tôi mười hai hoặc mười ba, bố tôi có cho hai vợ chồng nghèo, trôi dạt từ một vùng quê chiến tranh nào đó về ngang qua chỗ gia đình tôi cư ngụ, được ở tạm trong cái nhà kho chứa củi ở một góc vườn. Người chồng đi làm mướn từ sáng sớm tinh mơ, tối mịt mới về. Người vợ cao lỏng khỏng, gầy như một thân tre, cả ngày bế đứa con gái choắt cheo như cái giải khoai, lê la thổi nấu, giặt giũ hoặc bắt chấy cho con dưới cái gốc cau ở xó vườn. Có mấy ngày tôi không thấy bóng bà ta. Ông chồng mặt buồn rười rượi, cầm cái bát đất lên nhà bếp xin cơm mẹ tôi cho con ăn. Tôi thấy ông khóc kể sụt sịt với mẹ, mẹ xúc một túi gạo khá nặng đem cho ông và dặn dò những gì tôi không nghe rõ. Lúc ông đi rồi, mẹ nói với tôi:

"Ông ấy cần tiền chữa bệnh cho vợ nhưng mẹ không có tiền giúp, mẹ cho ông ta gạo để đem bán".

Chiều hôm sau lúc nhá nhem tối, tôi thấy bà vợ ông ta mặc cái áo dài đen cũ rách thường ngày, buộc thêm ngang bụng một giải lụa đỏ, tay cầm thanh kiếm tre, tưng tưng lên đồng bên cạnh cái gốc cau và một ông cung văn đang vừa hát chầu, vừa kéo nhị, áng chừng được mời tới và trả công bằng tiền bán bao gạo mẹ tôi cho hôm qua.

Trưa bữa sau đi học về, tôi đã thấy bà tươi tỉnh kéo nước ở giếng lên tắm giặt cho con bé, dáng điệu linh hoạt, tươi tắn hơn mọi ngày.

Quan niệm lên đồng là thú giải trí của người giàu, đem áp dụng vào đây không được. Người đàn bà này quá nghèo, quê mùa, không còn trẻ và xấu xí, nơi bà ta không có một cái gì khả dĩ cho phép người ngoài suy luận là bà ta ham vui, mê cái trò chơi đắt tiền của những người dư ăn dư mặc. Bà ta nằm liệt giường mấy hôm, bỗng dưng đứng dậy nhảy nhót một cách tội nghiệp, không giống ai, rồi lập tức khỏi bệnh.

Cho mãi đến tận bây giờ, đối với tôi là người bài bác mê tín, dị đoan, kỷ niệm về buổi lên đồng lạ thường của người vợ nghèo kia vẫn còn là một điều không lý giải được.

*

Kỳ ghé Houston vừa qua, một người quen rủ tôi đi xem lên đồng. Thoạt nghe, tôi hơi lấy làm lạ, không ngờ cái nét văn hóa khá cổ và đặc thù này của Việt Nam lại du nhập theo dòng người di tản vào Mỹ và tồn tại được ở đây.

Xe chúng tôi từ vùng tây nam Houston, chạy vòng vèo qua mấy xa lộ mới rẽ vào một khu đồng không mông quạnh và đậu ngay trước cái hàng rào mắt cáo cây xanh phủ gần kín hết. Dọc theo hàng rào phía mặt tiền, đất thụt sâu xuống thành một cái rãnh khá rộng. Bước qua cổng, khu đất phía trong gồm bốn cái nhà nổi (tiếng Mỹ gọi là mobile home hoặc trailer) đặt rải rác ở bốn góc. Ở mấy bậc thang ngắn bước lên căn đầu tiên, ngay mé ngoài, một người đàn ông Mỹ có tuổi, to béo, dáng điệu chậm chạp, đang quét dọn rác khô, vui vẻ chào hỏi chúng tôi rồi đưa tay mời qua căn bên cạnh. Đi dọc theo cái hành lang nhỏ, chúng tôi đã nghe tiếng trống, mùi nhang

thơm. Mở cửa bước vào, bên trong san sát bàn thờ đầy ảnh tượng, hoa quả, hình nộm vẽ trên giấy tô màu, máng trên những giá gỗ lớn phải hai người đàn ông khỏe mới di chuyển được. Trần nhà treo lủng lẳng những cái nón giấy bồi, quai cánh bướm có tua ngũ sắc. Khác với không khí tĩnh lặng và an nhiên của những ngôi chùa thờ Phật, không khí trong chánh điện một ngôi đền có sự bồi hồi, xao xuyến, phảng phất tiếng thở dài âm u từ những nỗi niềm ai hoài khó tả.

Trên chiếc chiếu trải trước chính điện bàn thờ, ba phụ nữ đang xúm xít thay đổi xiêm y cho một bà nghe nói mới ra trình đồng bữa nay. Quang cảnh này giúp tôi hình dung ra cảnh mẹ già tôi ngày xưa, ở một nơi gọi là điện Hòn Chén thuộc đất Thần Kinh, nửa thế kỷ trước.

Cô đồng còn trẻ, có lẽ chỉ ngoài 40, nuôi con một mình từ vài năm trở lại đây vì chồng có tình riêng. Các con cô, có người tốt nghiệp bác sĩ y khoa. Dáng người cô thanh mảnh trong tấm áo bà ba lụa trắng, tóc mây xõa nửa lưng, đôi mắt sâu thăm thẳm, khóe môi trĩu nặng nỗi buồn. Cô đeo nhẫn kim cương to như một hột đậu phụng, vòng và hoa tai bằng vàng.

Khi những bà phụ việc thay áo cho cô xong, cô đứng dậy, bước lùi ra cái khoảng trống trước bàn thờ rồi cô bắt đầu múa, có lúc cô chèo đò hay cưỡi ngựa, có lúc cô múa một cây long đao, nét mặt cô trang nghiêm, mắt cô ngước nhìn vào khoảng không. Cô không nói cười hoặc dạy việc líu lo như những cô đồng tôi nhìn thấy trong cái am nhỏ xóm Trường Trạch năm mươi năm trước. Nhảy một lúc, xem cô có vẻ mệt, mồ hôi làm khuôn mặt đánh phấn của cô bóng lên như mảnh lụa xa tanh. Cô trở về chỗ ngồi

trước bàn thờ, các bà hầu dâng rượu, cô cầm cây quạt lông che miệng và uống giả vờ. Đặt chung rượu còn nguyên vào khay, cô bắt đầu phát lộc bằng tiền một đô la cho những bà săn sóc khăn áo cho cô. Một người đàn ông áng chừng làm công quả trong đền, bưng từng khay lộc đi phát cho khách đến dự. Lộc được phát ra sau mỗi giá đồng gồm trái cây, bánh bích qui gói, trứng luộc bọc giấy màu, ống xịt air-freshener, chậu nhựa và cả những quả ớt như những ngày thơ ấu xa xôi của tôi. Quần áo cô mặc để lên đồng may theo kiểu người thượng, bằng gấm loại đắt tiền, màu sắc cực kỳ lộng lẫy, áo nào khăn đó, các bà phụ việc cho cô làm nhanh thoăn thoắt và rất khéo tay. Một kỳ lên đồng như vậy nghe nói kéo dài khoảng sáu tiếng đồng hồ, với tiếng trống phụ họa đập liên hồi và dàn cung văn thâu sẵn vào băng rồi phát ra từ một máy cassette. Nói chuyện với người đánh trống là một đệ tử thân quen của đền, tôi hỏi:

– Ông học đánh trống với ai? Đã lâu chưa?

Ông cười rất tươi, nét mặt thoải mái, trả lời:

– Tôi có học gì đâu, bà chủ đền cần người giúp, nhà tôi thì phụ khăn áo, tôi đánh đại lần đầu rồi đánh luôn, nhịp điệu cứ trông theo cô đồng mà nhanh, chậm, lên xuống.

Tôi hỏi ái ngại:

– Tiếng trống to quá, cư dân xung quanh có ai bị phiền phức không? Kể cả ông Mỹ, chồng bà đồng đền nữa?

Ông đánh trống càng cười to hơn:

– Ở đây đồng không mông quạnh, chỉ có xa lộ chạy bên ngoài thôi. Còn ông Mỹ thì đã quen rồi...

Khi cô đồng mới chấm dứt các thủ tục trình đồng, bà chủ đền nai nịt nhung y như một ông tướng, tay trái cầm đại long đao, tay phải cầm cả bó nhang, làm phép trên các hình nộm bằng giấy tô màu bày hai bên bàn thờ. Xong, bà bắt đầu múa, trong tiếng trống dồn dập. Dáng điệu, cử chỉ của bà uyển chuyển, mạnh mẽ và tự tin hơn cô đồng mới, khiến cô ngây ra, tròn xoe mắt nhìn bà với sự ngưỡng mộ hết sức thành khẩn.

Nhảy một lát, bà dừng đao, nâng nó ngang mày rồi hét lên một tiếng, ngồi thụp xuống trước bàn thờ. Khi người hầu dâng rượu, tôi để ý thấy bà cũng chỉ che tay áo, uống vờ.

Đến đây, quang cảnh trong đền nhộp nhịp hẳn lên. Nhiều người đàn ông còn trẻ, vội vã di chuyển các giá gỗ treo giấy mã ra ngoài sân để đốt. Tôi theo ra xem, ngạc nhiên thấy vuông sân nhỏ có khoảng sáu cái miễu thờ đề tên cô Sáu, cô Mười v.v... Cửa mỗi cái miễu treo một tấm sáo nhỏ nên tôi không biết có gì bên trong. Lửa đốt mã cháy hừng hực trong cái bồn xi măng xây ở một góc sân, vài cái tàn tro màu xám bốc lên cao, bay lả tả, đưa thần trí tôi trở về với những cái vuông sân gạch, những cái góc vườn Việt Nam có cái miễu thờ thổ địa nấp bên dưới cây nhãn, cây vải hay dựa bên gốc mít, gọi dậy trong hồn tôi tiếng ve kêu rộn rã, thức dậy trong ký ức tôi những bông khế nhỏ màu tím, một chút nắng hè thoảng mùi bùn tươi từ những cái ao cạn chờ tát.

Tôi ngạc nhiên, xúc động, không tin ở mắt mình. Tôi thực sự không hiểu điều gì đã khiến bà đồng đền (người đàn bà nửa tiếng đồng hồ trước vừa hồn nhiên nói với tôi là có khi bà ngồi đồng để chữa bệnh cho bá tánh, bà cắt

phăng mái tóc dài của một nữ tín chủ vì bà thấy con ma cà rồng nhập vào bà này) thuyết phục được ông chồng kỹ sư Mỹ của bà rời bỏ căn nhà ở một khu thị tứ đông vui để về ẩn cư ở cái nơi vắng vẻ này, sống trong một cái mobile home cũ kỹ, cả ngày đinh tai nhức óc với tiếng trống? Đã vậy, không chỉ một ngôi đền thờ đức Thánh Trần và Mẫu Đền Sòng mà tôi vừa mô tả, không chỉ cái vuông sân chi chít những cái miễu nhỏ ở mặt tiền điện, khu đất còn một cái mobile home nữa, bên trong đặt trang thờ chư Phật và đức Quan Thánh, với một toàn cảnh tươm tất, bóng bẩy nhưng còn lạnh tanh. Cái góc Trời Việt Nam linh thiêng, huyền bí, thần thoại, hoang đường, ngang nhiên chiếm lĩnh đất đai và con người của một nước Mỹ tiến bộ hàng đầu về khoa học kỹ thuật, lạ lùng thay!

Đức tin là của riêng mỗi cá nhân. Nhục thể hữu hạn của con người khó nhìn thấu chân lý, càng không quán triệt được Tạo Hóa huyền vi. Chỉ biết là vào cái buổi chiều chủ nhật đầu tháng 4 trời không mưa, không nắng kia, dưới cái mái đền thiết trí bên trong một căn nhà lưu động kiểu Mỹ, có những con người tìm đến nhau, tìm đến một thực tại không có gì là thực cả ngoài nhu cầu cần được xót thương đi đôi với niềm hy vọng, là những thứ họ cảm nhận được từ đáy lòng, là sự thật trần trụi như một vết thương nhức nhối âm ỷ bên trong tâm hồn và thể xác họ.

Nếu lát nữa đây, những người này ra về với ít nhiều hoan hỉ, hạnh phúc, với chút lâng lâng, tự tin, vừa có thêm một sức mạnh mới để ngày mai tiếp tục đương cự với cuộc sống gay gắt ở nơi này thì cả bà đồng đền, cả

ông chồng Mỹ kỹ sư của bà, cả thập phương thiện nam, tín nữ đến đây, đều có lý hết.

Riêng tôi, xin cám ơn sự tình cờ đã cho tôi những thoáng nhớ êm đềm thời thơ ấu cũ ở Huế, những quả bàng chín vàng tươi ngâm mình trong nước mưa, làm sáng cả một khoảng đường đá dăm lưng chừng con ngõ Trường Trạch, trông xa giống như những quả trứng vàng trong thần thoại. Gió thốc từ xa lộ trống làm lạnh hai vai, nhắc nhở cái lạnh từ những giọt mưa rơi nặng qua tàn lá bàng xuống tóc, xuống lưng của đứa bé là tôi ngày ấy, lom khom nhặt bàng rụng và chơi với hai bàn chân mình.

Những Người Đàn Bà Ở Tây Bắc

Kỷ niệm chuyến đi tháng 10-91

Chuyến bay Northwest 1235 đáp xuống phi trường Sea Tac trễ gần bốn tiếng đồng hồ. Vừa thò đầu ra khỏi đường hầm nối từ thân máy bay đến gate 5, anh Phạm Quốc Bảo cười toe rồi nói bằng cái giọng chậm rãi thường lệ "Phạm Kim kia". Trái với vẻ từ tốn, điềm đạm của PQB, theo hướng tay anh chỉ, tôi nhìn thấy một người đàn ông còn trẻ, bối rối, cuống quít như gà mắc đẻ, cười đáp lại PQB rồi chạy biến đi, tôi chỉ kịp trông thấy một mảng đuôi áo sơ mi của anh thò ra bên dưới chiếc áo len sọc xanh.

Vì đã quen thuộc đường nẻo ở phi trường, anh PQB phăng phăng dẫn chị PQB và tôi ra chỗ đáp xe điện ngầm để lên cổng. Đến chỗ chờ hành lý, tôi nhìn thấy Túy Hồng đứng đợi bạn, một mình, bâng khuâng như bầu trời Tây Bắc bên ngoài đang vào thu. Trong một giây đồng hồ còn chưa trông tỏ mặt nhau, ký ức tôi bỗng sống

lại hình ảnh hàng hiên trường Đồng Khánh với những tấm sáo tre sơn màu xám, Túy Hồng ngày ấy môi đỏ cắn chỉ, tóc mai quăn thành lọn bên má, cứ trời mưa thì thò đầu ra khỏi mái hiên và quơ quơ một bàn tay hứng lấy mấy giọt mưa.

Đến gần, tôi ôm bạn vào lòng. Bạn tôi cười dịu dàng nhưng thân thể cưỡng lại. Giữa chúng tôi là khoảng thời gian xa cách đúng ba mươi năm, là nửa vòng địa cầu như một phép lạ đáng ghét, là những chia lìa, đổ vỡ trong đáy lòng mỗi người.

Con đường về nhà Túy Hồng chạy len lỏi qua những khu phố đông đúc ở downtown thành phố Seattle. Cuối cùng, chị rẽ trái rồi ngoặt vào con ngõ thoải lên cái triền dốc nằm giữa hai bờ rào um tùm. Khung cảnh hoang sơ nơi chị ở thấm đượm mùa thu trên những tàn lá lao xao đổi mầu. Ở một góc vườn, căn nhà gỗ nhỏ trước đây dùng làm nhà xe, tường sơn loang lổ, các ô cửa kính hoen ố phủ bụi, gợi nhắc cái quạnh hiu lãng mạn của một cuộc tình phôi pha.

Bàn viết của Túy Hồng kê sát khung cửa sổ rộng có rèm che. Giường ngủ của chị như một con sông nước chảy đôi dòng: một bên là sách, một bên là chỗ nằm. Chị sống đơn sơ, thầm lặng, ít giao du, ít trả lời điện thoại. Căn bếp nhà chị chiều nào cũng thả khói lên bầu trời hoàng hôn. Như con gà mái chăm chút con, sáng sớm và chiều tối, mấy căn phòng lồng lộng tiếng chị gọi, hỏi hay chuyện trò với lũ trẻ.

Về lại Cali rồi, trí tưởng tôi vẫn bồn chồn hình ảnh Túy Hồng vai đeo sac, đứng lui cui tìm chìa khóa mở cửa. Chị buồn rầu nói “Đang không con chó chạy ra đường bị

xe cán gãy cẳng. Phải đem nó đi thú y sĩ, mất gần tám trăm bạc. Số tiền ấy đủ nuôi một gia đình ở Việt Nam trong nửa năm". Bên dưới khả năng sáng tạo của một nhà văn, bên dưới quyền sinh sát các nhân vật do họ tạo dựng, người cầm bút căn bản vẫn chịu sự khống chế của hoàn cảnh xung quanh họ. Túy Hồng của giải thưởng văn học toàn quốc thời đệ nhị cọng hòa mãi mãi là một người đàn bà với mọi ưu tư, phiền muộn nằm trong thân phận mình. Từ cái bàn viết tôi-nhìn-tôi-trên-vách ngó mông ra khu vườn hoang dại ở một vùng lẩn khuất của Seattle, Túy Hồng đã chắt chiu, mê đắm, gởi đến người đọc những cảm xúc, những suy nghĩ gạn lọc qua tâm hồn và trái tim chị luôn khắc khoải, ngờ vực, giữa cõi sống và cõi chết, giữa tình yêu và thù hận, giữa điều thiện và điều ác.

*

Con đường vào nhà Lai Hồng chạy quanh co giữa một vùng thiên nhiên êm đềm và thoáng đãng. Chúng tôi đi chơi cả một buổi chiều ở khu chợ trời có cách bày biện và buôn bán giống in chợ Bến Thành. Chúng tôi đi thăm phố Tàu và một nơi được Lai Hồng mô tả là bán những thứ vụn vặt hay hay, gồm chừng mươi gian hàng nằm sâu dưới một tầng hầm ấm hơi sưởi. Hai cửa hầm mở lên một công viên lát đá xám, lẫn với mầu lông trên lưng những con bồ câu đang mải mốt kiếm ăn. Trời đất và cảnh vật mọi nơi vùng Tây Bắc lãng đãng màu thời gian hiu hắt. Của ngập ngừng. Của tiếc nhớ. Của chia phôi. Của bỗng dưng đằm thắm, xót xa. Lai Hồng mua một ông Địa đẽo bằng nguyên một gốc tre già hun khói. Chị vui tươi xách cái túi giấy đi trên hè phố, bước chân dường như lâng

lâng niềm hạnh phúc gói ở bên trong, nơi nụ cười toe và cái rốn ông Địa phơi trên chiếc bụng phệ.

Bàn viết của Lai Hồng sát cạnh bếp, trông ra vườn cỏ xanh chạy những đường viền bằng sỏi trắng. Khu vườn ngăn nắp, không một cái lá úa trên cỏ, không một nụ héo trên cành, cây cảnh rõ là có bàn tay nâng niu. Phòng vẽ của Lai Hồng nằm trên tầng lầu, tầm mắt ngang với lưng chừng cái thung lũng thẳng tắp những hàng thông xanh tưởng như mọc lên từ khoảng chân không. Ngoài thú đọc sách, nghe nhạc, viết văn, làm thơ, Lai Hồng hiện vẽ hoa trên lụa áo. Ở người đàn bà này có cái duyên thầm của sự ý nhị riêng tư, có cái tĩnh lặng của thao thức đằm đằm, có cái can trường của những điều không nói.

*

Nhà thơ Trần Mộng Tú tiếng cười như ngọc vỡ. Khi chị nói, hai mắt chị chớp chớp "bạn đừng nhìn tôi kỹ thế, bạn nghĩ gì về tôi nào, có đúng như tôi đang là không nhỉ?". Nhà thơ nữ rất thơ này vẫn có nét bẽn lẽn của một cô gái mới lớn mặc dầu ở một nơi khác trong tâm hồn chị, Mộng Tú ứng xử nhiệt tình và khôn ngoan với đời sống và con người. Thành phố Issaquah chị ở mây treo lũng phố, thu vàng lối xe, mùa thu nên thơ và rực rỡ như một thiếu nữ xuân thì. Con đường nối ngang hai xa lộ 90 và Oregon ngập lá vàng, chạy men theo mặt hồ Sammamith ở dưới thấp. Lề đường phía kia, cây cổ thụ và thông xanh vươn vai che dấu những ngôi nhà gỗ cũ kỹ đứng soi mình xuống suối. Thiên nhiên ở đây đẹp não nùng, có cái quyến rũ của mời gọi lửng lơ, có cái say đắm của chia tay không đành, có cái bâng khuâng của mơ hồ gặp lại. Đường phố tươi mát gợi nhớ những buổi sáng

mùa xuân ở Đà Lạt. Hàng cây phong lá đổi màu pha lẫn đỏ, vàng, hổ hoàng, vàng mơ và xanh nõn, chạy dài theo đường phố, hây hây như những lời tình chực ngỏ.

Căn nhà của người thơ ở gần một hồ nước. Mỗi sớm mai, sau khi chồng con đến sở làm và trường học, Mộng Tú mặc jogging suit, đi tennis shoes, mang vớ đỏ, tay xách túi bánh mì khô đi băng qua cái công viên cỏ xanh để ra hồ cho vịt ăn. Chị đứng ở chỗ trời nước bao la ấy, nghe tiếng kêu cuống quít, mừng rỡ của đàn vịt và hải âu tranh ăn, một mình thưởng thức cái hạnh phúc thần bí của tự do.

Mộng Tú bày biện căn nhà của chị theo văn hóa Việt Nam. Tủ sách ở phòng khách chứa sách Việt nhiều hơn các sách khác. Tranh treo tường vẽ phong cảnh nông thôn quê nhà, "cau thôn đoài nhớ trầu không thôn nào", hoa lụa cắm theo kiểu Á Đông, cửa sổ nhà bếp trông ra một vườn thược dược đủ mầu và trên bàn bếp bày đầy chai lọ gia vị nấu ăn theo kiểu Việt Nam. Chị nói tiếng Việt với các con và nghe chúng nói tiếng Việt với mẹ. Người chồng Mỹ gốc Ái Nhĩ Lan của chị, trong một buổi đi chơi chung, có lúc khẽ lôi tay áo chị chỉ ra cái vịnh san sát thuyền đậu và nói nhỏ vào tai chị "Bao nhiêu thuyền, bấy nhiêu tình anh yêu em". Khi Tú kể lại câu nói này với bạn, hạnh phúc trong ánh mắt chị thoáng một chút tối, như sự lẩn tránh của chính mình. Ở Mộng Tú, sự hiến tặng đôn hậu và tròn trịa. Cũng ở chị, sự khắc khoải khốc liệt nằm trong nỗi niềm riêng.

*

Chúng tôi đến thăm nhà thơ Trần Thiện Hiệp lúc trời xẫm tối. Xa lộ mưa mù. Quạt nước xe mở ở tốc độ nhanh

mà mưa vẫn cồn sóng trên kính lái. Tôi ngồi với Phạm Kim ở xe dẫn đường, theo sau là xe chở Túy Hồng và anh chị Phạm Quốc Bảo. Kim vừa nói chuyện, vừa chú ý không để xe sau mất dấu. Có lúc tôi hỏi "Kim thấy anh Bảo theo kịp không?". Kim trả lời "Chị yên chí, họ ngay sau lưng mình". Tôi phục Kim quá tuy không mảy may ngạc nhiên vì tôi biết Phạm Kim có cái tài làm mấy việc cùng một lúc. Khi rời tòa báo ra đi, Kim tháo dây điện cái printer và bưng nó ra xe, một tay khóa cửa, một tay xách cái cặp da to tướng chứa toàn bộ tờ báo đã laid out xong chờ retouch để sáng sớm mai đưa nhà in.

Rời xa lộ exit vào Kent, đường khô ráo, như thể mưa chỉ chạy theo xa lộ, không vào phố. Bầu trời cao, không gian trong veo ánh lên mầu lá cây xanh mướt. Trong lúc chủ và khách tíu tít chào nhau, Phạm Kim bổ choàng lên phòng làm việc của nhà thơ, cắm điện vào máy và mở cái cặp da to tướng của anh ra, làm việc tiếp. Cám ơn những tiến bộ khoa học kỹ thuật hạ bán thế kỷ 20 vì nhờ đó, công việc tòa soạn một tờ báo có khi chỉ cần một người để thực hiện chúng ở khắp mọi nơi.

Lầu thơ của thi sĩ tác giả Cây Lá Phận Người và Mặt Trời Lưu Vong được trang hoàng với rất nhiều cây lá xanh, uốn nắn công phu. Trên bàn khách, những bông cúc vàng đem mùa thu vào nhà, thi sĩ nhìn theo mắt khách rồi nói "nhà tôi thích cắm hoa tươi". Khi nàng thơ bước ra, chị có cái tươi tắn nhẹ nhõm của một khóm tường vi nở rộ. Buổi họp mặt đáng lẽ chỉ có thơ và trà bánh bỗng dưng chuyển thành buổi cơm tối năm món thịnh soạn chỉ vì Phạm Kim thú thật là anh chưa có gì trong bụng cả. Nàng thơ của thi sĩ họ Trần tươi cười xắn

tay áo vào bếp. Những điả, những bát chị đem ra, dường như đều có một chút tâm hồn chị đặt vào. Bên dưới cái thiết trí khá công thức của mọi căn nhà có của ăn, của để, mỗi mỗi đồ vật bày biện trong căn nhà này như có tiếng nói, như chúng vẫn chuyện trò cùng nhau. Đối diện bàn ăn treo bức tranh tầu thủy mặc. Để ý nhìn, thấy kèm hai bên bức tranh là đôi câu đối diễn nôm có hai dòng thơ lục bát do nữ chủ nhân cảm khái đề tranh

"Thân em như cánh hoa đào
Tựa cội tùng bách, nương vào trúc xanh"

Trong cái xã hội mà người đàn bà lao động trí lực và thể lực ngang ngửa người đàn ông, mà người đàn bà được tôn vinh do cái vị thế độc lập tự chủ của họ, người đàn bà Việt Nam đảm đang trong căn nhà êm ấm này vẫn lấy chồng con làm nguồn cội sự sống của mình. Chị khiến tôi cảm xúc.

Trên đường về, tôi nói với anh Phạm Quốc Bảo "đàn ông Tây Bắc may mắn hơn đàn ông ở Nam Cali", nói xong câu này, tôi nhớ lại khuôn mặt hiền hậu, nụ cười chân thật, dáng vẻ dịu dàng, khiêm tốn của chị Nguyễn Quốc Lâm. Anh Lâm kể chuyện như sau "tôi nằm mê man một tuần lễ ở bệnh viện. Lúc tỉnh dậy, thấy vợ ngồi lả bên giường, bèn nói anh sống rồi, em về nhà nghỉ ngơi đi, đừng khóc nữa. Tỉnh dậy lần thứ hai, vẫn thấy vợ ngồi bên giường, hốc hác vì lo sợ".

Bất ngờ giải phẫu một cái bướu não, chỉ trong ba tháng ngắn ngủi, anh bình phục như bất cứ một người khỏe mạnh nào khác. Ngồi ăn bữa cơm canh riêu cua với cà pháo ở nhà anh, nhìn chị Lâm cười nói, đứng lên, ngồi xuống, tôi có cảm giác ngồi với anh chị đâu đó ở một con

đường nào của Sài Gòn xưa. Tình hoài hương nơi nhà thơ Trần Thiện Hiệp là vần điệu, âm thanh, là ngôn ngữ óng ả, tình hoài hương nơi nhà diễn kịch Nguyễn Quốc Lâm là nỗ lực gìn giữ phong cách sống ở quê nhà, là nỗi buồn nén chặt trong tiếng cười, là cái ung dung tạ từ của một người đã sống lần chia tay lớn nhất trong đời.

*

Về lại Cali hơn một tuần, thần trí tôi vẫn còn lao đao người và cảnh vật Tây Bắc, nhớ con đường sống trâu thoải dốc rét mướt đưa lên nhà Túy Hồng, gợi nhắc mùa thu quê hương trong thơ Nguyễn Khuyến

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

nhớ tiếng hát nhân ngư của chị mỗi sáng sớm trong gian bếp hiu quạnh, nhớ rặng dương ở vườn sau nhà Lai Hồng, màu lá phong của mùa thu thổn thức trên những vạt lụa căng trên khung vẽ, ngôi nhà ấm áp thánh thót dòng nhạc cổ điển tây phương ngay cả những khi chủ nhân vắng nhà (mà con chim hoàng yến trong lồng không muốn bị bỏ quên), nhớ chai nước mắm trên quầy bếp nhà Mộng Tú, là điển hình thô sơ nhất của tập quán Việt Nam mà chị nhất định gìn giữ như người chiến sĩ cắm cờ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ (chị nói với chồng "ngày xưa mẹ tôi vẫn nấu nướng cách này trong ngôi nhà tuổi thơ của tôi"), nhớ nồi Spaghetti đỏ ong bên cạnh nồi bún mọc nuột nà, nhớ vạt áo dài áo ngắn màu tím qua cầu, nhớ mái tóc thả buông bờ vai óng ả của "mặt ngọc đông phương", nhớ sự kiên trì lấn đất giành dân đáng yêu của chị. Cuộc sống buồn vui đi qua đời nhà thơ nữ này không có tiếng thở dài, chỉ có sự hăm hở lao về phía trước, khám phá những chân trời mới bằng những bước chân đi

vững chắc từ thách đố gian lao. Lúc chúng tôi rời Seattle, Mộng Tú đang dọn dẹp phòng ốc để đón ông bố chồng ngoài 80 tuổi về nhà vì chị không muốn ông cụ phải sống những năm tháng cuối cùng trong viện dưỡng lão.

Đến tận bây giờ, lòng tôi vẫn còn bồi hồi người và cảnh Tây Bắc, nhớ những vì tường Ivy đỏ, những hàng phong chín nẫu tương tư hay còn bâng khuâng một lời chưa ngỏ nơi mầu xanh mới ngả vàng lơ lửng, "tình trong như đã mặt ngoài còn e", nhớ khu công viên trên đường về nhà Mộng Tú ánh chiều thếp vàng cả một vòm không gian rực rỡ dưới bầu trời chớm thu ẩm lạnh hoàng hôn. Nhớ những tấc lòng đôn hậu, ấm áp tình người của bạn hữu đêm thứ sáu trời mưa ở nhà hàng Nam Trân, của anh em HO chưa kịp làm quen. Nhớ đôi mắt sáng, giọng nói nồng nhiệt của tác giả Hành Trình Về Phương Đông khi anh nói tới huyền thoại về nguồn của loài cá hồi và muốn chứng minh rằng hình ảnh quê hương nằm trong trái tim chúng, cũng y như Việt Nam nằm trong trái tim người Việt Nam lưu lạc, trừ phi chết, còn sống một giờ là còn nhớ đường về...

Cám ơn tình bạn cũ đã đưa tôi đi thăm Túy Hồng của ba mươi năm u hoài cách trở, cám ơn sự may mắn của số phận đã dành cho tôi một mùa thu tuyệt đẹp ở xứ người!

Về Issaquah Lần Nữa

Cái ý nghĩ được về lại Issaquah một lần thứ hai để đi trong cái không gian mùa thu vàng óng, hăng nồng mùi đất ải dưới mưa và mùi lá úa, thật quyến rũ, khiến tôi không đắn đo gì nữa, vội vã nhận lời người bạn thơ TMT, sẽ bay lên thăm nhân dịp chị trình làng thi tập thứ hai *Để Em Làm Gió*.

Phái đoàn thân hữu đi từ Quận Cam gồm có Lê Quân, Phạm Quân và Phan Cô Nương, đại diện nhà xuất bản Thế Kỷ, anh chị Nguyễn Xuân Hoàng và đương sự viết bài này.

AV Travel giúp mua được vé đi Washington State giá cực kỳ rẻ nhưng chúng tôi phải rời nhà lúc 5 giờ sáng để kịp chuyến bay sẽ cất cánh lúc 7 giờ ở phi trường LAX. Vào giờ này, những con đường từ thị xã Tustin qua Santa Ana chỉ lác đác xe cộ. Hàng phố cửa đóng im lìm, trơ trọi, làm tôi nhớ những buổi sáng tinh mơ lam lũ ở quê nhà, những sáng Sài Gòn rộn rịp hủ tiếu, xôi, bánh mì, cà phê cóc, những sáng Huế sương mù dày đặc, nhấp nhô

những khối than hồng ở các nồi bún bò đoán ra qua tiếng quang gánh kẽo kẹt và mùi thơm ruốc sả.

Đón Phan Cô Nương xong, chúng tôi cùng đến điểm hẹn là tư thất của Phạm Quân trên đường Bushard. Cả khu phố dành cho những người "tri thiên mệnh" này chỉ có một cái hành lang nhà họ Phạm sáng đèn. Chủ nhân và nhà phát thanh Đinh Q. Anh Thái đang ngồi nhấm nháp cà phê, thuốc lá, trà tàu, bên cạnh một chậu bonsai nghe nói đã hơn chục tuổi. Ở nhà trong, Phạm Phu Nhân tươi tỉnh thu dọn mấy thứ lặt vặt, tôi hỏi đùa "chắc từ sáng hôm qua đến giờ chị chưa ngủ?" Đoán mò một câu hóa ra trúng boong "Cả đêm ảnh chẳng chợp mắt". Văn hóa Việt Nam tràn ngập ở căn nhà này, rõ nhất là cảnh phu xướng phụ tùy ấy: chàng thức, thiếp cũng thức. Lát sau, lúc chúng tôi líu ríu cất bước, Phạm Phu Nhân xách cái vali nhỏ tiễn chân Phạm Quân, còn gặng hỏi "Anh nhớ bỏ thuốc theo chưa?" Tôi chúc chị ở nhà ngủ ngon thì chị cười "Ảnh giao cho em lon sơn, dặn phải sơn xong mấy cái kệ". Tôi vừa khâm phục nụ cười không rời đôi môi chị vừa nhớ lại hai câu thơ của Xuân Diệu

Cô Hạnh Phúc, gớm, đợi chờ cô mãi!
Xây dựng cô, sứt mẻ những bàn tay.

Quí vị nữ độc giả lâu nay vẫn bất bình về sự nhẫn nại rất chi là đàn-bà-lạc-lậu của kẻ viết bài này, đọc đến đây xin đừng nộ khí xung thiên vì bữa nay tôi chỉ làm công việc tường thuật một cách khách quan mà thôi.

Trên đường lên phi trường LAX, phái đoàn còn một trạm dừng chân ở Rosemead để đón Lê Quân. Tới cửa nhà, người lái xe ĐQAT chỉ ghếch đầu xe lên vỉa hè, ra ý sẽ đi ngay. Tuy nhiên, ông lại chạy vội ra đậu xe lại cho

đàng hoàng vì nghe đâu Lê Tiên Sinh còn đang bận bi-ja-ma cạo râu. Phan Cô Nương và tôi bảo nhau cứ an tọa trong xe chờ trong khi Phạm Quân đã bỏ chân xuống đường, bật hộp quẹt máy. Thoáng cái đã thấy Lê Phu Nhân tất tả ra đến nơi, mời chào vô nhà. Nét mặt bà cũng tươi tắn, hai mắt sáng quắc, trong veo, tóc tai chải gỡ tươm tất y như Phạm Phu Nhân, từ sáng sớm hôm qua đến giờ chắc không ngủ?

Lê Quân không xài vali, ông chỉ mang một cái túi nhỏ trên vai, xem chừng hành hiệp giang hồ đã quen lắm. Cảnh biệt ly ở đây không có dặn dò bịn rịn lung như ở nhà Phạm Quân. Lên đến LAX, vì vé máy bay của tôi do anh chị Nguyễn Xuân Hoàng giữ nên tôi đứng thu lu dựa cột, vừa nhìn quí bạn đồng hành hăng hái đi trình vé mà thèm muốn số phận của họ; vừa đọc kinh cầu cho anh chị Hoàng đừng ngủ quên.

Sau cùng, nhờ ơn Trời, chúng tôi đến phi trường Seattle an toàn, vui vẻ. Vì TMT bận ở nhà dọn dẹp bàn ghế nên chị gửi một người bạn tốt ra đón phái đoàn. Biết trước vậy, tôi đoán chắc thế nào cũng sẽ thấy cái cảnh một ông đứng ngay ở lối ra, cầm cái bảng có tên một trong mấy anh chị em chúng tôi để tự giới thiệu, theo kiểu nhân viên các hội thiện nguyện Mỹ đi đón người được bảo trợ. Tuy nhiên, ngoại trừ Lê Quân và Phạm Quân có bạn chờ sẵn, bốn người còn lại chúng tôi đứng lớ ngớ nhìn nhau, chẳng thấy sứ giả của nhà thơ đâu! Một mình tôi lòng bâng khuâng buồn, nhớ lần đến trước, vừa chui ra khỏi cầu phi cơ đã nhìn thấy T.Hồng ôm chặt cái ví vào ngực, co ro đứng đợi giữa đám đông xa lạ, trong thời tiết chớm lạnh ở Tây Bắc. Vài năm ngắn ngủi trên

nước Mỹ đủ để biết bao vật đổi sao dời. Lần trở lại này của tôi đã thiếu vắng T.H và L.H, chỉ còn dấu chân của họ trong cõi hồn nhớ nhung của tôi.

Đang nghĩ lan man thì thấy một chàng trẻ tuổi, đội nón kết, mặc áo gi-lê xanh, đi phăng phăng tới, miệng lẩm bẩm như đọc thần chú tên nhà văn N.X. Hoàng. Đến gần, nhận ra đối tượng rồi, tôi nhác thấy anh có đôi mắt vừa đẹp vừa tinh anh vì chỉ trong thoáng giây, anh đã biết ngay tôi là người đáng được giúp đỡ nhất trong bọn nên anh chụp vội cái vali của tôi và xách dùm. Anh đón chúng tôi bằng cái xe van to cật lực, có cái cảng sau bị đụng, xệ xuống ở một góc. Trông thấy phong thái chạy xe bay bướm ấy, tôi đoán ra mối liên hệ ít nhiều có dính dáng đến thơ giữa anh và thi sĩ tác giả “Để Em Làm Gió”. Anh nói chuyện rất vui và thân tình. Đổ chúng tôi xuống sân nhà TMT xong, anh chào tạm biệt, cho biết là phải về để vặn cổ gà vì anh hứa đem đến món gà nướng cho buổi họp bạn thơ chiều nay của TMT. Lần đầu tiên, tôi thấy lòng tốt của một người đàn ông được Thượng Đế đền bù bội hậu, bà xã anh dễ thương hết biết, nghe đâu là cố tri của chị N.X. Hoàng ở Couvent des Oiseaux Đà Lạt.

Sau bữa điểm tâm Tỉm sấm đông lạnh ở nhà, phu quân TMT chở cả đám đi xem cá hồi về. Đến nơi, con phố lót gạch đỏ có những lẵng hoa lồng đèn đủ màu treo trên các trụ sắt giống như khu đường Main của Thế Kỷ 21, trông vắng vẻ và ngổn ngang vật liệu xây cất, không như lúc tôi đến đây bốn năm trước, du khách rộn rịp. Vào bên trong, con suối mọi khi cá về bây giờ bề bộn máy móc và các ống tháo nước khổng lồ. Đứng giữa cầu, nhìn lên

thượng nguồn, chỉ thấy nước vật vã chảy qua kè đá hoang vu. Nhìn xuôi xuống hạ nguồn, chỉ thấy bóng cây thả những vùng tối âm u trên lòng suối vắng. Tôi không biết đàn cá tha hương hàng năm vẫn trở về Issaquah vào mùa thu, năm nay sẽ đi đâu? Đoàn lữ hành lỡ tàu chúng tôi đi những bước chân ngập ngừng trở ra, ngẩn ngơ dừng lại ở chỗ trưng bày các bảng vẽ giải thích về loài cá hồi nay chỉ còn là hình tượng của một thời đã qua. Tôi còn nhớ như in cảnh đàn cá mẹ ôm những cái bụng đầy trứng, cố vượt cái đập nước cao, những con cá cha cong mình chịu chết dưới bàn tay người chuyên viên thụ tinh có trách nhiệm gây dựng một thế hệ cá con sẽ ra đi từ thành phố này và sẽ trở về thành phố này, như những người tình vĩ đại trong một thiên tình ca vĩ đại tiếp nối không dứt.

Trên đường về, xe chạy qua một khu đồi thấp trồng toàn hoa thược dược. Chị N.X. Hoàng kêu ơi ới, đòi ghé vào thăm. Những bông thược dược đủ loại, đủ màu sắc, to nhất bằng cả một khuôn mặt người, bé nhất bằng quả banh ping pong, dàn trải trên một vùng đất rộng, trông như cõi địa đàng. Chủ nhân trồng hoa đến tận gành núi phía sau, khiến Phan Cô Nương và tôi phải bỏ giày ra để đến tận nơi nhìn cho rõ thực hư. Ngay cổng vào, có cái bàn bày những bó hoa ngâm trong một xô nước, bên cạnh, đặt một chiếc hộp toang hoác có mấy hàng chữ "Xin quí khách lấy hoa và bỏ tiền hay check ở đây". Nhìn vào trong hộp, thấy lổn nhổn giấy 5 đô la. TMT cười bảo "Buôn bán kiểu thánh nhân thế này, không biết có ai phạm tội không?" Đôi chân xinh xắn của chị mang giày Kung Fu đang bước thoăn thoắt trước mắt tôi bỗng đứng khựng lại. Nhìn theo, tôi thấy chị cúi nhặt một bông

thược dược còn tươi rơi trên lối đi mấp mô sỏi đá, ấp bông hoa vào ngực rồi dọc hai câu ca dao

"Ra đường nhặt đóa hoa rơi
Đem về làm của, cũ người mới ta"

Tôi phì cười nói với chị "Của bầm dập ấy thì được mấy nả?" Nét mặt thoáng buồn, chị lẩy Kiều tiếp "Kiếp hồng nhan có mong manh..." trong khi chị N.X. Hoàng lẽo đẽo đàng sau, thắc mắc liên tục "họ có bán củ thược dược không nhỉ?"

Rời khu vườn hoa, chúng tôi ghé qua cửa hàng kẹo đặc biệt của Issaquah. Ở đây, họ làm kẹo chocolat hàng trăm kiểu, tôi mê nhất thứ kẹo gương làm bằng mật và một loại nut mang từ Hawaii về. Ngôi giáo đường nhỏ cách tiệm kẹo một bờ dậu xanh mướt, chuyên cử hành lễ cưới cho các đôi tân hôn, vẫn còn tượng Chúa vác thánh giá trên mô đất cao, chỗ lối vào. Chúa không gầy gò như trong thơ Nguyễn Tất Nhiên nhưng sáng hôm nay, chẳng biết có phải vì lòng tôi đang buồn nhớ những người bạn đã rời xa hay không mà tượng Chúa trông buồn hơn xưa.

Trở về nhà lúc xế chiều, chúng tôi thượng lầu để nghỉ ngơi, chuẩn bị tham dự buổi họp mặt bạn thơ của gia chủ. Phòng uyên ương của thi sĩ có một khung cửa sổ rộng, buổi sáng cắt cho thi sĩ một miếng trời, một chút mây và một chút gió trên ngọn cây. Phòng bày rất ít đồ đạc. Chỉ có một chiếc chiếu rộng trải gần kín hết mặt thảm, một cái bàn đêm, ngọn đèn, chai dầu xanh. Phía kia, một cái rương bằng gỗ trầm hương, như thuở xưa, cha mẹ cho con gái khi về nhà chồng.

Chiều xuống chậm. Nắng phai màu trên khoảng sân còn ẩm cơn mưa phùn lúc rạng sáng. Bạn bè và thân hữu

của nhà thơ TMT lục tục đến, trên tay mọi người lũ khũ khay quả. Thoáng chốc, hai cái bàn dài kê nối đầu nhau đã đầy ngập thức ăn. Cảnh xôn xao có chút gì ngộ nghĩnh, khiến người ta liên tưởng đến đàn chim sẻ trong chuyện thần thoại, đem phép lạ đến cho cô Cám để cô kịp đi dự tiệc Hoàng Tử kén vợ. Cô Cám chiều nay mặc bộ áo màu hoa đào, khép nép bên chồng đang ngỏ lời chào mừng và cám ơn quan khách. Quí vị diễn giả phát biểu nghiêm túc, quí thân hữu bày tỏ lòng yêu mến thi tài của nhà thơ, mấy dãy ghế đông đầy bạn bè im lặng lắng nghe, thi sĩ ngồi ký sách mệt nghỉ trong căn nhà nhìn đâu cũng thấy thơ hiện ra lồng lộng.

Mười giờ đêm tiệc tan. Những người lưu luyến nhất cũng đã ra về. Chúng tôi đề nghị phụ một tay để dọn dẹp nhưng ông Hoàng của cô Cám nhã nhặn cám ơn, dặn cô Cám đưa khách đi nghỉ, "việc nhà cứ để mặc ta".

Sáng hôm sau, khi chúng tôi hạ san do cú điện thoại thúc dục của Lê Quân từ khách sạn gọi qua, đã thấy nhà cửa sạch như ly như lau, bàn ghế gọn ghẽ, trên quầy bếp có một gói bánh mì và một hũ mứt thơm. Nhà thơ giải thích đấy là quà sáng của phu quân.

Như đã ước hẹn, chúng tôi kéo nhau đi Vancouver trên chiếc xe van của gia chủ. Trên đường đi, Frank (chồng Tú) cho chúng tôi ghé qua một thị trấn nhỏ sát bờ biển mà anh giới thiệu trước là vào giờ đó, thủy triều rút thật thấp. Đến nơi, quả nhiên biển ở đây gợi nhớ biển Rạch Giá, có những lúc thủy triều rút xa hàng trăm thước, bày ra bãi phù sa cạn queo. Song song dựa mé biển là thiết lộ. Bên kia đường là những khu Condo đang treo bảng bán, những khách sạn nhiều tầng và những tiệm ăn

với các ô cửa trang hoàng bằng hoa tươi như trong tranh vẽ.

Gần đến Vancouver, chúng tôi ghé qua Quan Âm Tự vãn cảnh. Chùa do người Hoa cai quản nên thiết trí mang nhiều nét Trung Hoa. Chánh điện ở trên cao, bước vào lễ Phật mà có cảm giác đi viếng người hàng xóm, cung kính và xa lạ. Hậu liêu thấp ở phía sau, dùng để khai thác dịch vụ nhà hàng cơm chay và bán nông sản của chùa. Cơm chay ở đây có hương vị cỗ tàu, rất ngon. Ăn thật no, mỗi người tốn chừng 10 đô la.

Thọ trai xong, chúng tôi tiếp tục đi sâu vào địa phận Vancouver. Đứng ở bao lơn phía ngoài của một khách sạn lớn, nhìn qua bờ bên kia, nhà cửa san sát trên lưng đồi, lấp loáng bạc như một đám vỏ hến vụn. Cây cối xanh tươi, sông nước náo nhiệt, thuyền bè tấp nập, thủy phi cơ lên xuống như ở một sân bay.

Sau màn ngắm cảnh, cả đoàn kéo xuống phố Tàu để ăn trái cây. Chỉ có nhãn là rẻ và ngon, giá cả từ 1 đô 75 đến 4 đô một pound tùy loại. No bụng đói con mắt, Phạm Quân và Phan Cô Nương order mỗi bịch một pound cho mỗi người nhưng Chú Ba chủ tiệm không thèm nghe tiếng gì khác ngoài tiếng Hoa nên chú nhận đầy bao mới thôi, khiến nhà thơ TMT nhác thấy lũ bao xếp hàng đã phải kêu thất thanh, xin Phạm Quân bỏ bớt lại kẻo sáng mai mở mắt không ra. Trong khi dân Cali say sưa thưởng thức thì nhà thơ chỉ lâu lâu thò tay vào bao rồi đếm "quả thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, chấm hết!". Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng chỉ vào cái mẹt lổn nhổn những quả đen đen như hột vịt muối bên Việt Nam rồi hỏi tôi "trái gì vậy?" Dương mục kỉnh nhìn kỹ, té ra là chôm chôm.

Nhan sắc chúng sở dĩ tàn tạ đến mức nhận không ra là do chúng ở cõi đông lạnh lâu quá, lòng nhớ ôi là nhớ những gánh chôm chôm quanh chợ Bến Thành đỏ ửng màu môi con gái, xanh thắm những chân tóc xuân thì. Boòng boong 7 đô la một pound, mãng cầu 8 đô la một pound. Hủ qua to bằng cánh tay cô Oprah Windfrey lúc chưa diet mà rẻ rề.

Chúng tôi tiếp tục vật lộn với mấy bịch nhãn. Chị N.X. Hoàng biến đi một lúc rồi trở ra, dơ chai Evian size bự nhất lên, hí hửng cười "Bây giờ mới nhớ ra là cả ngày hôm qua em quên không uống nước, hèn chi hồi hôm ngủ không được". Frank đem cho mọi người bịch nước đá bào để rửa tay vì mật nhãn dính ở mấy đầu ngón tay, rít như nước đường. Nhãn ở Vancouver cơm dày, hột nhỏ nhưng không thơm bằng nhãn Huế ăn một lúc say như uống rượu. Nhìn quanh quẩn không thấy thi sĩ TMT và Phạm Quân đâu, té ra nhị vị đang tọa thủ trong tiệm trà. Tôi tò mò bước vào, gian hàng lớn bốn phía tủ kính đầy ngập đủ loại thùng, hộp, màu sắc xanh đỏ và đen, đủ loại ấm chén pha trà, có những bộ giá trên 300 Gia kim. Ở một góc bên tay phải cửa tiệm, mùi trà thơm theo khói tỏa bay từ ấm trà đang pha do một nữ nhân phảng phất dáng kiều thơm ở đôi lông mày thanh tú, nét môi mỏng, hai bàn tay nâng chén trà mời khách, mềm mại như mây vờn. Cô nói tiếng Anh lưu loát, giải thích về mặt hàng cô đang chào khách. Thi sĩ của tôi âu yếm nâng tách trà uống thử, cử chỉ nâng niu, ánh mắt lắng đọng, chắc hẳn người muốn bắt gặp trong hương trà cả cái bát ngát sương mù của nương rẫy, cả cái ấm nồng của bếp lửa sao trà ở tận Trung Quốc xa xôi, cả hình tượng trái tim Trương Chi

yêu Mỵ Nương "không một lần đã nói". Bên cạnh thi sĩ, Phạm Quân nhấm nháp một lúc rồi lắc đầu, phát biểu "Tôi ghét loại trà để lại dư vị ngọt như cam thảo trong cuống họng". Cô hầu trà dùng tăm gỗ vợt những hạt trắng lấm tấm trong chén bã trà, mời mọi người nếm thử và cho biết đấy là sâm. Mặc dầu sâm thì quí hơn cam thảo nhưng Phạm Quân nhất định lắc đầu, đứng dậy. Ông ra đầu quầy, tìm một nhãn hiệu khác trong khi thi sĩ trả 103 Gia kim cho hộp trà chị vẫn quen dùng. Tác giả "Người Đi Trên Mây" lầm bầm "100 đô la hộp trà, thế thì thơ đắt quá nhỉ?"

Chúng tôi lên xe quay về Issaquah, thùng xe chứa đầy thịt quay, vịt quay, bánh bao, bánh mì nhưng theo lệnh rất nghiêm nhặt của thi sĩ, không được sót, dù chỉ một cái hột nhãn. Thời giờ còn lại cho đến biên giới, trừ Frank nhất định xin đủ, bảy ông thần khẩu của chúng tôi làm việc liên tục để giải quyết mối tình yêu nhãn quá độ của Phạm Quân. Ai thanh toán xong chỉ tiêu, lập tức mừng rỡ hô hoán và vồ lấy bịch đá bào để... phủi tay. Một chốc, ở ghế trước vẳng tiếng nhà thơ thều thào "Ai có chai dầu xanh không? Tôi chỉ ăn hơn vài ba quả thôi (như thế là chừng 10 quả) mà khó chịu quá!" Chẳng biết có phải do lời cảnh cáo vô tình này không mà lúc chúng tôi ra khỏi khu bán quà miễn thuế, Phạm Quân rù rì thổ lộ với Phan Cô Nương là "trong các túi vỏ nhãn dục vô thùng rác hồi nãy có cả nhãn chưa ăn hết của anh đấy!"

Dọc đường về, bên tay phải chúng tôi có những đoạn sông nước mênh mông. Giữa dòng, những bè gỗ ngâm san sát, phơi mình dọc theo một đường tàu vắng vẻ, lăn lóc mấy cái toa bỏ không. Bên trái, phần lớn là nông trại,

cây xanh, đất nâu, không thấy bóng người, không có trâu bò về dục mõ xa xôi, không cả khói thổi cơm chiều tỏa trên nóc bếp, chỉ có nông cụ ngổn ngang và những khung cửa tối đen trong bóng chiều chập choạng, làm nhớ những ngôi nhà ngoại ô Việt Nam hà tiện dầu đèn, bốn bề ran tiếng muỗi vo ve và lũ trẻ con trần trụi, nhao nhác mong mẹ về để có cơm ăn.

Gần mười giờ đêm mới tới nhà. Trong gian bếp ấm cúng, chúng tôi ngả bữa với thức ăn mang từ Vancouver về. Sáng sớm mai, đời lại mỗi người một phương, có lúc nào nhớ kỷ niệm chuyến đi này, lòng tưởng như giấc mơ hoang đường. Nghĩ cho cùng, đời sống là sự hoang đường kỳ diệu nhất.

Cám ơn thơ, cám ơn TMT, cám ơn những người bạn đồng hành đã đem đến cho tôi ít ngày vui, như một phép lạ.

Cali 9-96

Về Lại Issaquah

Tôi về Issaquah lần này là lần thứ ba nhưng là lần đầu trong mùa hè. Khi nhân viên phi hành loan báo máy bay đã vào không phận tiểu bang Washington và đang hạ dần cao độ, tôi bỏ cuốn sách đang đọc vào túi xách rồi nhìn ra cửa sổ. Bên tay phải tôi, tuy lúc đó đã hơn tám giờ tối, nắng vẫn còn chan chứa, không gian trong vắt đưa tầm nhìn trải đến mênh mông, mắt tôi chạm vào một dáng núi bọc tuyết trắng bạc, sừng sững, vừa cô đơn vừa hùng vĩ, trụ ở chân trời. Màu tuyết trắng trên một đỉnh cao vời vợi phản chiếu ánh nắng hè tạo ra một màu trắng kỳ lạ, vừa êm đềm, vừa nhức buốt, khiến lòng tôi bỗng nhiên thổn thức như có một điều gì rất đẹp, rất hạnh phúc, vừa vuột khỏi tầm tay.

Trần Mộng Tú từ sở làm ra, đến thẳng phi trường đón tôi. Máy bay tới sớm mười lăm phút so với lịch trình thông báo trước nên tôi đứng lẩn vào đám đông hành khách chờ bạn. Tôi trông thấy chị trước khi chị nhìn thấy tôi do tiếng gọi. Tối hôm ấy chị mặc chiếc váy dài màu xanh đậm, áo len cùng màu, vai đeo túi xách, tóc

chấm vai, đứng ngửa cổ nhìn dãy màn hình ghi giờ các chuyến bay, trông chị nhỏ nhắn và hiền hậu, rất giống với nhân vật Cô Rơm.

Chúng tôi đi qua các đoạn xa lộ có lúc đã ngồi cùng xe với những bạn hôm nay ở những phương trời khác. Cả hai chúng tôi tíu tít chuyện trò tuy thỉnh thoảng trong giọng nói đứa này đứa kia nghe như có chút ngập ngừng. Tôi về Issaquah lần này là để có mặt trong buổi ra mắt tác phẩm thứ tư của Trần Mộng Tú, "Cô Rơm Và Những Truyện Ngắn". Buổi ra mắt sách được tổ chức tại thư viện Cộng Đồng thành phố Seattle, do thư viện, nhật báo Người Việt Tây Bắc và nhóm bạn Y Thư đồng bảo trợ.

Trưa thứ bảy 29-5, nắng vàng óng trên các đỉnh cây và hè phố. Người ở Seattle nói là hiếm khi thành phố có một ngày thời tiết đẹp như thế. Trần Mộng Tú trong cái áo dài tơ tằm màu ngà, điểm những cánh hoa lấp lánh vàng, thoáng trông như đàn bướm nhỏ, đã lựa chọn một phương thức ra sách khác với thông lệ. Thay vào phần diễn văn hay tham luận dông dài xung quanh tác giả và tác phẩm của diễn giả, cử tọa được nghe chính Trần Mộng Tú và một số thân hữu đọc các truyện trích từ tập sách đang trình làng. Không khí trở nên rất thơ trong phần hỏi đáp cuối chương trình, giữa tác giả và người đọc; khi một chị mắt rưng lệ, giọng nói nghẹn ngào, chia sẻ rằng chị đọc báo, biết tin buổi đọc sách này nên đến đây để gặp mặt một người viết, một nhà thơ mà chị từng yêu mến và hâm mộ nhiều năm qua. Nói xong, chị đọc thuộc lòng một bài thơ của Trần Mộng Tú đã được nhạc sĩ Nam Lộc phổ vào cung bậc, theo chị, bài thơ, bài hát này là nỗi lòng chung của người Việt Nam lưu xứ. Thi sĩ Hà

Huyền Chi thắc mắc hỏi về không khí cũng như các nhân vật ngoại quốc trong truyện của Trần Mộng Tú, chị trả lời giản dị là chị lấy cảm hứng từ nơi làm việc và khi viết, chị chỉ rung động vì những vấn đề của con người nói chung, không chú ý lắm về yếu tố chủng tộc. Một vị khác nhận định là truyện của Trần Mộng Tú hơi nặng phần lý luận, khác hẳn thơ chị là tiếng nói thuần cảm từ trái tim. Tác giả vui vẻ ghi nhận ý kiến đóng góp của người đọc tuy rằng theo chị, thơ là sự giãi bày, chia sẻ, trong khi truyện đề cập đến những vấn nạn xã hội nên không tránh khỏi sự mổ xẻ để truy tìm ngọn nguồn hay phương hướng tháo gỡ.

Phần ký sách, hàn huyên chuyện trò kéo dài khá lâu cho đến khi những vị ở xa cả hai giờ đồng hồ lái xe bắt đầu chia tay. Tôi may mắn được gặp lại người bạn gái thời tiểu học. Hai anh chị đi hai chuyến buýt mới đến nơi này. Anh chị cho biết họ không bao giờ bỏ qua một buổi sinh hoạt văn học nào có loan tin trên báo chí. Bạn tôi vẫn còn giữ nguyên búi tóc, chị mặc bộ ái dài xanh màu ngọc thạch thêu hoa, đôi guốc gỗ vông quai trắng thấp thoáng dưới làn lụa quần làm tôi bồi hồi nhớ lại những con đường thời xuân xanh ở quê nhà. Hôm ấy không kịp từ giã nhau. Xin bạn nhận cho tôi lời tạ lỗi và lòng biết ơn về tất cả những điều bạn vẫn còn gìn giữ được trong dòng sống cuồng nộ ở đây: tình yêu chữ nghĩa, phong vị một thời đã qua.

Chúng tôi về lại nhà, mang theo những bình hoa tươi. Bó hồng cuống dài cắm trên đầu kệ sách, bó Cát Lệ Lan đặt giữa bàn ăn. Cụ Pease, nhạc phụ của Trần Mộng Tú, được đẩy xe lăn đến một đầu bàn. Lúc tôi nghỉ ngơi một

lát trên lầu xong trở xuống, thấy cụ loay hoay với cái máy ảnh nhỏ (mà con trai cụ mới chạy ra đầu phố mua cho cụ) để chụp bình hoa. Con trai cụ đứng bên cạnh, đôi mắt nhìn cụ, âu yếm và hạnh phúc. Cụ chụp xong một kiểu, đã cất máy ảnh vào túi áo rồi lại lấy ra, chụp tiếp, nhiều lần. Hình ảnh một cụ già, sức lực kiệt quệ, vẫn còn thưởng thức vẻ đẹp của bó hoa tươi là một bắt gặp bất ngờ, đầy xúc động đối với tôi, khiến tôi chợt nghĩ mọi nét đẹp trên đời đều có khả năng hồi sinh miễn là con người sẵn sàng mở rộng tâm hồn để tế nhận nó.

Sáng hôm sau, chủ nhật, chúng tôi thức dậy trong tiếng chim hót rộn rã ngoài cửa sổ. Trời trong và cao, nắng ngon như miếng bánh sữa trên các ô kính vuông của căn lầu đối diện. Theo chương trình sắp đặt từ hôm qua, chúng tôi sửa soạn đi thăm núi Rainier mà tôi đã thoáng thấy trên đường bay đến Seattle. Chồng Tú gọi điện thoại cho người tới trông nom ông cu. Ông ghi rõ thực đơn bữa ăn cho cụ trên tấm bảng thông tin của gia đình gắn trên tường nhà bếp. Ông sắp sẵn dao, nĩa, muỗng, dĩa và khăn giấy cho cụ như ở các nhà hàng, thái độ ân cần, thận trọng. Tôi nghĩ một thời nào đó, một cách nào đó, người Mỹ cũng có một nền văn hóa hiếu thảo rất đáng yêu, có lẽ chỉ khác chúng ta ở chỗ họ không phải đọc và học nhị thập tứ hiếu, cũng không bị xã hội thúc bách nhưng họ được nêu gương, được khơi gợi cảm hứng đi kèm với tự do chọn lựa. Ngày nay, đối tượng chọn lựa ngày càng có nhiều nên người ta dễ sai lầm vì không nhận thức đúng ưu tiên của những chọn lựa ấy. Cha mẹ có khi bị xếp ở ưu tiên thấp.

Chiếc xe van của Trần Mộng Tú chở bẩy người chúng tôi khởi hành về hướng núi Rainier khoảng gần trưa. Chị Nguyễn Công Khanh mang cơm nắm, thịt kho, cà phê, nước trà. Chị Đỗ Hữu Nho đem gà quay, bánh ngọt, sâm cao ly pha sẵn. Lộ trình lái xe ước lượng chừng hai tiếng đồng hồ. Đường sá êm ả, tương đối ít lưu thông so với Cali. Hai bên đường, nhà cửa thưa thớt, cây cối xanh tươi, nắng lộng lẫy trong một không gian trong veo và mát. Vào địa phận núi, đường lên có những đoạn ngoằn ngoèo chạy ven các khe núi hình chữ V, băng đã tan một phần dưới mặt trời mùa hè, chảy thành dòng suối nhỏ qua những ghềnh đá thấp. Tuyết vẫn còn trùm phủ hầu như mọi nơi. Con đường xe chạy được máy cào tuyết mở ra giữa hai bờ thành đóng băng cao hơn mười bộ. Nóc nhà và cửa sổ các khách sạn còn vùi trong tuyết. Người ta cắt tuyết ở những cái khung cửa ra vào, trông giống những miệng hộp. Mù sương, hơi tuyết tan hay mây mỏng như một giải khăn sô vắt qua đỉnh cao nhất của núi Rainier, che khuất dáng núi. Phần dưới, lưng núi phản chiếu nắng, óng ánh như thủy ngân. Frank, chồng Tú, cười nói với mọi người: "Để nhìn thấy toàn bộ thân núi, tôi đề nghị các bạn có ba sự chọn lựa, một là cùng nhau chụm môi thổi cho mù sương tan đi, hai là ở đây đợi cho đến lúc nào bầu trời quang đãng hơn và ba là đi về, hẹn trở lại một lần khác". Xem ra lựa chọn cuối cùng dễ thực hiện nhất ở vế đầu cho nên chúng tôi lục tục lên xe. Vì không một ai lên tiếng hứa trở lại, lòng tôi bỗng có nỗi ăn năn của người phụ tình: gặp gỡ, yêu đấy, tha thiết lắm nhưng chân bước đi là thôi, là tạ từ không ước hẹn quay về.

Con đường xuống núi có những quãng nghe tiếng thác đổ. Đi qua nhìn, thác không cao lắm nhưng nước từ lòng núi tuôn ra bao giờ cũng có cái đẹp vừa hoành tráng vừa hoang dại, lửng lơ, bí ẩn, giữa đất trời vô thủy vô chung, như đời người, như cuộc tình.

Về đến nhà Trần Mộng Tú, chia tay với anh chị Nho xong, chúng tôi ăn cơm tối bằng chỗ cơm nắm thịt kho chị Khanh gói ghém cho sau buổi ăn trưa trên núi. Trong lúc chồng Tú chạy ra tiệm thuốc tây để lấy thuốc cho bố, Tú giúp ông cụ thay quần áo ngủ rồi lăn xe đưa cụ ra xem T.V. Nét thanh đạm, sự tươm tất, cử chỉ hòa ái giữa những người cùng sống trong căn nhà yên ả này có vẻ đẹp của một bài cổ thi khiến lòng tôi rung động.

Thu dọn bếp núc xong, chúng tôi rủ nhau ra hồ. Qua khỏi vài quãng phố có những ngôi nhà lớn, kiến trúc cầu kỳ, con ngõ vào hồ chạy giữa những luống hoa và những vạt cỏ lớn. Mùa trăng đã qua, mặt hồ xám đen, im vắng mơ hồ ánh đèn từ bờ bên kia hắt lại. Đàn vịt trời thường xin ăn mỗi buổi sáng biến đâu hết, lấy đi cả cái xôn xao của mặt trời trên sóng nước sớm mai. Chúng tôi đứng tần ngần bên nhau một lát rồi quay gót. Chẳng biết Tú nghĩ gì, riêng tôi cười một mình trong bóng đêm, chợt nghĩ mới đấy mà tôi đã đánh rơi ở cái bờ hồ này gần mười năm, kể từ lần thứ nhất tôi về qua Issaquah. Lũ trẻ đang nô đùa trên hàng hiên sáng đèn của những ngôi nhà quanh đây, ngày ấy chắc còn đeo tã. Chúng đã nhặt được những năm tháng tôi đánh rơi để lớn thành những cô cậu thiếu niên rộn ràng bước chân vào đời.

Tối hôm ấy, lúc sửa soạn đi ngủ, Tú được người quen báo qua điện thoại cho biết đài phát thanh địa phương

vừa mới "đánh đập" chị vì một bài chị viết về đời sống của quí vị H.O đăng trên tờ Viet Mercury ở San Jose. Tú ngẩn người, kinh ngạc không hiểu vì sao bỗng dưng chị trở thành nạn nhân của cuộc chiến tương tàn mà chị không hề gây ra, mà chị vẫn vô cùng phiền muộn. Cô Rơm của những cảm xúc hồn nhiên đôn hậu, của thơ tình diễm lệ, của truyện cổ tích thần tiên, lần đầu gánh chịu những vết thương từ cuộc đời riêng. Cô ngồi im một lúc rồi cô đọc một bài thơ cô làm. Cô nói cô đọc bài thơ này mỗi buổi sáng trên đường cô đi tới sở, như bài kinh nguyện cho một ngày bình yên và cho lòng thanh tịnh.

Đặt lưng cạnh Tú, có cái gì làm tôi nhớ lại một đoạn văn chị mô tả một buổi sáng thức dậy, nhìn thấy khu vườn thược dược bên hông nhà tả tơi vì cơn mưa đêm qua. Những bông hoa rồi sẽ tươi tốt lại nhưng dấu vết cơn mưa thật xót xa.

Từ hơn nửa thế kỷ nay, đất nước tôi, dân tộc tôi, triền miên tai ương, bị xâu xé và phân hóa đến cùng cực, vì ý thức hệ, vì chiến tranh và thù hận, vì ngờ vực. Ở nơi này, hình ảnh con người nhìn thấy ở nhau, phóng chiếu qua nỗi đau riêng mình, tưởng như người này là nguyên nhân cái khổ của người kia cho đến một lúc tất cả mọi người trở thành nạn nhân thực sự của cái "tưởng như" ấy.

Sáng thứ hai 31-5 ở Issaquah trời mưa ảm đạm. Chúng tôi thức dậy, cùng thèm như nhau bầu trời nắng tốt của ngày hôm kia và hôm qua. Tú nói với tôi "Hay là em cứ làm thơ, viết văn, sáng tác những truyện ngắn thường bị người đọc phê bình là đẹp như trong mơ? Em bước chân vào cuộc sống thực tế, làm công tác thiện nguyện với tất cả lòng thành, kể lại những kinh nghiệm

quí giá em thu nhặt được, chia sẻ một số cảm nghĩ chân thật từ đáy lòng mình, lại bị xem là có tội, vậy thì em nên làm gì?” Tôi lặng thinh, biết rằng Tú đã có câu trả lời cho chính chị. Câu trả lời ấy, tôi nghe Tú nhắc đi nhắc lại nhiều lần những khi chúng tôi có dịp chuyện trò với nhau “làm gì thì làm nhưng cứ làm với sự tử tế”. Nếu thần giao cách cảm có thật thì Tú đoán được điều tôi đang nghĩ. Kéo chăn qua khỏi đầu, Tú cười một tiếng ngắn trong cổ, tiếng cười thỉnh thoảng tôi vẫn có dịp nghe và nhìn thấy đi kèm ở chị đôi mi mắt khép lại đầy cảm xúc, những khi chị kết thúc một chuyện gì đã... ra môn ra khoai.

Trên vòng bay trở lại Quận Cam, tôi chợt nhớ lại câu nói bông đùa không hẳn là nghe qua rồi bỏ của Frank lúc cùng đứng dưới chân núi Rainier “Các bạn hãy cùng chụm môi thổi cho tan sương mù hoặc chúng ta cùng đợi, kể cả một cơ hội quay lại vào lúc khác”.

Sau bất kỳ một chuyến đi nào, cảm nghĩ còn lại trong tôi là một lời tạ ơn. Tạ ơn số phận, nơi chốn tôi đi qua, những bạn bè tôi đã gặp cùng những chia sẻ đáng yêu của họ.

Quận Cam 6-99

Buồn Vui Quê Người

Lúc cả gia đình tôi đến Compton định cư, thành phố này đang treo đèn, kết hoa, chuẩn bị đón Giáng Sinh.

Dọc hai bên đường phố, các cột điện lóng lánh những dây kim nhũ màu lục biếc có một bông hoa kết bằng xa tanh đỏ, to như một cái rổ. Không khí mùa đông ở đây khô ráo, những con đường nhựa trắng như thoa phấn, lâu lắm mới thấy bóng một người già mặc áo măng tô, đội mũ len, đi chầm chậm. Tuy vậy, đám đông tập trung ở các khu cửa hàng bách hóa. Người đi mua sắm như nước chẩy. Ai cũng ôm đồm và có dáng điệu vội vã.

Người bảo trợ gia đình chúng tôi là một bà Mỹ to cao như một tượng đài kỷ niệm chiến sĩ trận vong. Bình thường bà tươi tắn, lúc nói (bà nói nhiều), bà mở to đôi mắt trong veo, xanh biếc, nhìn chúng tôi để ước lượng chúng tôi hiểu độ chừng bao nhiêu phần trăm những điều bà nói. Đa số trường hợp, sau chừng vài giây nghe ngóng, bà lập lại câu nói của bà một lần nữa, vừa chậm rãi, vừa minh họa thêm bằng hai bàn tay.

Tất cả chúng tôi cư ngụ trong một căn nhà nhỏ hai tầng, ba phòng ngủ. Bà bảo trợ có một cậu con trai chừng sáu, bảy tuổi. Chồng bà đi làm ở đâu xa, cuối tuần mới về. Những hôm ấy, bà lại gởi cậu bé bên phòng mấy mẹ con tôi (căn phòng thứ ba trong nhà họ chứa toàn máy móc, và dụng cụ làm việc của gia đình họ). Có hôm nửa đêm tôi giật mình thức giấc vì tiếng một cái vòi nước chảy trong phòng. Tôi mở mắt ra, định thần nhìn kỹ và nghe ngóng. Tôi thấy cậu bé mắt nhắm tít đứng vạch chim tè ngay chỗ đầu giường tôi nằm.

Mỗi buổi sáng, bà bảo trợ đưa mấy đứa trẻ (hai đứa con tôi và thằng con trai bà) đi học rồi bà đi đâu cho tới khoảng hai, ba giờ chiều mới về. Sau này, tôi biết bà đi làm việc bán thời gian cho một công ty lo việc tang sự. Mỗi khi bà về, tôi nghe tiếng giầy bà gõ lọc cọc dài theo cái hành lang xi măng bên hông nhà cùng với tiếng bà cười hoặc nói rổn rảng với con chó nhỏ lúc nào bà cũng mang theo bên mình. Con chó này có cả một hồ sơ bệnh lý ở bệnh viện thú y dưới tên là Mr C.

Bước chân vào đến nhà, việc đầu tiên là bà mở nút cái ti-vi xong bà cứ để nguyên quần áo đi thẳng vào bếp. Có hôm tôi kho một soong thịt để mấy mẹ con ăn cơm nhưng bà mở nắp cái nồi, hin hin mũi ngửi rồi hỏi tôi "Mày nấu món gì thế?". Tôi không đủ chữ trả lời bà nên chỉ nói vắn tắt "thịt heo". Bà lại hỏi thêm tôi với một vẻ tò mò, hào hứng thấy rõ "Tôi thử được không?" Tất nhiên là được rồi, còn gì phải ngôn nữa nên sau khi cười toe và gật đầu lia lịa, tôi lỉnh ra chỗ khác để bà bảo trợ được tự nhiên. Chiều tối các con tôi đi học về, lúc vào bếp dọn cơm cho chúng nó, soong thịt kho của tôi chỉ còn sót lại

vài miếng hành tây, quang cảnh hoang tàn khiến tôi ngậm ngùi nhớ đến cái rọ cá của cô Tấm trong chuyện Tấm Cám. Trong lúc cô Tấm lặn hụp dưới ao bèo mò cá thì cô Cám thảnh thơi trút hết cá từ rọ chị Tấm sang rọ cô rồi thơ thới ra về. Tôi nói thế cũng hơi quá vì tôi bây giờ sướng hơn cô Tấm ngày xưa, đâu đã phải vất vả lặn hụp xuống ao kiếm thịt? Tôi chỉ đi ra chợ Tầu (quả đáng tội cũng bà bảo trợ chở cho đi xe hơi của bà) và mua thịt bằng "phút tem" của sở oeo-phe Mỹ thôi.

Cũng có hôm cuối tuần, biết ông chồng bà bảo trợ ở xa về, tôi muốn tỏ tình thân thiện nên quay một con gà giò để sẵn một chỗ kín. Đã có kinh nghiệm về nết ăn uống của bà bảo trợ nên tôi chờ đến lúc ông chồng bắt đầu rót ly bia đặt lên bàn ăn rồi tôi mới đem con gà ra mời họ. Ông chồng Mỹ nhìn vào đĩa thức ăn và cười vui vẻ. Ông lịch sự cám ơn tôi rồi ông đi ra chỗ sink ở nhà bếp để rửa tay. Về sau, tôi hối tiếc đã không biết là ông này có tật rửa tay rất lâu, cho nên lúc ông trở lại bàn ăn, đĩa gà chỉ còn chỏng chơ hai cái ức bằng nắm tay. Mấy đứa con tôi nghe ông hỏi bà vợ "này, con gà có cái gì ngon nhất hả?" Bà bảo trợ trả lời "hai cái đùi". Ông chồng giận lắm nhưng ông giữ lịch sự trước mặt những người lạ đang ở trong nhà ông, ông chỉ nói với bà vợ "vậy mà hai mẹ con cô xơi cả hai cái ngon ấy rồi, tử tế quá". Bà bảo trợ bỏ cái xương đùi gà đã gặm sạch lên đĩa và bà cười rất hồn nhiên "Ở xứ Mỹ này, đàn bà và trẻ con là ưu tiên, anh phải biết vậy chứ". Nói xong, mắt bà nhìn ông chồng rất tình tứ. Hóa ra người Mỹ họ sống phân minh lắm, yêu và ăn là hai vấn đề không dính dáng gì đến nhau cả.

Những ngày đầu mới đến Mỹ định cư, tôi sống nhàn hạ như một người già. Sáng sớm thức dậy, công việc đầu tiên của tôi là nhìn xem có bao nhiêu đống phân chó trên mặt thảm. Tôi đeo một đôi găng tay bằng nhựa trong rồi rón rén nhặt những của nợ ấy gom vào cái xẻng hốt rác và đem đổ. Tôi có một chai thuốc để rửa những chỗ thảm dơ và một cái bàn chải để chải cho thảm sạch. Xong công việc này, tôi sửa soạn thức ăn sáng cho ba đứa trẻ, gói vào giấy ni-lông để sẵn trên bàn rồi tôi mở cửa đi ra chỗ bà bảo trợ đậu xe hơi. Mùa đông trời lạnh, kiếng xe hơi đóng băng. Bà bảo trợ dặn tôi lấy nước nóng trong vòi nước ở nhà bếp rồi đem ra dội lên kiếng xe cho băng tan. Khi bà và lũ trẻ cùng với con chó đi khỏi nhà, tôi được tự do làm gì thì làm. Tuy vậy, thực ra tôi chẳng có gì để làm cả. Tôi có thử mở ti-vi ra xem nhưng các tài tử đóng phim chả còn ai quen mặt nữa. Họ nói nhanh quá mà lại không có phụ đề như phim chiếu ở Việt Nam trước đây nên tôi cũng nản. Có cái điện thoại có thể giúp tôi liên lạc, trò chuyện với một số bạn thì bà bảo trợ lại dặn tôi đừng gọi nhiều vì lệ phí điện thoại hàng tháng mắc lắm.

Như thế cho đến một hôm cô Hạnh ở cơ quan thiện nguyện thành phố Compton nói với tôi rằng "chị đủ khả năng đi làm đấy. Chị đến đây ghi tên xin việc, chúng tôi sẽ giúp chị kiếm được việc. Đi làm có tiền rồi, chị ra riêng cho tự do và để còn lo tương lai lâu dài cho các cháu. Nếu lương chị không đủ sống, sở xã hội sẽ trợ cấp thêm".

Thế là tôi liều mạng đi xin việc. Đối với những người không có chuyên môn và bằng cấp đại học Mỹ như tôi, công việc dễ làm nhất là làm assembler. Tôi được vài

đồng hương thân mến đang làm ở một công ty nọ dẫn dắt vào cùng làm với họ. Sự nghiệp lao động vinh quang của tôi bắt đầu một cách tình cờ và đầy tình bác ái như vừa nói. Mấy mẹ con tôi từ biệt gia đình bà bảo trợ và dọn đến ở chung với một gia đình đồng hương có nhà rộng cho thuê bớt phòng, danh từ phổ thông ở đây gọi là se...e nhà. Mỗi ngày tôi thức dậy lúc năm giờ, theo tiếng gọi của đồng hồ báo thức kêu như dế rúc. Lúc nào tôi cũng phải "xét-ấp" hai đồng hồ một lượt, trước sau mười phút phòng khi tôi nghe cái thứ nhất xong, tắt đi rồi lại tiếp tục mơ màng giấc điệp (chăn đệm ở đấy ấm quá các bạn ạ). Nếu có ai hỏi tôi ở đây sợ cái gì nhất, tôi trả lời "sợ nhất nửa đêm cúp điện". Sáng bảnh mắt ra, nhìn vào đồng hồ thấy con số nhẩy loạn cào cào châu chấu, không biết bấy giờ là mấy giờ nhưng chắc chắn ở sở tôi họ làm việc lâu rồi, từ lúc trời hãy còn lờ mờ tối. Cái giờ lúc đầu ngày để gọi điện thoại cho xếp báo ốm cũng qua đã lâu. Chỉ vài lần như vậy thôi là chắc chắn tôi lại có cơ may đi "ghét lai" ở sở xã hội dài dài.

Mỗi tuần tôi lãnh lương một lần. Tôi phải cất kỹ ba tấm chếch mới đủ trả tiền nhà, tiền điện nước và điện thoại chia với nhà chủ. Tấm chếch thứ tư đổi ra đi chợ. Mỗi lần đi chợ xong, ra quầy trả tiền, đứa con gái lớn của tôi liếc thấy tôi thập thò mấy tờ phút-tem là nó lỉnh ngay ra cửa, bỏ mặc mẹ đứng nhấp nháy hai con mắt nhìn lom lom vào máy tính tiền, sợ cô thâu ngân đãng trí bấm nút nhầm. Thỉnh thoảng có tháng năm tuần lễ, cái chếch ngoại lệ này được phép đi chơi K.Mart hoặc bảnh lắm là Target.

Dẫu sao, các con tôi học rất khá. Có lẽ giữa cái xã hội tiền rừng bạc biển này, chúng bị cái ám ảnh nghèo khó thúc bên hông nên đứa nào cũng học miệt mài. Con bé út nhà tôi vừa học vừa nhìn ti-vi, vừa nghe nhạc, cái đầu lúc lắc, cái mình đong đưa, tôi rầy rà thì nó bảo "không có những cái này con không học được". Tôi lấy làm hồ nghi, để tâm theo dõi. Tuy vậy, rõ ràng là cháu học toàn điểm A, được chọn làm đại diện cho học khu đi tranh đua với các học khu bạn. Nhân cái kinh nghiệm này, tôi biết thời đại tôi sống hiện nay có nhiều cái mới, lạ, kỳ cục, không giống với nếp suy nghĩ của tôi trước đây nhưng quả thật chúng có một giá trị đáng được chấp nhận. Còn nhớ một hôm tôi đến đón con ở trường học thành phố Compton, lúc đi qua sân, tôi thấy các cô cậu học trò bản xứ ôm hôn nhau trên lối đi rất mùi mẫn. Tôi hốt hoảng, chân muốn khuỵu xuống, đi hết nổi. Cố giữ bình tĩnh, tôi liếc trộm con để đo lường phản ứng của nó và tôi rất ngạc nhiên nhận thấy con bé thản nhiên đi qua những cảnh tượng đối với tôi là hết sức ghê gớm ấy. Nó nói cười vui vẻ với tôi, xem ra không bận tâm gì về những đôi sam nhóc con kia cả, thậm chí không cả nhìn. Hóa ra trong một môi trường văn hóa cao, trẻ con tiếp thu và trưởng thành chóng hơn người lớn.

Mỗi ngày từ năm giờ sáng đến nửa đêm, trừ thời gian chạy xe trên đường phố để đi tới sở làm và từ sở về nhà, tôi toàn phải làm hai ba việc cùng một lúc: vừa nấu cơm vừa tưới cây và xem ti-vi, vừa ăn cơm vừa đọc báo, vừa nói điện thoại vừa viết thư thăm hoặc hỏi âm bạn hữu. Ấy là nói cho rạch ròi ra vậy, nhiều khi đang lái xe cũng bận làm thơ nữa. Có hôm xe tôi chạy một mình ra gần

giữa giao lộ mới thấy các xe xung quanh đã dừng hết tận phía sau xa và bên trái, bên phải tôi kèn xe đồng loạt inh ỏi chửi rủa. Cũng còn may mắn hơn là người ta không rủa mà người ta húc. Chỉ tại lúc nào cũng nơm nớp sợ vượt đèn đỏ vì đãng trí nên thỉnh thoảng tôi cứ thấy mình chạy tà tà và đạp thắng lúc đèn giao thông đang xanh, khiến xe chạy đằng sau phải hãi hùng đổi lane, sợ tai bay vạ gió.

Thường thường chín, mười giờ đêm tôi mới được vào phòng tắm tắm gội. Giữa tiếng nước chảy ù ù như tiếng tù và, (nhà cũ quá) tôi nghe tiếng đứa con gào to bên ngoài cửa kiếng "mẹ spell dùm con chữ này đi". Cái cảnh dạy học trong phòng tắm như thế rất hao tổn nội lực vì chúng tôi phải hò hét chừng chục lần mới biết hai bên cần gì và nói gì. Tuy vậy, cảnh tượng ấy xảy ra hầu như mỗi đêm vì con tôi cứ học Anh văn vào cái giờ đó chứ không vào cái giờ nào khác. Hỏi cặn kẽ căn nguyên, nó nói "Con nghĩ lúc mẹ ở trong phòng tắm, mẹ available để trả lời con hơn".

Giờ giấc để làm việc cũng được tính toán rất chính xác. Chẳng hạn sáng sáng tôi đi làm, ra tới xe mình là thấy ông hàng xóm đã lùi ra khỏi bãi đậu, ngày nào như ngày đó, không sai một giây. Xe tôi chạy qua một phố vắng, tôi biết cửa sổ căn nhà nào trên quãng đường nào sáng đèn vào lúc tôi đi qua. Ngay lúc tôi chậm xe lại để quẹo trái vô sở làm, tôi nhìn thấy một người đàn bà da đen to bự bỏ chân xuống lòng đường bên trái tôi, sáng nào cũng vậy.

Tôi ước ao cái tự-động-tính hay máy-móc-tính hiện đang chi phối hầu hết sinh hoạt nước Mỹ cũng sẽ chi

phối cả tâm hồn, ý nghĩ và trái tim tôi, để tôi biến thành một cỗ máy chạy rất chính xác cái program đã viết sẵn cho nó, để tôi không còn lẩm cẩm thấy núi thì nhớ nhà, thấy mây thì nhớ bạn, thấy gió thì thương hoa, thấy bạn cười đêm về vui không ngủ.

Nghĩ cho cùng, nếu không lẩm cẩm thế vậy thì còn cái gì trong tôi là Việt Nam nữa nhỉ?

Đón Xuân Quê Người

Tháng chín, tháng mười, đi đâu cũng nghe người ta bàn chuyện sắm tết. Nhà nghèo thở vắn than dài, kêu trời trách đất. Nhà giàu cứ tính mua một món lại vờ vịt ca cẩm một câu, cũng ra bộ "ừ thì chiếu lệ, chả vui thú gì". Tháng một, tháng chạp, mặt nhà nghèo càng nhăn như bị, chảy như bánh nếp, mũi nhà giàu càng phổng ra mà thở vì mang vác nặng. Ấy vậy mà bản gia trang bà xã cứ lặng như tờ. Hôm đầu tháng, thấy có người cỡi Honda cúp đến nhà hỏi đúng tôn danh, thấy sau khi ríu rít chào hỏi vâng dạ, bà xã cắp ngay cái bị cói dưới nách đi te tái ra đầu ngõ, nét mặt quan trọng, tôi biết ngay là ngân khoản chi viện đã được tháo khoán. Tuy nhiên, vài ngày qua, ngoại trừ chút cá thịt thêm vào mâm cơm và quả quít quả bưởi tráng miệng, chẳng thấy bà xã động tĩnh gì chuyện đón xuân. Sốt ruột, bèn hỏi. Bà tỉnh bơ phán "thôi, không mua bán gì cả, để đi, bộ muốn ở đây ăn Tết mãi hay sao? Ăn gần 60 cái Tết rồi, còn thèm ăn Tết. Cứ chuẩn bị ăn Tết là nó huông, không có danh sách bay đâu".

Ngày nào bà cũng đánh một vòng xích lô lên đường Thái Văn Lung, la cà hóng tin vịt cồ, uống ít ra là hai ly đá chanh cho thanh giọng để mà đấu hót nhắng nhít chuyện ra đi với khách đồng hội đồng thuyền đang nhấp nhổm ở sở ngoại vụ. Thay vì khuân nếp đậu hay gà vịt bánh tráng về, bà toàn khuân áo dài thêu, áo bi da ma thêu, hài cườm, khuôn bánh, cả dao to, thớt gỗ và chày cối, tiếng đồn rằng Mỹ quốc không có những thứ quốc hồn quốc túy này.

Đã ngoài hai mươi tháng chạp âm lịch mà vẫn chưa được lên danh sách bay, bèn đợi lúc bà nội tướng đang hỉ hả nói cười, khẽ nhắc một câu "có lẽ không đi được trước Tết đâu mình ạ, phải liệu mua bán cái gì một chút cho... con cái nó đón xuân lần cuối". Đang tươi tấn thế mà nghe tiếng tôi, khuôn mặt bà xã như cái màn ảnh Tivi sự cố kỹ thuật. Bà lại chậm rãi phán "sao ông cứ làm tôi sốt ruột, đi Mỹ thì khó chứ đi chợ khó gì, chiều ba mươi có tiền là có đủ, ông cứ yên chí". Quả nhiên 29 Tết bàn thờ đã có đủ hoa quả, mứt mơ, bánh chưng, giò chả, lại có cả mấy phong pháo vừa đón giao thừa, vừa bói thời vận năm mới. Sáng 30, tôi rón rén hỏi vợ "Tôi ra chợ hoa kiếm một cành mai nhé? Giờ này cuối chầu, tha hồ mua rẻ". Tưởng là mình ăn nói khôn ngoan, bà xã đẹp lòng, ai dè bả rít như đạn pháo Việt Cọng bay qua đầu "ối giời ơi, ông lại sắp sửa làm hại đấy, đi mua vét chợ giờ này để rước mai héo về, cắm một đêm, sáng mai hoa nó rụng trơ trụi cho cả đám bị gậy ra đường à, đi đứng làm sao nổi nữa? Thôi ông ơi, ông cứ ngồi yên một chỗ cho mẹ con tôi nhờ". Tôi sùng trong bụng lắm, thời buổi đổi đời, nữ kê tác quái, ai đời gà mái đá gà cồ, nói gì mụ vợ cũng lý luận ngang

bướng, giành phần thắng về mụ. Tôi ấm ức rủa thầm "Cứ mở miệng là nói chuyện đi Mỹ, làm như Mỹ là thiên đàng". Về điểm này tôi hơi băn khoăn. Bạn bè H.O của tôi đi trước, viết thư về kêu khổ. Thế mà mụ vợ thì lại cầm khoe với tôi mấy tấm hình do chồng bạn mụ gởi về cho vợ anh ta, chụp cái rừng quần áo anh ta mua sẵn dành dón vợ, la liệt mấy sào dài, ước cả trăm bộ. Mụ vợ tôi hí hửng nói "thôi, không mua đồ thêu nữa, quần áo bên đó đẹp như vầy". Gặp Việt kiều về thăm nhà, tôi đem kể chuyện này để dò hư thực, có người gục gặc đầu, cười bí hiểm, có người cười hô hố nói "thằng cha này chắc làm gióp quét dọn ở Gút Uyêu" (Giấc mơ mấy trăm bộ quần áo đón vợ vẫn còn nguyên là niềm hạnh phúc bí ẩn đối với cả nhà tôi cho tới ngày chúng tôi đặt chân tới quận Cam và được người quen dẫn tới cửa tiệm Good Will trên đường Fairview).

Lụi hụi vậy mà đến tháng chạp năm sau, gia đình tôi gồm năm nhân mạng, mới trèo lên được chiếc máy bay để ra đi. Tôi có con dâu và con rể người bản xứ. Cả hai xem ra đều ân cần, lịch sự. Chúng tôi cười ruồi với nhau nhiều hơn nói. Ở được một tuần, vợ tôi ngỏ ý muốn thiết lập một bàn thờ Phật và gia tiên. Con trai tôi nhũn nhặn nói "Vợ con nó bảo bố mẹ nấu phở hay chiên chả giò thì OK nhưng nó không chịu được khói nhang". Bà nhạc mẫu giận lẫy, đòi sang ở với con gái thì con gái dịu dàng thưa "Chồng con nó làm nghề địa ốc, nó bảo nhà đặt bàn thờ khó bán lắm mà nó thì lại đang tính đổi nhà khác".

Chỉ còn vài ngày nữa là Tết mà không thấy chúng nó sắm sửa biếu xén gì cả. Chiều 30, chúng nó tươi cười nói "tụi con lấy phép đi Las Vegas, mời bố mẹ đi thử thời

vận". Bà xã tôi xưa vẫn có máu đỏ đen nên mụ ừ liền, cười khoái tỉ "thôi, qua đây thì ăn Tết kiểu Mỹ". Tôi nghe trên đó lạnh 30 độ, ớn quá, phần trong lòng chưa quen ăn Tết kiểu Mỹ nên tôi bỏ nhỏ "thôi, tụi con đi chơi vui với mẹ, cho bố ở nhà nghỉ mệt". Thằng con trai xì xồ với vợ mấy câu rồi quay lại tôi, dang hai tay, nhún hai vai "Vợ con nó nói nếu bố ở lại thì chịu khó ăn uống tự túc vì nó rửa tủ lạnh để chuẩn bị đi chơi nên không có đồ ăn". Tôi điện thoại qua nhà con gái, nghe cô ả líu tíu trả lời "con cũng không chợ búa gì cả, bây giờ không còn giờ nữa, còn ít đồ hộp năm ngoái con mua phòng động đất, bố sang thì ăn đỡ". Cô ả còn thòng thêm "bố sang thì con khỏi phải mang gởi con chó và con mèo đi hotel".

Nghĩ đến đường phố nước Mỹ xe cộ chạy như tên bắn, nơi các con tôi ở lại không có mấy người Việt, giở đi mắc núi, giở lại mắc sông, H.O lạng quạng bị xe đụng thiếu giống gì, tôi đã rét. Nhìn lại căn nhà bốn phòng rộng chỉ có mỗi một mình, một là sợ kẻ cướp nó rình, hai là lỡ bị đứng tim, té lăn ra chết thì ai biết, nên sự hãi hùng khiến tôi, sau cùng phải ôm áo theo con đi vào nơi gió bụi.

Dọc đường, tôi chẳng thấy hứng thú gì với cảnh trí bên ngoài cửa xe. Các con, các cháu tôi và thêm vài người bạn bản xứ của chúng, cười nói ồn ào. Lên đến nơi, trời lạnh cắt da, chúng thảy ông già vô phòng motel với mấy cái túi xách rồi biến mất tăm. Trước khi ra đi, chúng dặn dò "Bố có đói thì ăn cookies hoặc potato chips nhé, tụi con về sẽ dẫn bố đi nhà hàng. Bố muốn xem TV thì mở mấy đài ba vạ xem đỡ buồn, đừng xài cable nó chạc tiền mà bố chỉ coi hình thì phí của". Máy điện thoại sẵn ở đầu

giường, trong túi có số của năm ba bạn thân nhưng người và máy nhìn nhau như đôi vợ chồng đang thời kỳ ly thân, lòng đầy căm hận vì không sờ được vào nhau, sợ hậu quả. Nhớ lại tuần lễ trước, khi kiểm soát hóa đơn điện thoại, ông trưởng nam của tôi chỉ tay vào mấy con số lạ hoắc rồi hỏi tôi "Bố gọi cho ai mà gọi lắm thế, tới hơn tám mươi đồng, một tuần lễ tiền chợ cả nhà đấy nhé". Tôi ức quá, biết mười mươi thủ phạm là thằng cháu nội mới mười lăm tuổi đã tán gái như chim hót mà không làm sao chứng minh được. Chắc chắn có một con nhóc tì nào đó mà bố mẹ nó cũng kiểm soát gay gắt hóa đơn điện thoại hàng tháng nên nó đổ vạ cho lão ông.

Nằm một mình trong căn phòng xa lạ, tôi chợt ứa nước mắt nhớ những con đường rộn rịp Tết ở quê nhà. Tôi nhớ con đường Võ Di Nguy ở Phú Nhuận, quãng ngang chợ, trưa 30 Tết chỉ còn lác đác người đi trên hè phố ngổn ngang rác thừa từ những phiên chợ xuân kéo dài gần hết đêm. Cái tấp nập huyên náo chuẩn bị ăn Tết đã lui vào bên trong các ngôi nhà. Chiều 30, hương vị xuân phảng phất trong không gian thấm đượm mùi vỏ trái cây nồng nẫu, mùi những bông vạn thọ gãy cành rơi lăn lóc bên vệ đường chỗ đêm hôm trước còn là chợ hoa rực rỡ dưới ánh điện câu. Bây giờ thong thả ôn lại chuyện cũ, tôi ngạc nhiên nhận ra kỷ niệm gần hai mươi cái Tết sau khi Sài Gòn đổi tên không để lại gì nhiều trong ký ức tôi ngoài những cuốc xe đạp chạy đi chạy lại, chạy lên chạy xuống trong cái thành phố đường kính thu hẹp chừng mươi cây số, ngoài cái túi thịt heo lậu dấm dúi trao tay sợ cảnh sát kinh tế phát hiện, ngoài con ngõ nhỏ khúc khuỷu chỗ bà hàng bánh chưng quen... Đêm giao

thừa, mấy đứa trẻ ngồi bó gối nhìn nhau, đôi mắt ngơ ngác của người lắng chờ một phép lạ.

Chập tối thì các công dân Mỹ trẻ tuổi của gia đình tôi về. Đứa mở máy hát, đứa xem TV, đứa đi tắm, đứa lăn ra ngủ. Như tổ ong vỡ. Gần nửa đêm, chúng nhất loạt thức giấc, nai nịt quần áo, phân công bà vợ tôi ở lại phòng canh con nít rồi kéo tôi ra đi. Một đứa nói "Bố nhà quê quá, đi ra tỉnh một lần cho biết với người ta, ai đời lên đến chốn này rồi mà chỉ nằm motel, bạn con nó cười". Đứa khác nói "Bố đi ra mà xem, không đánh bài thì coi cây cối chúng nó mới trồng, sơ sơ chừng bốn chục triệu đô la thôi". Tôi đi một vòng, tai nghe rào rào tiếng đồng xu rơi xuống các máng của máy đánh bạc, mắt hoa lên vì hai bàn tay có mười cái móng đỏ chia những cỗ bài nhanh thoăn thoắt trên mặt bàn trải thảm nhung xanh. Tôi đi tới đi lui, cả mấy tiếng đồng hồ mà mấy bà già người Mỹ và người Tàu vẫn ngồi nguyên một chỗ, hộp xu đặt trước mặt, đôi mắt mải mốt dán vào cái màn ảnh nhiều màu như người bị thôi miên. Tôi tự hỏi họ ngồi đây bao lâu rồi và bao giờ thì mới đứng dậy được? Ở nơi này, ngày đêm không còn chỗ tiếp giáp.

Gần hết buổi chiều thứ ba của cuộc du xuân, các con tôi dồn nhau lên xe ra về. Vào xa lộ chừng mươi phút, tôi bắt đầu nghe tiếng ngáy râm ran khắp xung quanh. Đường càng lúc càng tối, tôi ngồi cạnh ông trưởng nam đang làm nhiệm vụ tài xế. Ông ấy ngồi im như một pho tượng, mắt đăm đăm nhìn con đường nhựa lấp loáng dưới ánh đèn xe vẩn bụi. Sợ ông ấy buồn ngủ, tôi bắt đầu mở máy nói, nói huyên thuyên, nói đủ mọi thứ chuyện đầu cua tai nheo, có lúc chính tôi cũng ríu cả lưỡi lại, đầu

váng vất, hai mắt chỉ chực đóng cửa hạ màn. Trong bóng tối, tôi rón rén dùng cả hai tay véo vào đùi, véo vào mặt cho tỉnh táo. Thỉnh thoảng tôi có cảm tưởng cái xe chao đi nhưng thật ra tại cái cổ tôi không giữ được cái đầu ngay ngắn.

Cuộc hành trình gian nan ấy rồi cũng chấm dứt. Về tới nhà, tôi mở miệng ra y như một diễn viên đóng phim câm, cổ họng không phát âm nữa. Lòng riêng thắc mắc về sự im lặng trường kỳ và khó hiểu của người thừa kế yêu dấu suốt chiều dài chuyến du xuân trở về, tôi rụt rè hỏi con "Bố sợ con dọc đường buồn ngủ nên phải kiếm chuyện nói cho con vui, bản tính bố không hay cà kê, con có khó chịu không?". Ông con nghe bố hỏi, cười toe. Ông thọc tay vào túi áo ngực lôi ra hai cục bông gòn trắng xóa như hai bông lài rồi phân trần "Con lái xe ban đêm sợ tiếng bánh xe lăn rì rào làm buồn ngủ nên con thút nút lỗ tai cho chắc ăn, sorry bố".

Tôi đi nằm, nhắm mắt một lúc cho lại sức. Mở mắt ra, gần ba giờ chiều mồng ba Tết rồi. Giá ở quê hương, giờ này nhà nào cũng đang khói nhang nghi ngút cúng tiễn ông bà, tục lệ cũ gọi là cúng hóa vàng. Năm nay tổ tiên nhà tôi không có Tết. Con cái xiêu lạc nên các cụ cũng biến thành dân "hôm-lét" mấy ngày xuân. Lòng tôi xót xa như muối xát nên tôi lẻn ra tiệm tạp hóa ở góc đường mua hai phong bánh bích qui, một hộp trà, định đem về bày kín trong phòng rồi khấn vọng tổ tiên. Vừa bước chân qua cửa, thằng cháu nội nhảy xổ ra vồ lấy cái túi giấy trong tay tôi, hỏi "Ông đi mua cái gì thế?" Nhìn thấy nội dung cái túi giấy không hấp dẫn, thằng bé đưa trả lại tôi nhưng lõ cặp mắt có những sợi lông nheo màu vàng

và hỏi tiếp "ông trả bao nhiêu tiền?" Tôi ra dấu "tao đưa mười đồng, nó thối lại tao bây nhiêu" (tôi đếm mấy đồng cắc còn lại trong tay). Thằng bé con ré lên cười như đồng ốp rồi ngặt nghẽo nói "Người bán hàng chạc ông tiền về tội nói tiếng Mỹ dở ẹc đó".

Từ nay về sau, chắc tôi chẳng còn kỷ niệm nào đáng nhớ về xuân nữa.

Đi Nhà Thờ Ở Las Vegas

Xe vào đến trung tâm đánh bạc và giải trí của Las Vegas. Đại lộ mang cùng cái tên nổi tiếng này đông nghẽn xe hơi và khách bộ hành di chuyển ngược xuôi như trẩy hội. Bà chị ngồi bên cạnh tôi trỏ vào cây thánh giá gầy guộc bỗng dưng nhô lên giữa khoảng không của một khu đất trống bên tay phải rồi nói to, trước khi mọi người kịp nhận ra ngôi nhà thờ với kiến trúc lọt thỏm giữa một khu vực toàn những cao ốc đồ sộ trên đại lộ Las Vegas:

– Nhà thờ đây nhé, mai phải đi nhà thờ đấy.

Câu nói không có hồi âm tức thời trong tiếng xô động rì rào của đường phố buổi trưa thứ bẩy. Sau đó, chúng tôi cũng làm y như những người có mặt ở Las Vegas. Chúng tôi đánh bài. Khuôn mặt chị tôi đỏ hồng dưới ánh đèn soi trên bàn roulette. Bên cạnh những người ngoại quốc bự con, râu ria, son phấn, da dẻ thô nhám, khuôn mặt nhỏ nhắn, da hồng mịn của bà chị tôi trông như búp sen trên mặt hồ. Một bà chị khác ngồi mải miết trước cái slot machine, chơi với đồng 5 xu. Chị chăm chú thả những đồng nickle vào cái khe máy, như bị thôi miên vì những

cái hình nhiều màu chạy trên khung. Tiếng những đồng xu reo vui trên các máng kim loại, tiếng hò hét của những người trúng lớn hay suýt trúng lớn, thỉnh thoảng làm chị ngừng tay, ngơ ngẩn nhìn ra xung quanh và mỉm cười vu vơ. Đến chập tối thì mắt chị đỏ hoe, chắc vì khói thuốc lá.

Chúng tôi rủ nhau đi ăn. Chị Liên ngần ngại hỏi:

– Phải xếp hàng lấy thức ăn hả? Thôi, kiếm tiệm cơm Tàu hay Việt Nam đi.

Chị Dung cười:

– Thôi đừng có gàn, đi Las Vegas là phải ăn buffet.

Cuối cùng, chúng tôi bỏ thăm đến Luxor. Chỗ dọn ăn của họ bên trong tòa nhà lớn, kiến trúc bên ngoài và trên chiều cao là sòng bạc và khách sạn, theo mô hình kim tự tháp nhưng ở đây, họ tạo cho người ăn cảm giác quán giữa đường, với các trụ đèn thả ánh sáng kiểu cách lên những lối đi xi măng chạy giữa bàn ghế cách quãng khá xa. Chúng tôi có cảm tưởng đang đi ở một thành phố nào khác ở Âu Châu. Không có những trụ đèn, không có cô hầu bàn, mặt xi măng thô nhám dưới gót giày gợi nhắc khoảng sân thơ ấu ở Việt Nam, chơi banh đũa, nhảy cò cò, đầu gối quanh năm đóng vẩy.

Rời khỏi khu vực ăn uống nên thơ, nước Mỹ lập tức hiện nguyên hình với một cô gái có cặp đùi thật lớn, đang chèo bẻo đu cả cái hình hài căng nứt của cô trong cái khung gỗ bé tí đặt chiếc điện thoại công cộng bên rìa lối đi. Tôi không biết lý do tại sao cô ấy ngồi mắc võng như thế để nói điện thoại, cô ngồi đã bao lâu rồi và còn ngồi bao lâu nữa trước khi cả cái khung gỗ ấy vỡ tan ra vì sức nặng của cô?

Chúng tôi đi chơi thình lình, không dự trù trước nên không xem được show. Tất cả vé đều bán hết từ nhiều tuần lễ qua. Vì vậy, chúng tôi là những người đi ngủ sớm nhất ở Las Vegas vào nửa đêm thứ bẩy.

*

Sáng sớm chủ nhật, gió sa mạc bỗng dưng thổi mạnh trên thành phố, đem theo cát như mảnh vụn thủy tinh. Chúng tôi đi ra bãi đậu xe bằng cách đưa lưng ra hứng gió. Sân nhà thờ không có nhiều xe nhưng khi chúng tôi bước vào bên trong, tầng dưới đầy ắp người đi xem lễ. Nhìn qua y phục tề chỉnh, tôi đoán phần đông họ là giáo dân địa phương. Chừng một phần ba, kể cả những người đến muộn, như chúng tôi, hoặc muộn hơn, chiếm hết tầng lầu hai, có lẽ là du khách vãng lai với quần áo kiểu du lịch tiện dụng.

Mái nhà thờ kiến trúc hình chữ V ngược. Hai bên tường trang trí bằng những công trình kiếng màu, thực hiện những chủ đề kinh thánh với đường nét kỷ hà, chủ ở màu sắc tương phản chứ không theo lối cổ, phân minh hơn, như thường thấy ở các nhà thờ khác. Đặc biệt, nội vi nhà thờ không có thánh giá, tượng ảnh. Bàn lễ phủ khăn sa tanh mầu xanh lục, áo Cha xứ và khăn đậy bình rượu thánh bằng cùng thứ hàng, cùng màu. Cả bức tường cao phía sau cung thánh được trang trí bằng một bức họa lớn vẽ thẳng lên gạch, thể hiện từng đôi, lồng vào nhau, trong tư thế rướn người bốc khỏi mặt đất, bay lên. Người ta nhận ra hình tượng lớn nhất, trùm phủ cả bức họa, là hình tượng Chúa Giê Su, ở hai bàn chân có khe hở rộng giữa ngón cái và ngón thứ hai, là nơi Chúa chịu đóng đinh vào thánh giá. Chúa ở đây không đội mão gai,

không gầy như trong thơ Nguyễn Tất Nhiên. Người họa sĩ vẽ Chúa vươn hai cánh tay tràn đầy sinh lực và quyền uy ban ơn. Ngài bước ra khỏi sách vở, chữ nghĩa phúc âm, Ngài chính là sự sống nhiệm mầu của phúc âm, từ cõi sống xương thịt dậm chân bay vào cõi toàn năng. Có lẽ đây là thời đại mà khoảng cách giữa Chúa và loài người, giữa sự bất toàn và sự tuyệt đối phải ngắn lại, nếu không, thế giới đạo lý sẽ trở thành hoang tưởng.

Phần còn lại làm nền cho bức vẽ, họa sĩ đã vẽ từng đôi một, xiêm áo phiêu bồng, quấn quít ở góc trên, một cánh tay lẻ loi giơ lên kêu cứu, ở góc dưới, những thân người bơi sấp ngửa, dựa lưng vào nhau (giữa dòng đời cuồng lưu, chắc vậy).

Đây là lần thứ hai, tôi thực sự cảm xúc và kinh ngạc vì nhãn quan hoàn toàn nhập thế của một số những nhà nghệ sĩ có cơ hội thể hiện đức tin qua tài năng của họ.

Lần thứ nhất cách đây ba, bốn năm, khi tôi lên Washington State thăm các bạn Túy Hồng, Lai Hồng và Trần Mộng Tú. Tú dẫn tôi đến cửa hàng kẹo bán những loại kẹo rất đặc biệt, theo công thức gia truyền hàng bao nhiêu năm, của một gia đình cư ngu lâu đời trong vùng. Gần khu vực tiệm kẹo, quanh co giữa một lối mòn rải sỏi trắng và viền cây xanh đong đưa những dây tầm gửi, có một ngôi giáo đường nhỏ mà Tú nói là chỉ mở cửa cho những cặp tân hôn đến làm lễ cưới. Ngay bên trái lối vào, trên một bục đất cao, người ta dựng tượng Chúa vác thánh giá. Chúa ở đây cũng không gầy gò, trái lại, nhà nghệ sĩ tạc tượng đã thể hiện đấng Cứu Thế trong hình hài tươi trẻ, đầy sức sống của một thanh niên ở thời kỳ sung mãn nhất đời người. Dù muốn dù không, cái hình

ảnh "thế gian" này khi nhìn thấy lần đầu, đã khiến tôi ngỡ ngàng, như thể tôi quen nhìn thấy bộ mặt khắc khổ, đạo hạnh của tôn giáo, hiểu theo nghĩa khắc kỷ, nay bỗng dưng nhìn thấy một bộ mặt khác, nơi những nhà tu hành mát da, mát thịt...

Phải một thời gian rất lâu sau tôi mới nghiệm ra rằng Thượng Đế, đấng Chí Tôn hay đấng Cứu Thế, thảy đều là sự vĩnh hằng của điều chí minh, chí thiện. Những điều này thâm nhập đời sống ở khắp nơi, khắp mọi thời đại, như không khí hoặc chính chúng là không khí. Chúng không mặc lấy một hình tượng nhất thiết nào, dù hoàn mỹ đến đâu trong suy nghĩ của người tạo ra nó, cũng không bao giờ là chính cái ý niệm về sự hoàn mỹ trong không gian và thời gian vô cùng của vũ trụ.

Cho nên, Chúa gầy hay Chúa mập, Phật Ấn Độ hay Phật Tây Tạng, một tín hữu đắc đạo là khi họ thể hiện được đức tin, sống được đức tin bằng chính con người đầy khiếm khuyết của họ, là khi họ bắt gặp được ý niệm về Thượng Đế toàn năng thay vì xì xụp khấn lạy trước hình tượng và đọc những câu thần chú tự chúng không làm nên phép lạ.

*

Về đến Cali rồi, lòng tôi vẫn còn bâng khuâng nhớ lại ngôi nhà thờ không có thánh giá và ảnh tượng bên trong ở Las Vegas. Đến một lúc nào đó, giữa cuộc sống gia tốc nhiều biến động của nước Mỹ, người ta có thể tôn vinh Thượng Đế ở bất cứ đâu, chỉ với tấm lòng cực kỳ khao khát điều thiện.

Cali 10-95

Đà Lạt Trong Kỷ Niệm

Đà Lạt vào năm tôi 17 tuổi là cái tên Liên Khương (sau này, ở một vài nơi khác, tôi thấy người ta viết là Liên Khàng) mà tôi đọc thoáng với một chút lòng rộn rã trên đầu trang thư thầy Kh. gửi cho anh tôi bao giờ cũng có một câu rụt rè ở dòng cuối "tôi kính thăm hai cụ và cô Bích". Ngoài cái tên Liên Khương với âm điệu trữ tình, ngày ấy và cho đến nay, vẫn khêu gợi trong tôi những cảm xúc êm ái mơ hồ, Đà Lạt còn ở trong gói khoai khô, dẻo và thơm, màu mật ong, ở trong những búp artichaud xanh tím mà những ngón tay bố thận trọng tách từng cánh nhỏ chấm vào đĩa muối chanh lấm tấm hạt tiêu, ở trong chùm hoa bất tử thầy Kh. dạy tôi đọc lần đầu chữ immortel.

Năm 23 tuổi, tôi lấy chồng. Trước ngày cưới, chàng viết thư cho tôi "anh sẽ đưa em đi Đà Lạt". Chuyến đi như một giấc mơ lặng lẽ, vội vàng, buồn tủi. Đà Lạt ít tiếng động hay lòng tôi hoang vắng, quạnh hiu? Cô gái tỉnh lẻ đứng ngơ ngác trên mấy bậc thềm đá rộng ở tiền đình khách sạn Palace. Cầu thang trải thảm đỏ im lìm.

Gian phòng ăn với những người hầu bàn quần áo hồ cứng, khăn trắng vắt trên tay, sẵn sàng ngay từ ánh mắt đầu tiên của thực khách. Họ di chuyển êm như những chiếc bóng, thỉnh thoảng nghe tiếng lách cách của dao nĩa chạm nhẹ vào nhau như tiếng nứt rạn của không gian căng cứng sự yên lặng. Xeo xéo bên kia đường hình như là tu viện Nazareth. Tôi cố hình dung ra bộ mặt hạnh phúc của những người nữ bên sau vì tường cao và cánh cửa đóng kín. Có lẽ ở bất cứ đâu, bộ mặt hạnh phúc đều giống nhau, tưởng chừng hoặc mãi mãi cứ là một đuổi theo, tìm kiếm.

Chợ Đà Lạt có những bà hàng hoa khăn mỏ quạ, môi cắn chỉ, mặc áo bông, làm liên tưởng đến làng hoa Ngọc Hà trong Tự Lực Văn Đoàn. Chuối lá ba Đà Lạt thơm nồng, gợi nhắc chuối thanh tiêu của xứ Huế thơ mộng. Ở chỗ con dốc đầu chợ thoải lên rạp chiếu bóng Ngọc Lan, có một hàng quà Huế ngon chảy nước mắt: bánh khoái, mì Quảng, thứ nào cũng xuất sắc. Vỏ bánh khoái dòn rụm, lát chuối xanh hăng mùi nhựa non, ăn với một tép tỏi trắng nõn và một thìa nước lèo mượt như xa tanh, gợn một chút váng đỏ như vân hổ phách. Sau Hội An, mì Quảng không ở đâu sánh bằng Đà Lạt. Nước tôm kho đánh, cay xé họng, thấm vào từng sợi mì thơm phức mùi bánh tráng mè nướng vừa tới, bắp chuối non bóc hết lớp áo nâu, trông như một búp ngọc lan khổng lồ, còn giữ nguyên trong thớ thịt mỏng mùi cỏ cây hoang dã của những mảnh vườn quê Việt Nam, rau húng thái nhỏ... Trong thời tiết Đà Lạt se lạnh, những thức ăn đậm đặc gia vị của miền Trung có tác dụng của một bếp lửa ấm. Khác với phong cách Hà Nội đôi đũa son gẩy từng cọng

giá, người ăn tô bún bò Huế hay tô mì Quảng bên hè đường, vội vàng, hối hả, xuỵt xoạt, như bị cảm xúc và vị giác rượt đuổi, đổ mồ hôi, đã điếu, mệt nhoài...

Đà Lạt những năm 68, 69 còn một quán ăn đêm dâu như ở cuối con dốc Duy Tân, do hai chị em cùng xinh đẹp, duyên dáng, làm chủ. Nói là quán nhưng thực tế chỉ là một cái xe gỗ thắp đèn bão, chỗ ngồi là những cái ghế đẩu xếp chen chúc xung quanh ba phía của cái xe. Thức ăn gồm có xôi lạp xưởng, xôi gà, bánh cuốn nóng, cháo lòng v.v... Thực khách đến ăn, một phần để thưởng thức món ăn lúc bao tử đã ngót bữa cơm chiều hay sau chuyến đi dài từ Sài Gòn lên, một phần để nhìn ngắm dung nhan hai cô chủ quán, bàn tay thoăn thoắt trên thớt thịt và chồng bát đĩa cao nghệu, đôi má đỏ au, đôi môi cười như hoa nở, một phần nữa để hưởng cái thú ăn uống tự do và ấm áp giữa trời đêm Đà Lạt băng giá, bên cạnh những người bạn bỗng dưng thấy gần nhau hơn trong vầng sáng thu hẹp bên trên chỗ ngồi.

Tôi có một chuyến qua Đà Lạt vài ngày, lưu ngụ tại một trong hai ngôi biệt thự dành cho nhân viên đi nghỉ hè của hãng Shell. Tòa nhà bốn phía cửa kính, tọa lạc trên ngọn đồi thông nghe nói gần khu trường Đại Học Quân Sự. Các con tôi từ một căn phố chật gần chợ Bà Chiểu, nay đặt chân đến tòa nhà kiến trúc mỹ lệ này, chúng thảnh thơi như những con cá nhỏ bơi trong hồ nước lớn. Ban ngày, chúng đuổi bắt nhau sau những gốc thông thơm mùi nhựa tươi. Buổi tối, nằm trong ghế bành ấm hơi lò sưởi, chúng lắng nghe tiếng lửa nổ tí tách và tiếng gió lùa rì rào qua rừng thông xung quanh nhà, tưởng tượng đến những chuyện thần tiên thường nghe bà

ngoại kể rồi ngủ thiếp đi, vầng trán thơ ngây lãng đãng giấc mơ hiền hòa.

Năm ngoái tôi đi Canada thăm thác Niagara. Thác rộng, nước đổ hùng vĩ. Đứng trên đầu thác, lại chỉ nhìn thấy một mặt phẳng trơ trọi, khiến lòng bỗng cảm giác một nỗi bình yên nhạt nhẽo. Nhớ lại Cam Ly giữa thiên nhiên hoang vu, huyền bí. Có đi xa xứ mới thấy thiên nhiên của ta luôn luôn là một mời gọi say đắm từ cái thế giới tĩnh mặc nhân rộng lên cái tĩnh mặc trong cõi lòng cô đơn của từng người.

Đà Lạt trong trí tưởng tôi còn là những địa danh nên thơ mà tôi chưa có cơ may đặt chân tới: Đồi Cù, Thung Lũng Tình Yêu, Domaine de Marie, những ngôi trường nổi tiếng vì đã ấp ủ những người tình trẻ tuổi đam mê: Couvent des Oiseaux, Lycée Yersin, Collège d'Adran, trường Bùi Thị Xuân, trường Trần Hưng Đạo, Trại Hầm...

Tôi có ông anh làm nghề dạy học. Ngoài việc cầm phấn đứng bảng, ông khai thác vườn hoa pensée xung quanh căn nhà ông ở. Hàng năm, vào dịp Giáng Sinh và Tết Âm lịch, những tấm thiệp ép hoa pensée bày bán tràn ngập các tiệm sách ở Sài Gòn và Đà Lạt. Nghe nói có lúc dịch vụ mỹ thuật này đem lại cho ông anh tôi bạc triệu. Ông nghiên cứu và thử nghiệm những phương pháp gieo trồng để có những khóm pensée cánh dày, mượt, màu sắc rực rỡ, tồn tại lâu hơn với thời gian.

Đường lên nhà ông có những chuyến xe lam máy khua ầm ỹ, khói phun mù mịt. Dưới dàn hoa và bên khung cửa sổ vấn vương những dây leo xanh mướt, ông đặt những khúc cây tròn cưa làm ghế ngồi. Tôi yêu cái

lạnh se sắt dưới trời Đà Lạt mờ sương, những khoảng đường tịch mịch gợi nhắc mơ hồ một thời quá khứ.

Tháng 3 năm 75, được tin mất Đà Lạt, tôi khóc vùi. Cái ý nghĩ từ nay không bao giờ còn được nhìn thấy Đà Lạt khiến lòng tôi rã rời, đau đớn, không biết rằng Đà Lạt mất rồi thì Sài Gòn có còn đâu?

Bến Bờ An Lạc

Thương tặng Cỏ May

Kể từ một ngày đầu hè năm 93, khi chúng tôi bịn rịn ôm hôn từ giã nhau ở sân bay Detroit và tôi hẹn hò đoan chắc với bạn là tôi sẽ trở lại nơi này một năm sau, lời hẹn ấy như nước chảy qua cầu, phải mất đúng năm năm dài tôi mới lại có cơ hội thăm bạn lần nữa.

Chuyến bay lúc nửa đêm hôm trước từ phi trường Los Angeles, California, ghé qua N. Carolina lúc hừng đông để đến vùng Ngũ Đại Hồ nửa trưa hôm sau, quả là dài. Vừa chui ra khỏi cổng máy bay, đã nhìn thấy bạn, nhỏ nhắn, khép nép đứng tựa lưng vào chồng, chờ tôi. Còn cách chừng ba bước, đôi mắt thường ngày thấp thoáng nét cười tươi tắn của bạn, ngoảnh nhìn sang bên cạnh một giây. Tôi biết ngay đó là cách bạn tôi dấu sự xúc động và muốn để dành cho dài thêm niềm vui hội ngộ.

Ông xã bạn tôi làm đúng chức năng của đấng trượng phu, lãnh kéo dùm tôi cái vali nhỏ để chúng tôi được tự do thoải mái hàn huyên. Chẳng biết bạn tôi thế nào,

riêng tôi bản tính lo toan bần tiện, vừa tíu tít với bạn vừa ngấm ngầm tiếc xót, ý thức rằng thỏi sô-cô-la hạnh phúc của chúng tôi đang hao hụt từng giây cùng với kim đồng hồ không có cách chi làm cho nó ngừng chuyển động.

... *"Trong gặp gỡ đã sẵn mầm ly biệt"*...

Do giờ giấc chênh lệch và chuyến hành trình dài đường nên sau khi dọn bánh cuốn nhân thịt có cà cuống thứ thiệt cho tôi ăn, bạn tôi ép tôi đi ngủ, gọi là để lấy sức chiều đi chơi. Lúc tôi mở mắt dậy, qua bức mành cửa sổ màu trắng sữa kéo rộng, nắng bên ngoài vàng óng trên các vạt đồi nhân tạo phủ một lớp cỏ vừa mới hồi sinh sau mùa đông. Râm ran chuyện trò một lúc, tôi đề nghị bạn cho tôi đến viếng ngôi chùa Tịnh Tâm mà vợ chồng bạn là nhân tố xây dựng đầu tiên cùng với vài gia đình đồng hương lân cận.

Chắc hẳn bạn tôi đã nhìn thấy trên báo chí hoặc ảnh chụp, những ngôi chùa kiến trúc lộng lẫy và đồ sộ ở Cali, chắc hẳn bạn tôi cũng đã đọc bài viết của tôi về chùa Việt Nam ở thành phố Sugarland, Texas, nên bạn tôi cứ mủm mỉm cười và lắc đầu quầy quậy. Gặng mãi, bạn mới nhỏ nhẹ nói:

– Có phải là chùa đâu, cái am thôi.

Tôi cương quyết muốn được xem tận mắt những gì bạn tôi đã thực hiện được trong khoảng thời gian chúng tôi không gặp nhau:

– Muốn gọi thế nào thì gọi nhưng phải dẫn ta tới.

Chúng tôi thay áo bà ba, xâu chân vào dép rồi ra đi. Trên xe, bạn tôi rủ rỉ kể chuyện:

– Nghĩ cũng lạ. Phải tin là mọi việc trên đời đều có cơ duyên cả! Đang không suốt dọc hai bên hàng phố toàn

những ngôi nhà cất sát mặt đường thì có một căn, tự nhiên, một mình nó, thụt sâu vào trong cỡ năm chục thước sân, đủ rộng để làm chỗ đậu xe cho một ngôi chùa, đúng như qui định của thị xã.

Bạn vừa dứt lời, đã thấy qua kính chắn gió phía trước xe, bên trái con phố êm, một khoảng trống dứt hẳn những ngôi nhà kiến trúc khá đều đặn, với hàng hiên đong đưa mấy chậu hoa màu sắc rực rỡ. Xe chậm lại rồi rẽ vào cái khoảng trống ấy, lăn bánh trên mặt những tấm xi măng lớn và dưới bóng những tàng cây xanh râm mát như trong một khu rừng thưa. Cái mái nhà mầu nâu đỏ, áng chừng mới lợp, nổi lên tươi tắn giữa một không gian thoáng đãng. Cổng tam quan bằng gỗ, với gờ mái uốn cong, gợi nhắc những cổng tam quan cổ điển ở mặt tiền các ngôi chùa ở Việt Nam và chỉ mang ý nghĩa tượng trưng thay vì là một kiến trúc qui mô. Bên trái tam quan là khu hồ nước có bông súng đang nở dưới chân pho tượng Phật Bà cao chừng một thước, ngự trên tòa sen. Bốn phía hồ trồng toàn hoa. Sân xung quanh hồ lát gạch đỏ, kết thành hai đóa hướng dương sau lưng tượng Phật Bà, những cánh hoa xoay tròn, trông vui mắt như một điệu múa lặng thầm.

Chùa nguyên là một căn nhà ba phòng ngủ với basement mua lại từ người thừa kế một cụ già Mỹ đã qua đời và cải biến thành Tịnh Tâm Tự. Hàng hiên ngôi nhà cũ được dựng thêm vách ở mặt tiền, có ba cửa sổ rộng, dùng làm nơi tụng kinh, nghe pháp hoặc sinh hoạt Phật sự cho Phật tử. Phòng lót thảm đỏ, ghế ngồi là những cái bồ đoàn nhỏ, may thật mỹ thuật, chắc do một Phật tử nào đó làm công quả cúng dường, đặt rải rác sát ba phía

tường. Phòng còn được trang trí thanh nhã và ấm cúng bằng tranh thủy mặc, những bức thư họa với nét chữ tài hoa của Vũ Hối. Bước vào chánh điện, bên góc phải có bàn thờ vong, bên trái là tam bảo. Tượng đức Phật Thích Ca dát vàng là một nghệ phẩm tuyệt tác của họa sĩ kiêm điêu khắc gia Mai Lân, tọa thủ trên bệ cao. Bạn tôi kể rằng pho tượng này, lúc mới cung thỉnh từ Cali về chùa, đã bị hàng Phật tử ca cẩm là nét mặt đấng Thế Tôn trông sầu bi, ủ dột, không được thanh thản như chân dung Ngài trong trí tưởng của họ. Bạn tôi đã phải liên lạc với họa sĩ Mai Lân để trình bày vấn đề. Qua câu chuyện trao đổi sau đó, bạn tôi biết rằng bức tượng cần ánh sáng để các góc cạnh phản chiếu, làm nổi bật được tác dụng điêu khắc trong nghệ thuật tạo hình, theo đúng chủ đích của tác giả. Quả nhiên, dưới ánh sáng hai bóng đèn đặt ở hai góc tam bảo chiếu chếch lên, dung quang pho tượng lập tức trở nên an nhiên tươi tắn, nét nhìn hòa ái, làn môi phảng phất cười. Tôi linh cảm tấm lòng thành hay còn gọi là thiện căn trong nét khắc họa của nhà nghệ sĩ đã cùng một lúc, kết hợp được Đời và Đạo trong cả hai ý niệm khổ đau và hạnh lạc. Bờ giác không ở đâu xa, chỉ là một cái chớp mắt giữa bóng tối và ánh sáng. Tôi đứng lặng trước tam bảo, nhận ra rằng Phật Giáo hiện đại ngày càng được cảm nghiệm không chỉ như một tín ngưỡng với những điều thần bí mà còn là một thái độ sống tích cực, thúc dục nhu cầu hoàn thiện của con người để tự giải phóng mình, kiến tạo một cảnh giới an lạc ngay trong vòng sinh tử vô minh ở cõi ta bà này. Sát bên chánh điện là phòng tiếp khách và làm việc của ban quản trị. Cửa ra vào phòng nối với cầu thang dẫn xuống tầng

hầm được cải biến thành bếp và trai phòng, đủ chỗ cho vài ba chục người ăn uống. Hệ thống nước và ánh sáng đều tân tạo theo tiêu chuẩn mới, trông rất mỹ thuật và đẹp mắt. Trên tường, nhiều bức thư họa, nhiều tranh ảnh cây trái nhiệt đới tươi mát, cả một khu trưng bày hình ảnh sinh hoạt Phật sự và văn hóa của chùa, làm cho tầng hầm ấm áp như một ngôi nhà chứa toàn việc thiện. Trong phòng vệ sinh nhỏ xíu, bạn tôi không quên để một bình hoa. Tôi bùi ngùi hình dung ra có một lúc nào đó, bạn tôi đã đứng nhìn quanh cái xó xỉnh "thấp hèn" này, muốn đem đến cho nó chút thắm tươi sinh động vốn có hằng hà sa số xung quanh chúng ta, chỉ thiếu một bàn tay gom góp lại rồi phân chia cho mọi người cùng hưởng. Quan điểm đem nhà lên chùa hay rước Phật về nhà mới mẻ của những người như bạn tôi là một cách hoằng dương chánh niệm hiệu quả vì nó thâm nhập vào cõi lòng mọi người trong đời thường, làm cho nhìn đâu cũng thấy từ bi, lạc quan và bác ái.

Chính cái triết lý sống Đạo này cọng với nỗ lực xây dựng một ngôi chùa nhỏ như một cách thế đi tìm dấu vết văn hóa Việt Nam giữa cái nôi văn minh Bắc Mỹ, đã thu hút và đánh động giới trẻ Việt Nam ở Detroit và vùng phụ cận, thuyết phục họ trở thành đôi quân tự nguyện đóng góp vào công cuộc tu bổ ngôi Tịnh Tâm Tự: lát sân xi măng, lợp mái, dựng tường, đóng cổng, bắt điện, chạy ống nước v.v... Trên các hình ảnh lưu lại nơi bản tường trình sinh hoạt của Tịnh Tâm Tự, tôi nhìn thấy đông đảo các bạn thanh niên nam nữ đang tấp nập làm những công việc này, trông họ giống như đàn chim ríu rít xây tổ. Trong quá khứ, mỗi hai năm một lần, ban quản trị

chùa cùng các bạn trẻ và các em ấu nhi lãnh trách nhiệm tổ chức Hội Xuân tại địa phương, vừa nhằm giới thiệu với cư dân quanh vùng tập quán ăn Tết vui tươi của văn hóa Việt Nam, tạo cơ hội gặp gỡ cho các gia đình đồng hương, vừa gây quĩ trả nợ hoặc phát triển thêm cơ ngơi. Mỗi cuối tuần, chùa là nơi các Phật tử lui tới lễ Phật, nghe kinh, ăn cơm chay, chia sẻ vui buồn, các bạn trẻ sinh hoạt đoàn thể, dạy và học tiếng Việt, trao đổi kinh nghiệm lập thân, khiến cho bãi đậu xe của chùa và ba bãi đậu xe của các cơ xưởng lân cận không còn một chỗ trống. Người dân hàng phố trước nay vốn quen với sự yên tĩnh của một vùng ngoại ô hiền hòa thuộc thị xã Berkeley, bỗng cảm thấy bỡ ngỡ với những chủ nhật cuối tuần với hàng hai trăm người lớn, trẻ con, tập hợp náo nhiệt trên khuôn viên chùa. Chính quyền thị xã phải gửi văn thư cho ban quản trị, phàn nàn về sự lớn mạnh quá mau và quá mức so với những ước lượng ban đầu trong đơn xin phép chỉ có khoảng vài chục Phật tử sinh hoạt mà thôi. Ban quản trị Tịnh Tâm Tự tuân thủ luật lệ của thị xã, phải miễn cưỡng yêu cầu các gia đình tạm ngưng đem con em tới chùa để chờ điều chỉnh phép tắc. Trong khi bạn tôi đứng ở cửa phòng nghe Pháp, ánh mắt trìu mến nhìn dãy bồ đoàn bỏ không, mường tượng cảnh các em thiếu nhi Phật tử học tập và vui đùa ở đây vừa mấy tuần lễ trước thì ông xã bạn tôi đưa cho tôi xem tờ báo địa phương, mục ý kiến bạn đọc, có hai ba vị cư dân Mỹ công khai bày tỏ thái độ ủng hộ sinh hoạt tôn giáo, văn hóa và xã hội của chùa mà họ nhận định là được tổ chức bởi "những-người-có-kỷ-luật-và-tinh-thần-trách-nhiệm". Họ yêu cầu thị xã không nên can thiệp bất lợi vào các hoạt động tốt đẹp của chùa và

càng không nên gây ra sự ngộ nhận có tính cách kỳ thị đi ngược lại tinh thần cởi mở đã thành truyền thống của thị xã Berkeley. Tôi chia sẻ tin vui có lẫn chút mãn nguyện này của vợ chồng bạn. Những ai từng giao tiếp thường xuyên với người Mỹ hẳn đều ghi nhận nền văn minh xài mỹ từ quá độ của họ. Đây là một trong đôi ba lần hiếm hoi tôi được thấy người Mỹ ngôn hành đồng nhất.

Hơn chín giờ tối mà buổi chiều vẫn còn lưu luyến trong không gian bảng lảng ánh hồng. Tưới hoa, tưới rau ba bề bốn bên xong, bạn đến ngồi cùng tôi trên cái ghế dài bên cạnh hồ nước. Gió mùa xuân hây hây mát. Có một lúc chúng tôi không nói gì với nhau nữa, chỉ lắng nghe sự yên lặng đem nỗi dịu dàng tĩnh mịch vào lòng. Nhìn bạn ngồi bó gối một chân, chân bên kia duỗi thảnh thơi trên ghế, tôi cười thầm hình dung ra cả một quãng thời gian dài đủ để chúng tôi mặc lấy cái dáng dấp của các bà thân mẫu chúng tôi ngày xưa. Quả thật cả hai chúng tôi đều không còn trẻ nhưng bạn tôi có nỗi vui thầm vì đã kịp làm xong một số việc.

Ca dao tục ngữ nước ta có câu "Cứu một người bằng xây mười kiểng chùa", ấy là vào cái thời chùa chỉ làm nơi để thiện nam tín nữ đến lễ bái cầu phước, cầu duyên, cầu tài, bỏ ống tiết kiệm làm vốn đầu tư cho mình ở đời sau. Ngày nay, trong hoàn cảnh lưu vong của người Việt chúng ta, mất nước, mất nhà, mất cơ nghiệp, mất niềm tin, đối với một số đông, sống chỉ còn là trôi dạt, việc dựng một ngôi chùa nhỏ làm điểm tựa tinh thần cho người lớn tuổi, làm phương cách giới thiệu với người trẻ phong thái sống tỉnh thức đặc thù của dân tộc, khiến họ

tin tưởng, yên tâm và hãnh diện về tiềm năng tự tồn của cộng đồng mà họ dự phần, tôi thiển nghĩ công đức hộ độ này to lớn lắm. Tuổi trẻ là hy vọng vươn tới của nhân loại. Những công trình tập hợp nào khơi mở được niềm hứng khởi sáng tạo và dấn thân nơi tuổi trẻ đều là những đóng góp đáng kể cho đời. Như thế, quan điểm lập một ngôi chùa có lẽ nên được nhìn khác xưa. Khi Đạo thực sự thâm nhập vào Đời, những biên giới có tính hình thức sẽ nhạt nhòa dần để chỉ còn sự thể nghiệm duy nhất của cái chân lý sống mà người ta lựa chọn và tin theo.

Rời Michigan trở về Cali lần này, tôi mang theo hình ảnh ngôi chùa nhỏ, rất Việt Nam, ung dung tọa lạc giữa khu phố Mỹ như một thách đố hiền hòa nhưng đầy tính thuyết phục của các bạn tôi trên ấy, những người đi qua cuộc đời này biết nhận biết cho, biết ân hưởng và biết cống hiến.

Nếu mai đây vì lý do gì chúng tôi không còn cơ hội gặp lại nhau nữa, tôi vẫn mãi vui vì cái ý nghĩ bạn tôi đã đến được bến bờ an lạc.

Cali 7-98

Viếng Chùa Việt Nam
Ở Sugarland, Texas

Đã mấy đêm, ba đứa chúng tôi nằm gác chân lên nhau nhắc chuyện đời xưa và tâm sự vụn. Căn phòng trải thảm màu bạc non thơm phảng phất mùi phấn hút bụi. Nửa khuya, khu vườn sau nhà bạn tôi với hai bờ dậu gỗ cắt khoảnh một khoảng trời quê hương êm ả, bỗng rộn ràng những cơn chớp giật. Tiếng sấm ran ở chân trời. Tiếng mưa âm âm từ xa tới gần, dội rì rào trên mái nhà. Cả ba chúng tôi cùng thức giấc, cùng nằm im, chắc cùng nhớ lại những cơn mưa giông nửa đêm về sáng ở Huế.

Không khí lúc sớm mai mát lạnh, ẩm hơi nước. Buổi sáng trong trẻo, sạch sẽ, như một tấm lụa mới giặt căng trên dây phơi. Bạn tôi từ Michigan về Houston để dự lễ Vía đức Quán Thế Âm tại Chùa Việt Nam, rủ tôi đi cùng. Tôi đi theo vì không biết làm gì khác trong buổi sáng chủ nhật ở cái thành phố lạ mà tôi có mặt chỉ để gặp gỡ và gần gũi bạn.

Dọc con đường từ nhà bạn tôi ở khu Tây Bắc Houston đến đường Synott thuộc thành phố Sugarland là nơi Chùa

Việt Nam tọa lạc, đầu óc tôi lơ mơ hình ảnh những ngôi chùa tráng lệ mới cất lên thời gian gần đây trong vùng quận Cam. Có người nói với tôi rằng bây giờ Phật tử thích lui tới các chùa đẹp trong những dịp quan hôn tang tế nên tân tạo hoặc trùng tu các ngôi Phật tự cho thật phong quang, bề thế, chính là một cách mời gọi tín hữu lai vãng chùa. Tôi cũng hình dung ra cảnh cúng bái, ăn uống nhộn nhịp, nấu nướng và bán đồ chay phía trong thiền môn, mường tượng giọng tụng kinh và đọc sớ lên cao, xuống thấp, đứt quãng, làm ríu cả hai mi mắt những kẻ phàm phu tục tử như tôi. Cuộc sống náo nhiệt trên nước Mỹ giảm thiểu khả năng suy nghĩ của con người bằng một chuỗi động tác máy móc, biến họ thành những con ong làm việc cực nhọc, đập cánh túi bụi để xây dựng một cái tổ. Cuộc sống ấy thị hiện khắp mọi nơi, theo cả chân thiện nam tín nữ bước vào cổng chùa.

Còn tôi, trong buổi sáng chủ nhật đẹp trời cuối tháng ba ấy, đã theo bạn viếng Việt Nam Tự với tấm lòng phơ phất buồn vui, chẳng có một ý nguyện hay tâm niệm gì. Xe chạy qua một khu chung cư lớn, dễ chừng có đến hàng ngàn đơn vị gia cư và là ranh giới phồn hoa cuối cùng của thị xã trước khi thành phố thoải vào thiên nhiên hoang dã như thường thấy ở các miền ngoại ô phụ cận.

Một con đường nhỏ tráng nhựa ẩn mình giữa hai vùng cây xanh còn đọng cơn mưa lúc nửa đêm, dẫn du khách vào nội vi chùa. Không phải bãi đậu xe rộng mênh mông, cũng không phải tiền đình cao phải ngửa mặt trông đưa lên chánh điện đã làm tôi kinh ngạc mà chính là cái toàn cảnh u nhã, tĩnh mặc của toàn bộ khu đất gần mười mẫu tây chưa khai phá hết xung quanh chùa. Giữa

một thiên nhiên rậm rạp, vạm vỡ, bạo tợn, kiến trúc chùa và các phần phụ thuộc làm hiển lộ vẻ đẹp và sức mạnh diễm lệ của tâm linh con người như một khả năng thuần hóa kỳ diệu. Đó đây trên lối đi, vài mảng sân nhỏ đọng nước phản chiếu một chút sớm mai trong trẻo, khiến bước chân người đi qua bỗng ngập ngừng như gặp lại quê nhà.

Chánh điện nhìn xuống một mặt hồ có nhà thủy tạ hiện còn bỏ trống và những hành lang lát gỗ chạy bốn phía xung quanh. Xeo xéo bên cánh tả, giữa một vạt đất "cỏ cây chen đá lá chen hoa", nổi lên một kiến trúc nhỏ hình lục giác, trông nên thơ như một cái am mây bỏ ngỏ mặc cho nắng gió, trăng sao hồn nhiên ghé qua.

Đi hết tiền đình khá rộng với chuông trống ở hai đầu tả hữu, khách bước vào chánh điện có sức chứa ước lượng khoảng năm bảy trăm tín hữu. Tam bảo được thiết trí đơn sơ song để lộ pháp lực ở kích thước các bệ thờ bằng gỗ quí chiếm gần hết bề ngang chánh điện. Song song hai bên một lối đi ở giữa như thường thấy tại các nguyện đường Công Giáo, là hai dãy ghế dài lót nệm da, thấp sát mặt đất, để thiện nam tín nữ ngồi hoặc quì trong giờ hành lễ. Chạy dọc theo hai mé tường là những bục gỗ mở nắp thì làm rương đựng các vật dụng cá nhân của Phật tử dự lễ, đóng nắp thì làm bục ngồi cho quí vị cao niên. Bàn thờ vong áp lưng chánh điện và trông ra sân sau gồm một hồ nước lớn ở giữa, hai dãy nhà hai bên, một dùng làm bếp, trai phòng và nhà vệ sinh, phía kia tạm thời là hậu liêu để quí Thầy sinh hoạt. Ở đầu trên hồ là pho tượng đức Phật Bà không ở tư thế đứng hay tọa thiền như thường thấy mà Ngài ngồi duỗi chân trên một đài sen ngâm mình dưới nước, nếp bạch y buông tỏa mềm

mại, đẹp như một bài cổ thi. Tôi đoán người nghệ sĩ tạc tượng hẳn đã tâm cảm bản tính mẹ hiền nơi vị Phật Bà luôn tầm thanh cứu khổ cứu nạn chúng sinh này, muốn đem Ngài vào lòng chúng giới qua cái hình ảnh tràn đầy nữ tính với phong thái an thiên, giải thoát của Ngài, cả trước và sau khi chứng đắc.

Vượt qua sân, qua một dải đất xanh ngằn ngặt những lá rau dấp cá khỏe mạnh là đến phòng dạy Việt ngữ cho thiếu nhi và phòng dành cho khách hành hương vãng lai. Chừng ba chục trẻ em bò trên cái sàn nhà chưa có bàn ghế để theo dõi bài giảng của các huynh trưởng. Thấy khách vào, các em không nhốn nháo câu giờ, biểu lộ rõ cái văn hóa "việc ai nấy làm" của một xứ sở cổ võ sự tôn trọng tự do của người khác một cách tuyệt đối.

Văn phòng làm việc và tiếp khách của Thượng Tọa Viện Chủ nằm bên cánh phải đằng sau chánh điện, chiếm một diện tích khiêm nhượng bên cạnh nơi thờ vong, chỉ đủ để kê một cái kệ sách, một ghế tràng kỷ sát tường đối diện, bàn làm việc của Thượng Tọa. Ở đây cũng như ở những nơi khác trong chùa, khách không thấy nhiều đồ vật trang trí. Trên vách tường dường như có một bài thơ viết bằng Hán tự; trên mặt bàn có một cái lọ, hình thể và màu sắc lạ, đẹp mắt; bên góc phải có cái bàn nhỏ, trên đặt bình thủy điện và bộ ấm chén màu gan gà.

Trong bộ sa y màu khói hương, ngoài phủ chiếc áo khoác bằng vải xanh lam, Thượng Tọa Viện Chủ đích thân pha trà tiếp khách, chiêu đãi hai vợ chồng bạn tôi từ Michigan về thăm chùa. Anh chị D. là Phật tử thuần thành. Khi về hưu, cả hai đã vận động thành lập được một ngôi chùa nhỏ làm nơi chiêm bái, gặp gỡ, tụ tập cho

đồng hương Phật tử quanh vùng băng giá Ngũ Đại Hồ. Anh chị D. cho biết Thượng Tọa Viện Chủ Chùa Việt Nam ở Texas đã đỡ đầu cho Michigan về mặt hoằng dương đạo pháp. Riêng chị D, văn tài ngày xưa cống hiến cho văn học dưới cái tên Cỏ Tháng Giêng, bây giờ (chị cười) chỉ còn dùng để làm bản tin cho Chùa Tịnh Tâm, phục vụ đạo hữu Phật tử Michigan.

Qua câu chuyện trao đổi ngắn ngủi với Thượng Tọa Viện Chủ Chùa Việt Nam Texas, tôi được biết mối quan tâm chính hiện nay của Thượng Tọa là làm sao xây dựng và đào tạo cho được một đội ngũ tăng chúng có trình độ đại học để đáp ứng với nhu cầu hoằng dương Phật Pháp trong vòng hai thập niên sắp tới, khi thế hệ người già đến chùa chỉ để lễ bái, cầu khấn, được thay thế bởi những người trẻ không còn thông thạo tiếng mẹ và chỉ muốn tìm thấy qua tôn giáo, những chân lý thuyết phục được họ, đem lại cho họ niềm tin và hy vọng về sự hoàn thiện bản thân hoặc trả lời được các câu hỏi nhân sinh cần lý giải.

Viễn kiến thức thời của một vị trong hàng ngũ lãnh đạo tinh thần Phật tử đánh thức trong tôi niềm hưng phấn và kỳ vọng trước tiềm năng phát triển lớn mạnh của Phật Giáo không chỉ dừng ở các nghi lễ cúng bái, tụng niệm, mà còn mở rộng chánh pháp, nhằm bảo vệ và giải thoát con người ra khỏi sự thúc bách ngày càng gay gắt của một thế giới vật lý trên đà tiến hóa gia tốc.

Sau bữa cơm chay thanh đạm, khi đi qua chánh điện vào lúc hai giờ chiều, tôi ngạc nhiên nhìn thấy Gia Đình Phật Tử tráng niên, trong đồng phục tề chỉnh, đang sinh hoạt rất nghiêm túc và đông đảo. Đây không phải là lần

đầu tôi được cơ duyên nhìn thấy các đoàn viên Phật tử sinh hoạt trong khuôn viên một ngôi chùa trên nước Mỹ nhưng ở đây, sự trang trọng, trật tự, nhiệt tình và tinh thần tập thể của những người trẻ quả đã làm tôi xúc động khác thường. Các túi lưng của họ xếp ngay ngắn ngoài tiền đình, chứng tỏ người lãnh đạo đã bắt đầu từ một chi tiết nhỏ nhặt nhất để hướng dẫn các đoàn viên kỷ luật với đội ngũ và với chính mình, trao tặng các em bài học vỡ lòng về sức mạnh hợp quần, đức khiêm cung và lòng nhẫn nại.

Trong bối cảnh một xã hội ra sức cổ xúy nếp sống tự do cá nhân, biểu thị qua nhiều hình thái sinh hoạt kỳ quái và thác loạn, giữa cơn lốc Internet đang đem lại nhiều hậu quả tha hóa khốc liệt, nhìn thấy cảnh tượng những người trẻ Việt Nam vẫn tỉnh thức, kiên trì soi rọi bản thân, đi tìm minh triết trong cuộc sống, tôi thật mừng rỡ và hết sức tán thán công đức của tất cả những ai đã đem thiện duyên của chính mình san sẻ với người khác, đã chân thành lựa chọn một vài việc trong tầm tay rồi nỗ lực thực hiện thay vì rao giảng ngụy tín.

Buổi chiều đầu xuân ở Sugarland vẫn còn những cơn mưa mau và nhẹ, như kiểu mưa rươi ở Việt Nam. Gió trên sân chùa se sắt lạnh. Từ hành lang chỗ đầu hồi bên hông chánh điện, tôi nhìn thấy bóng chiếc áo khoác ngoài màu xanh lam của Thượng Tọa Viện Chủ di động nhẹ nhàng. Tôi tự hỏi khoảng cách giữa một vị cao tăng và một chúng sinh trong đời thường được minh định bằng cái gì? Sự tình cờ của số phận, một quan niệm khôn ngoan về hạnh phúc có cái tên gọi nhuốm mùi tôn giáo là

trình độ giác ngộ, một tâm lượng từ bi tích lũy từ nhiều tiền kiếp như một mật tích hay còn cái gì khác nữa?

Biên giới giữa Đạo và Đời mong manh như một cánh bướm vỗ. Trong mắt tôi, giữ cho được cái mong manh bay bổng ấy là một mầu nhiệm. Lát nữa thôi, khi tất cả Phật tử và du khách ghé qua chiêm bái chùa đã lui bước, trả lại sự tịch mịch trong thiên nhiên cho từng viên ngói, từng viên gạch, từng khóm lá và hồ nước quanh đây, tôi bỗng có cảm tưởng ngần ấy thứ sẽ thong dong hít thở cả khối lượng khí trời uyên nguyên, an lạc, để tái tạo một nguồn sinh lực mới dành cho ngày hôm sau.

Từ thăm thẳm đáy lòng âm u của một người tỵ nạn buồn bã như tôi, chợt thấp thoáng cái hình ảnh tuyệt đẹp trong hai câu thơ rạng ngời xuân ý của thiền sư Thích Mãn Giác:

"Đã tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai"

Cali 4-97

Hawaii Và Quê Hương

Đang lúc buồn chán thì có lời đề nghị đi Hawaii chơi một tuần. Câu trả lời dễ dàng, không cần một giây suy nghĩ là "tại sao không"? Bỏ mấy cái áo thun vào chiếc vali nhỏ, mượn cô con gái vài cái quần đùi, chai dầu chống nắng, xếp thêm cái váy dài phòng khi có đi đâu cần tới chút hình thức, thế là xong hành lý đi Hawaii, thật rẻ tiền và giản tiện, hơn đi bất cứ chỗ nào khác trên trái đất này.

Trên chuyến bay hướng tới một nơi giờ giấc chậm hơn Cali ba tiếng đồng hồ, đã 8 giờ rưỡi tối mà phi cơ vẫn đang di chuyển trong một không gian sáng trưng, trên lưng những tầng mây chan chứa nắng.

Giữa Honolulu phồn hoa náo nhiệt, Maui với nhiều tiện nghi du lịch hiện đại, chúng tôi chọn Kona thuộc Big Island, của biển, của núi lửa, của thác, của hang động, của đồi cao lũng thấp, nương rẫy bạt ngàn, của thiên nhiên hoang dã và của tất cả lịch sử tạo dựng Hawaii.

Máy bay đáp xuống phi trường quốc tế Kona lúc chập choạng tối. Gọi tên thế nhưng phi trường chỉ gồm mấy

gian lều lợp lá, loanh quanh bên vài lối đi lát xi măng quanh co. Trời nóng hầm hập. Mồ hôi bắt đầu rịn ở chân tóc và tay chân. Đèn đường mầu vàng đục, soi sáng hai bên bờ lề thấp thoáng bóng cây, gợi nhắc những cột đèn ban tối ở Việt Nam với các cô bán bắp hay chuối nướng ngồi quạt than chào khách. Quang cảnh có chút gì lẻ loi, buồn bã và thân quen, khiến lòng tôi thiện cảm với nơi vừa đặt chân tới.

Rời khỏi chỗ mướn xe ngay bên kia con đường nhỏ, chúng tôi trực chỉ đến khách sạn Hilton nằm trong khu làng Waikoloa, cách sân bay khoảng 20 dặm. Xa lộ chật, chỉ có hai lane cho hai chiều xe lên xuống. Muốn qua mặt nhau, phải chờ đến chỗ đường bằng phẳng, nhìn rõ phía trước, nếu trống thì vượt. Chỉ mới hơn 8 giờ tối ở Hawaii mà đường đã thưa thớt xe. Xa lộ trải mình giữa đồng không mông quạnh tối đen. Biển ở bên trái, núi bọc theo ở bên phải. Thỉnh thoảng lắm mới có một vùng sáng đèn sát mé biển, báo hiệu một khách sạn hay một trung tâm giải trí. Tuy nhiên từ ngã ba xa lộ quẹo trái vào làng Waikoloa, phong cảnh lập tức trở nên mỹ quan với những công trình kiến tạo nhằm thu hút du khách từ xa đến thường có sự bối rối lựa chọn một nơi ở giữa quá nhiều lựa chọn trong tầm tay.

Khách sạn Hilton chiếm một diện tích rộng 160 mẫu tây, trải theo hình cánh cung lượn vòng quanh bờ biển, có 1200 phòng lúc nào cũng đầy khách, gồm ba khu vực chính đáp ứng các tiện nghi giải trí khác nhau. Phương tiện di chuyển giữa các khu vực này, ngoài cách tản bộ, có xe điện monorail cứ sáu phút là có chuyến ghé qua trạm lấy khách và nhiều tàu nhỏ chạy trên vòng đai nước bao

quanh khách sạn. Đến đấy vào lúc nửa đêm, bước chân xuống chỗ cầu tầu mờ nhạt ánh đèn vàng, nghe tiếng nước vỗ sóng sánh bên mạn con tàu vừa đáp lại, du khách lập tức có cảm giác thơ mộng của một chuyến đi dài. Dọc theo giải kênh đào đầy cá, thỉnh thoảng nổi lên một khóm rừng nhỏ rậm rạp các loại cây xanh nhiệt đới, đặc biệt nhất có cả những cây đùng đình lá xòe ra như cái quạt gấp bằng giấy, to bằng cái mẹt. Phòng ngủ của tôi trông ra một khóm rừng như vậy nên từ năm giờ sáng, mặt trời mới hừng hừng bên ngoài rèm cửa, tiếng chim ríu rít như cả ngàn cái phong linh cùng khua dưới gió, đã nao nức đánh thức mọi người.

Ngồi ngoài bao lơn ngắm biển một lúc rồi chúng tôi kéo nhau xuống hồ bơi. Trên đường đi, đã nghe tiếng những thác nước nhân tạo đổ ì ầm xung quanh các hốc đá dựng thành hang động ngang dọc, cắt hồ bơi thành nhiều khu. Phía sau cây cầu gỗ uốn cong là chỗ trượt nước thoải từ cao xuống thấp, giữa một vùng thảo mộc xanh tươi. Hồ tắm nước nóng nấp bên một sườn núi nước tuôn rào rạt. Một chiếc cầu treo đong đưa nối liền hai phía hồ bơi. Qua cầu, con đường lát gạch bọc theo eo biển ở dưới thấp. Ngay đầu cầu có một nhà lục giác bằng gỗ, là nơi du khách có thể vừa nằm để thưởng thức thiên nhiên và gió biển, vừa thưởng thức thú xoa bóp do các chuyên viên của khách sạn phục vụ theo hẹn. Con đường khá dài, rải rác đó đây có những bức tượng Phật bằng cẩm thạch, cao hơn đầu người, tượng các tiên nữ. Bên ven đường, những con cá chép to bằng đồng sơn đen, bụng đựng đầy cát, miệng há to, được chôn xuống đất để làm cái gạt tàn thuốc. Dưới các gốc dừa, nhiều chiếc võng đủ cho hai người nằm,

thảnh thơi chờ khách, nhiều chiếc lều lót đệm đủ cho từng đôi, ẩn mình trong bóng mát của những tàng cây xanh và ngó mông ra biển hay ngó mông xuống khu hồ nước cho thuê thuyền hoặc pédalo. Cũng con đường này sẽ đưa khách vòng trở về phía trong khách sạn, qua vài cây cầu gạch hình bán nguyệt. Một hành lang dài trưng bày đủ loại cổ vật thẩm mỹ của văn hóa Á Châu, nhiều nhất là tượng đức Phật Quán Thế Âm, làm vui mắt những người khách muốn đi bộ. Khách sạn có mười quầy bán rượu, một khu ăn uống theo kiểu buffet, một nhà hàng nấu kiểu Ý Đại Lợi, một nhà hàng nấu kiểu Nhật, một khu ăn tối lộ thiên ngay sát bờ biển, dưới ánh sáng những ngọn đuốc đặt rải rác trên sân, nhiều tiệm bán cà phê, kem, bánh ngọt và giải khát, nhiều khu shopping để du khách sắm sửa và mua kỷ vật, nhiều phòng lễ hội lộng lẫy, sân golf và quần vợt. Đại sảnh của khách sạn nhìn ra một tiền đình mở lên những bậc thềm cao, trang hoàng bằng những cây cột năm người ôm không xuể, gợi nhắc cung cấm của triều đình La Mã vĩ đại thuở xưa.

Ở đây hết ngày thứ ba thì chúng tôi rời đi một nơi khác. Trước khi vào xa lộ, bên trái lối ra của khách sạn Hilton là một khu mua sắm lớn. Dưới ánh nắng ban ngày, tôi nhìn thấy những cây bông sứ hoa nở từng chùm trắng nõn như bông sứ ở Huế, những cây bàng thâm thấp, tàn lá xòe ra và màu lá nâu đỏ pha đốm xanh như những cây bàng tuổi thơ của tôi ngày nào trong xóm Trường Trạch. Tôi xuống xe, đi quanh một gốc bàng, tìm nhặt một trái rụng và đưa lên mũi. Chẳng thấy hương vị gì, tôi thử cắn vào cái vỏ màu vàng mơ và bằng lòng bắt gặp lại cái mùi thơm hăng pha lẫn chút ngọt lợ của trái

bàng thời trẻ dại. Tuy vậy, tôi không ăn hết trái bàng mà tôi vừa vồn vã nhặt lên tay. Trái bàng vẫn nguyên thế, chỉ có tôi không còn là tôi năm mươi tuổi, bụng lúc nào cũng đói và ăn cái gì cũng ngon. Xa lộ trải đi giữa đất đá màu xám đen hoang vu. Có nhiều người yêu nhau khi qua đây đã dừng xe lại, nhặt những viên sỏi trắng và xếp thành tên họ bên nhau, trên khắp các mô đất. Có người vẽ trái tim, có người vẽ thánh giá, nhiều cuộc tình chắc đến nay vẫn còn xanh, nhiều cuộc tình có thể cũng đã vùi chôn trên vùng thiên đàng hay nghĩa địa dài mấy chục dặm đường này.

Khách sạn Ritz Carlton nằm lọt sâu phía trong khu đất bên rìa xa lộ, sát mé biển. Khác với Hilton, lối vào Ritz Carlton chưa được khai thác nhiều, chỉ thấy toàn những thân dừa cao vút, không có trái, tỏa bóng ven đường. Khách sạn Ritz Carlton không có những hình thái giải trí vui nhộn và đa dạng như bên Hilton. Nó như một dinh thự lớn của những nhà quí tộc, phòng ốc yên lặng, trang trí với đèn pha lê, thảm thêu treo tường và đồ gỗ cổ. Tôi chỉ mê cái cầu thang bằng cẩm thạch trổ vân mầu hồng mà mỗi bước chân dẫm lên cho tôi cái cảm giác mình đang đi giữa một rừng hoa đào tươi mát đến ớn lạnh.

Chỗ lưu ngụ vài ngày cuối cùng của chúng tôi là khách sạn King Kamehameha, nơi còn giữ những di tích lịch sử của các vị vua khai sáng quần đảo Hawaii. Càng đi về phía Nam phi trường, cảnh trí thiên nhiên càng trở nên nhuần nhã êm ả hơn, phố xá sầm uất và gia cư đông vui hơn.

Bao lơn phòng ngủ của tôi trông xuống cái vũng biển cát trắng mịn nằm giữa một bên là an dưỡng cung ngày xưa của vua Kamehameha, một bên là cầu tàu được xây cất để đáp ứng nhu cầu tàu bè từ mọi nơi ghé qua. Thành phố Kailua này cho mướn thuyền độc mộc để khách chèo ven biển, xe gắn máy cỡ lớn và cỡ nhỏ để khách rong chơi phố phường, trên một hệ thống đường sá và xa lộ khá mở mang. Buổi sáng, buổi chiều đi dạo bờ biển, nghe tiếng chim cãi nhau vang lừng trong các tàn cây rộng. Nhìn xuống kè đá, xác những con cua nhỏ đỏ ửng, nằm chết dưới nắng. Những nàng cua xinh xắn này hẳn đêm qua, đêm kia, đã khờ dại ham vui, nương theo thủy triều bất định đến đây rồi bị bỏ lại. Ở thành phố này, tiệm ăn nào cũng đặt bàn ngay bên mép biển. Gió biển dịu mát, ướp hương vị biển lên mái tóc cùng hai cánh tay và đôi chân để trần của mọi người. Du khách sẵn lòng bỏ tiền ra mua những vòng hoa tươi đội đầu hay đeo cổ, thưởng thức vẻ đẹp sống động của hoa lá trong một ngày hai vài giờ. Nhiều người mua những tấm áo sặc sỡ kiểu Hawaii hoặc những tấm xà rông chỉ mặc một lần ở đây rồi thôi. Ở người du khách, có cái hạnh phúc tận cùng của sự tình cờ thoáng qua, không đòi hỏi bền vững. Có phải vì vậy mà những ai đi du lịch nhiều thường sống nhẹ nhàng và phóng khoáng chăng?

Ngày cuối cùng của chuyến du ngoạn Hawaii, chúng tôi đi thăm các khu thác nước ở phía bắc Big Island và các bãi biển cát đen, cát xanh, cát trắng ở phía nam.

Không giống thác Niagara rộng lớn và thuần hậu của nước Mỹ, không giống Gougah hoặc Prenn thơ mộng và êm ả của Đà Lạt Việt Nam, thác Akaka của Hawaii hung

hãn đổ nước từ một chiều cao hiểm trở khoảng 500 feet, nhìn mỏi mắt, xuống những vực đá đen ngòm, giữa một thiên nhiên lạnh lùng, hoang dã. Con đường mòn cho du khách đi được tạc vào sườn núi đối diện với thác, lên xuống ngoằn ngoèo giữa cây cỏ nhiệt đới và hoa xương rồng hay hoa dại. Ổi hoang ở đây rất ngon, thơm và ngọt, ruột ổi màu hồng đào, khác hẳn ổi bán ở các chợ trái cây, chua loét, chẳng biết vì sao?

Ra khỏi chặng xa lộ vắng vẻ chạy giữa những vùng nham thạch đen xì, có một quãng chừng năm hay mười dặm với những thân cây khô vàng, nghiêng rạp về một phía do sức gió thổi ra hướng biển nhiều năm, chúng tôi đi dần về phía nam Big Island. Quang cảnh hai bên đường đi càng lúc càng trở nên tươi vui và ấm áp với nhiều nhà cửa kiến trúc theo kiểu Mỹ trên những sườn đồi cao phía trái hoặc trên những lưng đồi quay ra biển lớn, những đồn điền cà phê, đu đủ và hạt dẻ, ngay hàng thẳng lối, lá xanh um, bóng loáng như tắm dầu. Thiên nhiên ở đây phô bày tất cả sinh lực mượt mà, vạm vỡ và vẻ đẹp hoành tráng của Tạo Hóa. Dưới ánh nắng vàng phả vào màu xanh êm mát của cỏ cây, dường như không gian đâu đâu cũng rạo rực chồi non, lá nõn, là sức sống trường tồn tái tạo cái mới trong từng phút giây bên cạnh sự mong manh của kiếp người. Trên một lưng đồi nghiêng, những bụi cây thấp, tròn trịa như được cắt xén và xếp đặt bởi bàn tay người, tạo ra quang cảnh một công viên trải theo chiều đứng, trông rất lạ mắt.

Xa lộ ở Kona chỉ có hai lane ngược xuôi. Càng gần đến biển, đường càng chật lại, khi rẽ vào lối xuống bãi, chỉ còn độc đạo. Xe vào, xe ra lắc lư nhìn thấy nhau từ

đàng xa, người vẫy tay chào và một xe nép vào vệ cỏ chờ cho xe kia qua. Bãi cát đen tuyền, óng ánh như bụi than. Một con rùa to hơn cái mẹt, nằm yên trên bãi cho du khách nhìn ngắm và chụp hình. Vài con khác nô đùa với sóng nước, giữa các kè đá thấp. Mấy gian quán bán đồ kỷ vật địa phương, đầy màu sắc hoa hòe hoa sói, được du khách Nhật chiếu cố đông đảo bên cạnh những tấm quảng cáo mời du khách tham dự các nhóm đi lặn. Sau gần một tuần lễ ở Kona, đây là lần đầu tôi nhìn thấy một cây dừa có trái. Mặc dầu Hawaii được nhìn thấy trên các bưu ảnh như là một xứ dừa thế nhưng ở những nơi tôi đi qua trong mấy ngày vừa rồi, tôi chỉ được ngắm những tàu dừa phản chiếu nắng trên những thân dừa trông giống những cái cổ gầy nhom, thẳng đuột, không có trái. Dọc đường, không có nơi nào bán nước dừa tươi như ở Sài Gòn. Có một lần, trong khu chợ trái cây, tôi nhìn thấy chừng năm bảy quả dừa, da nâu tím, nằm lăn lóc trong cái thùng giấy cắm cái bảng giá 4 đô la một trái, như một thức ăn xa xỉ so với đu đủ rất ngọt 70 xu, mít dài chừng năm tấc 7 đô la và chuối cau hay chuối mật mốc 2 đô la cả nải.

Giữa đám du khách qua lại đông vui, có một ông da trắng, đầu hói, nhúm tóc còn lại màu vàng hoe, nằm ngủ ngon lành dưới một gốc dừa, hai bàn tay kẹp giữa hai đầu gối, đôi xăng đan để bên cạnh cái túi du lịch nhỏ. Tôi đoán ông là người một năm phải đôi ba lần chạy trốn cái cubicle mỗi bề hai thước cọng với cái máy điện toán lồng lộn như ngựa vía của ông ở lục địa Hoa Kỳ. Một phụ nữ trẻ, ngồi canh cho ông ngủ, chắc là vợ hay người tình. Trên đường về, chúng tôi tạt qua bãi biển cát xanh.

Đường đến đây quanh co, khúc khuỷu, không khí phảng phất mùi phân bò như ở miền quê Việt Nam. Chúng tôi đi qua một quãng đồng trống có những cây quạt nước khổng lồ đứng sát mé lộ, nghe tiếng gió bị lùa đi, vang âm âm như những sợi dây đàn. Nhà cửa dân cư thưa thớt và tiêu điều, sân nhà ngổn ngang những xác tàu cũ han rỉ. Đường có chỗ rẽ vào những ngõ sâu, cây cối rậm rạp, không thấy vết tích người ngoài một dãy thùng thơ đứng bên vệ cỏ, có cái to gấp năm sáu lần những cái thùng thơ thường thấy ở bên Cali, chắc là để nhận những gói quà mà người bưu tá khó mang vào tận bên trong nhà.

Buổi tối cuối cùng, chúng tôi đi Keauhou Beach, ăn tối ở một nhà hàng chuyên bán thức ăn hải sản, cách nơi ở chừng hơn mười dặm. Con đường hiu hắt, còn sót lại cái ẩm lạnh của cơn mưa ban chiều trên mặt nhựa loáng nước và đầy những xác lá vương vãi, gợi nhớ mùa thu se sắt ở quê nhà. Bãi đậu xe mênh mông không còn một chỗ trống, phải đợi đến khi có người rời đi mới chen được vào.

Phòng ăn trông ra một hồ nước lớn, đèn cực sáng từ ven hồ hắt lên những cây bông sứ, làm cho màu lá xanh biếc và những chùm hoa trắng đến gây lạnh. Tôi nhớ những cây sứ cũ ở Khiêm Lăng, ở sân chùa Diệu Đế, lòng có chút ngậm ngùi như khi gặp lại một người bạn lâu năm, tuy hình hài, vóc vạc có mừng tủi nhận ra nhau nhưng tình quả đã muôn vàn cách biệt.

Thông thường, bất cứ một nơi chốn đi qua nào cũng để lại dư vị. Dư vị của Hawaii là phong thái sống an nhàn và hồn hậu của người thổ dân địa phương. Đến Hawaii, tôi biết yêu cái hạnh phúc rực rỡ của những vòng hoa đội đầu chỉ tươi đẹp trong một ngày ngắn ngủi, cái

sức sống tràn trề, căng phồng nơi những tấm xà rông chỉ mặc một lần, trong vài giờ, trên những hè đường đi qua không hẹn trở lại, cuộc sống nghệ sĩ của những nghệ nhân say mê, cặm cụi, gọt từng viên đá, cắt từng miếng kiếng để làm thành nhiều tác phẩm nghệ thuật chỉ mang đến cho họ những buổi sớm mai nghe tiếng chim hót vang lừng bên dưới các vòm cây thả bóng mát và gió xuống những khu chợ trời mà họ góp mặt như để vui chơi giữa cuộc đời hơn là để kiếm tiền.

Dứa ở Kona thơm và ngọt đậm đà như dứa Bến Lức, trên đường đi Mỹ Tho. Đu đủ ở Kona có hương vị in hệt đu đủ của những bà bán rong gánh cái tủ đá nhỏ ngồi đó đây trên những hè đường Sài Gòn ngập nắng. Kona có hoa phượng đỏ, những nóc nhà tỏa khói hoàng hôn và những ngọn cau gợi nhắc quê nhà. Đi chơi Hawaii để nhớ Việt Nam thân yêu bên kia bờ Thái Bình Dương.

Chống Sự Ác

Chuông điện thoại reo. Tôi lau vội hai bàn tay vào cái khăn máng ở cửa cái bếp lò rồi chạy đến nhấc ống nghe. Tiếng người bạn văn bên kia đầu dây:

– Bạn đang làm gì?

Tôi hơi miễn cưỡng:

– À, đang dọn dẹp nhà bếp.

Người bạn cười khẩy trong điện thoại nhưng giọng nói của anh sôi nổi và nồng nhiệt:

– Bao nhiêu điều hay ho, mới lạ, to tát ở ngoài kia, không chạy ra vểnh tai mà nghe, mở mắt mà nhìn, lại đi lau dọn nhà bếp.

Tôi chép miệng:

– Thì cũng phải thực mới vực được đạo chứ!

– Thực ba trăm sáu mươi lăm ngày một năm mà thực mấy chục năm rồi, vực được những gì nào?

– Anh vẫn làm nghề bán lưỡi câu đấy ư? Làm ơn nói cho tôi biết cái gì mới lạ, hay ho và to tát?

Bạn tôi đổi giọng vô tư:

– Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện.

Tôi vỡ lẽ:

– Ôi! Ai, tận ngõ ngách nào, mà lại không biết thi sĩ Nguyễn Chí Thiện!

– Thì sao?

– Thì ngưỡng mộ, khâm phục, chứ sao với trăng gì?

– Tại sao? Đừng có đổ cho cộng đồng muốn mọi người hợp ca cung nghinh thần tượng nhé!

– Tôi không đổ cái gì cho ai cả, nhưng tại vì ông ấy chống cộng.

– Cộng đồng chúng ta ở đây thiếu gì người chống cộng?

– Nhưng ông ấy táo bạo, can đảm.

– Lý Tống, Võ Đại Tôn, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính v.v... không táo bạo, can đảm à?

– Nhưng ông ấy ở tù gần hết đời người...

– Biết bao nhiêu người ở tù không có đường về, nói chi tới chuyện đi Mỹ?

– Thì để yên một chốc cho tôi suy nghĩ thêm. À, tại vì ông ấy chống sự ác.

Bên kia đầu dây, bạn tôi cười sảng khoái:

– Mò mẫm mãi rồi cũng phải bắt được đài.

Quả thật, chống cọng chỉ là một phần trong cái chống lại sự ác vì chống cọng còn phải khoanh vùng và còn có những người không chống nhưng người ta chống lại sự ác ở bất cứ đâu và không ai là không chống lại sự ác trừ phi chính họ là sự ác. Cho nên chống sự ác mới đích thật là cái chống cao cả, mở đường cho con người đạt đến tiến bộ và hạnh phúc. Đảng Cọng Sản Việt Nam có thể viện dẫn học thuyết này, tư tưởng nọ để bênh vực những việc họ

làm nhưng họ viện dẫn cái gì để đàn áp, tiêu diệt những con người chống lại sự ác?

Thế cho nên có nhiều nhà thơ Việt Nam, từng trải qua tù ngục cọng sản, đến Mỹ trước thi sĩ Nguyễn Chí Thiện nhưng quốc hội Mỹ mời thi sĩ Nguyễn Chí Thiện điều trần về nhân quyền vì tiếng nói làm rung động thế giới của ông chỉ nhân danh một con người yêu cái thiện, chống lại sự ác. Tiếng nói ấy không chỉ nhằm tiêu diệt kẻ thù của một hoàn cảnh chính trị hay một giai đoạn lịch sử, nó nhằm tiêu diệt một kẻ thù lâu dài, ở khắp nơi, dưới mọi bộ mặt giả hiệu: đó là sự ác.

Hãy để cho tiếng thơ của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện dõng dạc cất lên theo cái cách mà trái tim ông cảm nhận, mà ngòi bút ông xác tín viết ra. Tiếng thơ chân thật ấy là nhịp cầu liên kết những tấm lòng, mở màn cuộc thánh chiến chống kẻ thù duy nhất và cực hiểm của loài người: sự ác.

Vấn đề còn lại là làm sao nhận diện sự ác? Sự ác phải chống trước tiên là những cái nhãn hiệu giả dối, lòe bịp. Nhận diện đúng rồi, bảo cho nhau, ai cũng biết, cũng cất tiếng thì sự ác không còn đất dung thân. Nhận diện không đúng, nói không có người nghe, là đánh gió, đánh nhau, ngày càng tắc tị. Kêu gọi người ngoài nhập cuộc là hoang tưởng, biểu lộ tinh thần nô lệ và sự bạc nhược.

Trong hoàn cảnh đất nước và dân tộc ta hiện nay, cuộc chiến nhận diện sự ác để triệt tiêu nó thật vô cùng cấp bách vì nó quyết định sự hưng thịnh hay sự lụn bại của bảy chục triệu người Việt Nam bên này và bên kia biển Đông.

Thế nhưng khổ thay! đây lại là một cuộc chiến thập phần gai góc vì sự ác thường ngụy trang dưới những cái mặt nạ mỹ miều, khiến có khi trông lầm tưởng là bằng hữu.

Nhìn Lại Quê Hương

Tôi vẫn biết cho đến lúc nhắm mắt lìa đời, thế nào tôi cũng sẽ phải trở lại Việt Nam một lần. Lý do: tôi còn để lại ở Huế ngôi mộ của nghiêm đường không người phụng tự, tôi còn để lại ở Sài Gòn tro cốt đứa con gái đầu lòng mắc nạn trong một chuyến vượt biên, tôi còn quê nội và quê ngoại ở miền Bắc chưa bao giờ đặt chân đến...

Rất bất ngờ, cuối tháng hai vừa qua, tôi bắt buộc phải thực hiện chuyến đi do điều kiện ở chỗ làm việc. Đặt mua vé trong sự thắc thỏm về thủ tục nhập cảnh không biết có trắc trở gì không, cuối cùng, nửa đêm thứ ba ngày 21/2, anh em tôi cũng đáp được chuyến bay của Pacific Cathay rời phi trường Los Angeles đi Hồng Kông. Sau mười lăm tiếng đồng hồ thức ngủ mơ hồ, vạ vật giữa những bữa ăn uống nhỏ được các nam nữ tiếp viên phi hành phục vụ thành thạo, chúng tôi quá cảnh phi trường Hồng Kông để đổi qua tàu bay Hàng Không Việt Nam bay vào Sài Gòn.

Mặc dầu mang danh hiệu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, lúc phi cơ hạ cánh, nhìn qua cửa sổ, hành khách

trông thấy cảnh tượng hoang tàn phơi bày trước mắt: đường băng cũ, nứt nẻ, được dặm vá lại. Cây cỏ úa vàng cao quá đầu người. Những dãy nhà kho từ thời trước 75 rách nát, rêu mốc, mở toang hoác các vòm sâu đen đúa, hoang phế. Đó đây, vài chốt kiểm soát xây bằng gạch nay không còn dùng vào việc gì, đứng gãy gục ven bờ thành. Hai người mặc quần áo bộ đội, xiêu vẹo đèo nhau trên cái xe đạp chạy luồn theo bờ cỏ dẫn ra phía sau, có lẽ có một xóm nhà nào đó đã mọc lên ở mé ấy để làm nơi trú ngụ của họ, những thị dân mới, được đưa đẩy đến đây do thời thế.

Thủ tục hải quan và kiểm soát hộ chiếu rất dễ dàng và nhanh chóng. Tờ khai được phát để điền trước trên máy bay, chúng tôi chỉ mất chừng ba phút là qua cửa khẩu kể cả tôi phải trả lời người công an trẻ tuổi câu anh ta hỏi "cô sinh ở đâu?" Tôi hiểu sở dĩ có câu hỏi này là vì trên sổ thông hành của tôi, tôi chỉ khai nơi sinh là Việt Nam. Có vẻ như anh ta chỉ coi qua loa giấy tờ nhưng tôi biết chắc không một chi tiết cần thiết nào lọt qua đôi mắt đã được huấn luyện nghiệp vụ kỹ lưỡng của anh.

Trên đường trở ra khu thân nhân đi đón, một người đàn ông ở quãng tuổi 40, về bằng cùng chuyến bay với chúng tôi, đã uống rượu say mèm trên đường đi và nay đang dằng co với công an sân bay, không chịu ngồi xe lăn do họ đem tới để di chuyển ông. Ông ta bò lê bò càng trên đất, cãi cọ, chửi bới. Công an cấp dưới báo cáo cấp trên. Mọi cấp đều lúng túng ra mặt vì hẳn là họ không có chính sách chỉ đạo nào rõ ràng để đối phó với một tình huống bất ngờ như thế. Trong đám đông lao xao, có tiếng ai đó bình luận "Tay này chắc là có tâm sự cay đắng gì ở

bên Mỹ đây, vợ bỏ hay thất nghiệp nên về nước phá bĩnh". Không ai bàn bạc gì thêm nữa, tôi tự nghĩ "Vợ bỏ hay thất nghiệp thì ở đâu chả có? Thế nhưng một người với phong cách ứng xử như ông ta, quả thật rất khó hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ".

Làn sóng người đã đẩy anh em tôi ra đến cái khoảng sân đất có những tấm rào cản bằng sắt quây kín ba phía để ngăn chặn người đi đón tràn vào. Tôi nhìn thấy bà chị dâu nhờ chiều cao của bà cùng với một bàn tay cầm bó hoa hồng nhỏ, vẫy vẫy. Tôi nhìn thấy ông anh ngoài 80 tuổi của tôi bị ép sát vào hàng rào như một con thằn lằn mỏng tang màu trắng bạc. Rồi tôi cũng nhận ra các cháu khi chúng ùa đến để mang vác dùm hai cái vali.

Có lẽ xe đón chúng tôi đã chạy ra lối cổng Phi Long cũ, ngang qua dãy hàng quán nằm trên đường Hoàng Văn Thụ, vào thời khoảng 1985, thường bày ra lề đường vài cái ghế nhựa nhìn ra khu công viên cứ chập tối là thấp thoáng bóng những nàng kiều nữ thời đại lả lướt bán hoa. Giờ đây, khu công viên không còn nữa. Trong một thành phố đau khổ vì nạn nhân mãn, người ta không còn dung dưỡng được hình thái chiếm ngự lòng đường xa xỉ cách đó. Tất cả cho người đi, xe chạy, gọi là "sự giải tắc". Cho nên, tôi lạc phương hướng, mất mọi chỉ dấu quen thuộc, chấp nhận nhìn thành phố bằng đôi mắt một người du khách nhìn lần đầu nơi mình đặt chân qua.

Dọc đường từ đây về đến nhà anh chị tôi ở phường 14, quận 10, phố xá dày đặc xe gắn máy đan kẽ với xe hơi và bộ hành, còi xe bấm liên tu bất tận. Nhà cửa hai bên đường không một căn nào đóng cửa hay bỏ trống. Bảng hiệu kinh doanh đủ mọi ngành nghề đập vào mắt người

qua lại, có cả danh xưng “Trang trí nội thất” mà chúng ta nghe quen ở ngoài nước. Đó đây có những khu bán hoa chậu, cây cảnh, dụng cụ làm đẹp sân vườn, kiểu các nurseries của người Mỹ. Chắc chắn đây là một trong những ý kiến làm ăn du nhập vào Việt Nam qua cửa ngõ đi về của Việt kiều hay dân từ trong nước ra tìm hiểu thị trường.

Phụ nữ di chuyển ngoài đường mang găng tay cao tới khuỷu, đội nón vải, khăn mùi xoa buộc mặt như hiệp sĩ Zoro, tả xung hữu đột không kém gì nam giới để cướp đường lưu thông. Nhìn vào tình hình xe cộ hiện nay ở Sài Gòn, ai cũng phải nhìn nhận ngay rằng người lái xe hằng ngày qua các đường phố nơi này là những người tài xế giỏi nhất thế giới. Không ở đâu mà bản năng sinh tồn và nhu cầu kiếm ăn của con người lại có thể song hành, hòa nhập vào nhau nhuần nhuyễn, tuyệt diệu đến như vậy. Người ta không thể dừng lại một giây khắc nào trong cuộc chạy đua mưu sinh đồng thời cũng hiểu rất rõ rằng họ có thể gục ngã bất cứ lúc nào giữa tốc độ cơn lốc xoáy kinh tế kia. Liều lĩnh, gan dạ, thách đố, chấp nhận. Sự chịu đựng, khả năng thích nghi của dân tôi là vô tận. Vài thập niên trước, người vượt biên đi tìm sinh lộ bằng đem thân vào chỗ chết. Giờ đây, những cuộc vượt biên ấy, dưới một dạng thức khác, vẫn đang tiếp diễn hàng ngày trên các con đường giao thông không một chút an toàn, không còn kiểm soát được, của thành phố Sài Gòn. Mục tiêu những chuyến đi nguy hiểm kia đã rút ngắn lại, không còn là một bến bờ hứa hẹn những điều tốt đẹp cho tương lai mà chỉ là chút phương tiện chật vật đủ cho một ngày sống đạm bạc của gia đình.

Tất cả những ai còn đi đứng được đều đổ xô ra ngoài đường. Các khu cư xá cũ biến thành những thị trấn đông đúc, hàng quán đủ loại. Những con đường xưa yên tĩnh, ngăn nắp, vuông vắn, chạy qua những căn nhà xây cùng một kiểu, cửa đóng hiền hậu, nay trở thành các trục lộ giao thông bụi bặm, dơ bẩn, với đủ kiểu kinh doanh hè phố: bún bò Huế, sinh tố giải khát, video cho mướn, tiệm thuốc tây, giặt ủi... Đó đây có những ngôi nhà mới cất, đồ sộ, lộng lẫy, bao lơn đài các nhô ra trên cái nền tối tăm, lẹt đẹt nhem nhuốc của cả khu hàng xóm kém may mắn, là lời thú tội trơ trẽn về nguồn gốc sự giàu có "khác thường" của chủ nhân những tài sản hi hữu ấy.

Chín mươi chín phần trăm tài xế taxi và xe ôm là thanh niên trong độ tuổi từ 20 đến 25. Tài xế taxi làm việc cho công ty xe quốc doanh, chịu sự điều phối của công ty qua máy vô tuyến. Có em nói để được chạy xe; họ phải ký cược 300.000 đồng Việt Nam cho mỗi ca. Giữa đường phố Sài Gòn đông đảo, hỗn độn, các tài xế nét mặt căng thẳng, chạy xe như những con đồng bị ốp. Họ ít gợi chuyện, trừ khi trả lời câu hỏi của khách. Vài em kể chuyện cười chua chát (nhưng họ không cười) về cảnh sống quanh họ.

Cả Sài Gòn hầm hập cơn sốt kiếm tiền. Tiền như một ám ảnh, một thúc dục, đuổi mọi người chạy lòng vòng, chạy điên đảo, tìm kiếm, thu hoạch nó, bất luận ít nhiều. Có vẻ như mọi người cảm giác đứng trước cơ hội ngàn năm một thuở, phải khua tay động chân, phải quơ quào bằng mọi cách, bằng mọi giá, để được yên tâm là mình đã lọt vào quĩ đạo thời đại. Như thế để làm gì? Không một ai biết hay nghĩ tới cả! Chúng tôi được mời ghé thăm

nhà người bà con ở ngã ba Ga, thuộc khu vực qui hoạch của chính phủ. Gia chủ nấu cháo gà, làm gỏi gà, có cả rượu trắng và la de, đãi khách. Chúng tôi được mời uống trà sau bữa ăn. Trên đường trở ra, đi qua con lộ đất rải rác mấy đống phân người, ngó xuống đường mương chạy song song với con lộ tràn trề rác rưởi, chưa kịp nghĩ gì đã nghe tiếng ai đó giải thích "bây giờ nước đang rút, tới chiều mương sẽ đầy". Bà chị đi sát cạnh tôi bèn nói nhỏ "Khi nào nước dâng, họ sẽ lấy nước vào lu, để nước lóng rồi nấu nướng và giặt rũ". Tôi phải tự trấn tĩnh và hết sức cố gắng để tô cháo và tách nước vừa rồi nằm yên ở cái chỗ tôi đã vô tư đem chúng vào vì tình thân mến đối với người đồng hương. Thửa vườn rộng trồng dừa mà gia chủ thừa hưởng của bao đời tổ tiên nay được giăng dây, cắt ra từng lô nhỏ, sẵn sàng bán cho khách mua với giá từ 20 đến 35 đô la một thước vuông. Hỏi "bán đất lấy tiền làm gì?" Trả lời "Không bán, lỡ nhà nước thay đổi chính sách, không cho chủ quyền nữa thì mất hết. Lấy vàng, chôn dễ hơn".

Đêm Sài Gòn bớt nóng. Bộ mặt lam lũ ban ngày đổi sang hưởng thụ. Nhiều người nghèo vẫn tiếp tục cuộc hành trình lăn lóc của họ trong khi những người khá giả, giàu có, cả du khách, rút vào vui chơi bên trong các cơ sở giải trí: tiệm ăn nhậu, cà phê sân vườn, quán karaoke, bia ôm, vũ trường, tụ điểm ca nhạc, phòng tắm hơi, đấm bóp. Phố phường nhấp nháy đèn màu, chẳng bù với thời 80 khi tôi cất bước ra đi, đêm Sài Gòn tối đen, lặng lẽ, u uất như một nấm mồ. Sài Gòn đã đổi mới từ nấm mồ tối qua nấm mồ sáng, mỗi nấm mồ chôn vùi các nạn nhân của riêng nó, vào từng thời khoảng khác nhau.

Lúc chúng tôi từ một tiệm ăn bước xuống vỉa hè, vẫn còn những bà mẹ xanh xao, gầy yếu, bế những đứa bé ngủ vùi trong tay, trên vai, xin tiền, vẫn còn lũ trẻ lấm láp, bẩn thỉu, chầu chực, bám theo xin ăn. Sự đổi mới của Sài Gòn, nếu có, là cơn gió thổi qua mặt hồ thoáng mát, không hề lay động đến tầng sâu.

Chúng tôi rời Sài Gòn đi Huế trên chuyến bay của Hàng Không Việt Nam cất cánh từ Tân Sơn Nhất lúc 2 giờ 20 chiều một ngày chủ nhật. Tuy đường bay chỉ mất một giờ, hành khách cũng được đãi một bánh mì nhỏ nhồi thịt nạc hun khói rất ngon. Ba giờ 15, tiếp viên phi hành loan báo vì lý do thời tiết máy bay bắt buộc phải đáp xuống phi trường Đà Nẵng thay vì phi trường Phù Bài ở Huế. Hành khách sẽ được chở bằng xe ca ra Huế cùng với hành lý của mình.

Trời lất phất mưa nhẹ. Mang vác. Lôi kéo. Văng vẳng có tiếng chửi thề "ĐM, bỏ cả ngàn đô la mua vé từ Mỹ về để chịu như dzầy đây". Hóa ra, người đã qua Mỹ cũng không mấy gì đổi mới và nỗi ám ảnh hàng đầu vẫn là thế lực của đồng đô la! Mấy anh cán bộ trẻ, mặc com-lê, cầm điện thoại di động, chạy loanh quanh như gà mắc đẻ. Họ nói năng lễ độ tuy không thực sự hiểu phương hướng giải quyết tình hình rối ren lúc đó. Cuối cùng thì tất cả hành khách và hành lý đều được chất vào mấy xe ca lớn, trực chỉ Huế.

Thoạt tiên, trong buổi chiều còn thoi thóp sáng, anh em tôi cũng vui lòng được thêm cơ hội đi qua vài vùng quê hương quen thuộc cũ: làng Nam Ô, đèo Hải Vân. Con đường này tôi đã từng ngược xuôi tuần lễ hai lần trong tuổi thanh xuân làm cô giáo tỉnh lẻ. Khác với những năm

60, đèo Hải Vân ngày nay lưu thông hai chiều. Mặc dầu đường chật, quanh co, hiểm nghèo, một bên là vách núi dựng, một bên là vực sâu, mặc dầu cơn mưa bụi kéo dài dưới bầu trời ẩm sẫm đang dìm cả ngọn đèo trong màn khói lam dầy đặc, mông mênh, mịt mờ cỏ cây, trời đất, chốc chốc tài xế vẫn cứ nhấn còi te te, lách qua mặt xe đi trước trên nửa lối đi dành cho chiều ngược lại. Ở cái đất nước sống sót từ chiến tranh cùng những thảm kịch của nó, ở cái nơi mà sự băng hoại lớn nhất là không ai còn niềm tin, con người có khuynh hướng cợt đùa với rủi may hơn là trân trọng gìn giữ sinh mạng mình. Anh em tôi ngồi yên lặng trong nỗi sợ hãi tê dại, buốt lạnh, chịu trận cho đến lúc xe xuống hết đèo.

Đường từ chân đèo về qua Phù Bài rồi vào An Cựu gập ghềnh đầy ổ gà. Lác đác hai bên đường, trước dãy hàng quán cố nhoi vào kinh tế thị trường, vài bóng người khoác tấm nilông làm áo mưa, gò lưng đạp xe hay lầm lũi rảo bước. Mưa đầu xuân phơi phới bay, nhìn thấy trong vùng sáng các trụ đèn đường. Xe ca đổ chúng tôi xuống trước cửa khách sạn Thuận Hóa. Với cảm xúc nôn nao, háo hức, của người về mong hội ngộ cố nhân, chúng tôi chỉ kịp kéo hành lý vào phòng, rửa mặt qua loa rồi kiếm xe chạy quanh một vòng phố trước khi đêm quá khuya.

Những con đường xưa đều khác lạ so với hình ảnh còn ghi trong ký ức tôi. Tất nhiên mọi con đường đều đổi tên. Cầu Tràng Tiền chỉ còn mơ hồ dáng cũ, đã mất đi nét đài các thanh tao trên mười hai nhịp dành cho khách bộ hành, xưa có những chỗ mở rộng ra thành những cái bao lơn tươi tắn soi bóng trên dòng sông. Giờ đây, lan can cầu chạy một hàng thẳng tắp, như cái hàng rào dựng vội

vàng cho có, bằng vật liệu thô sơ của hàng mạo hóa, han rỉ khắp nơi.

Để giải tỏa lưu thông trên cầu Tràng Tiền, người ta phóng thêm cầu Phú Xuân ở đoạn gần Thương Bạc. Trên bức tranh toàn cảnh tuyệt đẹp của giòng Hương Giang kể từ cầu Tràng Tiền đổ lên hướng Kim Long, chiếc cầu mới như một nét vẽ vụng về, ngang bướng, như một vết dao cắt đứt lìa quá khứ thơ mộng trong tấc lòng hoài cổ của những ai còn nặng tình với Huế.

Khách sạn Morin được hoàn trả thân thế xưa, là nơi tạm ngụ của du khách ngoại quốc. Hàng hóa thủ công nghệ bày bán bên trong ghi giá cả bằng ngoại tệ nhưng ngay mặt tiền đại sảnh có một tủ bánh ngọt cho bất cứ ai qua đường muốn nếm lại hương vị bánh Pháp và có khả năng mua. Các cô tiếp viên đội khăn vành, mặc áo lụa Thái Tuấn, có cô không nói tiếng địa phương mà nói thứ tiếng Bắc đậm đặc gia vị.

Đài Phát Thanh Huế và Tòa Đại Biểu chính phủ là hai cơ sở duy nhất còn nguyên kiến trúc cũ. Tôi mủi lòng hình dung ra chiếc xe velosolex của tôi đậu mỗi sáng, mỗi chiều dưới vòm mái hiên vuông vức của đài, cái khoảng sân gạch lộ thiên phía dốc cầu Tràng Tiền mà tôi từng qua đó để ra về sau giờ phát thanh, buồng phổi chứa đầy hương đêm trong trẻo vì cả thành phố đã ngừng sinh hoạt. Tôi mủi lòng hình dung ra quang cảnh bạn bè cùng đứng chụp hình lưu niệm ở buổi lễ tốt nghiệp Khóa I đại học Sư Phạm trên mấy bậc thềm tiền diện Tòa Đại Biểu chính phủ, đêm kịch liên hoan đã diễn ra ở đây với đông vui những người trẻ một thời xanh tươi hy vọng...

Bên bờ lề đối diện, dưới dốc "con đường Nam Giao thẳng mà không bằng", trường đại học Sư Phạm của tôi đã biến thành khu chung cư của cán bộ giáo dục. Cái hành lang năm xưa chúng tôi thường đứng chờ quí vị giáo sư đến, vừa trò chuyện râm ran, vừa nhìn mông lung qua cái công viên nhỏ những buổi sáng đầu hè nắng chiếu long lanh trên các tàng cây xanh, nay đã bị xây kín. Tôi ngỡ ngàng bước lên mấy bậc thềm, đảo mắt nhìn suốt một lượt bên trong. Một anh cán bộ ngồi ngủ gà ngủ gật trong vùng sáng chỗ cửa mở, thấy tôi nhớn nhác nhưng anh ta điềm nhiên không thèm hỏi một câu. Trên cái hành lang một thời tươi vui thơ mộng này, chúng tôi đã nhiều lần nhìn thấy linh mục Cao Văn Luận rảo bước đến lớp trong tấm áo chùng thâm, giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch trong tiếng giày kéo lệt xệt, bà Lê Văn với mái tóc à la garconne và đôi mắt có cái lóng lánh của mặt hồ vào thu, cô Pias tóc bới cao, dáng người đổ nghiêng về phía trước, cái áo sơ mi mầu vỏ cam đem cả mặt trời xứ Huế vào lớp ngữ học.

Có chút gì không thật giữa ký ức còn lưu giữ trong bộ nhớ của tôi và chính tôi, lúc này, đang đứng ở cái nơi tưởng chừng như vẫn là nó trải bao tháng năm dài song thực sự lại không phải là nó vì đã quá nhiều đổi thay và mất mát.

Tôi đi bộ xuôi theo lề đường Lê Lợi để qua trường Quốc Học. Bờ hè nhiều chỗ không còn gạch, trơ cái nền đất như hàm răng một cụ già móm mém khiến cho người về, dù bước chân rón rén, vẫn thảng thốt sợ làm đau con đường. Bề ngoài trường trông còn tươm tất, màu vôi và mầu sơn cửa đỏ thẫm. Một thầy giáo còn trẻ, xách cặp

băng qua sân, nét mặt bần thần như đang mải mốt suy nghĩ một chuyện gì. Tôi không có nhiều kỷ niệm ở đây qua nửa niên khóa năm đệ nhất và qua một kỳ thi tú tài toàn phần. Tôi tiếp tục đi bộ đến trường Đồng Khánh nay mang tên Hai Bà Trưng. Khác với Quốc Học, Đồng Khánh của tôi nay xuống cấp thê thảm. Cỏ vàng úa trên lối đi, những thân phượng đen đủi, sần sùi, trơ cành khô khốc. Tường rêu, hiên vỡ, cửa gãy, phòng giăng đầy mạng nhện. Đã qua gần nửa thế kỷ không có sự tu sửa. Vẫn bàn ấy, ghế ấy nay rách nát. Vẫn bục ấy, bảng đen ấy nay điêu tàn. Lớp đệ thất B1 của tôi năm xưa bây giờ là phòng thí nghiệm khoa học, đeo lủng lẳng ổ khóa trên hai cánh cửa khập khiễng không còn đóng khít. Tôi đi dọc theo cái hành lang đổ nát, xuống đến chỗ có cửa vào chính thức và cầu thang dẫn lên lầu, ngày trước hai bên chỗ này là văn phòng ban Giám Hiệu. Bây giờ không còn gì ở đây nữa ngoài sự tịch lặng hoang phế hiện rõ trong bãi nước ố vàng loang trên nền gạch cũ. Tôi tự hỏi các em học sinh hàng ngày học tập trong tình cảnh bỏ bê tệ hại như tôi vừa mô tả, liệu các em có suy nghĩ gì về việc những người lãnh đạo đất nước có hay không có sự quan tâm đầu tư vào lớp trẻ mai sau? Bưu điện thành phố đang khởi công xây cất qui mô. Nhiều ngôi nhà do cán bộ chính phủ làm chủ rất nguy nga, lộng lẫy nhưng thầy cô giáo trường Hai Bà Trưng, cùng với học trò, dạy và học trong những căn phòng bẩn thỉu, bàn ghế không cái nào còn nguyên vẹn. Trên sân trường Tiểu Học ngày trước là lycée Francais, đám trẻ con vẫn chơi đùa bằng cách xếp giày dép thành một cái vòng tròn với một em đứng giữa, tay lăm lăm quả bóng bé như trái chanh, vo bằng giấy

báo cũ. Ở vào thời điểm nhiều đứa trẻ ở nhiều phần đất khác trên thế giới đang được thụ hưởng sự tiến bộ khoa học kỹ thuật vượt bậc về mọi phương diện đời sống, những đứa trẻ ở đây, thừa kế các thành tựu rầm rộ của một cuộc chiến tranh lâu dài nhân danh những giá trị nhân sinh tốt đẹp, vẫn còn lập lại mấy cái trò chơi thuở sơ khai, lúc ông bà nội ngoại của chúng bằng tuổi chúng bây giờ.

Quê hương miền Trung, Huế của tôi, vốn nghèo, cái nghèo dung dị, hồn hậu, của những cảnh đời bình yên, cần cù, tươm tất, kiên nhẫn xây dựng. Người dân Huế bằng lòng với sự ít oi họ có. Khi tôi về, Huế của tôi đứng gục đầu dưới gánh nặng khốn khó dù rằng Huế Festival mới diễn ra chưa lâu và những chiếc thuyền tô vẽ rồng phượng vẫn đêm đêm đợi khách dưới chân cầu Trường Tiền. Một cuộc chiến tranh tốn nhiều xương máu, tiến hành nhân danh những mục tiêu tốt đẹp của đời người, khi kết thúc chỉ đem lại đặc quyền, đặc lợi cho những ai hô hào cổ xúy nó, cuộc chiến ấy mất hết ý nghĩa thần thánh, lộ nguyên bản chất dối trá, lừa lọc, bỉ ổi. Hậu quả lớn nhất, nguy hại nhất, là nó xô đẩy cả một xã hội vào tình trạng khủng hoảng niềm tin...

Nhìn thấy các bạn thanh niên trong hạn tuổi mười tám hai mươi lăm, làm nghề lái taxi, xe ôm hay xích lô đạp, lẽo đẽo vật nài du khách một cuốc xe; nhìn thấy họ xách một túm bánh tráng nướng rao bán trên vỉa hè, cầm con dao nhọn cạo mãi một cái giò lợn đã thật sạch sẽ ở khu chợ xép, ngồi đằng sau cái bàn gỗ thấp trên bày bộ ấm chén, vài cái ly, vài cái kẹo lạc, nải chuối, kiếm tiền lẻ nhờ người qua đường, biết rằng sau một ngày lao động

kiếm sống nhem nhuốc như thế, nhọc nhằn như thế, họ sẽ không có cơ may làm gì khác hơn là ngả lưng đâu đó, vùi mình vào giấc ngủ để chuẩn bị cho ngày kế tiếp, cũng lại nhem nhuốc, nhọc nhằn, vô vị như ngày hôm qua, hoàn toàn xa lạ với mọi phúc lợi của nền văn minh nhân loại đương đại làm nên phẩm chất và ý vị cuộc đời một người, nhìn thấy họ như thế, nước mắt rơi trong lòng tôi. Nỗi đau đớn không chỉ vì các bạn trẻ kém may mắn ấy mà vì qua họ, còn là tương lai đất nước và dân tộc tôi. Thời đại kinh tế thị trường khiến cho ngày càng có ít người tin vào các giá trị học thuật. Mục tiêu thành tựu cao cả nhất là kiếm được nhiều tiền và người dân kinh tế thị trường đồng hóa mình với bộ máy kiếm tiền và xài tiền cho những nhu cầu hoàn toàn mang tính cơ năng. Không có tư duy, mỗi người chỉ là một con rối.

Rời Huế, chúng tôi đi Hà Nội bằng máy bay Hàng Không Việt Nam. Phi cơ đáp xuống phi trường Nội Bài dưới một bầu trời mây thấp và cơn mưa nhẹ. Khác với Tân Sơn Nhất và Phù Bài, sân bay Nội Bài ngăn nắp, tươm tất, do được bảo trì liên tục. Đường từ sân bay về thành phố dài khoảng 30 cây số, khá tốt vì là xa lộ tân tạo. Hai bên đường, ruộng lúa xanh ngăn ngắt, những con cò trắng lốp, cẳng dài, cắt lên nền trời chiều những đường nét đẹp sắc sảo như tranh thủy mặc. Nếu Sài Gòn ngày càng có thêm nhiều xi măng, gạch ngói và bụi bặm, nếu Huế bợt bạt, tàn tạ như một tấm áo sờn rách, Hà Nội còn giữ được cho nó cái thơ mộng trong trời đất, cái nền nếp của giấy rách giữ lấy lề, cái phong vị của hương cốm lá sen thời Tự Lực Văn Đoàn. Lúc xe vào đến thành phố, tháp rùa mờ trong màn sương, mặt hồ Gươm phẳng lặng

và bóng loáng như cẩm thạch. Hà Nội mà tôi chỉ biết, chỉ nghe nói tới qua sách vở thời mới lớn, đã ngỡ mãi mãi là thế, nay đang dàn trải trước mắt và dưới bước chân tôi, như một cơ duyên kỳ lạ. Có chút gì lay động khẽ trong lòng tôi, bồn chồn, rạo rực, qua những con đường "đi dăm phút đã về chốn cũ", rì rào những tiếng thầm của một thời chưa đành lòng mồ yên mả đẹp. Bên cạnh khách sạn Daewoo cao ngất ngưởng, là tiêu chuẩn của nền văn minh vật chất hiện đại du nhập vào Hà Nội thời mở cửa, bên cạnh các khu nhà mới ở ven đô của hàng ngũ cán bộ số đỏ hoặc của thành phần ăn theo họ, bên cạnh mấy cửa ô đã bị lấn chiếm và san bằng, bên cạnh những cửa hàng ăn đèn đuốc sáng choang dành để chiêu đãi ngoại kiều và người có khả năng chi tiêu như ngoại kiều, trái tim Hà Nội còn sót lại hiếm hoi những nhịp đập yên ả dưới cái mái nhà thấp và tối, một cụ ông áo dài tề chỉnh, một cụ bà tóc vấn khăn tươm tất, ngồi cạnh cái bàn nhỏ bán nước vối, kẹo lạc và chuối cho người qua đường. Những hàng phố chật, nhà cửa xiêu vẹo nép vào nhau trông ra những hè đường lầy lội dưới cơn mưa, tưởng chừng như trong một bức tranh cổ. Thời mở cửa nên nhà nào cũng mở cửa, cố bày bán bất cứ thứ gì họ có để kiếm tiền. Thành phố này từng in dấu chân của cha mẹ tôi. Những cái địa chỉ chỉ đọc thấy trên phong bì vẫn còn ghi đậm nét trong ký ức tôi nhưng

"những người muôn năm cũ,
hồn ở đâu bây giờ?"

Mẹ tôi quê Bắc Ninh, lấy chồng Hà Nội. Từ khi theo chồng, mẹ tôi không bao giờ có cơ hội trở về nguyên quán nữa, cho đến lúc chết. Trong trí tôi, Hà Nội-Bắc Ninh

hẳn nghìn trùng xa cách nên mẹ tôi không có đường về. Hóa ra Bắc Ninh sát nách Hà Nội, chỉ cần cầu Chương Dương đang sửa, xe ô tô lớn từ ngoại thành về phải chạy vòng qua Bắc Ninh để vào Hà Nội là tôi được đi qua quê ngoại. Nhìn những ô ruộng sũng nước, tôi tự hỏi nơi nào mẹ tôi đã sáng chiều xắn quần cấy mạ? Nhìn những mái nhà xa khuất dưới vòm cây, tôi tự hỏi nơi nào mẹ đã sống, đã lớn lên, có hay không có một ước mơ buồn vui thời con gái?

Trong cái nghèo đói chung của cả nước, Hà Nội có một phong cách riêng. Đường từ ngoại thành vào các phố trung tâm, lác đác có những cô hàng hoa thồ hoa trên xe đạp. Dưới thời tiết giống như Đà Lạt, hoa ở Hà Nội có mầu sắc tươi thắm hơn, những bông hoa đủ loại nở mơn mởn, mượt mà, nây nả, bắt mắt người qua đường vì vẻ đẹp mời gọi rực rỡ của chúng.

Nếu Sài Gòn thời kinh tế thị trường giống như một nồi nghêu hấp, sôi sục, lăn lóc, hỗn độn những anh chị nghêu há mồm; nếu giòng sông Hương linh hồn của Huế, giờ đây như một tấm gương ố thủy, Hồ Gươm Hà Nội vẫn còn thướt tha dáng liễu, mơ màng nét sương. Mặt hồ êm, không gợn mảy may cái lao xao ven bờ, phảng phất nỗi u hoài của án thư tịch lặng, của “mực đọng trong nghiên sầu”. Ban đêm, Tháp Rùa được thắp sáng từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, lóng lánh như một viên kim cương khổng lồ đặt trên nền nhung đen thẫm, là sự xác quyết bất ngờ, kỳ lạ, giữa một Hà Nội lam lũ, cơ cực, về một điều gì tựa như niềm phấn khích, nâng dắt người dân Hà Thành đi qua thời mạt sử.

Ra khỏi vùng sáng của Tháp Rùa, ra khỏi vài khu phố sang trọng nhờ vào những ngôi biệt thự do người Pháp để lại, kiến trúc mỹ thuật, được bảo quản kỹ, Hà Nội trải mình trên những con phố lao xao chuyện buôn bán vặt. Tiệm ăn quốc doanh với các cô hầu bàn trẻ mặc áo tứ thân lòe loẹt bên cạnh con ngõ tối tăm, mấp mô, khuất khúc, xì xụp khách ăn phở đêm. Ông chủ xe phở mặc bộ com-lê màu xám, chắp tay sau lưng, nhìn trời nói đổng "*Cứ nhao lên với Chùa Hương, giời này là khốn nạn*". Trên cái bàn gỗ dài đen xỉn, ngoài ống đũa, còn một cái bát đầy ắp bột ngọt trộn với muối hẩm. Một bà cụ già đặt quang gánh xuống, gọi tô phở bánh và nước, ăn nhoáng cái là đứng dậy đi liền. Hình như tất cả những nền văn minh rực rỡ nhất của nhân loại trên địa cầu này không mảy may tác động đến cuộc sống của bà cụ, kể từ miếng thịt bò treo lủng lẳng ở cái xe phở mà bà cụ vừa ghé lại ăn một bát phở không. Cuối phố Cầu Gỗ, vài cái khách sạn bỏ túi đèn sáng choang như rạp hát, nhộn nhịp người qua lại. Bà hàng miến gà ngồi đằng sau cái mâm xếp những con gà luộc cao có ngọn, xung quanh bà la liệt dụng cụ lỉnh kỉnh phục vụ cho cái quán lề đường của bà. Những đứa bé trai và gái bưng thức ăn cho khách vẫn là những đứa bé đã được mô tả trong tiểu thuyết của Nam Cao hay Trương Tửu cách đây năm sáu thập niên, còm cõi, nhọc nhằn, cơ cực, chỉ biết cúi đầu vâng dạ và sống quen với lo âu, sợ hãi.

Ngày thứ ba ở Hà Nội, chúng tôi mua vé đi thăm Vịnh Hạ Long. Nơi tổ chức chuyến du ngoạn là một căn phố chật, trông ra cái chợ xép họp ngay trên vỉa hè. Sáng sớm khi chúng tôi đến địa điểm theo hẹn, chỉ có bà chủ

nhà cao lêu đêu đi vào đi ra, chẳng thấy làm gì. Vài cái bàn có vẻ như để bán hàng ăn nhưng nay chắc đã thuộc về quá khứ, chỏng chơ mấy cái ly úp trên một cái đĩa. Khách lục tục kéo đến, gian nhà đầy người, càng chật thêm vì hai dãy bàn kê sát vách, trên đặt máy vi tính cho thuê theo giờ, những bộ máy nhìn thấy cả sự ẩm ướt rịn ra trên dàn phím quá tải lượng tay người sử dụng. Gần một tiếng đồng hồ chờ đợi trôi qua mới thấy một cô dáng còm cõi, mặt xanh lè, đi xe gắn máy đến. Mọi người nhao lên hỏi. Cô trả lời bằng cái giọng Bắc bỏ dấu cao thấp, lên xuống, uốn lượn, chua như cơm thiu: quí vị yên trí ạ. Xe sắp tới rồi đấy ạ. Cái "sắp tới" của cô làm mất thêm nửa tiếng nữa với điện thoại cầm tay trước khi, ngay giữa lòng đường mặt tiền tiệm, chiếc xe ca to bằng với một căn phố, mang nhãn hiệu Hyndai, gầm gừ, lừng lững đậu lại chờ. Nhìn quanh quẩn hành khách ngồi sẵn trên xe toàn người ngoại quốc, hành khách lục tục lên xe toàn Việt kiều. Nhớ lại mẩu giấy nét chữ thật đẹp, do cô tiếp viên khách sạn chuyển lên phòng đêm trước, nội dung thật lễ độ, cho biết vì có quá nhiều người tham dự chuyến đi nên xe ca không đón được theo hợp đồng lúc đầu, xin "Cô Chú" vui lòng đến trụ sở. Đón hay không đón cũng không sao, chỉ ngộ nghĩnh ở chỗ sự dối trá của lớp trẻ ở đây được quan tâm thực hiện với nghệ thuật làm đẹp mắt để che đậy thực tế Việt kiều chỉ là công dân hạng nhì ngay trên đất nước mình.

Xe ca khởi hành trong cơn mưa bụi của Hà Nội đang mùa xuân, đi qua những đường phố thức khuya dậy sớm, nôn nao chút hy vọng đầu ngày, đi qua hồ Gươm mờ sương, băng ra ngoại thành, chẳng mấy chốc đã thấy thị

xã Hải Dương, quê hương của bánh đậu xanh và bánh khảo, trải mình hai bên vệ đường với những tấm bảng hiệu chiếm hết bề ngang căn tiệm. Đó đây, lác đác những ngôi nhà lầu mới cất, sự hiện diện của chúng cũng hoang đường và vô lý như lịch sử cuộc đời những người kiến tạo chúng. Đó đây, sừng sững những xác nhà cũ vỡ toang, cháy nám, như những thân người cụt đầu "đứng giữa trời đổ nát", đòi hỏi một lời giải thích lương thiện cho cuộc chiến vừa tàn.

Đường sá từ Hà Nội đi Hạ Long khá tốt, ngoại trừ đoạn cuối khoảng mươi cây số còn gập ghềnh. Những địa danh như Uông Bí, Cẩm Phả, nhắc nhở trong tôi biết bao công trình khai phá tài nguyên thiên nhiên của phụ thân mà tôi từng được nghe nói tới suốt một thời thơ ấu. Có chút gì bồi hồi, đau xót trong đáy lòng tôi, dài theo vết bánh xe lăn khập khễnh trên đường. Tôi ý thức sự khác biệt giữa mình và đám đông du khách ngoại quốc cùng đi chuyến xe. Họ đang vãn cảnh, có thể đang so sánh những gì họ đang nhìn ngắm với một vài xứ sở khác từng du lịch qua, không giống tôi, trái tim thổn thức, tâm hồn khắc khoải, mơ hồ cố hít thở mùi đất đá dưới cơn mưa, đâu đó vẫn còn lưu giữ mồ hôi và hơi thở của cha tôi ngược xuôi cũng trên đoạn đường này một thời nào. Trong hư vô tịch lặng, rì rào tiếng lăn trầm của chuyến xe một ngày, một đời, gọi dậy cả ngàn năm đã qua, liệu ngàn năm sau, có còn ai lắng được những âm xưa?

Bỏ lại sau lưng bãi đậu xe khá rộng và rộn rịp, gian nhà gọi là trạm dịch vụ, nhếch nhác nhiều lượt người qua lại vào mùa mưa, ồn ào tiếng gọi, tiếng cười nói của khách vãng lai và công an làm việc, chúng tôi được hướng

dẫn bước xuống chiếc thuyền máy sơn phết hào nhoáng, có cả rèm mỏng che cửa sổ, để ra vịnh. Tùy kích thước của thuyền và tùy thuộc con nước cao thấp, có khi khách phải "quá cảnh" một hoặc hai, ba thuyền khác đậu được sát bờ để qua tới thuyền của mình. Một người đàn ông da trắng, hói tóc, không biết tại sao, có một vết thương khá sâu ngay giữa vùng da láng bóng trên đỉnh đầu, đang chảy máu. Ông ta có bà vợ theo sau, bươn bả leo trèo qua các thuyền kế cận để vào bờ, không một ai khác cùng lo vết thương cho ông. Hai người khách trong đoàn của tôi, tới từ Úc Châu, nói rằng chuyến đi thật thú vị nhưng thiếu an toàn. Tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, thông thường nhất là té ngã. Té rồi, đứng dậy đi tiếp được hay không là chuyện của nạn nhân, người hướng dẫn đoàn không có cả một miếng băng dán chỗ bị sây sát hay trầy trụa, cũng không có thuốc sát trùng.

Đi viếng thăm Hạ Long để thấy một kỳ công của Tạo Hóa. Giữa vùng trời nước mông mênh, các hòn đảo ngâm mình trong vịnh, sừng sững, được cư dân ở đây đặt cho những cái tên gọi dựa vào hình thù các khối đá, nhỏ thì gọi là hòn, hòn Con chó gác biển, hòn Ngòi bút, hòn Trái đào, hòn Con cóc; lớn thì gọi là núi như núi Yên ngựa; hòn hay núi rỗng ruột thì gọi là hang như hang Con bướm, hang Sửng sốt. Trong hang có thạch nhũ. Nghe nói hệ thống đèn màu trong các hang là do Hàn Quốc mới viện trợ (chắc để tạ ơn chuyện các sản phẩm của Huyndai và Daewoo tràn ngập đường sá và tư gia ở cả ba miền của nước Việt Nam ngày nay). Mặt ngoài, cây xanh mọc bám vào đá, có chỗ buông lơi như mái tóc cô thiếu nữ, có chỗ đều đặn như bức thêu, có chỗ lác đác như một

thứ trang sức đầy mỹ thuật và duyên dáng, ở đâu thì sự xuất hiện bất ngờ của cây lá xanh trên màu đá tối cũng là hiện thân của niềm hy vọng ngay trong cảnh khốn cùng, của sự sống như một phép lạ vượt khỏi tầm hiểu biết hay khả năng lý giải của con người. Từ trên cao nhìn xuống, toàn cảnh vịnh Hạ Long trông giống một cái hồ nước với những ngọn giả sơn khổng lồ. Máy cánh buồm nâu đỏ trên những con thuyền gỗ là mấy chú cá vàng rong chơi lượn lờ giữa các khe núi. Thanh bình trên trời, mây nước, cỏ cây và trong lòng người.

Hạ Long có một số cư dân sống ngay trong lòng vịnh, làm nghề đánh cá từ đời này qua đời khác, không hề bận tâm đến những phần địa cầu ngoài tô giới của họ mặc dầu, hàng ngày, nơi họ ở luôn luôn tiếp nhận biết bao sứ giả mang đến đây những tín hiệu tốt đẹp từ những nền văn minh đầy sức thuyết phục của nhân loại. Họ sống quần cư thành từng xóm nhỏ hay riêng biệt. Có khi chiếc thuyền gỗ thô sơ được cải biến thành cái mảng, bên trên lợp mái, có sân để chum nước và trồng cây, có chó, có gà cùng sinh hoạt với người và trẻ con. Cái xã hội khép kín này sống yên ả, hạnh phúc với đời chài lưới. Họ có một nền văn hóa và luân lý riêng, đóng góp cho thắng cảnh này vẻ đẹp hoang dã và phóng khoáng của những con người lựa chọn ở lại với thiên nhiên tự do.

Trên mặt đất liền cách họ không bao xa, cheo leo ở một đầu dốc cao, một dúm thợ ướt át trong những manh áo mưa ngắn đến gối, đang lao động cật lực để phục vụ một công trình xây cất khách sạn của tư nhân. Những anh chị phu hồ vẫn làm việc bằng những cung cách từ nửa thế kỷ trước. Họ chuyền tay nhau mọi thứ vật liệu.

Cát, đá và sạn đựng trong những cái rổ, đà gỗ vác trên vai. Một ngày dầm mưa hay đổ mồ hôi như thế của một người phu hồ trị giá một đô la và một bữa ăn trưa thanh đạm. Hơn một phần tư thế kỷ thực hiện "chủ nghĩa xã hội ưu việt" trong nước, hơn một phần tư thế kỷ kêu gào tự do và nhân quyền của khối người Việt lưu vong hải ngoại, chẳng có chút ánh sáng nào rọi vào những góc đời phiền muộn tối tăm này.

Đêm cuối cùng ở Hà Nội, nằm trong phòng khách sạn lắng nghe cơn mưa thả những giọt nước mơ hồ, buồn bã quanh nhà, tôi ý thức sự tạm bợ của đời người qua cuộc hành trình nhân gian, những bến bờ dừng chân ngắn ngủi không thể nán lại, những nơi chốn có mặt chẳng đặng đừng, đầy ray rứt và ăn năn.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi làm thủ tục trả phòng khách sạn ở quầy lễ tân. Cô tiếp viên, trong bộ đồng phục cốt cách, cầm tờ giấy 100 đô la tôi vừa đưa ra, săm soi nhìn một lúc rồi ngẩng lên nói "tôi rất tiếc không nhận được tờ giấy bạc này". Sửng sốt, kinh ngạc, tôi hỏi lại cô "cô cho biết tại sao, được không?" Câu trả lời tiếp theo của cô càng làm tôi kinh ngạc hơn "Ông X.Y.Z nói từ hôm qua là những giấy bạc in từ năm 1965 về trước không còn lưu hành nữa, bị bỏ rồi". Liếc nhìn tấm bảng nhỏ đặt ngay trên quầy, có mấy chữ "đại diện ngân hàng thu đổi ngoại tệ", tôi kiên nhẫn tiếp tục cuộc đối thoại "tôi không biết ông ZYZ của cô là ai và nguồn tin quái gở kia từ đâu mà có, tuy nhiên ở đây có đại diện ngân hàng, cô cần phối kiểm lại hoặc để tôi làm cho cô". Đến đây, một người nào đó chen vào, chắc là cấp trên của cô, xin lỗi chúng tôi về sự ngộ nhận của nhân viên vừa rồi và

giải quyết mau lẹ những chuyện còn lại trước khi ân cần chào từ giã. Tôi cười thầm, nghĩ tới cái huyền thoại đồn thổi rằng toàn bộ cán bộ phục vụ tại các khách sạn công tư doanh đều là chuyên viên được huấn luyện điệp vụ kỹ lưỡng. Ở ngưỡng cửa thế kỷ 21, cô tiếp viên trong câu chuyện dớ dẩn vừa kể không có cả sự hiểu biết căn bản về luật tiền tệ ở các quốc gia dân chủ, ổn định và trọng pháp, như Hoa Kỳ. Cô thiếu những thông tin nghiêm chỉnh và chính xác để học hỏi, để làm việc. Mặt kia, cô quen với những suy nghĩ trong một đất nước mà một khẩu lệnh ban ra có thể làm cho những thứ hôm qua còn giá trị, hôm nay vụt trở thành vô dụng. Tôi cũng biết không riêng một mình cô mà rất đông bạn trẻ lứa tuổi cô cũng có sự hạn chế về kiến thức phổ thông như cô, nó làm ngăn trở tầm nhìn, khả năng hội nhập vào tri thức thời đại vốn là nguồn khởi động, là lực thúc đẩy nhiều cao trào tư duy đưa đến cải thiện xã hội. Một chính thể không ủng hộ, không đặt nặng vấn đề mở rộng chân trời hiểu biết của người dân sống dưới chính thể ấy, không cho phép việc tìm kiếm và xây dựng những trào lưu tư tưởng ra ngoài khuôn khổ được coi là mẫu mực muôn đời đúng, đó là một chính thể độc hại, đồi trụy, sa đọa.

Trên đường bay trở lại Hoa Kỳ, lòng tôi đớn đau, vụn vỡ. Khu vườn tuổi thơ của tôi ngày xưa xanh như ngọc, mượt như nhung, rộn rã tiếng chim, thánh thót cơn mưa, ngào ngạt hương cau, hương bưởi và hương dạ lan, nay trở thành một khu xóm tối tă tăiêu điều, rác rưởi. Những đứa trẻ tiếp tục chào đời, chui rúc trong cái xó xỉnh không một chút ánh sáng, may mắn còn sót lại từ ngôi nhà đổ nát của cha tôi. Người thanh niên làm chủ

cái ổ chuột ấy, ở tuổi 25, làm nghề đạp xích lô ban đêm, ban ngày nhậu say bí tỉ và ngủ. Người phụ nữ cùng chia mọi thứ với anh ta ở cái ổ chuột ấy, nhếch nhác hai đứa con thơ, có đồng nào lại sà vào chiếu bạc giải khuây. Một cái lều mỗi bề chừng thước rưỡi, dựng bằng đủ thứ vật liệu tạp nhạp, thay vào chỗ cái chuồng bồ câu soi bóng xuống hồ nước ở mặt tiền ngôi nhà cũ của chúng tôi, được dùng như cửa tiệm làm tóc để săn sóc dung nhan cho kiều nữ quanh vùng. Một bà mẹ, trong câu chuyện với tôi, thản nhiên nói "Nhờ có hai đứa con gái làm ở quán bia ôm và nhạc disco chớ lấy chi mà sống?" Đã đói nghèo, cơ cực cỡ nào để trái tim bà mẹ chai lì, bình yên chấp nhận miếng ăn miếng uống hàng ngày nuốt vào là sự rứt rỉa sầu đau, tanh tưởi thịt da con cái mình? Nghĩ cho cùng, cảnh thương tâm đất nước nào chẳng có, huống chi Việt Nam của tôi như một con bệnh lạc hậu đang cố chạy chữa bằng phương tiện ít ỏi có sẵn trong tầm tay, những vết thương trí mạng từ nhiều cuộc chiến đã tàn phá khốc liệt hình hài, thân thể nó: súng đạn, tham vọng và dốt nát.

Người ta chỉ cần một hay hai thập niên để vực dậy một nền kinh tế sa sút nhưng để xây dựng lại niềm tin cho cả một dân tộc, cụ thể như dân tộc tôi, nay chỉ còn mong cầu phép lạ gieo xuống thửa đất hoang hóa này những hạt giống mới để bắt đầu lại.

Vẫn còn nóng hổi trong tôi Sài Gòn náo nhiệt, rỗng không, vẫn còn ray rứt trong tôi Huế cạn kiệt, cam chịu, vẫn còn bồi hồi trong tôi Hà Nội tự hào và cay đắng nhưng tôi biết rõ chuyến đi vừa qua là vĩnh biệt một quê hương không bao giờ còn tìm thấy lại.

3-2001

Cỏ Dại Và Thú Dữ

Trong một bầu khí vẫn còn đậm đặc nỗi lo âu thảng thốt nhìn thấy trên từng khuôn mặt người qua đường, trong một không gian mà sự im lặng bỗng trở nên trùng trùng, sâu thẳm sau tiếng nổ kinh hoàng, làm sụp đổ hai tòa cao ốc ở Trung Tâm Thương Mại Nữu Ước, tôi đáp chuyến bay của hãng United Air Lines rời phi trường John Wayne sáng sớm ngày 22-9, đi Vermont. Quang cảnh ga hàng không nơi đến và nơi đi đều vắng vẻ, lác đác một dúm khách rảo bước vội vã trên các hành lang trước đây thường xuyên đông đầy người. Các dãy ghế chờ ở các cổng lên máy bay trống trơn, im lìm như những nấm mồ. Hàng quán không có ai sắp hàng, không có ai ngồi ăn. Nhân viên an ninh mặc sắc phục, đi thành từng toán hai, ba người, nét mặt mỏi mệt. Cả những công nhân da màu phụ trách cân hành lý vốn hay nói cười to tiếng, giờ đây cũng nhỏ nhẹ hay cử động như những cái bóng. Thật khó có thể tưởng tượng ra một đất nước vĩ đại, một dân tộc tự tin, lạc quan và sống động như nước Mỹ, người Mỹ, mà chỉ sớm chiều, kinh qua một cơn thử

thách máu đổ, thịt rơi, cả đất nước ấy, cả dân tộc ấy, thoắt trở thành một con bệnh khổng lồ yếu ớt. Có lẽ không phải chỉ là vấn đề uy tín của nước Mỹ bị xúc phạm, quyền lực của nước Mỹ bị thách đố, vấn đề còn ở chỗ nước Mỹ bất ngờ bị thức tỉnh, đắng cay và chua chát, giữa giấc mơ văn minh hóa toàn cầu (với ít nhiều hãnh tiến) của họ. Ngoài nỗi thương tâm vì hàng nghìn nhân mạng đã chết rất thảm khốc, những người dân Mỹ vốn chủ trương bỏ lại dĩ vãng sau lưng và luôn tiến về tương lai, nay dường như đã không gượng được, họ chìm đắm trong buồn sầu tê dại vì một nguyên nhân sâu xa hơn, tác động thê thiết lên từng cá nhân một cách trực tiếp hơn, đó là cảm giác không còn sự an toàn cho họ ở bất cứ chỗ nào. Không phải chỉ là sự sụp đổ giới hạn của hai tòa cao ốc đồ sộ nhất thế giới kia, mà cùng với chúng còn là sự sụp đổ của niềm tin đặt vào những thành trì quyền lực vững chãi mà người dân Mỹ, bao lâu nay, đã ăn ngon ngủ yên, làm việc và vui chơi trong sự bảo vệ tưởng là tuyệt đối hữu hiệu của những thành trì ấy nay chỉ còn lại đống gạch vụn.

Một trong những động cơ được các nhà phân tích thời sự chính trị cho là đã dẫn đưa tới khủng bố, là những mặt đối nghịch thuộc hai nền văn minh khác nhau, một bên là "nền Văn Minh của Thần Chết" theo cách gọi của Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ đệ II mà nước Mỹ là quốc gia đại diện, mặc dầu có danh xưng ấy, nền văn minh này chủ trương giải phóng con người khỏi mọi hình thái áp bức, trong đó có giải phóng phụ nữ khỏi sự xâm phạm thân thể ngay từ lúc lọt lòng, chấm dứt tệ nạn những gia đình có tới 52 người con (như gia đình đã sản

sinh ra Bin Laden và nay vẫn còn đang được tiếp nối cùng một cung cách bởi chính ông ta), chấm dứt tệ nạn lạm dụng tôn giáo để sai khiến người như âm binh, vốn là những đặc trưng cực đoan của nền văn minh đạo Hồi, ở phía bên kia.

Tại các đô thị lớn trên nước Mỹ, một số mặt tiêu cực của nền "Văn Minh Thần Chết" nhìn thấy rõ nhưng nước Mỹ vẫn có nhiều miền đất khác là Thiên Đường nơi hạ giới, trong số này, tiểu bang Vermont là một vùng tiêu biểu. Với hai ngày ngắn ngủi của một cuối tuần thời tiết chớm thu, tôi chỉ có đủ thời giờ ghé lại ngôi làng Stowe mà khi đến nơi, tôi mới được biết nơi chốn này, cùng với gia đình Nam Tước Von Trapp, di dân gốc Áo từ năm 1930, đã là nguồn cảm hứng và chất liệu để Hollywood thực hiện cuốn phim Sounds of Music, làm say mê khán giả khắp nơi trên thế giới với tiếng hát Julie Andrews lồng lộng núi đồi, tươi mát cỏ hoa ở Vermont.

Từ phi trường Burlington nhỏ xíu chỉ có hai cửa đi và đến, con đường đưa vào làng cách đó khoảng 30 dặm là một xa lộ độc đạo trải mình qua nhiều vùng đất còn bỏ hoang và men theo những sườn núi nơi là rừng thông còn rất trẻ, nơi là rừng phong lá đang đổi màu, đẹp như tranh vẽ. Mỗi khách sạn đón khách gồm nhiều kiến trúc rải rác trên một thửa đất rộng hàng vài mẫu, có tên gọi khác nhau từ đông sang tây, bao gồm tiệm ăn, tiệm cà phê, bể bơi trong nhà, phòng tắm hơi, phòng tập thể dục, mỹ viện, sân quần vợt, hồ bơi lộ thiên, ao để câu cá, sân chơi trẻ em, nhà thờ, đường mòn (trails) để đi bách bộ, chạy hay đạp xe đạp giữa thiên nhiên. Cửa sổ phòng trọ của tôi nhìn xuống một con đường mòn uốn mình quanh

co giữa sân sau của khách sạn có những bụi hoa dại và sườn đồi bên kia chen chúc những tầng lá maple xanh đỏ. Đứng ở chỗ tôi, chỉ một với tay là đụng được cái tổ chim phơ phất mấy sợi rơm màu vàng mơ.

Người dân làng Stowe lễ độ, tươi cười và hiếu khách. Bà công nhân đang đóng cửa siêu thị khi xe của tôi vào tới bãi đậu, đã bước hẳn ra ngoài hỏi nếu tôi cần gì, bà vẫn có thể phục vụ thêm ít phút. Các tiệm ăn của người địa phương đều có hình thức những ngôi nhà tư gia, chỗ cao, chỗ thấp, ngăn chia thành nhiều phòng. Những người hầu bàn nhanh nhẹn, chuyên nghiệp, nhưng cung cách phục vụ đầy tình cảm, đem lại cho thực khách cảm giác như đang ăn uống ở nhà bạn bè.

Thức ăn ở Vermont quá ngon. Cá, thịt, rau quả, mọi thứ đều rất tươi. Ngoài nghệ thuật nấu nướng và trình bày cung hiến cho người ăn hương vị thanh lịch, sự đẹp mắt, thức ăn có cái ngọt của đất nước thuận hòa, cái mát của những hạt sương trong trẻo trên cỏ cây, cái dòn của thu hoạch đúng mùa và không có thời gian chờ đợi trong các kho tồn trữ với máy lạnh. Thực khách dù lơ đãng hay tâm trí bận rộn cách nào, những tín hiệu chuyển đi từ vị giác sẽ lập tức kích thích rất nhanh sự sảng khoái nó khiến cho bữa ăn trở nên một kỷ niệm khó quên.

Nếu Washington State có mỹ danh là xứ Ngàn Xanh thì Vermont được giới thiệu đến du khách bằng rặng Túy Sơn viền một đường chân trời xanh biếc màu lam ngọc. Sống gần hết đời người, tôi đã có dịp đi qua nhiều nơi có núi non song chưa bao giờ tôi nhìn thấy ở đâu núi xanh như thế, cái mầu xanh no đầy, mượt mà, đều tắp và tươi hơn hớn như phẩm mới nhuộm, cái mầu xanh kiều diễm,

óng ả, gợi nhắc "làn thu thủy nét xuân sơn" của cụ Tiên Điền Nguyễn Du, làm dấy lên trong lòng người chút rung động rạo rực như mùa xuân bỗng chạm vào da thịt.

Người ta nói rằng Vermont đẹp cả bốn mùa cho du khách. Về đây vào mùa xuân để thấy sự hồi sinh rực rỡ của thiên nhiên sau mùa đông. Về đây trong mùa hè để cắm trại bên bờ hồ Champlain, nghe nhạc Mozart và chờ trăng lên, lộng lẫy, thơ mộng, sau rặng Túy Sơn. Về đây trong mùa thu để đẫm mình vào cái đẹp hoang mang của đất trời nắng gió mông lung, với ngày đổi màu trên hàng cây maples bồi hồi đứng thở dưới cơn mưa. Về đây trong mùa đông để vui chơi với tuyết, nhìn tuyết đổ xuống khắp nơi trên ngôi làng cái lấp lánh của bạch lạp đang cháy và hít thở mùi củi thông nồng đượm, ấm áp, trong các lò sưởi lửa nổ tí tách làm bắn tung tóe những chùm bụi kim nhũ óng ánh đẹp mắt.

Tôi chợt liên tưởng một cách ngộ nghĩnh rằng cư dân ở các đô thị lớn trên nước Mỹ đã ngày đêm miệt mài làm việc, bận rộn, đua chen, mỗi người là một khí cụ đóng góp không ngừng vào sự tiến bộ và phồn vinh của Hoa Kỳ, lãnh đủ mọi hiểm nguy tác động trực tiếp hay gián tiếp, lập tức hay lâu dài, đến sức khỏe và tuổi thọ của họ, từ ô nhiễm môi sinh, sự lo âu quá độ, các xa lộ bận rộn thiếu an toàn, tội ác xã hội và cả nguy cơ khủng bố như vừa xảy ra ở Nữu Ước. Những cư dân này, hàng năm, rất vui lòng đem tiêu các khoản tiền dành dụm để đi du lịch của họ ở những nơi còn nhiều thiên nhiên như Vermont, là một phương cách để bồi dưỡng và phục hồi số năng lượng họ đã tiêu hao theo sự thúc bách đến từ cuộc sinh tồn ở các đô thị lớn. Nói theo lý thuyết Phật Giáo, mỗi

cảnh ngộ đều do duyên nghiệp tác tạo mà thành. Nói theo các triết gia, sống là chọn lựa. Tôi không thực sự biết con người có bao nhiêu phần trăm tự do để chọn lựa tuy tôi tin chắc rằng các cư dân ở Vermont, cứ nhìn họ là thấy rõ, họ quả rất hạnh phúc ở cái miền đất hiền hòa tươi đẹp "đi dăm phút đã về chốn cũ" này.

Ngồi trong chiếc ghế mây thô sơ đặt từng đôi dài theo cái hành lang vừa là bao lơn tầng hai của khách sạn Golden Eagle, tôi nhìn buổi chiều rơi êm đềm xung quanh, nghe thấm vào lòng tiếng thời gian đi trong tịch mịch, cái trong trẻo của những hạt mưa bay nghiêng chỉ vừa đủ để làm ướt những tán lá đầu thu nhuốm vẻ ủ ê và vuông sân rải sỏi sáng lên như đang được tắm gội.

Sự lựa chọn nào trong đời sống cũng đem theo nó một định mệnh và những hậu quả. Tôi biết ơn sự lựa chọn nhiều phương cách sống đa dạng của nhân loại đã làm nên cái thế giới huy hoàng, kỳ diệu, ở một phía này, chịu nhiều thử thách đau thương, như cái giá phải trả cho những giấc mơ lớn lao trở thành hiện thực, ở một phía kia, là sự nhỏ nhoi, khiêm tốn, để duy trì, gìn giữ vẻ đẹp hồn nhiên, thô sơ trong trời đất vốn là nơi trú ẩn cuối cùng của con người trong cuộc lữ hành qua nhân gian đầy nghịch cảnh và bất trắc.

Tôi đứng ở giữa hai cực lựa chọn của người dân Hoa Kỳ, chỉ trả một cái giá rất hời bằng chút năng lực tầm thường của chính tôi để được thụ hưởng các thành quả tốt đẹp ở cả hai phía: những tiện nghi văn minh tuyệt đỉnh làm cho đời sống con người giống như chuyện thần tiên và những buổi chiều như chiều nay, tôi có cả một ngôi làng đẹp như thơ, như tranh vẽ, là giòng suối thiêng gội

rửa linh hồn tôi đầy bụi bặm, là giai điệu thinh lặng ngân lên, đàn đi, trong bao la chập chùng của Thiên nhiên huyền nhiệm và sinh động, thả buông vào lòng tôi những giọt êm đềm của một mùa xanh không tuổi.

Từ cảm xúc này, tôi bỗng nhận ra sự ràng buộc vô hình mà khăng khít và đầy tình nghĩa giữa con người với nhau, có mặt rải rác khắp nơi trên địa cầu. Sự ràng buộc ấy làm cho cuộc sống của mọi người khởi sắc hơn, phong phú hơn, mặt đất đẹp hơn và hữu dụng hơn. Tôi tự hỏi vì đâu, do đâu mà nảy sinh cái quan niệm người 'này sống thì người kia phải chết, tựa như một khẩu hiệu đọc thấy trong các cuộc biểu tình hoang dại của phe Hồi Giáo cực đoan hô hào Tử hình cho nước Mỹ?

Người Mỹ vừa bất ngờ bị thức tỉnh, trong đau đớn và chua chát, nhìn thấy máu đổ xương tan làm hoen ố giấc mơ văn minh hóa toàn cầu của họ. Nước Mỹ có bàng hoàng, ngơ ngác, nhìn lại ngọn đuốc bao lâu nay vẫn kiêu hãnh và trường kỳ cháy trong tay Nữ Thần Tự Do đứng uy nghi bên vịnh biển Đại Tây Dương nhưng cũng chính vì cái biểu tượng khai phóng cao quí này, nước Mỹ sẽ không bao giờ từ bỏ ý tưởng tranh đấu cho những giá trị nhân bản của loài người, trong đó quyền được sống và hưởng hạnh phúc là căn bản. Sự man rợ của hành vi khủng bố cho thấy địa cầu vẫn còn những vùng đất đầy cỏ dại và thú dữ. Để có thể gieo cấy những hạt mầm tươi tốt, để có thể gây dựng những mái nhà ấm cúng, nước Mỹ chắc không thể tránh khỏi phải làm cái công việc diệt trừ cỏ dại và thú dữ ở những nơi này. Lương tri thế giới đồng thuận với nước Mỹ trong mọi nỗ lực chấm dứt khủng bố, chỉ mong rằng với tài sức siêu việt của một cường quốc

đứng hàng đầu thế giới về nhiều phương diện, nước Mỹ sẽ hoàn tất sứ mệnh cam go của họ với rất ít tổn thất cho những sinh linh vô tội.

Quận Cam 2-2001

BÙI BÍCH HÀ

Cho dẫu giàu nghèo, khổ đau hay hạnh phúc, trong sâu thẳm đáy lòng mỗi đứa, khung trời Đồng Khánh những năm tuổi hoa niên cứ mãi là niềm thương nhớ không nguôi, cứ mãi là niềm khắc khoải của một Soriento không có đường về.

Buổi chiều đầu xuân ở Sugarland vẫn còn những cơn mưa mau và nhẹ, như kiểu mưa rươi ở Việt Nam. Gió trên sân chùa se sắt lạnh. Từ hành lang chỗ đầu hồi bên hông chánh điện, tôi nhìn thấy bóng chiếc áo khoác ngoài màu xanh lam của Thượng Tọa Viện Chủ di động nhẹ nhàng. Tôi tự hỏi khoảng cách giữa một vị cao tăng và một chúng sinh trong đời thường được minh định bằng cái gì?

Càng sống lâu trên đất nước văn minh xứ người, tôi càng thấm ngấm cái triết lý sống lần từng bước nơi cái rổ chợ hàng ngày của những bà mẹ nghèo ở quê nhà. Khi không có xe để chạy, ngựa để phi, sự khôn ngoan phải lẽ nhất là đi trên hai chân mình, mắt hướng về tương lai, lòng tin vào những công trình mình xây dựng.

Đêm thứ hai, 11-12 trở về lại West Palm Beach trên chiếc Viking Princess, biển động. Đại dương tối đen, sóng đánh điên cuồng bên hông con tàu to như cả một toà nhà cao năm tầng vững chãi. Vậy mà rất đông đồng bào của tôi, ròng rã gần 20 năm, đã liên tục vượt những mặt biển hung hãn như thế trên những con thuyền gỗ mong manh, máy móc thô sơ, để đi tìm Tự Do. Thế kỷ 20 của nhân loại sẽ bất tử vì nó chứng kiến những cuộc di cư vĩ đại và bi thảm của những dân tộc bị chiến tranh và chủ nghĩa Cộng Sản xâu xé, trong đó có dân tộc tôi.

http://www.tuluc.com
Item ID: 1074046
Price: $12.00
Set: 1 Loc: P- 2-F5

Giá: $12.00 Mỹ Kim